Năm thứ mười-tám. — Số 193 Février-Mars 1934

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

Revue encyclopédique illustrée

Mỗi tháng xuất-bản một kỳ

YẾU-MỤC

		số trang
1. —	*Thơ mới với thơ cũ*	109
2. —	*Cảm-tưởng về lịch-sử dĩ-vãng của sự giáo-dục*	113
3. —	*Gia-đình giáo-dục*	121
4. —	*Việt-Nam tổ-quốc tùy-ngôn. XV*	128
5. —	*Kontum tỉnh-chí. III.*	135
6. —	*Thổ-công nghiện nghe báo*	147
7. —	*Phải thống-nhất lấy ý-chí của một dân-quần*	149
8. —	*Tuyết-Nga (truyện ngắn)*	152
9. —	*Sức mạnh về tinh-thần của nước Nhật-bản*	157
10. —	*Ca-vũ và âm-nhạc nước nhà*	169
11. —	*Mẹ con tôi không mặc được sống nâu*	178
12. —	*Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. XIII*	180
13. —	*Bèo rạt hoa trôi (phiêu-lưu ký)*	191
14. —	*Hát tuồng (Lan Phương kỳ duyên). V.*	199
15. —	*Văn-uyển*	206
16. —	*Thời-đàm*	213

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français.

1. —	*Le préjugé des nombres fatidiques*	9

Kỳ này có 6 bức ảnh : 1° Đức Đại-nam Hoàng-hậu ở đèo Ải-vân khi ngài sắp lên ô-tô. — 2° Ngự-dung đức Đại-nam Hoàng-hậu bận triều-phục. — 3° Mọi « ròn » làm lễ trước khi bỏ mả. — 4° Ruộng và nhà của người An-Nam ở gần Kon-rung. - 5° Đường thuộc-địa số 19, gần tới Pleiku. — 6° Hang đá thờ đức Mẹ (giữa thành phố Kontum).

Giá mỗi số :

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanvre, Hanoi

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

FONDATEURS

PHẠM QUỲNH — LOUIS MARTY — NGUYỄN BÁ-THỌC

Tòa báo : Phố Hàng Gai, số 80, Hà-nội.

Direction et Rédaction : 80 Rue du Chanvre, Hanoi.

Ai gửi bài lai-cảo hoặc thư-từ gì về việc báo xin viết cho ông Nguyễn Hữu Tiến số 22 Phố Hàng Gai (*22 Rue du Chanvre, Hanoi*).

Fondateur-propriétaire / *Sáng-lập Chủ-nhân* — PHẠM QUỲNH

Sở PHÁT-HÀNH : *Imprimerie Tonkinoise, 80-82 Rue du Chanvre, Hanoi, Téléphone* : 49.

Ai mua báo, trả tiền báo, hoặc thư-từ gì về việc gửi báo bán báo, đăng cáo bạch v. v., xin viết thư cho *ông Lê Văn-Phúc chủ nhà in Đông-kinh, Imprimerie Tonkinoise, 80-82 Phố Hàng Gai* (*Rue du Chanvre*), gửi *mandat* trả tiền cũng xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thâu-nhận.

La reproduction et la traduction des articles publiés dans le « Nam-Phong » ainsi que la reproduction des gravures sont formellement interdites sauf autorisation expresse de la direction.

Cấm không ai được phiên-dịch và bắt chước in lại những bài và ảnh trong tạp chí, trừ khi nào nhà báo có cho phép thì không kể.

Mục-đích báo Nam-Phong

Mục-đích báo *Nam-Phong* là thể cái chủ-nghĩa khai-hóa của Chính-phủ, biên tập những bài bằng quốc-văn, Hán-văn, Pháp-văn để giúp sự mở-mang trí-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân An-Nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-tồn quốc-túy của nước Việt-Nam và cùng bênh-vực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo *Nam-Phong* lại chủ-ý riêng về sự tập-luyện văn quốc ngữ cho thành một nền quốc-văn An-Nam.

Các ngài có bụng yêu bản báo muốn tán-thành cái mục-đích trên kia, hoặc công giúp cho, hoặc giúp về đường lý-tài, hoặc giúp về đường ngôn-luận, bản báo xin cảm ơn.

Báo *Nam-Phong* nhận cả các bài nghị-luận văn-chương, khảo-cứu, bằng quốc văn, Hán-văn và Pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lệ trả lại bản thảo.

Le Gérant : LÊ VĂN-PHÚC

Năm thứ mười-tám. — Số 193 3 Février-Mars 1934

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

THƠ MỚI VỚI THƠ CŨ

Muốn tiến-hóa phải cải-cách, thế mà xã-hội Việt-Nam ta đến ngày nay mới có nhiều người bàn đến sự cải-cách, thực là muộn lắm rồi. Song muộn mà có làm còn hơn không. Nhưng lại phải biết cải-cách là bỏ cái cũ nào hủ bại đi mà đem cái mới nào tốt đẹp thay vào. Chứ không phải đã nói cải-cách thì bất-luận hay hay là dở thế nào, cứ cũ thì bỏ, mới thì theo đâu. Như thế thì lại là a-dua chứ không phải là cải-cách.

Vậy thì nhà cải-cách phải biết phương-pháp, phải có tinh-ý và phải có chủ-kiến của mình để mà cân đi nhắc lại, chứ không nên hàm-hồ. Phải suy xét cho biết cái gì trong xã-hội chưa có mà nên có, thì cầu lấy cho được mà thay vào, cái gì cũ mà nó là hủ-bại thì kíp trừ-khử đi, còn cái gì tuy cũ mà vốn hay thì giữ lại, hay là trong cái cũ đó có phần hay có phần dở thì giữ lấy phần hay mà bỏ phần dở đi. Như thế thì công việc cải-cách mới dễ làm, mới có công-hiệu tốt mà không có hại. Tức như vấn-đề cải-cách lối làm thơ mà ký-giả sẽ bày-tỏ ra sau này cũng vậy.

Việc làm thơ tuy nó không bách-thiết đến cuộc dân-sinh như những việc chính-trị, kinh-tế, nhưng nó cũng quan-hệ đến cõi tình-cảm của ta. Vậy đối với việc làm thơ cũng như đối với mọi việc xã-hội, ta cũng cần phải sửa-đổi lại lối-lăng thế nào cho thích-hợp với trình-độ học-thuật của dân-tộc hiện nay mới được. Cũng vì thế mà trong thi-giới nước ta hiện nay mới nhóm lên một lối thơ mới. Lối thơ mới này là phỏng theo lối thơ tây mà làm ra. Trong lối thơ này cứ hai ba câu một vần. Vần cũng đứng dưới gót câu như vần của thơ ngũ-ngôn, thất ngôn. Thơ không có cú-pháp nhất-định, câu dài câu ngắn tùy ý, trong hai câu cùng vần mà vế dài vế ngắn cũng được. Không có niêm-luật âm-điệu gì cả, cứ như câu nói thường, miễn có vần đôi của hai câu một là được.

Có người muốn bỏ cả các lối thơ cũ đi mà đem lối thơ mới này thay vào cho thi-giới nước ta. Nhưng cứ như ý của ký-giả xem ra thì người bàn đó là do cái lòng nhiệt-thành cải-cách, nên thấy mới thì ham mà tưởng như vậy đó thôi, chứ thực thì lối thơ mới này không có được cái tư-cách như thế.

Phải biết mỗi thứ tiếng nói có một giọng-điệu âm hưởng riêng. Tiếng tây là thứ tiếng đa-âm, tiếng ta là thứ tiếng độc-âm, mỗi bên tự có một cái giọng-điệu âm-hưởng không giống nhau. Giọng-điệu âm-hưởng ấy lại phải những người đã sinh-trưởng ở trong thung-thổ, đã hiểu sâu nghe quen mới phân-biệt được. Thế cho nên mỗi một thứ thi-ca của một dân-tộc nào, là nó đã theo cái giọng-điệu âm-hưởng của thứ tiếng nói ấy mà kết-cấu nên. Cú-pháp và âm-luật âm-

điệu của thi-ca cũng do đó mà diễn thành. Mà cũng chỉ những người trong dân-tộc ấy, nghe thứ tiếng ấy từ thuở mẹ đẻ mới cảm biết chỗ hay dở của âm-luật âm-điệu ấy mà thôi, người ngoài không thể cảm biết được.

Như thế thì thơ tây có âm-luật âm-điệu của thơ tây, thơ ta có âm-luật âm-điệu của thơ ta. Nếu muốn phỏng theo thơ tây thì phải phỏng theo cả âm-luật âm-điệu của nó, bởi vì thơ mà không có âm-luật âm-điệu thì không thành thơ nữa. Thế nhưng hai thứ tiếng độc-âm với đa-âm khác nhau, không thể bắt-chước cả âm-luật âm-điệu của thơ tây vào thơ ta được. Cho nên thơ mới này chỉ phỏng theo được có cái «mốt» đặt vần ở dưới gót hai câu liền nhau mà thôi, thành ra mỗi bài thơ là một mớ câu nói lồng-chồng, không có kết-cấu liên-lạc, điệu-cách dịp dàng gì. Bởi vậy chính người trong phái thơ mới cũng tự biết như thế mà tự nói là thơ mới chưa thành-lập, còn muốn cho nó theo với thời-gian mà biến đổi lần lần rồi sẽ có ngày thành-lập chăng.

Song tôi quyết cũng không có cách gì biến đổi hơn được nữa. Bảo rằng đem cú-pháp luật-điệu của thơ cũ mà đặt vào thì nó lại thành ra thơ cũ mất. Bảo rằng cứ để tự-do như thế mà đem những thi-tứ mới-mẻ hay-ho mà làm cho tiến-bộ lên, thì lại vì nó không có khuôn phép gì, điệu-giọng lồng-chồng, thì thi-tứ dù hay cũng không biểu-lộ ra được. Cứ xem như những bài thơ mới đăng trên các báo gần đây, nhiều bài cũng có thi-tứ mới-mẻ hay-ho, nhưng chỉ vì không có cú-pháp âm-điệu, nên đọc lên chỉ thấy lồng-chồng mà cái thi-tứ mới-mẻ hay ho ấy không khiến cho người ta cảm thấy. Tôi tưởng không những độc-giả, mà cho cả đến tác-giả nữa, thơ mình làm ra rồi mình lại đọc mà cũng không khỏi cụt hứng như vậy.

Ấy thế mà nếu tác-giả lại thử đem cái thi-tứ ấy diễn ra bằng lối thơ cũ, thì đọc lên tự thấy có một cái cảm sâu-sắc mới-mẻ hay-ho đáo để ngay. Thế cũng không lạ gì. Nó chỉ là do cái giọng-điệu tự-nhiên của tiếng mẹ đẻ mà mình đã quen đi rồi.

Coi đó thì biết hình-thức là cái rất quan-hệ cho tinh-thần. Có cái tinh-thần hay, nhưng lại phải có cái hình-thức xứng-đáng mới đủ biểu-lộ cho nó được. Bằng hình-thức không đủ, quá hẹp-hòi hoặc quá phóng-phiếm thì tinh-thần tuy hay cũng không nương-tựa vào đâu được. Thơ cũng như vậy. Một cái thi-tứ thanh-tân, nhẹ-nhàng, khoái-hoạt đến đâu, mà cú-pháp không chỉnh-tề, âm-điệu không êm-ái theo với cái giọng tự-nhiên của mình, thì cái thi-tứ ấy cũng không hiển-hiện lên được. Cũng vùi sâu vào trong cái mớ những lời nói mộc-mạc lộn-sộn mà thôi. Ấy cũng vì thế mà dư-luận trong làng thơ, đối với thơ mới không lấy làm hoan-nghênh, mà lại buông lời công-kích, là do tự thơ mới không thành thể thơ. Do tự thể-tài của nó không đủ chứa được tinh-thần của thi-nhân vậy. Ông Ái-Văn, trong bài « *Tình-hình văn-học năm qui dậu vừa qua* » đăng ở sách *Chơi-xuân năm giáp-tuất* (1934) của nhà Nam-ký, về thơ mới, ông có dẫn lời phê-bình của người khác vào mà nói : « Có người đã ví thơ mới như cô gái rẽ đường ngôi lệch, đi giầy gót cao, cầm «bóp-phơi» mà óc vẫn cũ như cái thế-giới này ». Ví như thế là người ấy tỏ ra rằng thơ mới về tinh thần hình-thức đều không xứng với cái danh-hiệu gọi là mới ấy, cũng như cô gái tự gọi là gái mới kia, cái óc cũ rích của cô không xứng gì với cái bộ phục-sức lố-lăng của cô.

Về phần tôi thì tôi không trách ở phần tinh-thần tức là cái chỗ thi-tứ thi-tình của nó, mà tôi chỉ nói về phần

hình-thức tức là cái chỗ cú-pháp âm-điệu của nó. Là tôi thấy rằng trong thơ mới đăng báo cũng nhiều bài có thi-tứ thi-tình mới mẻ, thế mà chỉ vì cú pháp âm-điệu của nó không thành hình-thể phép-tắc gì, nên bị mập-mờ không rõ-rệt ra được đó thôi.

Tóm lại thì thể-tài thơ mới, tôi xét ra chỉ vì nó không có cú-pháp, không có âm-điệu mà thành phạm vào một cái bệnh rất nặng khó chữa là « khó đọc và khó nhớ ».

Thơ là những lời nói êm-đẹp có vần, ghép vào một đoạn cho dễ đọc dễ nhớ. Người ta dùng nó để tả-mạc ra những cảnh những tình mà người ta đã cảm thấy. Tả-mạc ra đó để mà ngâm-nga hát xướng cho được di-dưỡng tinh-tình. Đã dùng để ngâm-nga hát xướng thì phải sao cho dễ đọc dễ nhớ. Muốn cho dễ đọc dễ nhớ thì phải có cú-pháp, có âm-điệu hòa-hiệp với cái giọng nói quen nghe quen của mình. Miễn là đừng đặt ra nhiều những luật-pháp khắc-khổ gò-bó mà thôi, chứ tuyệt không có lối-lăng điệu-cách gì thì không thành thơ được.

Ấy thế mà thơ mới lại khó đọc khó nhớ thì sao phải là thơ. Cái bệnh khó đọc khó nhớ ấy là bởi: Một là mới có hai câu đã đổi vần, hai là câu thơ đã không hạn chữ lại không có điệu-bó lên xuống cho có một cái mẫu đại-khái, cho người ta tìm nhận ra. Vì thế mà khó đọc, khó đọc nên khó nhớ.

Thơ mà đã khó đọc khó nhớ thì hoặc-giả có khi nghĩ ngầm mà thấy hay, chứ quyết không ngâm hát lên mà thấy khoái.

Trên kia đã nói thơ là những lời êm-đẹp tả cảnh tả tình để ngâm-hát mà di-dưỡng tinh-tình. Vậy anh Giáp biết làm thơ thì anh ấy làm để tả những cái cảm về cảnh-tình của anh. Anh tả để anh ngâm hát mà di-dưỡng tinh-tình cho anh trước. Rồi anh Ất tuy không biết làm thơ nhưng cũng có cái cảm giống như trong thơ của anh Giáp, thì anh Ất cũng mượn bài thơ đó mà ngâm-hát cho di-dưỡng tính-tình của mình. Ấy những áng thơ hay xưa nay mà truyền-tụng được rộng xa lâu dài, mà không tiêu-diệt là nhờ đó. Như thế mà thơ mới lại khó đọc khó nhớ thì còn truyền rộng ra sao được.

Có người hỏi: Thơ mới đã như vậy, thế còn chính thơ tây cũng không đủ cho người ta bắt-chước ư?

Tôi nói: Thơ tây thực có nhiều chỗ cho ta phải bắt-chước. Bắt-chước để mà bồi-bổ vào chỗ khuyết-điểm cho thơ ta. Nhưng chỉ có thể bắt-chước được ở phần tinh-thần tức là những cách tả-tình tả-cảnh cao-thượng mà nhồ-thông dễ cảm người. Còn khuôn-mẫu thì thơ cũ của ta đã có nhiều, không cần gì phải mô-phỏng cả đến khuôn-mẫu của thơ tây nữa. Trong những khuôn mẫu thơ cũ của ta trừ một lối thơ Đường-luật gò-bó chật-hẹp ra, thì thực có nhiều lối kheo-léo mà tự-nhiên, nó do ở cái giọng-điệu của tiếng mẹ đẻ mà kết-cấu nên. Ta không nên thấy cũ mà khinh bỏ.

Thơ cũ của ta có hai phái là thơ ta với thơ Tàu.

Thơ ta thì có những lối như: *lục-bát, lục-bát giản-thất, ca-trù, ca-lý* và *lục-bát biến-thể*, v. v.. Các lối thơ này hoặc câu có hạn tiếng hoặc tự-do, nhưng đều theo cái giọng tự-nhiên mà đặt thành thơ. Tuy có cú-pháp, âm-điệu nhưng cũng chỉ giữ đại-khái để cho câu lên xuống có điệu-cách và chỗ đáng dùng tiếng « trắc » thì không nên dùng tiếng «bằng», chỗ đáng dùng tiếng «bằng» thì không nên dùng tiếng «trắc» thế mà thôi. Chứ không có gì là gò-bó khổ-khắc. Ai chịu đọc về lối nào một

ít bài, thì tựa đó mà đặt bài khác được ngay. Nhất là lối lục-bát, có người ít học hoặc trẻ con cũng đặt được. Tức là những cái «vè» vậy, thế mà nghe hay đáo-để!

Lối lục-bát mà đặt câu tự-do hoặc dài hoặc ngắn hơn cái số lục-bát ấy, tức là lối « lục-bát biến-thể ». Lối này tức là những bài hát sa-mạc và như bài phong-dao sau này :

Lác-đác mưa ngâu,
Sinh-sịch mưa ngâu,
Lá ngâu rụng xuống bông lau phất cờ.
Nước trong xanh lặng ngắt như tờ,
Một đàn con cá nhởn-nhơ đầu ghềnh.
Kìa ai đứng ở đầu ghềnh.

Lại như bài « *Ới thằng cu lớn, cu bé, cu tí, cu tị, cu tì ơi! Con dậy con ăn con ở với ông, để mẹ đi lấy chồng, kiếm chút em thêm...* » cũng về lối này. Lối này còn biến-hóa vô-cùng.

Thơ Tàu thì có hai lối *Ngũ thất ngôn cổ-thể* với *Ngũ thất ngôn Đường-luật*. Hai lối tuy bắt-chước của Tàu, nhưng nó cũng một giọng về thể độc-âm, nên cũng để cảm người. Cổ-thể là có từ đời Hán, Tấn, ngũ-ngôn thì năm chữ một câu, thất-ngôn thì bảy chữ một câu. Vần thì từ bốn câu theo một vần. Trang-thiên thì bao nhiêu câu theo một vần cũng được. Không có niêm-luật, nhưng phải có âm-điệu cho dễ đọc. Gần đây đã thấy lối thơ ngũ-thất-ngôn cổ-thể này có nhiều người làm.

Còn *Đường-luật* là lối thơ đặt ra từ đời Đường, nhất là thể thất-ngôn bát-cú thì niêm-luật phép-tắc bó-buộc một cách khắc-khổ quá. Có tám câu mà phân giới-hạn nhất-định là: một câu phá, một câu thừa, hai câu thích-thực, hai câu luận và hai câu kết. Lại ngặt về hai câu thích-thực và hai câu luận nhất-định phải đối nhau từng chữ từng ý. Cho nên khi chỉ có một vế có ý-nghĩa chắc chắn, bèn mượn ngoài vào một ý-nghĩa khác nữa để làm cho đối thành ra sa-lệch; hoặc là trùng ý thì thành ra chán chỗng giống nhau, bệnh ấy nhiều lắm. Cầu được một bài hoàn-toàn thực là khó.

Tóm lại thì hai lối thơ cũ của ta trên ấy, trừ lối thơ Đường-luật khó làm mà ít cảm ra, thì những người có thi-tứ thi-tình nên dụng-công về cả các lối trên ấy, sở-trường về lối nào cũng hay. Nếu có tài mà đem những cách tả-mạc của thơ Tây mà mở rộng những khuôn-mẫu cũ trên ấy cho sinh-sắc hơn ra, thế tức là thơ mới, chứ không phải mô-phỏng cả cái khuôn-mẫu không cùng một âm-loại vào mới là mới.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

Ngự-dung Đức Đại-Nam Hoàng-hậu bận triều-phục

Kinh ảnh Patrie Annamite

Đức Đại-Nam Hoàng-hậu, có đức ông Tùng-đệ theo hầu, ở đèo Ái-Vân, khi Ngài sắp lên xe auto.

Kinh ảnh Patrie Annamite

Cảm-tưởng về lịch-sử dĩ-vãng của sự giáo-dục

Ký-giả gần đây đã là người đa-bệnh, ngõ-hầu đúng như chữ « thúc-chi-cao-các », lại tuổi đã năm-mươi-bảy, ngõ-hầu đúng như chữ «lão chi tương chí», duy một sự làm văn-chương là có thể quên già quên bệnh được. Nhất là về phần đối với quốc-hoa quốc-túy trong lịch-sử nước Nam, thì ý-vị vẫn còn đằm-thắm như trước, mà tinh-thần lại mạnh-mẽ hơn xưa, nên chi cứ trong giấc chiêm-bao thì lại thường được trông thấy cái văn-hóa của nhà Lý nhà Trần nhà Lê và Bản-triều khi xưa, và quang-cảnh giáo-dục của con nhà thi-thư với nhân-vật túy-mĩ của con nhà Khổng Mạnh ngày trước. Kịp khi tỉnh thì tức-khắc ngồi dậy, sửa-soạn xiêm áo nghiêm-trang, lấy làm thích chí, ngâm đọc lên một câu rằng : « *Lão khứ bất-tri thiên-hạ sự ; mộng trung do khán lý lê hoa* 老去不知天下事。夢中猶看李梨華. » Câu ấy nguyên là thơ của Lục Phóng-Ông, nay dùng thể-tài phỏng cổ để ngụ-ý khiến-hưng và báo-đáp cái hồn khôn-thiêng của tổ-tiên ở trong giấc mộng đấy mà thôi. Nên chi bài văn này của ký-giả thành-thực thảo ra, dù khéo dù vụng thế nào mặc dầu cũng chẳng qua là lời văn trong cuộc mộng. Nhưng biết đâu cuộc đời cũng là cuộc mộng cả. Mộng là gì ? Là tư-tưởng vậy, xin duyệt-giả lượng xét.

Mới đây có nhiều ông bạn lại thăm ký-giả, hỏi ký-giả rằng sao lâu nay chửa thấy ông bàn đến vấn-đề giáo-dục? Ký-giả lấy làm trịnh-trọng mà chửa dám trả lời. Nhân có trộm nghĩ rằng : Vấn-đề giáo-dục ở nước ta ngày nay, phải có hai phương-diện. Một là căn-cứ ở lịch-sử, thuộc về tinh-cách đạo-đức di-truyền, đó là phần tâm-hồn mà là phần dĩ-vãng. Hai là châm-chước về thời-đại, đó là phần tiến-bộ mà là phần tương-lai. Hai phương-diện ấy thiếu một không được. Song phần dĩ-vãng là phần hồn là phần nguồn-gốc, phần tương-lai là phần tiến-bộ, phần tiếp-thụ. Ví như một người kia, không có hồn thì đi sao được, một cây kia không có gốc thì tiếp cành sao được. Vì người kia nếu không có một thứ hồn chân-chính của một dân-tộc, thì người ấy sẽ là một thứ người giống lai hay là một thứ người bệnh cuồng ; thì tiến-bộ sao được về đường chính-đáng; cây kia nếu không có một thứ gốc rễ ăn sâu xuống đất nước, thì cây ấy chỉ là thứ cây cắm ở trên lọ, nhất-thời huyễn-diệu mà thôi, chẳng bao lâu sẽ khô dần đi, tiếp-thụ thế nào được những thức hoa rực-rỡ để mong có ngày kết-quả mà ăn. Vấn-đề giáo-dục ngày nay, là vấn-đề phải nghiên-cứu một cách cẩn-thận sâu-xa kỹ-càng, nhiệt-thành quá không được, chậm-trễ quá cũng không được, mà dùng lời quả quyết đem xóa-bỏ sự giáo-dục dĩ-vãng đi thì lại càng thô-thiển lắm. Nên chi ký-giả thảo ra bài này chỉ để là lời cảm-tưởng về lịch-sử dĩ-vãng của sự giáo-dục. Duyệt-giả nên biết cho rằng bài này chửa phải là bài đã bày tỏ phương-châm về sự giáo-dục hay là ý-kiến về sự giáo-dục, chỉ là lời cảm-tưởng mà thôi. Nên chi bài này không phải là bài văn có tính-cách nghị-luận mà chỉ là bài văn cảm-tưởng. Lòng quê lai-láng, ý bút bồi-hồi, cảm-tưởng đến đâu viết ra đến đấy, cũng như con tằm nhả tơ, tự con tằm cũng không biết là cái kén dầy hay mỏng, chỉ biết bổn-phận nhả tơ mà thôi.

Lịch-sử nước Nam

Lịch-sử là gì ? Là bức tranh kim-cổ, nét bút truyền-thần về mọi sự tiến-hóa của dân-tộc. Người trong nước sở-dĩ biết qui mình, biết yêu nước, là vì lịch-sử. Người nước văn-minh ngoài sở-dĩ còn kính trọng mình cũng là vì lịch-sử. Phàm làm dân-tộc phải có giàu lòng tôn-kính lịch-sử, sẽ hay có nguồn-gốc tiến-hóa. Lịch-sử nước Nam ta tưởng cũng là lịch-sử vẻ-vang, có nguồn-gốc tiến-hóa, có nhân-vật tủy-mĩ xuất-hiện rõ-ràng, có sách-vở chép về lịch-đại hiến-chương, có phong-dao tục-ngữ kể về tính-tình luân-lý, có văn-chương quốc-âm tả về chữ đắc-hiếu đắc-trung, vì nhà vì nước, mà sinh-mệnh của quốc-dân đã từng đứng vững được nói ngoại mười thế-kỷ hẳn-hoi. Quốc-dân đối với lịch-sử nên để lòng tôn-trọng, quốc-dân biết tôn-trọng lịch-sử, thì tức là giúp về phần đạo-đức tinh-cách của quốc-dân trong sự giáo-dục. Quốc-dân ta nên nhận rằng dân-tộc nước ta vốn là một dân-tộc có giáo-dục, lịch-sử nước ta vốn là lịch-sử có văn-minh. Còn như cái thuyết văn-minh thế nào, đoạn sau kia sẽ xin giải-thích.

Đạo Khổng Mạnh

Lịch-sử vẻ-vang vì ai ? Là vì có tổ-tiên thần-thánh, tổ-tiên hiền-kiệt. Những bậc thánh-hiền ấy, chịu cái nguồn-gốc của giáo-dục nào ? Là chịu cái nguồn-gốc của đạo Khổng Mạnh. Tổ-tiên ta đã từng đem đạo Khổng Mạnh thí-nghiệm trong mấy nghìn năm, đã từng đem đạo Khổng Mạnh di-truyền cho ta khoảng mấy trăm đời, cho đến thời-đại ngày nay là thời-đại duy-tân. Cái thuyết của Khổng Mạnh nói về tư-tưởng đạo-đức chính-trị đã rõ cả ở sách Nho, ở đây kể ra cũng không xiết, chỉ xem ngay sách *Đại-học* nói rằng : « *Tại minh minh đức, tại tân dân* 在明明德。在新民。» sách *Mạnh-tử* nói rằng : « *Tử lực hành chi, diệc dĩ tân tử chi quốc* 子力行之。亦以新子之國。». Cái thuyết tân-dân tân-quốc của Khổng Mạnh ấy, thực đã thích-hợp với thời-đại duy-tân ngày nay, không chướng-ngại gì cả. Đạo Khổng Mạnh không những nên tôn-tín ở ngày xưa, mà ngày nay lại càng nên tôn-tín lắm. Vì đạo Khổng Mạnh là đạo cứu-thế, tức là đạo kinh-nghiệm được hay, di-truyền được dõi của tổ-tiên ; con nhà Khổng Mạnh ngày nay nói sự giáo-dục thì chỉ nên nói rằng cái tôn-chỉ giáo-dục của Khổng Mạnh là hay, cái lưu-tệ giáo-dục của sĩ-phu hồi trước kia là không thích hợp, nên sửa lại cho hợp-thời là phải.

Sự giáo dục của Bản-triều

Bản-triều ta giữ một niềm hiếu với liệt-tổ, trung với nhà Lê, đem lòng ái-dân, mở đất thực-dân ở phía nam Trung-kỳ và Nam-kỳ ; kịp khi thống-nhất toàn quốc, định-đỉnh ở Phú-xuân kinh, thực là một cuốn lịch-sử vẻ-vang nước ta chưa từng có. Bản-triều thực đã có công-đức lớn với quốc-dân mà lại không có lỗi gì với đạo-đức Khổng-giáo như Mạc-thị Trịnh-thị và Tây-sơn. Liệt-thánh của Bản-triều ta không những nhân-từ hùng-vĩ là vị quốc-quân, mà thực lại trang-nghiêm thuần-túy là vị giáo-chủ. Ấy nền giáo dục của Bản triều liệt-thánh không những chỉ dạy dân mà thôi, lại tự mình tu đạo để làm phép cho dân, nên chỉ nền giáo dục của nước ta từ nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê đã phát-đạt, đến Bản-triều ta thì lại càng vững-vàng, chưa hề dễ lung-lay được.

Nay xin kể qua về sự giáo-dục của Bản-triều. Bản-triều theo khuôn mẫu tiền-đại, thay trời trị nước, cầm quyền giáo-chủ, lấy học-thuyết Khổng-giáo dạy dân ; trong có Lễ-bộ, ngoài có quan Đốc-học Điền-học, Huấn-đạo Giáo-

thụ. Nhưng đấng quốc-quân đã gồm có chức-trách « tác chi quân tác chi sư (1), dĩ thân vi giáo »(2), về đường giáo-dục thì đã tài-bồi nhuần-thấm ở chốn dân-gian, nào là hạng phụ-huynh dạy kẻ con em, nào là bậc tiên-tiến dẫn kẻ hậu-tiến, nào là chỗ thế-gia đào-tạo, nào là nơi nguyệt-đán phẩm-bình ; chốn dân-gian đã có quang-cảnh gia-huyền hộ-tụng, tự-nhiên có cái không-khí phát-đạt về đường học, không ai ngăn được. Lễ-bộ thì chỉ chủ-trương về việc khảo-thí. Các quan Đốc-học Điền-học Huấn-đạo Giáo-thụ ở các tỉnh phủ huyện thì chỉ chủ-trương về việc giám-đốc, khiến cho nhân-tài có khích-khuyến, việc học có thống-hệ mà thôi. Lại hay nhất là trong Nho-giáo có cái thuyết rằng : « Dân sinh có ba bậc ơn sâu với mình, là cha sinh ra mình, vua coi sóc mình, thầy dạy bảo mình, phải thờ như một 民生有三。父生之。君養之。師教之。事之如一。». Nên chi những người làm cha làm thầy ở chốn dân-gian, tức là người thay mặt vua, để mà giáo-dục cho quốc-dân đó. Chữ *thứ* 庶 chữ *phú* 富 chữ *giáo* 教 của Khổng-tử, chữ *quốc* 國 chữ *dân* 民 của Mạnh-tử, học-thuyết của Khổng Mạnh vẫn hằng ngày giảng đến để làm tài-liệu nuôi cái tinh-thần cho dân, khiến dân sinh-hoạt một cách có trật-tự có luân-lý. Ấy cái tinh-thần giáo dục của Bản-triều ta đã rõ như thế, còn về đường hình-thức cũng nên kể qua.

Hình-thức thì chú-trọng ở việc khảo-thí. Thi lấy người học-thức, vì có học-thức mới có đạo-đức có sự-nghiệp có văn-chương ; nên chi hình-thức cũng châm-chước về đường khuynh-hướng của thời-đại, đặt ra có hương-thí hội-thí đình-thí vân-vân. Những người thi đỗ lên, cũng chẳng ngoài cái chức-trách tiến vi quan, đạt vi sư, không lúc nào dời cái phạm-vi giáo-dục. Còn về đường hình-thức có lưu-tệ thế nào, sẽ xin nói ở đoạn khác. Nhưng hãy nên biết rằng cái lưu-tệ ấy là lỗi tại sĩ-phu, không phải là lỗi tại bản-ý giáo-dục của Bản-triều. Ấy sự giáo-dục của Bản-triều về đường bổ-ích cho quốc-dân đã nhiều, mà về đường lưu-tệ sau này cũng không phải là ít. Nhưng cuộc đời sự gì mà chẳng có lưu-tệ. Đến như Âu-châu trải qua mấy thời-kỳ lưu-tệ mới có ngày nay, mà cuộc đời tự nay về sau, mọi sự đã chắc khỏi có lưu-tệ chưa, sao lại trách gì Bản-triều. Nói cho phải lẽ, thì con nhà Khổng Mạnh đối với sự giáo-dục của Bản-triều phải nên hết lòng tôn-kính, để làm nền giáo-dục cho quốc-dân mới là phải. Vì nền giáo-dục của Bản-triều nếu mà lung-lay, thì chữ *trung* chữ *hiếu*, chữ *nhân*, chữ *nghĩa*, chữ *liêm-sỉ*, chữ *trật-tự* đều lung-lay, những chữ ấy mà lung-lay, thì gốc nước lung-lay vậy. Nên chi tôi chẳng biểu đồng-ý với những người chỉ biết chỉ-trích lưu-tệ mà không biết bảo-trọng tinh-thần.

Các vị nho-thần của Bản-triều

Bản-triều đã không phụ con nhà Khổng Mạnh, thì con nhà Khổng Mạnh có phụ gì Bản-triều. Hồi quốc-sơ có ông Đào Duy-Từ, hồi Minh-mệnh Thiệu-trị Tự-đức có ông Trương Đăng-Quế, ông Doãn Uẩn, ông Nguyễn Công-Trứ, ông Trương Quốc-Dụng, danh-nho danh-sĩ danh-tướng danh-thần, và còn những hạng các ông nho-thần nữa, há chẳng còn nhiều, những hạng nhân-vật ấy đều là những hạng người căn-cứ ở giáo-dục mà ra. Ôi ! Lúc phong-trào duy-tân chửa sôi-nổi, thì những hạng nhân-vật ấy, ai nấy đều mộ đức kính tài ; kịp lúc phong-trào duy-tân

(1) Nghĩa là làm vua mà lại kiêm cả làm thầy dạy dân nữa.
(2) Nghĩa là lấy thân mình để làm khuôn phép dạy người.

sôi-nổi lên, thì những hạng nhân-vật ấy ít ai nhớ đến, dù có nhớ đến chăng nữa, thì cũng chỉ nhớ đến công-danh sự-nghiệp hay là khí-tiết của các ông ấy mà thôi, chứ học-thuật của các ông ấy thế nào, thì ít kẻ nhớ đến. Đó là thói bỡ-ngỡ choáng-váng trong một thời, không phải là thói suy-xét về kỷ-vãng để cầu lợi-ích về tương-lai. Hiện nay đối với các ông ấy cũng có hai phái. Một phái thì cho rằng các ông ấy là người cổ lối cổ, sao bằng người kim lối kim, phái ấy là phái thiển-cận không kể chi. Một phái thì thật là sùng-bái các ông ấy là kẻ sĩ tài-đức bơn người, giá ở thời-đại nào cũng hay, nhưng lại vin câu « duy Nhạc giáng thần, sinh Phủ cập Thân », (nghĩa là thần núi Nhạc giáng-sinh ra ông Phủ ông Thân ở đời nhà Châu) mà bảo rằng những nhân-vật ấy là do cái khí tinh-anh của sông núi mà sinh ra, không phải là do sự học-vấn, cái thuyết ấy là cái thuyết huyền-bí không đủ tin. Nay cứ nói rằng những kẻ sĩ tài đức ấy là do học-thuật của Khổng Mạnh mà sinh ra thì chắc là người thế-giới ai ai cũng phải công-nhận. Quốc-dân ta đối với các vị nho-thần của Bản-triều, không những nên cảm nhớ về sự-nghiệp công danh mà chính lại nên cảm-nhớ về học thuật. Còn cái phong lưu-tệ của nhà nho thế nào, lại xin nói ở đoạn khác.

Tiểu-sử năm vị nho-thần

Lịch-sử của năm vị nho-thần cũng khá rực-rỡ trang nghiêm, nhưng ở đây không thể kể cho hết được, chỉ xin kể qua mấy câu tiểu-sử mà thôi.

Ông Đào Duy-Từ người Thanh-hóa là người danh-sĩ, bất phục chế-độ họ Trịnh là tam-cương bất-chính, và giáo-dục họ Trịnh là bó buộc nhân-tài, về với Bản-triều giúp vua Thái-tổ làm chức Nội-tán, việc quân việc nước đều ở trong tay, bắt đầu đắp rặng tràng-lũy ở Nhật-lệ hải-khẩu để ngăn-ngừa quân Trịnh, dĩ-bắc là nước của Trịnh, dĩ-nam là nước của Nguyễn, chủ-nghĩa quốc-gia của Bản-triều phát-hiện từ đấy. Bắt đầu tôn trọng Khổng-giáo, lập phép khảo-thí để tuyển-dụng nhân-tài, nền quốc-dân giáo-dục của Bản-triều thành-lập từ đấy. Làm một vị đứng đầu công-thần hồi quốc-sơ.

Ông Trương Đăng-Quế người Quảng-nghĩa, thi đỗ Cử-nhân, thanh-liêm công-trực, luyện-đạt lão-thành, trải qua Minh-mệnh Thiệu-trị Tự-đức ba triều, chẳng lìa ngôi thủ-tướng ; ngoài mưu yên giặc-giã, trong cầm giữ kỷ-cương, trên gặp vua minh, bề chưa sóng cả, phong tước là Tuy-thịnh quận-công, cố-mệnh đại-thần là ông, tam triều nguyên-lão là ông, ông thực là một kẻ nhà nho gặp gỡ rất tốt. Lịch-sử ông là lịch-sử rồng mây, không phải là lịch-sử sóng gió, cho nên tiết lạ không hiện, mà công lớn còn ghi.

Ông Doãn Uẩn người Thái-bình, thi đỗ Cử-nhân, văn vũ gồm tài, giúp vua Thiệu-trị làm chức Tổng-đốc Hà-an, chính-trị nhân-huệ, được dân yêu mến. Sau phụng lệnh sung chức đại-thần, tiến quân sang đất Cao-mên, giải-quyết mọi sự rắc rối với Xiêm-la, kinh-lý Chân-tây-thành (tức Nam-vang) khiến cho đất thực-dân của Bản-triều không bị xâm-lấn, danh-dự bảo-hộ tiểu-quốc của bản-triều không bị trụy-lạc. Vua Thiệu-trị nhớ công khó nhọc, gia-phong là Trí-dũng tướng-quân.

Ông Nguyễn Công-Trứ người Nghệ-an, thi đỗ cử-nhân, phong-lưu lỗi-lạc, giúp vua Minh-mệnh làm chức Tổng-đốc Hải-an, bắt giặc Ba Vành, giúp vua Tự-đức làm chức Doanh-điền-sứ, khai-khẩn hoang-điền, chiêu-tập lưu-dân, mở ra hai huyện Kim-sơn Tiền-hải, thành ra hai huyện nhân-dân đông-đúc, vật-sản phong-phú, dân đến ngày nay ca-tụng công-đức, học-thuật kinh-tế, chủ-nghĩa dân-sinh, ông thực đã

giảng-cứu từ nhà. Ông lại rất sở-trường về quốc-âm, những bài hát nói trứ-danh phần nhiều là của ông, quốc-dân ngày nay vẫn truyền-tụng chẳng thôi.

Ông Trương Quốc-Dụng người Nghệ-an, thi đỗ Tiến-sĩ, giúp vua Tự-đức, làm chức Thượng-thư, giữ việc tư-pháp, được tiếng công bằng ; năm nhâm-tuất, làm chức Hiệp-thống quân-vụ, tiến quân ra Bắc-kỳ dẹp giặc Phụng Ước, giải vây thành Hải-dương, đuổi giặc xuống bể, quyết tử chiến-đấu, ôm tấm cô-trung tử-tiết ở thành Quảng-yên ; vua Tự-đức và thần dân nghe tin khôn xiết thương cảm. Ông đối với điều pháp-giới « Vì tử chỉ hiếu, vì thần chỉ trung 爲子止孝。爲臣止忠。» của Khổng-tử thực không hổ vậy. Ông lại hiếu văn-học, khi tại triều khi tại quân tay không dời bút, bình-sinh trứ-thuật có *Thoái-thực ký-văn tập* 退食記聞集. (1)

Xét ra, các ông ấy đều là hạng người tắm gội cái giáo-dục của Bản-triều mà giàu lòng tín-ngưỡng. Thờ lương-tâm tức là nghĩa « Sự ngã thiên-quân 事我天君 » ; để đào-luyện lấy cái thân trở lên hạng người quân-tử, tức là nghĩa « Tu-thân 修身 ». Thờ cha, tức là nghĩa « Nhĩ chi sự phụ 邇之事父 ». Thờ vua, tức là nghĩa : « Viễn chi sự quân 遠之事君 ». Thờ nhà, tức là nghĩa « Tề gia 齊家 ». Thờ nước, tức là nghĩa « Trị-quốc 治國 ». Thờ thầy để học-hành, thờ sách-vở để nghiên-cứu, tức là nghĩa : « Khổng-tử hiếu-học 孔子好學 ».

Cái lưu-tệ sự khoa-cử ngày trước

Hiện nay tuy thời-đại khoa-cử đã qua, nhưng xã-hội vẫn còn có một số người thượng-lưu chiếm một phần trong bốn năm phần là con nhà khoa-cử, và những chỗ thế-gia đại-tộc tuy hàng tử-đệ ngày nay không phải là con nhà khoa-cử, nhưng hạng phụ-huynh ngày trước há chẳng phải là con nhà khoa-cử hay sao ; điều đó ở xã-hội ngày nay cũng còn có ảnh-hưởng, nên chi cái tinh-thần giáo-dục đã kể ở trên, mà cái lưu-tệ khoa-cử tưởng cũng nên biết.

Triều-đình đặt ra phép khảo-thí để thi lấy người học-thức, đặt ra cái danh-dự Trạng-nguyên Tiến-sĩ để ưu-đãi sĩ-phu, ai bảo rằng không phải. Nhưng khốn thay lại bó buộc sĩ-phu về nghề bát-cổ văn-sách tứ-lục thi-phú ; rồi những các viên cầm quyền khảo-thí phần nhiều lại không biết thể-tất cái tôn-chỉ giáo-dục của triều-đình, thậm-chí đến nỗi ý-kiến phải, văn-chương hay thế nào mặc dầu, hễ lỡ ra phạm tràng-qui một tí thì hỏng ngay, cho nên hoặc cũng có kẻ dung-nhân (2) được hãnh-tiến.

Vả lại cũng nên biết rằng văn-chương cử-nghiệp là tính-cách qui-thức, không phải là tính-cách đại-gia như văn-chương họ Hàn họ Liễu họ Âu họ Tô, và không phải là tính-cách kinh-thế như văn-chương họ Giả họ Đồng. Nên chi đời vẫn có ba cái danh-từ, là đạo-học văn-học và tục-học. Nghĩa là học về đường đạo-đức thì gọi là con nhà đạo-học, học về đường văn-chương hoành-bác thì gọi là con nhà văn-học, chỉ học về lối văn-chương khoa-cử mà thôi, thì gọi là con nhà tục-học. Vì vậy kẻ sĩ-phu đối với thời-đại khoa-cử ấy, bao giờ cũng có hai phái.

Một là phái quân-tử nho, phái ấy học sách thánh-hiền, cầm cái chủ-nghĩa trí-quân trạch-dân(3); bình-sinh chỉ học cho cực rộng, thích về lối văn-chương kinh-thế, mà không thích về lối văn-

(1) Chép những điều kiến-văn khi ở chầu lui về.

(2) Người hèn.

(3) Giúp vua mà thi ơn-huệ cho dân.

chương cử-nghiệp. Để mắt trông ra cuộc đời, nếu có thể hữu-vi được, thì bước đầu cũng phải theo cái su-hướng của thời-đại mà ra ứng-cử phái ấy ra ứng-cử thì phần nhiều dỗ ngay, vì học rộng tài cao, kẻ khác không vi kịp. Chẳng nói chi ai, những bậc hiền-triết như ông Chu Hi nhà Tống, ông Vương Thủ-Nhân nhà Minh, những bậc hào-kiệt như ông Phạm Trọng-Yêm nhà Tống, ông Tăng Quốc-Phiên nhà Thanh, và những vị nho-thần tài-đức trứ-danh ở bản-triều, ban đầu cũng phải trải qua bước khoa-danh ấy. Nếu trông ra cuộc đời, hoặc không thể hữu-vi được, hoặc thì mãi mà không dỗ hoặc dỗ rồi mà vị cuộc đời éo-le, thì tức-khắc vui đường đạo-đức về chốn viên-lâm, nhận lấy nghĩa vụ dẫn-dụ kẻ hậu-tiến, mà đào-tạo nhân-tài về tương-lai. Phái ấy thường không hiển-danh, nhưng phái ấy thường lại có công to với sự giáo-dục của xã-hội, đó là phái quân-tử nho, tức là phái nhà nho chân-chính.

Một phái nữa là phái tiểu-nhân nho, mượn sách thánh-hiền làm mồi cơm áo, mượn đường khoa-danh làm thang phú-quí, học-vấn thì chỉ học-tập mấy câu văn-sách mẹo, và bát cổ sáo, còn như những sách không thi hỏi đến thì nhất-thiết không chịu nghiên - cứu gì cả. Kịp đến lúc thi, thì chỉ dò ý triều-đình, nghe hơi trường quan kiểu-hãnh dỗ lên, thì tức-khắc len-lỏi ra tòng-chính. Khi chưa dỗ thì đã de hàng tổng, khi đã dỗ thì chỉ khéo chiều đời ; cốt sao cho đạt được cái mục-đích võng điều ngáng ngà, cửa cao nhà rộng, cơm no áo ấm, vợ đẹp hầu sang mà thôi. Khiến đi dạy học thì phần ít giảng cho học trò những cách trí-thức đạo-đức làm người, mà phần nhiều giảng cho học trò những cách thi cử kiếm gạo. Lại hư nhất là cái thói không phải là thánh-hiền mà tự nhận mình là con nhà thánh-hiền, chẳng khác gì cái thói không phải là văn-minh mà tự nhận mình là con người văn-minh ; đó là thói tiểu-nhân-nho, mà tức là phái nhà nho hủ-bại.

Xét ra cuộc đời tự xưa đến nay, hai phái đã kể như trên, dẫu thời-đại nào cũng có, chứa chắc thời-đại ngày nay mà đã chỉ có phái thứ nhất mà không có phái thứ hai. Tưởng không có lương-pháp thiện-chính nào mà kén-chọn được cả phái thứ nhất, mà cũng không có lương-pháp thiện chính nào trừ-khử được cả phái thứ hai. Duy đời nào mà hay, có đạo-đức có liêm-sỉ, thì phái thứ nhất sinh ra nhiều, phái thứ hai sinh ra ít. Hoặc đời nào mà dở, kém đạo-đức, kém liêm-sỉ, thì phái thứ nhất sinh ra ít, phái thứ hai sinh ra nhiều mà thôi. Ôi ! hai phái quân-tử tiểu-nhân ấy, chỉ trông về đạo-đức liêm-sỉ trong cuộc đời. Mà lời ông Khổng-tử nói rằng : « Nhữ vi quân-tử nho, vô vi tiểu-nhân nho 女爲君子儒。毋爲小人儒。», nghĩa là học trò nên học làm hạng quân-tử nho, chớ học làm hạng tiểu-nhân nho, tức là phép giáo-dục cho học-trò ở muôn đời vậy.

Thuyết văn-minh và nghĩa điều-hòa

Cuộc văn-minh ở trong vòng kim-cổ của thế-giới, vốn bao-hàm có tính-cách không-gian và thời-gian, tức như lời Tống-nho đã suy-diễn nói : « Thượng hạ tứ phương viết vũ, vãng cổ lai kim viết trụ 上下四方曰宇。往古來今曰宙 », không-gian tức là *vũ*, thời-gian tức là *trụ*, cuộc tiến-hóa của nhân-loại bao giờ cũng phải căn-cứ vào hai cái đích ấy. Cuộc văn-minh của thế-giới cũng rất là rực-rỡ phiền-phức. Nhưng có thể tóm-tắt mà nói thì có hai thứ văn-minh. Một là văn-minh Đông-phương, là văn-minh Chi-na là thứ tĩnh văn - minh. Hai là văn - minh Tây-phương, là văn-minh Âu-châu là thứ động văn-minh. Sở-dĩ chia ra có hai

thứ động-tĩnh ấy là vì sao? cũng là vì nguyên-nhân ở địa-lý (1).

Địa-lý Âu-châu phần đất phần bể, hình-thế xen lẫn, nào là Địa-trung-hải, nào là Bắc-hải Bắc-hải, nào là Ba-la-đích-hải, trừ nước Nga là phần đại-lục, nước Anh là phần toàn đảo thì không kể, còn thì các nước phần nhiều là nước bán-đảo, các nước dễ phân-lập, chủng-tộc dễ phiền-phức hỗn-tạp, tình-thế phải cạnh-tranh, không cạnh-tranh không đủ sinh-tồn. Ấy cái cảnh-tượng không-gian của Âu-châu là thế, cho nên khoảng thời-gian phải sản-xuất một thứ văn-minh, là thứ văn-minh động.

Đến như Á-châu là một miếng đất lớn nhất ở thế-giới, phần bể thì trực-tiếp Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương, mà Thái-bình-dương lại là phần bể lớn nhất ở thế-giới, phần đất thì rộng-rãi mênh-mông, sầm-uất xa-cách, cuộc thế-giới chưa giao-thông dĩ tiền, tự đàng đông cho chí đàng tây, tự đàng nam cho chí đàng bắc, thậm-chí có chỗ chưa biết tên nước nhau là gì, chỉ có một nước Trung-hoa là một nước lớn nhất ở Á-châu, những nước ở xung-quanh, chỉ là nước phụ-lập mà thôi, không phải là nước trĩ-lập (2) hay là nước phân-lập gì cả. Tuy phía bắc có giống Mông-cổ theo làn nước cỏ mà dời-đổi luôn, tính hay ăn cướp, Trung-hoa phải phòng-bị mà thôi, không phải là cuộc cạnh-tranh. Tuy phía đông có nước Nhật-bản, phía nam có nước Nam ta cũng có lúc phải giao-thiệp hay là chống cự, nhưng chỉ cầu lấy an-tĩnh mà thôi, cũng không phải là cuộc cạnh-tranh. Còn như Ấn-độ, Ba-tư, Xiêm-la, Diến-điện, trừ một việc Phật-giáo tràn vào Trung-quốc không kể, còn thì chỉ là mấy dân-tộc nhỉ-nhèo tịch-mịch ở phía tây-nam mà thôi. Địa-điểm ở Á-châu, hồi thế-giới chưa giao-thông dĩ-tiền, ai cũng phải nhận nước Trung-hoa làm trung-tâm. Ấy cái cảnh-tượng không gian của Á-châu là thế, cho nên khoảng thời-gian phải sản-xuất ra một thứ văn-minh, là thứ văn-minh tĩnh.

Địa-lý thực là một cái vật sản-xuất ra văn-minh, muốn nói văn-minh, trước hết phải cầu nguyên-nhân ở địa-lý. Văn-minh cũng có thuyết cầu văn-minh ở dân-tộc nữa, nhưng dân-tộc với địa-lý bao giờ cũng phải trực-tiếp với nhau, phần địa-lý bao giờ cũng phải kể là phần đầu. Nay hãy nói qua về thuyết động, tĩnh.

Động, có bao-hàm nghĩa hoạt-động, biến-động, sinh-động, vạn sự chỉ cầu thay đổi cho mới, phát-minh trí-não của dân-tộc, để cầu tiến-hóa cho mau chóng. *Tĩnh*, bao-hàm có nghĩa thâm-tĩnh, minh-tĩnh, an-tĩnh, vạn sự chỉ cầu trật-tự cho nghiêm, bồi-dưỡng nguyên-khí cho dân-tộc, để cầu tiến-hóa cho chắc-chắn. Hai thứ văn-minh ấy, đều đủ cả vật-chất lẫn tinh-thần, không phải là có hơn kém gì nhau, xem ngay như lịch-sử Âu-châu với lịch-sử Trung-quốc và các vị đông tây thánh-triết sinh ra thì khắc rõ. Nhưng chúng ta là người nước Nam, hãy xin kể về văn-minh Đông-phương là thứ văn-minh cố-hữu của dân-tộc nước ta. Nói đến văn-minh Đông-phương thế-tất phải kể đến lịch-sử Trung-hoa và thánh triết Trung-hoa, vì Trung-hoa ngày xưa bởi cớ địa-lý ở Á-châu chiếm được phần trung-tâm, cho nên văn-

(1) Gồm cả đất-đai hình-thế và sản-vật của phần đất gọi là địa-lý, không phải như thói tục gọi nhà phong-thủy.

(2) Đứng đối chọi.

hóa phương Đông, Trung-hoa ngày xưa cũng chiếm được phần trung-tâm, điều đó thì ai cũng phải công-nhận. Mà lịch-sử Trung-hoa với học-thuyết thánh-triết Trung-hoa, đã là mớ tài-liệu phong-phú của dân-tộc ta, hằng ngày giảng-cứu đến đã mấy nghìn năm. Chúng ta ngày nay chỉ nên xét xem dân-tộc chúng ta đối với cái văn-minh ấy đã từng được ảnh-hưởng như thế nào, tổ-tiên ta đã từng bồi-đắp như thế nào, quốc-gia xã-hội ta đã từng phát-đạt như thế nào, đạo-đức tính-cách tinh-thần cơ-thể của dân-tộc ta đã từng đào-luyện được phần chân-chính đặc-biệt như thế nào, để làm nền giáo-dục cho quốc-dân mà thôi. Nên chỉ muốn nói sự giáo-dục ngày nay, trước hết phải suy-xét và bảo-tồn lấy cái văn-minh Đông-phương.

Gần mới đây các nhà ngôn-luận tranh nhau đề-xướng cái thuyết điều-hòa nghĩa là điều-hòa hai cái văn-minh Đông Tây, là vì cớ sao? Âu cũng chẳng ngoài cái thuyết văn-minh căn-cứ ở địa-lý mà xui nên. Vì cục diện địa-lý ngày xưa thì Âu-châu chỉ biết Âu-châu, Á-châu chỉ biết Á-châu mà thôi, cục-diện địa-lý ngày nay thì đã quay ra cục-diện thế-giới, không những Á-châu nên điều-hòa với Âu-châu, mà Âu-châu cũng nên điều-hòa với Á-châu, không thể còn châu-thủ được mãi. Vì văn-minh Đông-phương với văn-minh Tây-phương đều có cái hay, đem cái hay trao đổi cho nhau, đó là cuộc tiến-hóa chung của nhân-loại tự nay về sau vậy. Cái thuyết điều-hòa đó, không phải là đem hai cái văn-minh mà trộn lẫn đi đâu. Nếu không cẩn-thận lựa chọn mà đem trộn lẫn đi, thì kết-quả chỉ gây ra một thứ người lai hay là thứ người giả cầy không đủ linh-hồn, không đủ tâm-lý, không đủ tư-cách làm quốc-dân, cái văn-minh cũ đã bỏ mất, cái văn-minh mới cũng thô-thiển sai-lầm, thành ra hai cái văn-minh hỏng cả, chỉ gây nên một cái không-khí loạn hồn loạn óc, loạn cả hành-vi, khi đó thì không có thể thu-thập lại được nữa; các nhà ngôn-luận, các nhà giáo-dục, tưởng cũng nên biết sớm. Nên chỉ sự điều-hòa đó, đối với cái văn-minh mới, ta nên đứng về phương-diện kén chọn, phương-diện tiếp-thụ, đối với cái văn-minh cũ, ta nên để sức bảo-tồn, để công phát-huy, tưởng đó mới là chính nghĩa điều-hòa, chính nghĩa giáo-dục. Sự giáo-dục ngày nay thực là nặng-nề, đã phải nghiên-cứu văn-minh Đông-phương, lại phải tham-chước văn-minh Tây-phương, miễn là các nhà nghị-luận trong ngôn-đàn, trứ-thuật trong văn-giới, giáo-dục trong xã-hội, đốc-trách trong môn-đình, hiểu rõ chân-tướng của hai cái văn-minh, mà tiến-hành mọi sự điều-hòa, thì hai cái văn-minh ấy đối với dân-tộc ta, đều có phần lợi-ích mà không trái ngược nhau gì cả.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC (1)

家庭教育

« *Gia-đình giáo-dục, gia-đình giáo-dục* », đó là một cái vấn đề cần-cấp mà người Việt-Nam thường ngày lắp đi lắp lại ở ngoài cửa miệng đã vài mươi năm nay. Đó là một sự nhu-dụng của thời-thế yêu-cầu, không có không được.

Như thế thì ra trước kia người Việt-Nam tuyệt không biết đến phép gia-đình giáo-dục là gì hay sao? Không, không phải thế. Người Việt-Nam cũng như người Trung-quốc, trước kia cũng vẫn có biết đến phép gia-đình giáo-dục. Nhưng phép gia-đình giáo-dục ngày xưa dùng khác với phép gia-đình giáo-dục ngày nay. Ngày xưa người ta trọn đời quấn-quít với gia-đình, phép giáo-dục của gia-đình cũng theo mà liền với đời người từ bé đến già. Ít ra thì cũng tới lúc ra ăn tây ở riêng, thì con mới thưa thưa phải chịu quyền giám-đốc của cha mẹ. Vì thế cho nên người ta thường coi khinh cái thời-kỳ năm sáu tuổi trở lại của đứa trẻ thơ. Người ta cho là nó còn thơ dại chưa cần, để lớn lên sẽ dạy, không vội gì. Thế cho nên cổ-huấn tuy có phép dạy cho đứa trẻ thơ-ấu, nhưng cũng chỉ lặt-vặt vài ba câu tóm-tắt. Giản-hoặc một vài nhà để ý đến sự dạy-dỗ đứa trẻ thơ-ấu, nhưng cũng giữ được một hai điều mà thôi. Còn không ai chịu nghiên-cứu lấy phép giáo-dục gì mới-mẻ tường-bị, biên ra sách vở để dạy-dỗ cho đứa trẻ thơ-ấu về thời-kỳ năm sáu tuổi trở lại ấy. Thế là phép gia-đình giáo-dục cũ là phép để dạy cho con cái đã lớn ở trong nhà. Cho nên cũng gọi là gia-giáo, nghĩa là lối giáo-dục riêng của một nhà. Đến như phép gia-đình giáo-dục ngày nay thì dùng trái hẳn cách ấy. Nghĩa là ngày nay gọi là phép « gia-đình giáo-dục » là chỉ chuyên-cần chú-ý để dạy-dỗ cho đứa trẻ thơ-ấu từ năm sáu tuổi trở lại mà thôi.

Sao vậy? Vì rằng đời càng tiến-hóa, giao-thông càng tiện, sinh-hoạt càng phiền, người đời càng phải sớm thoát-ly chốn gia-đình mà ra xô-xát ganh-đua với xã-hội. Từ đứa trẻ sáu bảy tuổi, vô-luận trai gái, đều đã phải ra ngoài đi học đi thi. Rồi lớn dần lên nào đi trọ học, đi làm ăn, tiếp-xúc với xã-hội nhân-loại nhiều hơn là với gia-đình, có khi cách-biệt hẳn với gia-đình đi cũng nhiều. Như vậy thì cha mẹ, có muốn theo mà kèm-cặp giữ-gìn cho con cái (con trai, con gái) về trí-dục, đức-dục và thể-dục cũng không có thể được.

Phương-chi xã-hội càng văn-minh thì những thói xa-hoa, kiêu-bạc, dâm-dật càng thịnh-hành. Trí-xảo càng tiến, kinh-tế càng khó-khăn, mà cái thói lừa-đảo, giả-dối cũng càng nhiều. Bởi vậy những thiếu-niên nam nữ dễ bị những cái thói xấu của xã-hội nó truyền-nhiễm cho mà thành hư thân mất nết, bại-hoại một đời không thiếu gì.

Song người ta nghiệm ra lại thấy rằng những thiếu-niên nam nữ nào mà dễ tập nhiễm những nết hư thói xấu của xã-hội như thế, phần nhiều là những kẻ lúc trẻ thơ bị thiếu hẳn mất phần giáo-dục của gia-đình. Sự gia-đình giáo-dục ấy có hay là không, toàn hay là khuyết, là do ở khí-tượng của từng gia-đình, chứ không phải là do ở sự sang hèn. Thường thường gia-

(1) Tên một quyển sách của người Trung-quốc Chu Khánh-Lan làm.

đình sang lại lắm cái hư, mà gia-đình hèn lại ít cai xấu.

Gia-đình giáo-dục ngày nay chỉ là công việc nuôi dạy cho con cái từ hồi còn nhỏ cho tới khi lên sáu tuổi. Rồi từ sáu tuổi trở đi, là thuộc về quyền giáo-dục của nhà trường, của xã-hội.

Ngạn-ngữ ta có câu : « Dạy con từ thuở còn thơ » và câu : « Bẻ không vin, cả gẫy ngành ». Thế là cổ-nhân ta cũng đã thâm-hiểu cái nghĩa gia-đình giáo-dục và chỗ quan-hệ về sự giáo-dục trong một đời người của con cái là ở lúc chúng còn thơ-ấu rồi.

Đừng thấy cái tuổi lên năm sáu trở lại của đứa trẻ trai gái còn ngây thơ, cho là chúng chưa biết gì mà khinh thường sự gia-đình giáo-dục cho chúng đâu. Sự giáo-dục về thời-kỳ đó lại chính quan-hệ cho các sự giáo-dục về các thời-kỳ sau của chúng.

Ví như xây nhà, gia-đình giáo-dục là chân móng, các sự giáo-dục của nhà trường, xã-hội là tường nóc về sau. Chân móng có kiên-cố, thì tường nóc mới đứng vững, mà gió mưa không làm nùng đổ được. Bằng chân móng mà đã yếu mềm thì sau càng xây tường cao nóc lớn bao nhiêu lại càng thêm đè nặng, khiến chân móng không chịu nổi mà đổ sụp, không phải đợi đến gió mưa lay chuyển.

Cho nên gia-đình giáo-dục mà tốt, thì sau mới dễ cảm được những giáo-dục hay khác, mà nết hư thói xấu của xã-hội không thừa-cơ truyền vào làm hại kẻ thiếu-niên được. Cho nên nói rằng những thiếu-niên nam nữ dễ tập-nhiễm nết hư thói xấu của xã-hội như ngày nay, phần nhiều là do những kẻ đó thiếu hẳn mất sự giáo-dục của gia-đình từ thuở bé đi rồi. Phương chi là nước nhà đang buổi giao-thời. Mọi đường về học-vấn giáo-hóa còn đang thay đổi, chưa thành-lập. Ấy cũng vì thế mà người ta yêu-cầu đến vấn-đề gia-đình giáo-dục để giúp vào sự giáo-dục cho nhà trường và xã-hội.

Tuy-nhiên, người ta dề-xướng như thế, yêu-cầu như thế, nhưng thực ra thì gia-đình giáo-dục phải thế nào, chưa nhiều người hiểu và chưa đủ sách vở để dùng. Vả phần nhiều người vẫn tưởng như phép gia-đình giáo-dục cũ, nghĩa là giữ lấy gia-phong cho tốt để mà dạy-dỗ cảm-hóa cho những con cái từ chín mười tuổi trở lên. Chứ ít người nghĩ đến phép gia-đình giáo-dục mới, để dạy dỗ cảm hóa cho con cái còn trẻ thơ năm sáu tuổi trở lại. Mà không biết rằng như trên đã nói, phép gia-đình giáo-dục mới này, ngày nay lại càng cần thiết lắm.

Vậy thì bây giờ căn-cứ vào đâu để tìm lấy phương-pháp mà kết-cấu ra phép gia-đình giáo-dục mới mà ứng-dụng cho sự cần-dùng hiện nay. Hỏi đến phép giáo-dục cũ của gia-đình thì đối với kẻ thiếu-niên, trong sách Nho dạy cũng đã chu-đáo. Nhưng đối với đứa trẻ sáu tuổi trở lại, như nghĩa gia-đình giáo-dục ngày nay, thì ít có lắm. Mà có đi nữa thì cũng vụn-vặt uyên-thâm, chưa từng giải-thích.

Còn như cách giáo-dục của thế-tục đối với cái tuổi thơ ấu của đứa trẻ ấy, không nuông chiều phóng-túng, thì một là chỉ biết đánh mắng, hai là chỉ biết dọa nạt bằng những sự dữ-tợn hoặc ma quỉ, cho nó sợ mà phải vâng lời, theo vào cái khuôn áp-chế thúc-phọc. Ấy gọi là gia-đình giáo-dục đại-để chỉ có thế thôi. Không biết rằng đánh mắng lắm là dạy cho đứa trẻ thơ tập lấy cách vô-sỉ. Mà dọa-nạt những sự dữ-tợn ma-quỉ là dạy cho chúng nó tập lấy thói hèn-dát và mê-tín ngu-ngốc đó thôi. Ấy thế là ở gia-đình đã tập-luyện cho đứa trẻ thơ-ấu những đức-tính hư-hèn từ đó. Như thế thì gọi là giáo-dục sao được.

Muốn tìm cả vào phép giáo-dục mới của Tây-phương, thì có nhiều sự về lễ-giáo về tập-quán mà kẻ làm cha mẹ ở gia-đình ta chưa quen hoặc chưa có thể theo được.

Thế mà muốn tự tìm ra lấy phương-pháp mới cho trong không trái hẳn với gia-đình cũ, ngoài hợp với cuộc đời tiến-hóa mới này, xin thú-thực, chúng ta chưa đủ thì giờ và chưa đủ kinh-nghiệm. Vì vậy tôi nhân xem được quyển « *Gia-đình giáo-dục* » này của Chu Khánh-Lan người Trung-quốc. Hồi dân-quốc năm thứ năm, tiên-sinh làm Tỉnh - trưởng Quảng-đông. Tự nghĩ Trung-quốc nước lớn đất giàu, mà nay hèn yếu là do nhân-dân hèn yếu. Nhân-dân hèn yếu là do khuyết hẳn mất phương-diện gia-đình giáo-dục về cách mới. Chu tiên-sinh bèn biên-tập mọi điều kinh-nghiệm, trong đã tham-chước đủ mọi điều đạo-đức hoặc mới hoặc cũ, có thể thi-hành cho khắp các gia-đình bình-dân được mà viết sách này.

Sách này là để dạy cho kẻ làm cha mẹ trong gia-đình biết cái phép giáo-dục cho con cái về cái tuổi thơ-ấu thế nào. Nghĩa là để cho kẻ làm cha mẹ xem mà biết cách tu-thân để cảm-hóa cho con cái từ tuổi thơ-ấu, để mà thực-hành dạy-dỗ nuôi-nấng lấy cho con cái được có những đức-tính tốt, để cho chúng dự-bị mà ra nhà trường, ra xã-hội sau này. Muốn cho phổ-cập cho khắp nhà bình-dân dùng được, sách này viết lối giảng-diễn bằng lời bạch-thoại (nói rõ ràng không có văn-chương). Chu tiên-sinh vừa bỏ tiền riêng ra in, vừa khuyên những nhà hảo-tâm quyên tiền để in mà phân-phát cho trong tỉnh. Xem đó biết Chu nhiệt-tâm về sự giáo-dục cho quốc-dân là đường nào. Lại biết chăm đến chỗ cỗi-gốc của sự giáo-dục của quốc-dân là đường nào.

Tôi nhận ra biết được những chỗ khôn khéo của sách này là : 1) Dùng lời thông-thường để cho kẻ bình-dân nào cũng có thể hiểu được. 2) Dùng những cách-thức giản-dị, chất-phác để luyện-tập cho trẻ mà gia-đình nào cũng có thể thực-hành được. 3) Dùng những danh-từ về đạo-đức cũ như nhân, nghĩa, lễ, tín ; những danh-từ mới như công-đức hoạt-bát đều là những điều đã quen tai mà giải-thích ra ý-tứ mới cả. 4) Thể tất cái tâm-lý phổ-thông đối với con cái mà khuyến-khích kẻ làm cha mẹ. Nghĩa là lấy cái nghĩa con hay thì nhà được nhờ, để mà khuyến-khích cái nghĩa dân hay thì nước được nhờ.

Nước ta với Trung-quốc tuy lớn nhỏ khác nhau, mà cùng một lễ-giáo, và chế-độ gia-đình, trình - độ xã hội cũng đại-khái giống nhau. Sách « *Gia-đình giáo-dục* » này đã có công-phu suy nghiệm, dùng cho người Trung-quốc được, há không dùng được cho người Việt Nam ta dư ? Bởi vậy tôi đem sách « *Gia đình giáo-dục* » này dịch ra tiếng ta, chỗ nào phong-tục gia-đình, tình-thế xã-hội không giống nhau thì hoặc bớt hoặc thêm hoặc lấy ý riêng thay vào, gọi là dịch-thuật, chứ không phải là dịch đối chiếu từng chữ từng câu. Làm như thế là để cấp-dụng cho sự nhu-yếu của xã-hội mình đang khẩn-cầu mà mình chưa tự tìm ra mới được. Hay là, nó là những cái thông-thường các xã-hội khác người ta đã công-nhận rồi thì mình cũng hẳng phải công-nhận như thế. Rồi có tìm mới được thì sẽ biệt-lập ra phép khác tiếp sau.

Ấy tôi sở-dĩ dịch-thuật sách « *Gia-đình giáo-dục* » này, ý tôi cũng là vì sự cấp-dụng yếu-cầu của xã-hội ta hiện nay, để giúp cho các người làm cha mẹ được sẵn tài-liệu mà nghiên-cứu chám-chước.

Nhưng có một điều mà kẻ dịch-

thuật sách này lấy làm ngại cho kẻ làm cha mẹ ở nước ta hây giờ, là : Trong sách này lấy cha mẹ làm gương cho mọi sự trong gia-đình giáo-dục. Điều đó chẳng hay các người làm cha mẹ nghĩ sao ?

Trồng cây chua, ăn quả chua, trồng cây ngọt ăn quả ngọt. Họp nhà thành nước, thiếu-niên là chủ-nhân-ông của nhà của nước sau này. Tưởng các ngài cũng nghĩ như vậy.

Phép gia-đình giáo-dục và sự khẩn-yếu

Gia-đình là trong nhà, *giáo* là dạy-dỗ, *dục* là nuôi-nấng luyện-rèn đức-tính. Vậy *gia-đình giáo-dục* là phép dạy-dỗ nuôi-nấng luyện rèn cho con-cái ở trong nhà.

Con cái khi còn thơ-ấu chưa đầy sáu tuổi trở lại, chúng chưa đi học được. Ấy là cái thời-kỳ ở trong nhà phải dùng phép giáo-dục tốt để mà dạy-dỗ nuôi-nấng cho chúng. Phép gia-đình giáo-dục này là để dùng mà dạy-dỗ nuôi-nấng về thời-kỳ đó.

Gia-đình giáo-dục sao lại là sự khẩn-yếu ? Nước ta và các nước xưa nay sao lại đều lấy việc này làm quan-hệ mà ai ai cũng phải giảng-cứu đến ? Nghĩa là vì rằng đứa trẻ mới sinh ra cũng giống như tấm lụa trắng nõn. Trong khi nuôi-nấng sáu năm ở trong nhà, ấy là một nước nhuộm lần thứ nhất đó. Đến sáu tuổi cho đi nhà trường học tập, ấy là một nước nhuộm lần thứ hai đó. Hai-mươi tuổi trở đi, ra khỏi nhà trường mà đi làm ăn với mọi người đời, ấy là một nước nhuộm lần thứ ba đó.

Tuy có ba lần nước nhuộm, nhưng quan-hệ nhất là ở cả nước nhuộm lần thứ nhất thế nào. Sáu năm đứa trẻ ở trong nhà ấy, mà khéo dạy khéo nuôi, ấy tức là đã nhuộm cho tấm lụa trắng đó được một mầu hồng rồi vậy.

Tới khi đứa trẻ vào nhà trường mà gặp được ông thầy tốt, thế là lại nhuộm thêm cho nó được một nước mầu hồng nữa, thế là tự-nhiên nó thành một mầu đại-hồng rồi.

Tới khi nó ra ngoài thế-giới với người ta, vì dù có gặp bè-bạn hư-hỏng, nước nhuộm nhơ-bẩn, định làm hủy-hoại cho nó ra mầu nhọ-nhem, nhưng cũng không dễ mà làm cho biến mất cái mầu đại-hồng đã có của nó đi được.

Thế mà nếu lại gặp được bè-bạn tốt, nước nhuộm tốt, thì tự-nhiên nó thành ra một chính-sắc đỏ chói tươi đẹp, một người tối-hảo-hạng.

Còn như sáu năm ở nhà, mà cách dạy cách nuôi đều không tốt, vì như tấm lụa trắng nõn ban đầu đem nhuộm ngay cho một nước mầu nhọ-nhem. Sau đưa ra nhà trường, tưởng để nhuộm lại cho nó biến ra mầu hồng, nhưng tẩy làm sao cho sạch cái mầu nhọ đen trước đi được. Bấy giờ có đem phủ gượng một mầu hồng ra ngoài, thì nó cũng vẫn thành ra một cái mầu nửa hồng nửa đen.

Thế mà ở nhà trường lại gặp phải ông thầy không nhiệt-tâm, sau ra thế-giới lại bị những bè-bạn hư-hỏng, nước nhuộm xấu, thế là cứ nhuộm dầy mãi những mầu đen vào, mà nó tự-nhiên thành ra một mầu đen kịt không tài nào làm cho phai đi được nữa. Thành ra một đứa hư-hỏng không thể nào hồi đầu được nữa.

Coi đó thì tơ vốn là trắng, mà quan-hệ nhất là nước nhuộm bắt đầu. Người ta lúc mới sinh ra đều tốt cả, mà quan-hệ nhất là sự giáo-dục sáu năm ở trong nhà.

Con cái lớn lên mà không thành tài-đức gì, thì cha mẹ đều đổ cho là tại thầy giáo hỏng, tại bè-bạn hư, làm hại con mình. Nhưng không biết rằng sự không thành tài-đức đó là đều tự trong nhà mình nhuộm nên cho nó. Chứ thầy giáo với bè-bạn chỉ theo cái mầu

nhuộm lót mà nhuộm thêm vào đó thôi, không tài nào đổi cái mầu nhuộm lót mà nhuộm thành ra mầu khác được.

Biết như thế thì con cái lớn lên mà thành tài-đức, thì cha mẹ nên vui lòng mà cám ơn thầy bạn cho con. Bằng không thành tài-đức, thì cha mẹ không nên đổ tội cho thầy bạn nó. Mà phải biết là tự mình không biết phép nuôi phép dạy cho nó từ thuở bé kia rồi.

« Bé cậy cha, già cậy con ». Người ta đến khi có tuổi, ai không mong có con cái ra người để lo lắng dỡ mình. Các ông các bà, ai cũng nghĩ như câu ngạn ấy. Nhưng lại phải biết rằng con cái lớn lên mà cha mẹ có được trông cậy hay không là toàn do ở cái thời-kỳ chúng nó còn thơ-ấu, người làm cha mẹ có hết bổn-phận giáo-dục hay là không.

Nếu biết theo đúng phép mà dạy, dạy được tốt thì tự-nhiên lúc mình già được trông cậy đấy. Còn như không biết cách dạy, thì không những không hòng trông cậy mà nó lại còn làm cho mình đứt từng khúc ruột ra nữa kia.

Ví như kẻ làm ruộng kia. Nếu nó chịu cay bừa kỹ, phân nước dùng vào cho phải phép, thì đến mùa làm sao lại không được nhiều thóc. Còn như nếu nó không biết cách làm ruộng thì không những đừng mong có nhiều thóc, mà không khéo lại còn chết đói nữa kia.

Là vì nửa đời người của kẻ làm cha mẹ về sau mà được hả lòng hay là không, là đều quan-hệ ở bản-thân con cái. Thế cho nên bao nhiêu tinh-thần khí-lực của cha mẹ về nửa đời người về trước, phải chuyên-chú cả vào bản-thân của con cái mới được.

Đứa trẻ sáu tuổi về sau, cha mẹ chỉ phải tìm giúp lấy nhà trường tốt, thầy giáo giỏi cho nó. Ba-mươi tuổi về sau, cha mẹ chỉ phải chọn hộ lấy chức-nghiệp hay bè-bạn hiền cho nó. Chứ cha mẹ không phải vất-vả gì với sự giáo-dục của con những hồi đó nữa. Cha mẹ mà phải vất-vả về sự giáo-dục của con, chỉ có cái công-phu sáu năm lúc chúng nó còn thơ ấu mà thôi. Nếu chịu dụng-công được trong sáu năm ấy thì về sau thụ-dụng không bao giờ hết.

Ấy vì cớ thế mà xưa nay các nước người ta đều lấy sự gia-đình giáo-dục này làm một việc khẩn-yếu của đời người. Người các nước ai dạy con cũng chỉ dụng-công có sáu năm ấy. Là vì con đến 20 tuổi là lúc nó tự-chủ mọi cái được rồi, cha mẹ không phải theo mà cai-quản nó nữa.

Người nước ta thì không biết việc gia-đình giáo-dục này là quan-hệ khẩn-yếu, coi thường cái thời-kỳ sáu năm ấy mà bỏ qua đi. Ai cũng cho là con còn thơ dại cần gì, rồi lớn lên dạy cũng vừa. Nhưng có nghĩ đâu khi chúng lớn lên thì đã hỏng từ cái lúc thơ-ấu kia mất rồi.

Cha mẹ uổng mất không biết bao nhiêu tiền cho đi học, bao nhiêu công lo-lắng, cho tới khi nhắm mắt mà con cái vẫn không thành tài-đức gì. Bấy giờ mới đổ cho thầy giáo không biết dạy, mắng chửi con cái không thành tài đức, thế thì có oan-uổng cho họ không.

Người các nước người ta dạy con nuôi con là trọng ở nửa đoạn trước, cho nên người ta chỉ dùng tiền vốn để tiêu tốn về sáu năm, mà được lãi không biết là bao-nhiêu. Người nước ta nuôi con dạy con thì lại bỏ nửa đoạn trước đi, cho nên phải dùng mất không biết bao nhiêu tiền vốn mà chẳng thu được một phân lãi nào.

Trong khi tấm lụa còn trắng nõn, tùy ý mình thích mầu gì thì cứ nhuộm

cho nó mầu ấy. Trong lúc con cái còn thơ-ấu, tùy ý mình thích dạy điều gì thì cứ dạy cho nó điều ấy.

Dạy trẻ thơ là việc rất khẩn-yếu mà lại là việc rất dễ-dàng. Thế mà các người lại không dạy cho nó ở cái thời-kỳ dễ-dàng. Cứ đợi cho nó lớn, là cái thời-kỳ khó khăn rồi mới dạy. Vừa tốn công, vừa vô-ích, thế có quái-gở không.

Trong một nhà, cha mẹ không biết phép gia-đình giáo-dục để dạy dỗ cho con cái thế là làm hư-hỏng cho con cái, trong một nhà. Nhà nào con cái cũng hư hỏng thì nước còn thành nước thế nào được.

Các ông các bà thử nghĩ mà xem : Trồng cây ai cũng muốn cho cây nở ngành xanh lá, ai có muốn cho cây lụn-bại bao giờ. Như muốn có con cái ra người mà trông cậy về sau, muốn dạy cho con cái ra người, vậy xin nhận-chân lấy những phép gia-đình giáo-dục là phép để dạy dỗ trẻ thơ trong nhà như sau này, mà phải thực-hành ngay đi mới được.

Chỗ căn-bản của phép gia-đình giáo-dục

Vô-luận giảng về phép giáo-dục gì, người nhận chức giáo dục ấy đều cốt phải lấy chính thân mình làm gương cho kẻ học mình. Chứ không có thể gặp việc gì chỉ giảng mấy câu nghĩa-lý suông về việc ấy, mà mong kẻ học mình đó họ tin theo mình đâu.

Song kẻ làm thầy giáo ở nhà trường còn dễ hơn là kẻ làm cha mẹ ở trong nhà. Thầy giáo kia không phải là ở luôn với học-trò cả ngày một nơi. Vậy như nếu thầy giáo dạy học-trò rằng không nên đánh bạc, thì trong giờ dạy học, thầy giáo có đánh bạc đâu. Còn khi tan học về, không có mặt học-trò ở đó, thầy giáo có thừa hứng đánh một vài ván chơi, thì học-trò có biết đâu. Còn như cha mẹ thì suốt ngày ở liền với con cái, dông làm việc gì là làm mẫu cho con cái việc ấy. Ví như cha mẹ dạy con cái rằng không nên đánh bạc, thì cha mẹ phải tuyệt không đánh cờ bạc lúc nào mới được. Chứ nếu mồm dạy con cái không nên đánh cờ bạc, nhưng cha mẹ vẫn cứ đánh, thế là xui cho con cái cái bụng ngờ mình.

Chúng cho rằng đánh cờ bạc là sự tốt, cha mẹ bảo ta đừng đánh là nói dối ta đó. Chứ nếu cờ bạc là sự xấu thì sao cha mẹ lại đánh. Thế là từ đó trở đi, chúng không tin lời của cha mẹ nữa. Chúng đã sinh ra cái lòng không tin cha mẹ, thì dần dần mỗi ngày lại càng sinh ra những việc bất-phục cha mẹ, bất-hiếu với cha mẹ.

Ấy chính vì thế mà đạo làm cha mẹ, muốn cấm-chỉ con cái không cho nó làm việc gì, thì tự mình phải đừng làm việc ấy trước. Muốn dạy con cái làm việc gì thì tự mình phải làm lấy việc ấy trước.

Còn như việc gì tự mình nghĩ kỹ không có thể vội thôi đi được, thì đừng vội cấm-chỉ con cái làm chi. Tự mình nghĩ kỹ không có thể làm được thì đừng vội dạy con cái làm làm gì.

Đừng có nên một mặt dạy con cái thức khuya mà chính mình lại đi ngủ sớm. Một mặt dạy con cái dậy sớm mà chính mình lại ngủ trưa. Làm như thế là chỉ để cho con cái nó nhờn rồi nó không tin cha mẹ. Lâu lâu rồi chúng không coi cha mẹ ra gì. Từ đó dạy bảo chúng không ăn lời, rồi sinh ra bất-hiếu. Bấy giờ thực không còn có phép gì cứu lại được nữa.

Thế cho nên ngạn có câu : « Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài ». Bầu với ống tức là khuôn-mẫu của cha mẹ, mà nước tức là con cái. Khuôn mẫu của cha mẹ thế nào, tự-nhiên con cái cũng hóa theo thế ấy. Coi đó thì biết

những phép để dạy trẻ-thơ ở trong nhà cực nhiều, nhưng phép nào cũng phải tự mình cha mẹ phải làm trước Bởi vậy ở đây gọi là phép căn-bản. Phép căn-bản này mà sai lạc, thì dù dùng cách giáo-dục gì cũng không có công-hiệu gì nữa.

Những sự-kiện về gia-đình giáo-dục

Những sự-kiện về phép gia-đình giáo-dục này kể ra thì nhiều lắm, nói hết ra đây, sợ người làm cha mẹ khó hiểu và khó nhớ mà không thực-hành được chu-toàn. Vì vậy chọn lấy hai-mươi điều sự-kiện, yết ra đây. Rồi sau lần-lượt mỗi điều lại giảng-diễn xuống dưới. Cứ chiều theo hai-mươi điều này mà dạy là đủ khiến cho được đứa con cái có tư-chất tốt được nên tử-tế, chứ không nên tham nhiều :

1) Giáo-dục phải theo trình-độ đứa trẻ thơ.

2) Giáo-dục bằng khí-tượng gia-đình.

3) Cha mẹ phải cùng chịu trách-nhiệm giáo-dục, không nên gợi cho đứa trẻ thơ phào ra bên khinh bên trọng bên thân bên sơ.

4) Phải phân-biệt hoạt-bát khác với lếu-láo, qui-củ khác với ngốc-dại.

5) Giáo-dục về điều nhân.

6) Giáo-dục về điều nghĩa.

7) Giáo-dục về điều lễ.

8) Giáo-dục về điều trí.

9 Giáo-dục về điều tín.

10) Giáo-dục về cách bỏ thói cẩu-thả.

11) Giáo-dục về tính cần-kiệm.

12) Giáo-dục về điều công-đức.

13) Giáo-dục về nghĩa tập làm kẻ quân quốc-dân.

14) Đối với con cái thơ-ấu, cha mẹ nói gì làm gì đều phải cẩn-thận.

15) Đánh mắng không bằng dạy khuyên.

16) Dì ghẻ phải chăm nuôi dạy con vợ cả cho tử-tế.

17) Người cha không nên mờ dối người mẹ, người mẹ không nên mờ dối người cha.

18) Sự quan-hệ về vú em, đứa ở trai gái.

19) Con cái đến tuổi phải cho đi nhà trường ngay.

20) Gia-đình với học-đường phải một khí-vị như nhau.

(Còn nữa)

Đỗ-Nam *dịch-thuật*

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TỤY-NGÔN
越南祖國粹言

XV

788— *Cất đó người, người cất thời ta* (1).
789— *Con cháu khôn hơn ông vải* (2).
790 *Cây vạy hay ghét mực tàu ngay* (3).
791— *Của phù-vân không chân hay chạy* (4).
792— *Có cấy có trông, có trồng có ăn* (5).
793— *Còn thuyền còn chèo, còn nước còn tát* (6).
794— *Cá còn ở dưới sông, vợ chồng thuyền-chài tranh nhau áo dài áo ngắn* (7).
795— *Cái tôm có hẹp gì bề* (8).
796— *Cà thâm bỏ góc chạn,*
Đến khi hoạn-nạn lại nhớ đến cà thâm (9).
797— *Cá tươi thì xem lấy mang,*
người khôn xem lấy đôi hàng lóc mai (10).
798 — *Con cóc nằm nép bờ ao,*
lăm-le lại muốn đớp sao trên trời (11).
799— *Cố công sống mấy nghìn năm,*
thử xem thửa ruộng mấy trăm người cày (12).
800— *Cao thành nở ngọn thì phường nhớ lâu,*
chót-vót cần câu thì lâu thấy phường (13).
801— *Chuối đàng sau, cau đàng trước* [(14).
802— *Chữa dép ruộng dưa* (15).

1) *Đó* là cái dồ đan, miệng có hom nan để đơm cá, đón vào chỗ dòng nước trên ruộng chảy xuống, cá theo nước chảy vào đó thì mắc hom không ra được. *Thời* là cái rỏ to đựng cá, đầu miệng cũng có hom.

Đây là cười người đời đều một máu tham mà thường gặp nhau. Tức như hai anh đồng-nghiệp cùng làm nghề đánh cá kia. Nếu anh có thời thì hằng chăm giữ lấy thời của mình để thu lấy cá, há chẳng đủ lợi rồi ư? Thế mà thấy cái đó của anh khác đơm, lại sinh lòng tham, đến dốc cả trong đó của nó. Ngờ đâu nó cũng tham như mình, nó đi qua chỗ để thời của mình, thấy vắng chủ thì nó bèn đổ mất cả cá. Thế thì so đi bù lại nó cũng tham chẳng kém gì mình, mà mình thì lại thành ra thiệt hại nhiều, là vì thời mình to mà đó nó bé. Vậy ai cũng lo giữ lấy của mình mà đừng mong hớt của ai thì chi đến nỗi. Câu này đã diễn ra làm một bài ngụ-ngôn trong tập thơ *Ngụ-ngôn* Hồ-nam-tử.

2) Ông vải, chưa hiểu chính nghĩa một tiếng « vải » ở đây là gì. Nhưng chỉ biết hợp lại cả hai tiếng « ông vải » thì là tổ tiên ông bà mà thôi.

Đây là nói cái lệ tiến-hóa vẫn như thế. Đời người ngày một khôn-khéo hơn lên, con cháu phải khôn hơn tổ-tiên thì đời mới là tiến-hóa. Chứ nếu con cháu mà lại vụng-dại hơn ông bà thì đời là thoái-hóa. Tiến-hóa thì đời mới hay, chứ thoái-hóa thì đời thành hủ-bại mãi đi, còn có thú gì nữa. Thế cho nên kẻ lấy câu này mắng kẻ hậu-sinh cho như thế là bất-hiếu thì thực là lầm, không hiểu cái lệ tiến-hóa lẫn lượt của loài người như đã chép ở trên lịch-sử đời thượng-cổ.

3) Mực tàu nảy thẳng, cây gỗ vạy bị bỏ hết không dùng làm đồ đại-dụng được, nên cây gỗ vạy ghét mực tàu thẳng.

Đó là lời để ví với kẻ bất-chính. Kẻ bất-chính đối với nghĩa-lý công-bình thì càng rõ chỗ xấu của mình ra m

không ai còn dong cho mình được, nên kẻ bất-chính cũng rất ghét những lời nghĩa-lý công-bình.

4) Của phú-vân là cái của bất-nghĩa mà phú quí, do lời nói của Khổng phu-tử mà thiên trên đã chú-giải tường rồi. Lẽ đời hễ dùng cách bất-nghĩa mà được thì lại bị mất bằng cách bất-nghĩa là sự thường, không tránh khỏi. Thế mà lúc bị mất lại chóng gấp mấy lúc được, cho nên nói là không chân mà chạy.

5) Đây là lời khuyên người ta làm việc gì mà vốn nó là việc có ích thì không sợ mất công bao giờ. Tức như việc cấy lúa trồng cây cũng vậy. Có cấy lúa thì thế nào cũng được trông thấy thóc, mà có trồng cây thì thế nào cũng được có quả mà ăn. Đừng ngại.

6) Lấy sự kiên gan của người trong cái thuyền nát giữa lúc phong-ba để ví mà khuyên cho người trong cuộc hành-động giữa lúc việc đời nguy nan. Việc đời tuy nguy-nan, nhưng kẻ hành-sự cứ vững tay mà làm thì có khi chuyển họa làm phúc được. Bằng kẻ hành-sự thấy sự khó-khăn mà nản lòng thì có khi việc chưa đến hỏng mà bị hỏng lây. Cũng như kẻ trở cái thuyền nát trong lúc phong-ba, nếu kẻ ấy đứng thấy sóng cả mà ngã tay cầm chèo, hễ thuyền còn thì cứ còn chèo, mà nước còn tràn vào thì cứ còn tát ra, như thế sẽ được thoát nạn tới bến cũng nên. Chứ kẻ chủ thuyền ấy mà thấy gió sóng to, thuyền nát bị nước vào nhiều, mà nản lòng mất vía không vững tay chèo, không tát nước ra nữa, thì lập-tức thuyền đắm và chết đến thân ngay.

7) Vợ chồng nhà thuyền-chài kia, mới trông thấy một con cá to lội ở dưới sông, thì hai vợ chồng đã chắc mầm thế nào cũng đánh được con cá ấy mà đem bán lấy tiền may mỗi người một cái áo. Nhưng nào đã chắc đâu rằng sẽ đánh được nó không, thật là chắc không đâu. Mà nhất là lại tức cười cho hai vợ chồng đều chửa chi đã giở chứng tham hơn, kẻ nọ tranh may lấy cái áo cho mình dài hơn kẻ kia. Ở đời cũng nhiều người mới mưu-đồ việc gì chưa đâu vào đâu mà đã tính đến chỗ thành công, tranh tị nhau quyền-lợi hão, thật không khác gì cái cách tham hơn tham hão của vợ chồng anh thuyền-chài này.

8) Ví với cái chỗ đã đại-thể thì cũng nên bao-dung cho một kẻ nhỏ mọn nào đó được nhờ ơn.

9) 1º Răn kẻ hoang-phí. Thấy có nhiều cá thịt thì khinh cá mà bỏ thâm và vất xó ở góc chạn, không thèm hỏi đến. Nhưng đến khi hết đồ ăn, lại phải giở cá thâm ra ăn vậy. 2º Ví với kẻ bạc-tình với vợ cả. Thấy vợ lẽ đẹp đẽ khôn-ngoan thì khinh vợ cả là xấu-xa dần-đại mà bỏ xó không thèm đoái-hoài. Nhưng đến khi hết của, bị tai-nạn, những vợ lẽ con hát hoặc gái giang hồ kia đều tếch xa, bấy giờ lại phải nhớ đến vợ cả gái xề vậy. Hai cái tình-trạng ấy ở đời thường thấy cả.

10) Mua cá thì phải vạch cả hai mang nó ra mà xem, hễ thấy cái go ở trong còn đỏ thì là cá còn tươi. Nếu go ấy đã thâm thì là cá ươn rồi, không sai được. Xem tướng một người con gái cũng thế. Phàm cô nào mà hai mươi tóc ở hai bên mặt chỗ gần tai gọi là tóc mai, hai mươi tóc ấy mà xanh và dày, mọc xa xuống nhiều, thì tất là gái khôn.

11) Đây là một câu thơ ngụ-ngôn. Con cóc kia thân-hình nhỏ mọn như quả bầm-bầm nằm nép ở chỗ xó bờ ao, so với vũ-trụ có thấm vào đâu. Đã không biết mình ở trong vũ-trụ không thấm vào đâu, đêm trông lên thấy những vì sao lóng lánh trên trời, cũng lại không biết những ngôi sao ấy cách xa mình thế nào. Cóc ta cứ thấy những vì sao ấy lóng-la lóng-lánh thì tưởng là những cái mồi trong sạch sáng-láng,

ngon mắt có thể xơi được, bèn lăm-le muốn đớp để nuốt phăng như đớp kiến mọi khi vậy. Ôi, ngu dại không biết phận đến thế là cùng. Ở đời những kẻ hèn ngu lại cứ vọng-cầu những sự quá sức mình, thực không khác gì con cóc này. Chuyện «*con nhái muốn to bằng con bò*» trong thơ ngụ-ngôn *La Fontaine* cũng ý ấy. Những câu thơ «*con cóc muốn đớp sao*» này còn cao-diệu hơn nhiều.

12) Đây là chê những kẻ tham-lam hay tranh vườn đất của người ta mà chê một cách rất sâu-sắc mát-mẻ. Ý nói: nhất điền thiên vạn chủ, từ xưa tới nay một thửa ruộng kia trải bao nhiêu người làm chủ. Nào thấy mấy ông nào truyền cho cháu, bố nào truyền cho con được mãi mãi. Vậy nay trở đi cũng thế khác gì. Thế mà kẻ ngu mà tham kia cứ muốn cho cái chỗ ruộng đất ấy là của mình vạn-đại. Không những thế lại muốn bao-chiếm mãi ra cho rộng vô-cùng. Vì thế ruộng thì sén bờ, đất thì rào lấn ra. Không biết rằng làm thế là mình mang tiếng tham mà sẽ lợi cho chủ khác đến sau. Lẽ tất-nhiên như thế. Chả tin kẻ ấy thử cố công mà sống đến mấy nghìn năm nữa mà xem thì sẽ thấy cái thửa ruộng mà mình nhận là của mình, mình lấn cho rộng ra bây giờ ấy, đến lúc đó không biết đã trải qua đến mấy trăm chủ khác cày rồi. Thế thì bấy giờ kẻ vị-kỷ ấy mới hối mà biết rằng: Ở đời muôn sự là của chung cả.

13) Dạy kẻ buôn-bán phải lấy sự chân-thật làm gốc mà đừng dùng cách giả-trá lừa khách hàng. Vì khách mua hàng tuy nhất-đán chưa kịp tách-bạch thế nào là thực là giả, nhưng hàng đem về dùng rồi thì cái thực cái giả sẽ lòi ra. Thực với giả đã lòi ra thì lòng người khách đối với nhà hàng yêu hay là ghét cũng quyết-định từ đó. Cái công-hiệu hay dở của nhà hàng cũng từ đó. Xem như nhà hàng bán muối kia, nếu đong muối bán cho phường bạn mà đong thực-thà cao thành nở ngọn thì người ta nhớ lâu mà đến mua luôn. Bằng đong giả-dối một cách chỉ có bề cao vót ngọn cần câu mà không có bề ngang, phường bạn đem về ao lại biết sự giả-dối thì người ta không đến mua nữa là mình thiệt.

14) Chuối thì quả sau buồng, cau thì quả trước buồng, đều dẫy quả mà ngon hơn những quả khác.

15) Dịch câu ngạn-ngữ của Tàu: *Qua điền nạp lý* 瓜田納履 = xỏ giầy ruộng dưa. Xỏ giầy ở ruộng dưa thì phải cúi lom-khom, dù không phải là có ý gì định lấy trộm dưa, nhưng kẻ coi dưa ở xa trông lại thì tất cho là cúi để lấy trộm dưa, mà không thể cãi được nữa. Đó là cái nghĩa tình ngay mà lý gian. Hiểu như vậy thì phàm sự gì có thể dễ để cho người ta ngờ, đều nên tránh.

. .

803 – Chết no hơn sống thèm (1).

804 – Chém tre chẳng dè đầu mặt (2).

705 – Chiếm hơn được, mùa hơn đêm (3).

806 – Chó gầy hổ mặt người nuôi (4).

807 – Chẳng ai nắm tay thân ngày đến tối (5).

808 – Chim khôn tiếc lông, người khôn tiếc lời (6).

809 – Chớ thấy sóng cả, ngã tay cầm chèo (7).

810 – Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó (8).

811 – Chúng - khẩu đồng - từ, ông sư cũng chết (9).

812 – Cha muốn cho con hay, thầy muốn cho trò khá (10).

813 – Chẳng tư-túi, chẳng giăng-hoa, cớ sao lại thiết việc nhà người dưng (11).

814 – Chim khôn vỗ cánh mới bay, người khôn khi nói dang tay đỡ lời (12).

815 – Chớ thấy sóng cả mà lo,
sóng cả mặc sóng, chèo cho có chừng (13).

816 — Chớ nghe « quân-tử » nói ôn,
có ngày lại phải nuôi con một mình (14).

817 Chớ thấy hùm ngủ vì ốt râu,
đến khi hùm dậy đầu-lâu không còn (15).

818 -- Chưa đánh được người mặt đỏ như vang,
đã đánh được người, mặt vàng như nghệ (16).

819 – Dục tốc bất đạt (17).

820 – Dưỡng hổ di hoạn (18).

821 — Dân chí ngu nhi thần (19).

822 – Dâu về nhà, mụ già ra ngõ (20).

1) Lời của kẻ vụ khoái-lạc nói phẩn. Cho rằng được no-nê thỏa-thích cho cái lòng vật-dục một lúc rồi bị cớ đó mà phải chết cũng cam, còn hơn là sống mà thèm khát về đó dủ đời. Song thèm là không được no chứ không phải là thiếu mất hẳn, người ta ở đời bị thèm mọi điều về vật-dục là thường, cho nên nhà đạo-đức phải an-ủi mà khuyên cho người ta biết hạn-chế bớt lòng vật-dục đi để mà sống một cách cao-thượng hơn. Trừ khi kẻ nào vì đói khát bách quá phải làm điều phi-pháp nhỏ để cấp-cứu cho sự sống thì nhà pháp-luật mới thứ cho. Hoặc khi vì bênh tự-do mà phải liều bỏ sự sống thì nhà luân-lý mới khen nhận. Còn câu này chỉ vì thèm mà đem sự sống đổi lấy cái no một lúc thì thực là ngu. Vì rằng chết rồi thì cái no có còn đâu. Ấy cũng vì cái tư-tưởng khoái-lạc về vật-chất ấy quá thịnh, mà nhiều kẻ cam liều thân danh một đời để đổi lấy sự no-thỏa một lúc. Nhưng đến sau khi được no thỏa rồi, thì cái khổ-thống cứ đeo-đẳng mãi, chứ nào đã chết cho.

2) Mỗi đóng tre có một đốt xương chỗ đốt xương có một đám cành đâm ra gọi là đầu mặt. Chỗ ấy rắn lắm. Chém tre mà không để chỗ đầu mặt ấy ra thì mẻ dao ngay. Đây là ví với kẻ hay bắt nạt người mà không biết để những người cương-ngạnh ra.

3) *Được* là ruộng gieo mạ. Lúa chiêm quan-hệ ở được tốt xấu, được tốt hơn thì lúa tốt hơn. Lúa mùa quan-hệ ở mạ gieo sớm muộn, mạ sớm hơn một đêm là lúa tốt hơn.

4) Ví với sự đối-đãi bảy tớ. Bảy tớ mà đói rách thì hổ mặt cho chủ, cũng như chó nhà nào gầy thì hổ mặt cho người nuôi nó. Vì nếu hai người chủ ấy phi ác-nghiệt thì nghèo đói quá mới để cho bạn giúp mình khổ-sở như thế.

5) Trong một ngày, cái tay người ta có lúc nắm lúc buông, không ai tài nào nắm chắc cả ngày được. Cũng như trong một đời người có lúc thịnh lúc suy, không ai tài nào giữ chắc lấy sự phú-quí hanh-thản chung-thân được. Vậy thì kẻ có gặp lúc hanh-thản cũng đừng có chắc vững là mình nắm được sự phú-quí ấy ở trong tay mãi-mãi đâu.

6) Dịch ở câu ngạn-ngữ Tàu: « *Phượng-hoàng tích kỳ vũ mao hiền-giả tích kỳ ngôn-ngữ* 鳳凰惜其羽毛, 賢者惜其言語 = » = Chim phượng-hoàng tiếc cánh lông của nó, người hiền-giả tiếc lời nói của mình. Đây dịch là chim khôn với người khôn cũng thế. Chim sở-dĩ cho người phải quí là ở cái lông đẹp, người sở-dĩ đáng cho đời tôn-trọng là ở có lời nói hay. Thế cho nên con chim nào có lông đẹp mà khôn thì nó xa lánh những nơi dò bẫy khỏi bị người bắt được, ấy là nó tiếc cái lông của nó đó. Người ta cũng vậy, người nào đã có lời nói hay đáng làm khuôn mẫu cho đời, đáng cho đời tôn-trọng, thì tức là người khôn hơn kẻ thường. Người ấy tất lựa chỗ lựa lúc và lựa người mới đem lời nói của mình mà thổ-lộ ra. Đã thổ-lộ ra như thế là tất có ảnh-hưởng tốt cho đời mà không uổng công nói. Chứ không phải bạ chỗ

nào, bạ lúc nào và bạ người nào mà người khôn cũng thổ-lộ lời nói của mình ra đâu. Ấy thế là người khôn tiếc lời nói của mình đó.

7) Xem giải-nghĩa ở câu «*Còn thuyền còn chèo*» đoạn trên.

8) Nói về trong anh em còn chung một cái gia-sản của bố mẹ. Gia-sản ấy còn để chung nhau thì coi ra giàu đấy. Nhưng đem mà chia đều ra cho các anh em chị em mỗi người một phần thì mỗi người có được là bao mà chả là nghèo. Vậy kẻ làm con trong cái gia-sản đông con, phải sớm tự-lập lấy nghề nghiệp cho mình, chứ đừng thấy gia-sản khá giàu mà ai nấy đều ỷ-lại cả vào đấy. Ỷ-lại thế đến lúc chia ra không được là bao, thành khốn-khó mà hối không kịp — Một nghĩa nữa nói về những người chung vốn để buôn bán với nhau. Nếu cứ để cho công-ty quản-lý thì là giàu mà dễ làm, sẽ được lãi chia nhau mãi mãi. Chứ đem giải-tán công ty mà chia vốn thì được mỗi người có là bao mà hại chung cả.

9) Pháp-luật ấy lời chứng làm hệ-trọng, cho nên từ-bỉ tuyệt dục như ông sư mà các miệng chứng-tá đã đồng một lời là có làm việc dâm đạo ấy, ông sư ấy cũng chịu chết mà không chối được. Lý như thế là đúng rồi. Song cũng vì thế mà kẻ điêu-ngoan có khi dùng chứng dối mà làm điên đảo công-lý đi được. Câu này là có ý muốn pháp-luật hoặc dư-luận còn phải xét thêm về tình tiết nữa kia. Bởi vậy muốn cho công-bằng, pháp-luật và dư-luận phải xét rộng đến tâm-lý, đến bình-nhật của kẻ phạm, xét lại những kẻ chứng có ơn thù, có vì lợi riêng gì với kẻ phạm, thì kết-luận mới đáng mà kẻ phạm mới không oan.

10) Cứ cái thương-tình của cha của thầy như thế thì biết kẻ nào làm con của người cha hay, làm học-trò của người thầy khá, mà kẻ ấy không hay, không khá được, là tự kẻ ấy, chứ không phải do cha hoặc thầy tiếc công với nó.

11) Đây là để đoán biết chỗ gian-tình của đôi trai gái. Việc trong nhà của người đưng là người không có thân-tình bầu bạn xưa nay, thì dù người nghĩa-hiệp đến đâu cũng không dám thiết-tha làm giúp. Thế mà nay người con trai hoặc con gái này thì thiết-tha làm giúp việc trong nhà của người con gái hoặc con trai kia, mà xét ra đều là người đưng với nhau, vậy quyết là họ có tư-tình trăng-hoa với nhau chứ không sai.

12) Những người có tài biện-luận, khi nói thường hay giơ-giang cái tay lên để làm mẫu, hoặc để đỡ cho lời nói thêm hùng-hồn vui-vẻ, cũng như con chim khôn lúc nó sắp bay thì nó vỗ cánh để lấy sức vậy.

13) Lúc sóng cả kẻ chèo đò tất phải cố-sức mà chèo để giữ cho đò khỏi nguy-hiểm. Song cũng phải chèo cho phải độ có chừng thì mới đủ sức bền lòng mà chống với sóng cả. Nếu thấy sóng cả mà sợ hãi quá chèo mạnh quá chừng thì sẽ hết sức bị mỏi-mệt mà không chèo được nữa, đò chưa đắm mà người đã kiệt-lực chết rồi.

14) Tiếng «quân-tử» dùng vào trong những lời người con gái trách kẻ tình-lang, thường là ý nói nhại. Nghĩa là trỏ ra một kẻ vô-hạnh khéo nói mà vẫn tự-xưng là quân-tử. Nói ôn là nói một cách ôn-thót dỗ người dễ xiêu lòng nghe mình lúc đó, rồi không thủy-chung giữ lời nói của mình. Vậy người con gái khôn chớ dễ dạ mà bị kẻ bạc-tình lừa dối. Vì thường là hắn chỉ cầu lấy thỏa tình-dục một lúc, rồi ăn lời mà bỏ lụy cho mình một đời.

15) Đây là dạy kẻ đũng phải có mưu. Hùm tuy mạnh, người ta thường bắt được, chứ có ai sợ hùm đâu, nhưng

bất phải có mẹo. Nếu thấy hùm ngủ, nghĩ là nó hiền mà vào vuốt râu nó, thế là tiểu-nhân ngu dại chỉ làm cách lão-nhờn mà thôi, chứ không biết sức mình với sức hùm thế nào mà dám không phòng-bị gì. Không biết rằng nghịch-ngợm lão-nhờn như thế, nó thấy đông mà thức dậy thì nó càng tiện mà cắn chết. Coi đó thì đối với kẻ cường-bạo cũng vậy. Có muốn trị kẻ cường-bạo thì phải có mưu, chứ đừng làm cách nhờn-lão vô trí như thế mà dại.

16) Cười kẻ hung bạo hay vì tức-bực một tí là cậy khỏe đánh người. Coi mặt kẻ ấy lúc chửa đánh được người thì hăng máu lên mặt đỏ như mầu vang. Đến khi đánh được người rồi thì sợ pháp-luật trị tội mà thất-đảm đi, mặt tái mét mất cả máu mà vàng ra như mầu nghệ. Thật là tiểu-nhân. Chứ thực quân-tử thì khi giận khi sợ, nét mặt vẫn hồn-nhiên không đổi sắc. Có dâu hung-bạo đấy mà nhát sợ ngay đấy như thế.

17) *Dục tốc bất đạt* 欲速不達 là muốn chóng không thành, đây là lời ngạn Tàu. Việc gì cũng vậy, làm phải có thứ-tự mới thành. Nếu việc phải lâu mà muốn chóng xong thì tất còn khiếm công-phu, thành-đạt sao được.

18) *Dưỡng hổ di hoạn* 養虎遺患 là nuôi hùm để lo về sau. Cũng là lời ngạn Tàu. Đây là ví với sự dùng kẻ gian ác, cũng như nuôi hùm. Nếu phòng-bị nó bất-cẩn một tí thì nó sẽ cắn chết mình ngay. Vậy đối với kẻ gian-ác phải nên cẩn-thận.

19) *Dân chi ngu nhi thần* 民至愚而神 là dân rất ngu mà lại rất linh-thiêng. Cũng là lời ngạn Tàu. Ngày xưa về đời quí-tộc cho tất cả những người không làm quan thì là dân. Khác với cái nghĩa chữ dân ngày nay, phàm ở trong một nước ai cũng là quốc-dân cả. Người dân ngày xưa ít được học, chuyên đứng địa-vị bị-trị, làm nghề lao-động. Bởi vậy trí-khôn ít mở mang mà ngu-độn thực. Cũng vì thế mà thường bị quí-phái khinh-khi đè nén. Nhưng thiên-lý tại nhân-tâm, người dân ấy tuy ít học mà ngu-độn thế, tuy bị khinh-khi đè nén thế, thế mà khi họ đã hiểu lẽ gì phải trái, thì họ lại một loạt cùng nhau hiểu như thế cả. Thật là họ lại thiêng-liêng như thần-thánh vậy. Vậy đừng thấy họ ít học mà khinh họ là ngu mãi.

20) Cái vấn-đề mẹ chồng với nàng dâu ở Việt-Nam ta, thực là khó giải-quyết đã lâu lắm rồi. Hai mẹ con nhân-hợp ấy phần nhiều dường như trời sinh sẵn tính kỵ-khắc nhau. Ít được mấy nhà mẹ chồng nàng dâu thương yêu nhau, mà phần nhiều chỉ thấy, không mẹ chồng ngược-đãi con dâu, thì lại con dâu ghét mẹ chồng. Trong một nhà mà thành ra có hai người gia-chủ, bà chủ già với bà chủ dự-bị hằng bất-hòa với nhau, thì gia-đình còn lấy gì làm hạnh-phúc nữa. Thậm-chí, nhà thì vì mẹ chồng cay-nghiệt quá, khiến cho nàng dâu không ở được mà đôi trẻ đến phải rẽ thúy chia loan. Có người nàng dâu nghĩ quẩn mà quá liều thân tự-tận. Nhà thì vì nàng dâu đanh-ác, khinh dể mẹ chồng, coi mẹ chồng như đứa ăn đứa ở, hoặc phải lìa con mà ra đi.

Gặp những gia-cảnh ấy, kẻ làm con, làm chồng thực là khó xử-trí. Được lòng mẹ thì mất lòng vợ, được lòng vợ thì mất lòng mẹ. Quá ra thì có mẹ không có vợ, có vợ không có mẹ. Mà một điều rất quái-ác là được người nàng dâu hiền thì bị người mẹ chồng dữ, mà được người mẹ chồng lành thì bị người nàng dâu ác, như thế là thường. Cho nên người con trai chí-hiếu với mẹ thì dành dứt tình cầm-sắt mà vẹn ơn cốt-nhục, mà người chồng thâm-tình với vợ thì đành phụ đức cù-lao mà phỉ lòng tình-ái. Xét ra hai cái tâm-

lý của mẹ chồng với nàng dâu sở-dĩ kỵ-khắc nhau như thế, chỉ vì cái vấn-đề quyền-lợi trong gia-đình mà ra. Bà chủ già thì muốn giữ lấy quyền lợi chủ-trương gia-đình cho tới cùng mà bà chủ trẻ thì muốn thu lấy quyền-lợi chủ-trương gia-đình ngay từ lúc mới về. Ấy bởi thế mà cái ác-cảm gây lên từ đó.

Vậy muốn trong chỗ mẹ chồng nàng dâu được tương-an thì không gì bằng phải lo xa tính trước ngay : Một là cho ra ở riêng ngay. Hai là nhà hiếm con hoặc nhà nghèo, hoặc cha mẹ già yếu, hoặc bà góa, mà phải ở chung, thì gặp cảnh thuận mà mẹ chồng hiền con dâu thảo, cố-nhiên không phải nói. Còn gặp cảnh mẹ chồng nghiệt thì người con dâu phải nhớ câu : « *Mẹ chồng già, mẹ chồng chết ; nàng dâu có nết, nàng dâu chừa* ». Con trai thì đối với mẹ phải che chở cho vợ, đối với vợ phải tự hiếu-kính cha mẹ mình để làm gương. Còn về phần mẹ chồng thì không gì bằng tự thực-hành ngay câu trầm-ngôn : « Dâu về nhà, mụ già ra ngõ ».

Đàn bà gọi «*mụ*» cũng như đàn ông gọi «*bố*» là hai danh-từ trỏ nghĩa ra những người ở địa-vị phụ chứ không phải chủ-trương. Đây gọi mẹ chồng là «*mụ già*» tức là tỏ ý thoái-vị để nhường cái ngôi gia-chủ cho nàng dâu rồi đó. Muốn nhường như thế thì ngay từ khi nàng dâu hay là bà chủ dự bị mới về, bà chủ già nhường ngay gia-chánh cho hẳn, mình tự đứng làm địa-vị mụ già mà ra ngõ chơi bời để cho đôi trẻ được tự-do dạy bảo nhau.

Mẹ chồng nghèo, già yếu cố-nhiên nên như thế. Mà mẹ chồng đảm-đang gây dựng nên cơ nghiệp ấy cho con, cũng nên tính cái cách ra ngõ chơi bời, hoặc còn khỏe thì làm việc gì thêm khác, mà chỉ giám-đốc cái đại-cương ở trong gia-đình mà thôi. Làm như thế là người mẹ chồng tự nghĩ rằng : Người nàng dâu ấy do con tự tìm được, hoặc do cha mẹ tìm giúp, nhưng cũng là người tìm về để thừa-kế cho cái gia-đình hiện-tại và tương-lai của con. Cha mẹ nghèo thì thôi, mà giàu thì rồi để cho con chứ còn để cho ai. Thì chi cho bằng giao ngay một phần quyền gia-chính cho đôi trẻ được cai-quản, được tự-do yêu-thương nhau, mà thí-nghiệm xem tài-năng cùng tình-ái của đôi trẻ ra thế nào. Như thế người nàng dâu được có quyền, được thỏa-mãn sự yêu-thương với chồng nó, tất nó phải nghĩ đến người sinh-thành ra chồng, người cho nó quyền-lợi gia-đình ấy, mà cảm ơn mẹ chồng, hiếu-kính mẹ chồng.

Bằng trái lại, người nàng dâu đã không được quyền, lại không được vợ chồng tự-do luyến-ái nhau, vẫn phải bó-buộc hạn-chế trong cái không-khí chật-hẹp khốn-đốn, thì bà chủ sau oán bà chủ trước, trả thù bà chủ trước, tuy là thói tiểu nhân bất-hiếu, nhưng cũng là cái ảnh-hưởng xấu tự đó phản-động lại.

Còn như nhà giàu lo nàng dâu có toàn-quyền về sản-nghiệp, thì nó sẽ ăn hoang làm hại. Nhà nghèo lo nàng dâu có toàn-quyền với chồng nó, nó sẽ khinh-miệt cha mẹ chồng. Thì phải biết còn có con trai mình nữa kia mà. Nếu con trai mình mà hư-hèn không chủ-trương được gia-đình, không cảm-hóa được vợ, thì cũng không biết lo thế nào cho cùng được.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

KONTUM TỈNH-CHÍ
崐崇省誌

III

5. - Dân Mọi và phong-tục Mọi

Chánh-trị. - Mọi đầu-thủ có làng, tổng, huyện. Tổng-thừa, huyện-thừa và lính trạm Mọi đều ăn lương ngân-sách Nam-triều, song không có gì liên-lạc với quan An-Nam cả. Hiện nay ở *Kontum*, 1 huyện thổ, 2 huyện thừa, 21 chánh-tổng Mọi, và 11 lính trạm Mọi có ăn lương. Mọi đầu-thủ, chuyện gì làng tổng xử không xong, phải đem tới tòa-án như đã nói trước này.

Tới tòa-án thì cũng xử theo phong-tục nó. Khi đi kiện, đứa nào không biết nói năng rành rỏi, thì có đứa đi theo làm thầy-kiện để bẩm thưa cãi chối thay. Đàn bà làm thầy-kiện cũng có.

Lúc trước Mọi lại có thói kêu bằng « *Blah kodi* » là tự trả-thù lấy. Thù ai hay là bất-bình ai chuyện gì, ai lấy đồ đoàn, ăn cắp ăn trộm, đánh đập chém giết, thì bất kỳ nó gặp người ấy cũng trả thù lại. Người này cũng cứ xử theo cách ấy với người sau. Nay có tòa án, Mọi đầu-thủ đã bỏ dần thói ấy.

Làng xóm. — Làng Mọi, trước cái tên có chữ *Dak, plei*, hay là *Kon*, (*Dak* = sông, *Plei* = làng, *Kon* = làng) như *Dak-tô, Dak-xut, Dak-ha... Kontum Kon-plong, Kon-hà-bàn... Pleiku, Plei-Bon, Plei-pim...* Anh nào cường-hào trong làng thì lấy tên anh ấy, hoặc anh ấy lập làng xóm ra, như *Plei-pim* là làng *Pim*. Có khi lại đặt liu hơn nữa : như *Ban-mê thuột*, tiếng Mọi bên ấy, nghĩa là làng của cha thằng Thuột. Tên tổng lại theo tên chánh-tổng đương-thứ mà kêu, như tổng Tuân là vì anh chánh-tổng tên Tuân. Anh ấy thôi, anh khác lên thế, thì kêu tổng khác.

Nhà cửa. — Trong làng Mọi thường là một đám nhà cao cẳng, giữa có một cái cao hơn hết và rộng-rãi, kêu bằng « Nhà rông ». Nhà Mọi thường thì riêng, song có làng lại làm nhà lớn, nhiều chủ ở chung với nhau. Trên thì ở, dưới nuôi súc-vật, tối lại bò, heo, về ngủ. Còn con trai chưa vợ, thì ngủ trên « Nhà Rông ». Theo cách đời xưa, làng này đánh phá làng khác, khi giặc tới, thì bọn ấy sẵn-sàng, đi chống-cự ngăn đón trước. Nay thì không nguy hiểm như xưa nữa, song tục ngủ « Nhà rông » cũng vẫn còn. Trong các làng có đạo, các cha cố cũng muốn giữ cái tục đó lại, để cho bọn trai tráng, chưa vợ con, đêm hôm khỏi trai gái đào dĩ.

Thỉnh-thoảng đi giữa đường, lại có chỗ thấy chừng xóm nhà nhỏ nhỏ, cao chưng, tứ phía kín mít. Ấy là những kho Mọi để lúa, mỗi người một cái, hoặc mỗi nhà một cái, không ai chung với ai, không ai lấy của ai.

Áo quần. — Cách ăn mặc của Mọi rất đơn-sơ. Thường đàn-ông chỉ có một cái khố nhỏ, đàn-bà chỉ một cái chăn ngắn. Đứa nào lã hóa lắm thì có một cái áo cụt. Đứa nào giàu có, có một cái mền để khi lạnh mà choàng. Lại có một cái chăn dài hơn vấn tới vai để khi đình-đám hội-hè, và tới quan.

Nhiều người, tưởng đã gần quan Tây, quan An-Nam, và chung-lộn với người An-Nam lâu, dáng lẽ văn-minh lắm. Song khi đi làm việc thì mặc áo quần, khi về thì cởi để lại, vì cho sự bận

áo quần là bó-buộc cực-khổ. Vậy như bên Đức, cổ-động sự trần-truồng (*Nudisme* thì cũng không phải thuyết mới.

Trang-sức. — Mọi, bất-kỳ đàn-ông, đàn-bà, cũng ưa đeo kiềng, vòng, hột. Thường cũng đeo bông tai và cà-răng hàm trên. Mình năng kêu bằng Mọi « Cà-răng căng-tai ». Mọi ở *Kontum* thì không căng-tai, chỉ đeo bông, chớ không đeo đến lon sữa bò.

Ăn uống. — Mọi ăn uống không dùng chén đũa, chỉ bốc mà thôi, nay những Mọi gần người mình lâu thì bắt-chước mà dùng đũa chén, và cũng có cách sạch-sẽ hơn.

Sanh-lý. — Mọi, thường làm rẫy (Hỏa điền). Theo thói thường thì đốn cây, đợi cho cây khô rồi đốt cháy, gốc thì cứ để yên. Khi cháy rồi, nó lấy cái dùi, thọc những lỗ dưới đất, bỏ lúa bắp, đậy khoai . . . vùi lại, đến khi có hột, có trái, có củ, thì đi cắt, hái, đào bới, chứ thường không chăm nom gì đến. Cái tro ấy cũng làm cho đất tốt được vài ba năm. Rồi đi chỗ khác làm như vậy nữa.

Mọi cũng nuôi súc-vật nhiều, như ngựa, trâu, bò, heo, dê, song không nhốt lại, cứ thả đi ăn cùng từng cùng rú, khi nào mất thì đi tìm.

Mọi cũng có đổi chác thường. Như người mình lên các làng Mọi đem những đồ nó cần dùng, như mền, nồi, chiêng, muối v. v. đổi lấy heo, bò, về bán lại. Mọi ở xung quanh *Kontum* cũng biết buôn-bán, lấy bạc đồng, bạc cắc, xu.

Mọi ưa các thứ ghẻ, mình thấy không cho ra gì. Những ghẻ ấy có thứ « xà tốt », « cà-năng » .. Có khi bảy tám trăm đồng một cái.

Chúng nó không có công-nghệ gì, chỉ đan gùi, chiếu bằng lá, dệt chăn sơ-sơ.

Chúng nó cũng đi làm thuê làm công như người mình, và làm việc có cách chí-thú, lo-lắng. Thường người mình thuê bằng muối cũng có, trả tiền cũng có.

Tính-khí. — Mọi, thường thiệt-thà. Trừ ra những chú ở thành-phố, các chú lính khố-xanh, có hóa, nên điểm-dường, còn thì thiệt lắm. Như buôn-bán giá bao nhiêu nói một tiếng, thiếu một xu cũng không, như năm xu thì đưa 5 đồng xu, chớ đưa đồng xu 5 thì không muốn. Như gặp Mọi bán trứng gà, cách xa *Kontum* 10 cây-số, bán 10 cái hai cắc, theo giá *Kontum*, chứ không bớt một xu. Như 19 xu thì nó cũng đem cho tới *Kontum* mà bán, chớ không kể xa-xôi, công đi đứng gì cả. Mới rồi tòa án xử một việc An-Nam và Mọi. Mọi đòi đến 200$. Quan Công-sư nói 200$ nhiều quá, chừng 100$ đã đúng. Nó nói rằng để nó hỏi lại chú cai Mọi (lính khố xanh đã đi đòi nó về hầu kiện) vì chú ấy vẽ đòi 200$, như chú cai chịu 100$ thì nó cũng đành.

Tính Mọi rất khí-khái. Như ai đánh tới nó thì đi kiện. Ở *Kontum* không được đánh Mọi. Mọi có chuyện gì đi kiện mà thôi. Nó lại có tánh hiếu-khách, như người mình lên buôn với Mọi, có khi ở nhà nó, nó nuôi ăn trót tháng cũng không tính tiền nong gì.

Văn-tự và ngôn-ngữ. — Mọi không có văn-tự gì. Chỉ mới sau này có học-trò Bà-nà, Xa-đăng, đi học, mới ám theo tương-tự quốc-ngữ mà thôi. Tiếng Mọi thì khác nhau. Người biết tiếng Bà-nà, không biết tiếng Xà-đăng cũng có, người mình đi buôn với Mọi, cần rành tiếng Mọi.

Mọi không biết số mục. Đi kiện, tòa án phải lấy đá, gạch mà chỉ cho nó thấy mà đếm. Lại Mọi không nhớ tuổi bao giờ. Hỏi tuổi thì nói «tôi sinh ra đã lâu». Tuổi con thì nói ăn ba mùa bắp, bốn mùa bắp..., năm sáu mùa đã lộn-xộn trong trí, tính không ra.

Tín-ước. — Mọi không có giấy-má chi, chỉ lấy lời hẹn làm tín. Có chuyện gì quan-trọng, mời làng xóm làm chứng.

Khi nào có kết bạn-hữu với nhau hay với người mình (Krao bố) khi hai bên đã thuận tình, làm một con gà, hay là heo bò, tùy theo giàu nghèo, gài một ghè rượu, rồi ăn uống với nhau. Từ đấy về sau, có chuyện gì phải giúp đỡ nhau.

Đàn-bà. — Đàn-bà Mọi làm việc nhiều lắm. Mỗi buổi mai dậy sớm, đi lấy ống tre hứng nước, (nước ở mấy chỗ giọt có suối) về chọt lúa nấu cơm. Lúa ấy mỗi ngày mỗi làm chớ không chịu làm một lần cho nhiều mà để dành. Ăn uống rồi mới đi làm rẫy.

Những phần việc ấy là phần việc đàn-bà. Dầu có « bày tớ » (mắc nợ không trả được phải ở tớ) trai, thì bày tớ trai cũng không làm.

Cưới gả. — Tục Mọi cưới gả sớm. Chúng nó gả bán với nhau, song người mình lấy Mọi cũng nhiều, chứ ít có Mọi lấy người mình. Có người mình, Mọi bắt lên, sau chung lộn với Mọi mà không chịu về nữa. Ăn ở trần-truồng như Mọi, không khác gì.

Cách sanh đẻ của Mọi rất dễ-dàng. Đàn-bà đẻ con vài ba ngày thì dậy đi làm rẫy.

Khí-dụng — Đồ dùng của Mọi rất ít. Đi đâu cũng mang một cái gùi, trong ấy đựng được nhiều đồ lắm. Gùi cũng có nhiều kiểu, có kiểu ba lá ăn theo cái lưng, có cái có nắp. Con nít cũng mang gùi nhỏ. Hết cái gùi, vật cần là cái ghè để đựng nước, đựng rượu, cái nồi... Chỗ giàu có, thì có mền, chiên, đồng-la.

Khí-giới thì có cung, tên (thường khi có thuốc độc) cái kiện để giữ mình, cái mác dài, mác cụt. Mọi Xá-tăng thì đan, dệ và ren khéo hơn.

Lễ-lượt, nhạc-khí. — Khi xong mùa-màng, Mọi năng chơi bời yến-ẩm. Giết trâu, bò, heo, dê, « ròn » rồi ăn uống với nhau. Làng này đến làng khác, nhà này đến nhà khác, « ròn » thì một người đàn ông mang cái trống lớn đi trước, lấy hai tay đánh vào, còn sau thì đàn ông có, đàn-bà có, cầm chiêng đi theo mà đánh. Chiêng, mỗi bộ ba cái lớn nhỏ « Hòn » như vậy suốt đêm, suốt ngày, không nhàm ..

Lễ tang. — Tục Mọi, khi người chết chôn rồi, có để cái ống tre từ trong hòm mà ra khỏi mặt đất. Thường ngày vợ con thân-thích tới khóc lóc cho ăn-uống...

Cách một năm thì làm lễ « bỏ mả ». Ngày ấy bắt trâu, bò, heo (tùy nghèo giàu) cột lại, bà con làng xóm tới « ròn ». Đi một chặp thì đâm trâu bò ấy một mũi lao, đến khi nó chết thì lột da, xẻo thịt, thui sơ sơ rồi ăn, uống rượu với nhau. Song lễ thì không tới thăm viếng cái mả ấy làm gì nữa.

Mả nhà giàu xung quanh có thành bằng gỗ, có tượng người ngồi xung quanh. Ấy là những người hầu-hạ, như cách nộm của người mình.

Lại còn khi nào người chết chôn rồi thì những đồ gì của người ấy đều đem bỏ trên mả, như chiêng, nồi đồng, ghè, v.v.. Lúc trước, mấy làng Mọi xung quanh *Kontum* cũng giữ thói ấy. Sau, bị người mình lấy quá, cho nên bây giờ nó làm những chiêng, ghè, hũ, nồi, bằng gỗ, xem cách vụng-về lắm, để trên mả mà thế đồ thiệt. Còn có chỗ thì ghè sợ mất, thọc cho thủng đáy đi, song cũng cứ mất; người mình lấy rồi và lại mà đi bán. Những thói ấy, các chỗ mới đầu-thú, người mình ít lên thì Mọi còn theo cả. Như mới rồi, ở *Konplong* có mộ người mình đi buôn Mọi, vào nghĩa-địa làng ấy, lấy 3 bộ chiêng và 62 cái nồi đồng. Mọi đi kiện, phải trả lại, bồi thêm 100 đồng và bị tù nữa.

Dị-đoan Mọi. — Mọi làm tượng thần (lang) mà thờ, và tin rằng, người sanh

ra ở đời, ai cũng mắc nợ với thần, không khi nào trả cho hết. Nên phải cúng vái luôn.

Lúc trước, thứ thần dữ nhất là thần đậu trời (*Variole*). Mọi sợ thần « đậu » cho đến nỗi không dám nói tới tên. Nguyên đời xưa có một lúc, Mọi đều bị lên đậu mà chết nhiều lắm. Sau nghỉ đến năm 1850 mới có lại một lần rất dữ tợn, từ làng *Plei-Rohai* mà tràn ra hết thảy các làng, Mọi chết nhiều vô-số. Mọi sợ cho đến nỗi cha mẹ bỏ con, vợ bỏ chồng... hễ lên đậu thì cả nhà không ai còn ở lại, đều trốn hết, người bệnh, không ai săn-sóc, đói khát, mà phải chết. Sau lần lần, trồng đậu đã quen, nay ít sợ thần ấy nữa, chớ như xưa thì các làng đều rào lại hết.

Làm ruộng đất, cày cấy không được dùng trâu bò, sợ thần giận. Ai dùng trâu bò mà cày thì bị sét đánh, những làng có đạo, đã bớt tin. Mọi thấy người mình cày cấy, có chỗ cũng bắt-chước theo, song còn sợ lắm, phải cúng vái trước cho thần bớt giận, và trong khi cày, gặp sự gì sơ-sơ một chút thì bỏ cày mà không cày nữa.

Theo dị-đoan Mọi, khi chưa tỉa hột lúa nào, không tỉa bắp, đậu, mè gì hết, vì sợ thần Lúa (lang Xơ-ri) giận, sẽ phạt đau ốm.

Mọi tin rằng người tế cây, chết trôi, rắn cắn, sét đánh là « chết xấu » (Khat mê) phải phạt tạ cúng-cấp.

Khi làng nào có việc xấu-xa, rủi-ro, thì « mắc cữ » (Ding kan) không cho người ta tới

Tổng luận. — Mọi xem cl ứng cũng có thể khai-hóa được, song phải các sức kiên-nhẫn, và hết sức lâu. Như thế cha cố ở xứ này đã 80 năm trời, mà xem cũng còn ít đứa Mọi hóa thiệt. Lại đối với Mọi khi nào cũng phải rất công-bình, và có mặt luôn, như xoay lưng lại là rồi chuyện.

Phong-tục Mọi thì còn nhiều lắm. Trước đây chúng tôi chỉ nói những việc đại-khái mà thôi, những việc mà thường ngày ai cũng nghe thấy, chứ như biết cho rành thì cũng chưa ích chi. Người An-Nam lên đây, nhiều người nói được đôi ba thứ tiếng Mọi, nhất là những người năng đi « buôn mọi ». Trong tụi ấy lại có người làm thầy pháp, thầy bói cho nó được nữa. (Bơ-jâu).

TÔN-GIÁO

I. — Đạo Thiên-chúa

Các cha cố, đời đức Thiệu-trị, Tự-đức, ở các tỉnh trung-châu bắt đạo dữ lắm, cho nên đem một ít bổn-đạo An-Nam lên đây mà trốn.

Ban đầu, cũng thiên-nan vạn-nan, lắm khi cay đắng. Lúc mới lên thì giao-kết liên-lạc với Mọi Bà-nà, cho nên các giống Mọi kia đều cho là kẻ nghịch thù mình. Nó kêu các cố bằng « An-Nam trắng », và lắm khi đến cướp bóc đánh phá luôn.

Song lắm khi cũng nhờ Mọi lắm. Như năm 1854 ở tỉnh Bình-định, sức bắt đạo dữ lắm, nhờ một người Mọi, tên là Ông-Khiêm mà thoát nạn. Ông-Khiêm này là một người Mọi, làm Thổ Tri-phủ, song lúc ấy Thổ Tri-phủ không ăn lương và ở làng *Plei-bon* (gần Suối dôi) và có việc gì thì giúp cho Kinh-lý-nha tại An-khê.

Vì Ông-Khiêm này có quen biết thân thiết với cha cố, cho nên khi quân lính tới, thì ông ta đã tin trước cho mà trốn đi, và khi ông ta dẫn lính đi lầm-nã thì cứ đem đi, hết núi này qua núi nọ, đi đến đâu cũng nói chưa tới, cho đến đỗi bọn đi tìm phải ngã lòng nản chí mà trở về.

Các cha cố cũng chỉ vẽ cho dân trồng tỉa và cũng đổi tính khí được thuần hơn.

Thường chúng tôi nói chuyện với các cha cố, và đến những làng Mọi xa, có các cha An-Nam, nói chuyện với họ, thấy họ cũng có tánh rất kiên-nhẫn,

mới kết-quả được như vậy. Như các cha An-Nam, chỉ một mình với ba bốn chú, ở giữa các làng Mọi. Hỏi ra thì đến tới 800, 1000 bồn-đạo Mọi, và cũng có chân-tu mới chịu nổi với chúng nó. Như mỗi khi đọc kinh xem lễ phải đi kêu nó, nó mới tới. Về nhà thờ ngồi xoay lưng sấp mặt, khạc nhổ như thường nếu nói nặng thì nó không đến nữa.

Làng Mọi lại năng dời đi chỗ này chỗ khác, nhứt là những làng không có ruộng, chỉ làm rẫy mà thôi, vì năm này làm rẫy chỗ này, năm khác làm rẫy chỗ khác. Mỗi khi Mọi dời làng xóm nhà cửa nó, thì cha phải dời nhà thờ đi theo. Chúng tôi nói với một cha An-Nam rằng : « Đó là cha theo Mọi, chứ không phải Mọi theo cha »

Còn Mọi theo đạo chứ về nhà cũng vẫn theo tục nó, cứ giết bò, heo, cứ « ròn » như thường. Như nó theo thì cha cố cũng phải theo một bên lưng luôn, rời ra thì hết.

Từ khi lập địa-phận *Bahnar* cho đến nay đã hơn 65 năm. Ban đầu thuộc về đức Giám-mục Qui nhơn coi, trên *Kontum* chỉ đặt một cố cả (*Provicaire*) cho đến năm 1933 mới đặt một Giám-mục riêng coi *Kontum*, *Pleiku*, *Banmê-thuột* và *A lopeu*.

Lúc còn thuộc về đức cha Qui-nhơn coi, thì trên *Kontum* có những cố sau này thay mặt mà làm cha cả (*provicaire*) :

PP. COMBE	(Cha *Phêro*, Mọi kêu bằng *Bok-bê*
DOURISBOURE	(Cha Ân).
VIALLETON	(Cha Truyền).
GEUBLACH	(Cha Cảnh).
KEMLIN	(Cha Văn)
JANNIN	(Cha Phước)

Cha JANNIN này được phong chức Giám-mục (*Evêque de Gadara*) ngày 23 *Juin* 1933, và Giám-mục thứ nhất ở thượng-du.

Năm 1933 này, kể cả *Kontum* và *Pleiku* được :

20.480 bồn đạo (An-Nam 3.000 cả *Kontum* và *Pleiku*).

180 làng có đạo (Trong số ấy có 11 làng An-Nam, 8 làng ở *Kontum*, 3 làng ở *Pleiku*).

13 cha người Pháp.

12 cha người An-Nam,

3 cha người Mọi Bà-nà.

100 chú (*catéchiste*) đi giảng đạo, (An-Nam và Mọi).

1 Trường *Cuénot*, dạy học trò Mọi.

1 Trường thầy dòng dạy An-Nam.

1 Trường Bà-phước (*Sainte Thérèse*) dạy con gái An-Nam và Mọi.

1 nhà tu Bà-phước.

Cả Địa phận (*Diocèse*) chia làm 22 sở (*Districts*).

Xem bản kê biên số 10 sau này, có số các làng Mọi và các bồn-đạo năm nào bao nhiêu. Bản kê ấy gồm cả Địa-phận chớ không phải một mình *Kontum*.

BẢNG SỐ 10

Công-việc nhà-chung tại tỉnh Kontum

1850	Các cha cố mới tới nơi *Kontum*,	
1855	45 bồn-đạo	3 ấp gần thành làng, có đạo.
1860	100 —	3 ấp gần thành làng, có đạo.
1865	400 —	3 làng đạo,
1870	800 —	3 làng đạo. (Lập làng Tân-hương)

1875	900	hồn-đạo	3 làng đạo.
1880	90	—	5 làng đạo. (Lập làng Phương-nghĩa)
1885	1.230	—	7 làng đạo. Lập làng Phương qui)
1890	1.387	—	11 làng đạo. (Lập làng Phương hóa).
1895	3 312	—	40 làng đạo.
1900	7 300	—	76 làng đạo
1905	10 610	—	95 làng đạo.
1910	10 120	—	120 làng đạo
1915	12.827	—	135 làng đạo
1920	15.137	—	140 làng đạo
1925	17 124	—	153 làng đạo.
1930	18.699	—	160 làng đạo
1933	20.480	—	189 làng đạo.

(Trong số 20.480, người An-Nam chừng ba nghìn .

II. - Các đạo khác

Các đạo khác thì chưa lên tới *Kontum* mà truyền-bá, vì như đi thuyết-pháp cho bọn Mọi nghe, thì khó lắm, mỗi giống Mọi nói mỗi thứ tiếng khác nhau, lại phải đóng mô đóng mốc như các cha cố mới mong có kết quả. Còn như người An-Nam thì ít quá, có lẽ « Sông bài không đủ tiền dầu ».

Chỉ duy ở An-khê, dân không có đạo, và ở *Kontum* hai làng không có đạo, trong làng có làm đình thờ thần thành hoàn .

Ở chân đèo An-khê, và đèo Mang-giang, ở Bình-định lên đèo rồi, có hai cái am thờ Bà, người đi buôn bán xe điện lên đó, ngừng lại cúng vái. Ở thành-phố *Kontum* cũng có một cái am thờ Bà. Lại những người ngoại ở thành phố *Kontum* mới xin sửa cái nghĩa-địa làng Trung-lương (làng ngoại) cho chỉnh-đốn, vì ở đó không phải chỉ chôn người chết trong hai làng ngoại mà thôi, mà hết thảy những người tòng-sự các công-sở cùng người thân-thuộc, những lính-tráng tù-phạm, rủ ra mệnh-một mà phải gửi xương thịt lại xứ này, đều phải nằm ở đó cả.

Mấy năm trước ở nghĩa-địa ấy, cây cối mọc rất sầm-uất, không thể chen chân lọt. Hai làng ngoại cũng không đủ sức mà sửa-sang lần đầu được vì dã như rú cấm. Năm 1933 này, thì mỗi ngày nhà-nước cho 60 phạm-nhân dọn vén, đốn cây và phá gốc, hơn hai tháng mới xong. Ở giữa nghĩa-địa, họ sẽ xây đền thờ âm-hồn. Nghĩa-địa ấy tên là « Hóa-sinh nghĩa-địa ».

Ở thành-phố *Kontum* lại có một xóm kêu bằng xóm Huế, phỏng 20, 25 nóc nhà. Thường năm xóm ấy và dân hai làng ngoại cùng các viên tòng-sự các công sở, góp tiền lại nhau là u rạp tế âm-hồn rất trọng-thể.

Còn trong năm 1933, ở thành-phố *Kontum*, những người làng ngoại cũng xin phép lập một cái chùa, thờ phật và qui y các vong-linh những người chết mà thân-thuộc không thể đem thi-hài về xứ được. Chùa ấy tên là chùa Linh-sơn. Công-việc chia làm nhiều năm mới thành toàn cuộc, song năm 1933 này, hết tháng *Octobre* xong được một cái nhà, sẽ làm lễ lạc-thành. (Xem bài văn-tế âm-hồn đình theo sau này).

Mọi « ron » ra làm lễ, trước khi « bỏ mả »
(Mả ông phủ Mả, Thủ-Tri-phủ)

Đường và nhà cửa của người An-Nam ở gần Kon-rung
(sắp lập thành làng)

Đường thuộc-địa số 19. — Gần tới Pleiku

Hang-đá thờ Đức Mẹ, đường rue de la Marne
(giữa thành-phố Kontum)

Văn-tế âm-hồn ở Kontum

Hỡi ôi !
Số kiếp dở-dang ;
Căn duyên trắc-trở !
Hiu-hiu gió thổi, nắm đất vàng, lầm nỗi đắng cay ;
Nghi-ngút hương bay, lễ đạm-bạc, mấy lời than-thở.
Các vong xưa :
Trú-ngụ Kontum ;
Vốn người dưới chợ.
Trước cũng nghĩ, ruộng nhiều đất tốt, bằng non xanh, mong lúa lầm tiền kho ;
Nào ngờ đâu, nước độc ma thiêng, chốn đất đỏ, vốn dễ ăn khó ở.
Trước cũng nghĩ, xa quê ngái cảnh, ít người cảng đùm bọc lấy nhau ;
Nào ngờ đâu, rừng rậm non cao, lầm bệnh chướng, vương mang khó gỡ.
Cũng có kẻ, áo xiêm giảng buộc, mong đền bồi nợ nước ơn vua ;
Cũng có người, quần vận áo mang, lo toan tính của chồng công vợ.
Cũng có kẻ theo đường thương-mại, phải đeo mang, buôn Mọi bán Lào ;
Cũng có người, kiếm kế sinh-nhai, lên lăn-lóc, làm thầy làm thợ
Cũng có kẻ, thiên-phương bách-kế, nghịch đạo nhà, trốn tránh ẩn thân ;
Cũng có người, một lỗi hai lầm, trái luật nước, đọa-đầy cấm-cố.
Nhớ đến kẻ, tay bùn chân lấm, sống không nhà, thác lại không mồ ;
Nghĩ lại mình, máu đỏ đầu đen, nín cũng hồ, nói ra cũng hồ
Phạm hai chú, bước cao bước thấp, gánh ra đi, biếng nỗi chân đi ;
Chiếu nửa manh, thiếu trước thiếu sau, quản xuông lỗ, ra ngoài miệng lỗ
Tủi cho kẻ, mới đi mới chạy, kiếp ba-sinh, ước những trăm năm ;
Thương cho ai, đạn lạc tên bay, bỗng một phút, ra người thiên-cổ.
Thảm những lúc, trăng mờ bóng xế, gió nắng mưa, lạc nấm xiêu mồ ;
Thương mấy khi, thỏ lăn ác tà, ai nhớ tới, ngày đơm tháng đỗ
Âm-thầm tủi, đất không che xát, nghiêng-ngửa kia, xương cốt còn phơi ;
Ngậm-ngùi thương, cây chẳng tránh mồ, lăn lóc đó, thây-hài bộc lộ.
Thảm cho kẻ, bỏ thì thương, vương thì nặng, non thề biển hẹn, mối chung-tình dành gửi lại giang-sơn ;
Tủi cho ai, nằm bên lạnh, tránh bên khô, mang nặng đề đau, nằm gan ruột, cũng liều cùng thủy-thổ.
Thấy nay được, lầu son gác tía, xe qua ngựa lại, việc ăn làm, trăm sự dễ-dàng ;
Nhớ xưa còn, nước biếc non xanh, vượn hú chim kêu, công khai-phá, ngàn điều khốn-khổ.

Ôi thôi nay :
Con cháu chăm nom ;
Nước-nhà chiếu cố.
Trong rừng rú, kẻ có công, người có của, phát bờ phát bụi, khí khói hương, rầm lớn vía to ;
Giữa thanh-không, giàu làm kép, hẹp làm đơn, lập miếu lập chùa, lúc thăm viếng, thanh-minh tảo-mộ.
Xin nhớ chữ tử sinh hữu mệnh, sống thác đều máy tạo xoay vần ;
Xin nhớ câu, họa phúc vô môn, nhục-vinh cũng tại trong căn-số.
Kiếp gió bụi, ba sinh vốn nợ, đừng nghĩ chi núi thẳm rừng sâu ;
Chi anh-hùng, bốn bề là nhà, đâu thôi cũng quê cha đất tổ
Thuyền bát-nhã, câu kinh giải-thoát, tình phần-hoa, giã chốn âm-ti ;
Bóng bồ đề giọt nước ngành dương, hết oan-trái, về nơi tinh-thổ.
Giữa trời đất, hương chong đèn rạng, xin chứng cho, lễ bạc lòng thành ;
Dưới suối vàng, sống khôn thác thiêng, phải gắng lấy, phù-trì ủng hộ.

(Văn-tế này đọc ngày 27 *Octobre* 1933, trong lễ chẩn-tế, về dịp lễ lạc-thành chùa Linh-sơn-tự 3 ngày).

KINH-TẾ

I. — Ruộng, đất, đồn-điền

Số ruộng đất. — Ruộng, đất và đồn điền của người Pháp khai-phá, những sở lớn đều ở *Pleiku* hết, chứ ở *Kontum* không còn bao nhiêu. Những sở còn lại và đã có thuế rồi thì có :

Sở Hội *Delignon* ở *Dak Jappau* (An-khê) . . .	531	mẫu tây	6)
Sở ông IMATZ ở Mang-giang (An-khê) . . .	210	»	00
Hội *Société Agricole de Kontum*, ở *Dak-Doa* (*Kontum*).	500	»	00
Đất Nhà-chung các cố	117	»	02
Cộng là :	1.358	mẫu tây	62

Ruộng đất người An-Nam như sau này :

	Ruộng	Đất	Cộng
Đầu năm 1933.	1.079 mẫu 9	2.956 mẫu 8	4.036 mẫu 7
Mới thứ-trung 1933. . .	302 . 5	768 . 3	1.071 .
Tổng cộng là..... . .	1.382 mẫu 7	3.827 mẫu 3	5.071 mẫu 7

Trong năm 1933 còn sẽ có một thứ trưng nữa, và khi đó đạc xong thì số ruộng đất sẽ đúng hơn và nhiều hơn, vì đây là theo lời những điền-chủ khai mà thôi.

Bốn làng thành-phố *Kontum*, chia ra hai khu được 432 cái vườn. Trong ấy có 286 sở có nhà ngói, và 129 sở có nhà tranh, không kể các tòa, các sở Nhà-nước.

Thành-phố *Kontum* chia ra hai khu (*Zônes*) thuế khác nhau :

	Đất có làm nhà ngói	Đất có làm nhà tranh	Vườn chưa có nhà
Khu thứ nhất :	11.480 m² 30	1.164 m²	138.232 m²
Khu thứ nhì :	6.525 , 51	2.869 , 70	418.669 , 25
Cộng :	18.000 m² 81	3.973 m² 70	556.901 m² 29
Tổng-cộng cả các thứ :	578.880 m² 76		

Thành-phố *Kontum* bề dài 2 cây số, ngang 400 thước tây, cũng phỏng 800.000 thước vuông tây, song trong ấy có các công-sở, các đường đi, và trong số đất vườn trên này cũng không được đúng, vì theo lệ thành phố, như trong vườn có làm 1 cái nhà ngói thì trừ thuế được 500 thước vuông. Ví-dụ như cái vườn 1.000 thước vuông, cái nhà ngói 100 thước vuông, thì nộp thuế 100 thước nhà và 500 thước vườn mà thôi. Vậy 400 thước kia lọt ra ngoài. Chỉ khi nào đạc lại mới đúng được mà thôi.

2° *Chất đất phân tro.* — Ở *Kontum* « đất đỏ » là có tiếng tốt. Cũng vì « đất đỏ » mà có một lúc (1925-1926) *Kontum* nổi tiếng lắm. Nay đã chia ra hai tỉnh thì những đồn-điền lớn « đất đỏ » của người Pháp thì ở *Pleiku* cả, còn *Kontum* thì ít « đất đỏ hơn ».

Song đất *Kontum* thì kém hơn « đất đỏ» chứ cũng không kém hơn đất trung-châu.

Lúc trước người Pháp lên xin lập đồn-điền nhiều thì Nhà-nước có gởi các thứ đất vào Sài-gòn phân-chất theo phép hóa-học, cho biết đất ở hạt nào, chất gì nhiều ít thế nào.

Những kiểu đất gởi đi phân-chất như thế, lấy đất cách thiệt kỹ, là trước hết cào trên mặt đất cho sạch cỏ rác, rồi trong vùng ấy lấy đất nhiều chỗ để chung lại, để cho được trung-bình.

Bản ấy chúng tôi đính theo sau này, có lẽ một đời khi cũng tiện cho người khảo-cứu. (Bảng kê số 11).

Một người Hà-lan lập đồn-điền ở *Pleiku*, nói rằng ở Sài-gòn phân-chất chưa được đúng, nên chỉ gởi kiểu «đất đỏ » về *Java* mà phân-chất. Ông ấy nói rằng theo sở hóa-học ở *Java*, thì đất đỏ trồng chè rất tốt. Hiện nay ở *Pleiku* có hai hãng lớn trồng chè là hãng S. T. I. (*Société des Thés de l'Indochine*) và Calecka (*Compagnie Agricole des Thés et Cafés de Kontum*).

Quan Thủ-hiến sở Canh-nông lại nói rằng :

« Xét đất đỏ tỉnh *Kontum* phân-chất đó, thì chắc đất cũng đồng-chất các thứ đất đỏ khác ở Trung-kỳ.

Những đất đỏ ấy tốt hơn đất thường và như trồng gòn thì hợp lắm. Ở tỉnh Phú-yên, đều trồng gòn đất đỏ, và đất đỏ xưa vì có hỏa-diệm-sơn mới sa.

Chỉ duy trồng gòn các miền Thượng-du có khó vì khí-hậu khác trung-châu, vậy phải lựa thời-tiết mà gieo hạt.

Còn cây gòn, là cây hút những chất tốt của đất nhiều lắm, cho nên muốn lợi cho nhiều, phải cho già phân-tro ».

Còn các thứ «đất xám» lấy tại *Kontum* đây, lựa chỗ đất lấy mà làm kiểu phân-chất, theo như trong bản kê biên chưa được đúng. Người lập đồn-điền thì lựa những dám đất rộng ở rừng-rú. Như lấy đất rẫy và đất rừng mà phân-chất thì có ích hơn, chớ đất thành-phố thế nào cũng phải nhiều chất hoặc thêm hoặc bớt mà phải thay đổi.

Nói đại-khái theo các ông hóa-học thì đất *Kontum* thiếu *Azote, Acide phosphorique, chaux, potasse*, vậy phải bỏ phân thêm mà bù các chất thiếu. Trong tỉnh ít đá có chất vôi, vả lại súc-vật nuôi nhiều, thì nên lợi dụng phân ấy. Người minh thường cũng không giữ-gìn phân tro cho tử-tế, cho nên cái sức tốt của phân cũng kém. Các thứ phân tro thường dùng ở *Kontum* đã phân-chất và kê ra bảng sau này. (Bảng kê số 12).

Bàng

Tableau des analyses des

COMPOSITION pour 1.000 parties de terre brute séchée à 1.000 centigrades	ECH. TERRE GRISE KONTUM			TERRE ROUGE		PLEIKU (5)	
	Terre alluvionnaire déjà cultivée abandonnée depuis plusieurs années		Terre non cultivée mais ayant été cultivée autrefois	A Pleiku (4)			
	1	2	3	Sol	Sous-sol	Sol	Sous sol
Analyse physique							
Cailloux et gravier	8) Néant	Néant	(9) Néant	11, 00	8, 20	19, 50	5, 00
Gravier	—	—	9, 71	—	—	—	—
Sable grossier	793, 31	7, 64	—	68, 40	70, 00	71, 00	26, 80
Sable fin	—	894, 86	282, 07	97, 00	71, 00	95, 00	108, 50
Argile	63, 40	76, 20	668, 59	798, 40	838, 60	812, 20	840, 40
Calcaire	1, 29	1, 10	0, 63	-	—	—	—
Débris organiques	39, 00	18, 00	36, 63	18, 80	19, 40	18, 00	21, 20
Humus	3, 00	2, 20	2, 37	7, 40	0, 2	3, 20	3, 00
Analyse chimique							
Azote	0, 90	0, 61	0, 73	0, 987	0, 763	0, 942	0, 808
Acide phosphorique	0, 46	0, 20	6, 73	0, 048	4. 483	2, 622	0, 99[illegible]
Potasse	0, 59	0, 40	0, 24	0, 153	0, 237	0, 372	0, 239
Chaux	0, 72	0, 60	0, 36	0, 164	0, 164	0, 185	0, 185
Magnésie	0, 50	0, 64	0, 79	0, 300	0, 250	0, 350	0, 150

(1) Entre la Résidence et l'Hôpital, situé près du fleuve.

(2) Entre la Résidence et l'Hôpital, partie plus basse.

(3) En face du Poste de la Garde Indigène.

(4) A Pleiku.

Sô 11

terres de Kontum et Pleiku

PLEIKU (6)		PLEIKU (7)		TERRE ROUGE de Mang-giang		TERRE ROUGE de la Route N° 145 au kil. 36		OBSERVATIONS
Sol	Sous-sol	Sol	Sous-sol	Sol	Sous-sol	Sol	Sous-sol	
9, 10	208, 00	34, 00	31, 50	196, 40	223, 00	44, 00	20, 00	(8) Terre silico-argileuse assez humifère, bien pourvu d'azote, manquant d'acide phosphorique, de potasse et de chaux.
—	—		—			—	—	
23, 40	61, 00	85, 80	32, 40	470, 00	230, 20	58, 60	86, 80	
71, 40	17, 80	24, 00	50, 40	81, 40	126, 60	82, 60	55, 80	
882, 20	825, 20	850, 20	910, 00	413, 40	627, 60	838, 60	827, 20	
—	—	—	—		—	—	—	(9) Terre argilo-silicieuse, assez humifère, assez bien pourvu d'azote, très riche en acide phosphorique, pourvue en potasse et chaux.
22, 20	39, 60	29, 00	6, 80	12, 00	15, 60	12, 60	21, 60	
2, 80	6, 40	11, 00	0, 40	3, 20	Néant	7, 00	8, 60	
1, 706	0, 942	1, 347	0, 693	0, 449	0, 289	1, 526	1, 302	
1, 198	0, 846	2, 133	1, 428	0, 048	0, 048	1, 406	1, 755	
0, 271	0, 111	0, 123	0, 123	0, 961	0, 864	0, 103	0, 144	
0, 123	0, 144	0, 400	0, 200	0, 185	0, 247	0, 200	0, 400	
0, 300	0, 250	0, 349	0, 152	0, 250	0, 150	0, 203	0, 254	

(5) A 16 kilomètres de Pleiku, vers Suoi-doi.

(6) A Pleiku, a 36 kilomètre de Pleiku; vers Bantur.

(7) Au kil. 56 avant l'embranchement de la route Suoi-doi.

BẢNG SỐ 12

Phân-chất các thứ phân, tro, người An-Nam dùng tại Kontum

Phân heo	Humidité	73,05 %	
	Azote	0,26	
	Acide phosphorique	0,10	
	Potasse	0,26	
	Chaux	0,22	
	Magnésie	0,02	
Lá khô	Eau	15,00	
	Acide phosphorique	0,34	
	Azote	0,80	
	Potasse	0,28	
	Chaux	0,30	
Tro	Humidité	4 65	14,64 %
	Potasse	6,70	4,41
	Acide phosphorique	2,71	1,66
	Chaux	16,56	27,87
	Magnésie	5,58	1,70

(*Tro thí nghiệm hai thứ khác nhau*)

Tro tranh	Potasse	2,34 %
	Acide phosphorique	1,26
	Chaux	2,62
	Magnésie	1,49
	Oxyde de fer et alumine	24,55
	Silice	53,46

3° *Thổ-sản.* — *Kontum* cũng nhiều thổ-sản : Hạt *Kontum* có cà-phê (*café*), hạt An-khê có thuốc lá, bắp, các thứ đậu phụng, đậu xanh. Đó là các giống nhiều, chứ như các giống khác có mà ít hơn.

Như trong qui thứ nhì năm 1933, bán ra phỏng 10 tấn (*tonne, 1.000 kilos*) đậu phụng, 50 tấn bắp, 50 tấn cà-phê, 2 tấn đường đen, 1 tấn thuốc lá.

Thuốc lá An-khê rất rẻ. Thuốc hạng nhất bán chừng 17, 18 xu một cân tây mà thôi, bởi thế cho nên nhiều cửa hàng buôn tại Qui-nhơn lên mua hết mà bán lại cho những xưởng làm thuốc điếu Sài-gòn hay là Chợ-lớn. Năm trước có gửi mẫu qua bên Pháp *Manufacture nationale des tabacs* thì được khen là hoàn-toàn.

Còn như cau ở An-khê phỏng 25 hay 30.000 cây, song người các tỉnh miền nam ăn cau chỉ ăn cái hạt mà thôi, chứ bỏ cái xác, và ở đó cây cau già, cau cao thì không ai leo mà hái, chờ cho nó rụng. Bởi hai lẽ ấy cũng bớt lợi.

Cà-phê gọi là nhiều chứ không phải người An-Nam có những đồn-điền lớn trồng cà-phê đâu. Chỉ mỗi nhà trồng một ít, nhà nào cũng có vài ba trăm cây, nhiều thì một vài ngàn cây, gió làm bão mà thành nhiều.

Các làng thành-phố, nhất là Phương-nghĩa lại trồng các thứ rau ráng tây (*Chou, salade, carotte, laitue...*) rất tốt và bán rất rẻ, cho nên đến mùa ăn không hết, con buôn ở Qui-nhơn buôn về nhiều. Ấy là cũng một mối lợi cho dân. Nhiều người trồng nên bán rẻ. Sợ bán rẻ mà có người ngã lòng, nên từ năm 1933 này làm dấu, tỉnh có đặt phần thưởng cho những nhà trồng nhiều và rau tốt. Phần thưởng thì 10 đồng, 5 đồng, 3 đồng, 1 đồng, lại có một cái bằng cấp có dấu Tòa dấu tỉnh.

Gạo người mình làm thì mỗi năm chừng 17, 18 tấn cũng đủ ăn, không đến nỗi phải mua gạo Mọi. Các thứ đồ trái như mít, chuối, xoài, thơm, bắp, đều có cả mà rẻ.

Mọi làm ruộng ở miền bắc *Kontum* thì có biết cấy, miền nam thì vãi ra một lần chứ không cấy. Gạo Mọi rẻ, song ăn ớn-ớn như nếp. Mọi lại năng trồng mè đen.

(*Còn nữa*)

T. X.

THỔ-CÔNG NGHIỆN NGHE BÁO

(Hài-văn)

Một nếp nhà kia, ngoài lầu trong gác, ngày gió đêm trăng, thật là thích-hợp với cảnh xem báo xem sách. Trước kia có thầy giáo A thuê ở nhà ấy, thầy là người hay xem đọc báo, mỗi ngày ba buổi đem báo ra đọc. Buổi sớm thầy trở dạy, ra sân ngắm bầu trời đất, trông cảnh cỏ hoa, hô-hấp không-khí xong, liền đem những bài thơ hay trong số tân-văn đã xem hôm qua ra, thung-dung ngâm đọc lại một lúc. Buổi trưa, thầy súc miệng ngụm chè nụ, và hút điếu thuốc lào xong. liền đem những bài văn hay trong số tạp-chí đã xem bấy lâu ra, lại thung-dung ngâm-đọc lại một lúc khá lâu hơn buổi sáng.

Nhất là về buổi tối, thầy thắp một ngọn đèn sáng để thay nhật nguyệt đôi vầng, thầy ngồi một bên, vợ thầy ngồi một bên, hoặc cũng có khi mấy ông bạn cùng ngồi với thầy, con nữ-tỳ pha khay nước bưng lại, học-trò thầy và con thầy hoặc ngồi hoặc đứng xúm xung-quanh; rồi thầy đem những số tân-văn mới tiếp được và những số tạp-chí tháng mới đây xem-xét ngâm-đọc. Khi thầy đọc, có chỗ thầy tỏ ra bộ cười, có chỗ thầy tỏ ra bộ khóc, có chỗ thầy tỏ ra bộ thâm-trầm êm-ái mát-mẻ xuýt-xoa. Thầy lại lấy lời phê-phán một cách công-bằng và nghiêm-nghị rằng: « Văn-chương này là văn-chương đường phèn đường phèi, bánh ngọt bánh bùi; văn-chương này là văn-chương giật giải Hiên Kỳ (1), cướp công quế phụ; văn-chương ấy cũng nên nghĩa tất-giao. Văn-chương này là văn-chương khuây nợ tang-bồng, quên miền vân-thụ (2); văn-chương này là văn-chương buôn hương bán phấn, dụ khách phồn-hoa; văn-chương ấy cũng chẳng hay-ho gì, nhưng ta cũng thử nếm mùi đời cho đủ mà chơi. Văn-chương này là văn-chương sái tro sái sắm, sát-nhân vô-kiếm, vô-ích xem làm chi nữa ».

Hằng ngày như thế, không sai buổi nào; vị Thổ-công trong nhà trước còn nghe hơi, sau hóa bén mùi, thành ra bệnh nghiện nghe báo, cho cảnh nghe báo là một cảnh dương-xuân triệu-ngã 陽春召我 (3), cho vật trong báo là một thứ vưu-vật di-nhân 尤物移人 (4). Từ đấy Thổ-công đối với sự nghe báo, vắng một ngày không thỏa, chậm một buổi không yên, hễ đến cơn thì lại nhớ.

Sau thầy giáo ấy dời đổi đi nơi khác, có hai chàng công-tử B và C đến thuê nhà ấy. Bắt đầu thấy hai chàng ngựa xe dìu-dặt, đồ-vật linh-đình; rõ ra cách-bộ làng xe ngựa nghênh-ngang, Thổ-công đã mừng thầm rằng, chủ nhà này bảo-hoa hơn chủ nhà trước Nối đó thấy hai chàng tân-văn tạp-chí nào cũng mua tiểu-thuyết nào cũng khuân đến, rõ ra lề-lối khách tài-tình nghiêng-ngửa; Thổ-công lại mừng thầm rằng chủ nhà này phong-nhã hơn chủ nhà trước.

Hay đâu những lúc hai chàng cầm quyển sách nằm mà đọc, Thổ-công đương muốn nghe, thì đã thấy chàng ấy ôm quyển sách mà ngủ đi mất rồi. Lại những lúc hai chàng có bạn-bè đến chơi đem tờ báo ra đọc, Thổ-công đương thèm nghe, thì đã thấy các chàng vội-vàng đặt

---

(1) Hiên là Hiên-Viên, Kỳ là Kỳ Bá, là hai bậc phát-minh ra nghề làm thuốc trị-bệnh.

(2) Vân là mây, thụ là cây, là ý nói ngoảng trông bè bạn, mà xa cách mấy với cây.

(3) Cảnh xuân đẹp đón rước ta.

(4) Gái đẹp mê người.

tờ báo xuống bàn mà rủ nhau đi chơi đâu mất cả. Lại khi đọc thì liến-láu quênh-quàng, khó nghe khó hiểu. Lại chẳng thấy phán-đoán ra lời gì có thú-vị, chỉ thấy vừa đọc vừa nghé phút đồng-hồ, hay là vừa đọc vừa nói sang chuyện khác mà thôi. Có khi được nghe buổi sớm lại chẳng được nghe buổi trưa, được nghe buổi nay lại chẳng được nghe buổi mai, làm cho Thổ-công bữa có bữa không, thất-tha thất-thẻo, không được bữa nào đủ nghiện

Nhất là buổi tối nào, hai chàng ấy đi xem chớp-bóng, đi hát ả-đào, đi dự cuộc tổ-tôm, hay là dự cuộc nhảy-đầm đâu, thì thật là đên nhật nguyệt lù-mù, cảnh Bồng-lai hiu-hắt, ba-sinh hương-lửa, cuộc trần-hoàn đã vắng mặt tri-âm.

Thổ-công khi ấy cơn nghiện mới nổi lên dùng-đùng, ho-hen ngáp vặt, mặt mũi lư-đừ, mũi sổ dạ đau, chân tay buồn-bã. Một hôm lên miệng phàn-trách rằng :

— Tôi là Thổ-công đây, đương ngáp mà than rằng đây ! Này tôi phán cho quí-chủ nghe : Báo là một thứ chè ô-long, cháo yến-huyết của người ta, dù lợi dù hại thế nào mặc dầu, cũng đủ khiến cho người ta nghiện được. Nếu có báo mà nghe thì câu cổ-văn thơm-tho, câu xã-thuyết sáng-sủa, câu kim-văn ngọt-ngào, câu tiểu-thuyết say-tình ; câu thời-vụ phi-phèo, câu hài-văn khúc-khích, nào là câu chanh chua để giải-khát, nào là câu quýt ngọt để nhuận-tràng, nào là câu khế đại trên rừng, cũng được nếm trải qua, một kiếp phong-lưu nghĩ cũng nên đời. Nếu không có báo mà nghe, thì u-mê buồn-bã, gái thuyền-quyên sẽ có ngày mặt bủng da chì, trai tráng-sĩ sẽ có ngày so vai rụt cổ. Kia những kẻ văn hay võ mạnh, không có báo mà nghe còn xếp bút gác cung ; huống-chi người tài-thiền trí-ngu, không có báo mà nghe cũng quên nhà quên nước. Sao quí-chủ tệ mấy, làm cho tôi nhớ nghe báo như nhớ cơm, thèm nghe báo như thèm phù-dung tiên-cảnh. Từ rày trở đi quí-chủ cứ đọc báo một cách trân-trọng, phê-phán báo một cách chính-đáng cho tôi nghe, tôi sẽ tiếp-tài tiếp-lộc cho quí-chủ, mua được quả văn-minh về mà ăn, đem được thức đồ hàng tiến-bộ về mà thưởng. Nhưng tôi lại sẽ dẫn đường chỉ nẻo cho quí-chủ : mua quả văn-minh ruột, đừng mua quả văn-minh vỏ ; thưởng-món tiến-bộ thật, đừng thưởng món tiến-bộ giả, thì Thổ-công này hạnh-thậm ! Thổ-công này hạnh-thậm !

TÙNG-VÂN

Phải thông-nhất lấy ý-chí của một dân-quần

Hợp vô-số những cá-nhân cùng một dân-tộc lại làm một dân để cùng làm cùng ăn cùng ở với nhau trong một đất nước, ấy gọi là một dân-quần. Một dân-quần cũng như một cá-nhân. Cá-nhân phải sống thế nào thì dân-quần cũng phải sống thế ấy. Vậy cá-nhân muốn sống, cá-nhân phải tự có ý-chí của mình để hành-động cho đạt tới chỗ mục-đích tối-cao về sự sống; thế thì dân-quần muốn sống, dân-quần cũng phải tự có ý-chí của mình để hành-động cho đạt tới chỗ mục-đích tối-cao về sự sống của mình. Ý-chí ấy ta gọi là ý-chí của một dân-quần vậy. Ý-chí của cá-nhân là muốn cho mình được sống một cách an-toàn có một cái địa-vị xứng-đáng ở trong dân-quần. Ý-chí của dân-quần là muốn cho mình được sống một cách thịnh-vượng có một cái địa-vị xứng-đáng trong thế-giới nhân-loại. Hai đàng tuy to nhỏ khác nhau mà ý-chí về sự sống cũng như một. Tuy thế, nhưng lại phải biết cái sống của cá-nhân là cái sống có hạn, cái sống có thể dựa vào trong dân-quần mà sống còn được, thế cho nên ý-chí của cá-nhân mà nếu không lập-định được một cách chính-đáng đi nữa, kẻ cá-nhân may ra cũng có thể qua được một đời. Đến như cái sống của dân-quần là cái sống trang-cửu vô-cùng, cái sống không có thể dựa vào đâu mà sống còn được, thế cho nên ý-chí của dân-quần mà không lập-định được một cách chính-đáng thì cái đời của dân-quần tất phải đến suy-vong. Như thế thì ý-chí của một dân-quần lại càng là quan-hệ thiết-yếu lắm.

Gia-chi-dĩ, đời của dân-quần là cái đời phức-tạp, nó khác với cái đời đan-độc của kẻ cá-nhân. Đời kẻ cá-nhân đan-độc nên ý-chí cũng thuần-nhất, một mình có thể tự-do hành-động cầu cho đạt tới cái chỗ mục-đích tối-cao về sự sống của mình. Đến như cái đời phức-tạp của dân-quần thì không thể được. Nó gom góp và bao-hàm vô-số những cái thân-phận của các cá-nhân lại. Thân-phận mỗi người một riêng, tư-tưởng mỗi người một khác, thì ý-chí mỗi người cũng không giống nhau. Lẽ tất-nhiên không tránh khỏi. Phương-chi cái đám cá-nhân đoàn-tụ với nhau trong một dân-quần ấy, có kẻ khôn có người dại, có người dở có kẻ hay. Hoặc vì giai-cấp, hoặc vì quyền-lợi mà không hòa-hợp được tinh-ý với nhau. Hoặc vì đất-đai xa-cách mà không thấu hiểu hết được tâm-chí nhau. Hoặc vì đất lề quê thói có khác nhau mà thị-hiếu không cùng nhau. Hoặc vì nghề-nghiệp sinh-hoạt không tương-đồng mà mưu-cầu cũng tương-phản. Hoặc vì học-thuật tín-ngưỡng khác nhau, mà tư-tưởng thành ra trái nhau. Phàm những cái khác nhau đó đều đủ khiến cho ý-chí trái nhau. Nhỏ thì ý-chí người này trái với ý-chí người kia, lớn thì ý-chí đảng-phái nọ trái với ý-chí đảng-phái kia, là sự thường.

Như thế mà trên những cái ý-chí lẻ-loi, vụn-vặt, linh-tinh, tản-mạn khác nhau hoặc trái nhau ấy, nếu không có một cái ý-chí tối-cao, ý-chí tổng-quát, ý-chí chung, tức là cái ý-chí của cả một dân-quần để thống-nhất, để chi-phối, để kết-hợp lại hết thảy thì sao được. Cho nên ta nói là *phải thống-nhất lấy ý-chí của một dân-quần*. Sự thống-nhất ấy cũng không có gì là xa lạ, nó cũng chỉ là rút tóm cả các cái ý-chí cá-nhân, đang-phái vào một nơi đầu mối cho được cùng sống còn và cùng thịnh-vượng với nhau mà thôi.

Nếu không thế thì cái đám đông người cùng sống với nhau trong một xứ-sở kia

không phải là một đàn nữa, mà nó chỉ là một đống gạch vụn bị tụ họp lộn-ẩu vào với nhau đó mà thôi. Đống gạch vụn vô-hồn kia, người ta đổ lộn-ẩu nó vào với nhau một chỗ, mà không có vôi-hồ để kết-hợp lại cho thành ra lối-lăng gì, thì nó chỉ là một đống phế-vật mà thôi. Chứ như người ta là giống phải ăn dùng, thường-tình sống tham chết thối, ai không muốn cho đầy nồi của mình. Thế mà cũng tụ-họp vào với nhau một cách lộn-ẩu, không có ý-chí chung gì để chi-phối, thì lại còn sinh ra nhiều sự nguy-hiểm cho nhau nữa. Vì thế mà trong những đám đông người cùng sống với nhau, thường thấy đang yêu nhau bỗng thành ra ghét nhau, đáng ơn nhau bèn sinh ra thù nhau, đáng phải làm lợi cho nhau, ngờ đâu lại hóa ra làm hại lẫn nhau. Đến bấy giờ thì cái thiên-chức của loài người sở-dĩ phải hợp-quần lại mà sống với nhau, người ta đều quên nhãng và bỏ đi cả.

Không biết rằng người ta lúc kỳ-thủy, một mình không đủ tự mưu sống còn mà phải hợp với mọi kẻ khác để cho được đủ trí-khôn, đủ sức mạnh mà cùng phấn-đấu với những cái tai-nạn bởi cõi tự-nhiên, phấn-đấu với những cái tai-nạn bởi sinh-vật bởi giống người khác ; mà cùng gây dựng thu-hoạch lấy cho đủ mọi cái nhu-dụng về sự sống còn chung dụng cùng nhau. Đó há không phải là cái thiên-chức của sự hợp-quần của loài người dư? Ấy cái thiên-chức hợp-quần của loài người nó quan-hệ là như thế. Kể cá-nhân cho đến các đảng-phái trong một dân-quần, đã phải nương-tựa vào nhau mà sống, thế mà cái thiên-chức hợp-quần kia lại nhãng bỏ đi, tức là cái ý-chí trong dân-quần ấy không còn giữ được thống-nhất nữa, thì cái đàn người đó khỏi sao mà không lìa tan. Đàn đã lìa-tan thì từ cá-nhân cho đến đảng-phái cũng khó mà sống cho được an-toàn. Xét lịch-sử nhân-loại, bao nhiêu đấu-quần bị đào-thải trên trường thiên-diễn, cũng chỉ là do cái thiên-chức hợp-quần ấy bị quên nhãng, ý-chí thống-nhất ấy bị giải-tán đó mà thôi.

Thiên-chức ấy, ý-chí ấy, phàm vật-loại giống nào có đàn đều phải có, đều phải giữ, không một gì giống người. Nếu lấy trí-thức mà luận thì ta chịu là loài người tiến-hóa hơn loài vật, không biết chừng nào. Nhưng nếu lấy cái đạo-đức về sự hợp-quần mà so-sánh thì ta lại thấy có nhiều điều mà loài người còn kém thua loài vật. Kém thua ở cái chỗ mà các đàn của loài vật nó đều giữ được cái thiên-chức hợp-quần kia, cái ý-chí thống-nhất kia, một cách hoàn-toàn bền vững thủy-chung, bao giờ cũng như bao giờ. Xem ngay như hai đàn là đàn kiến vàng với đàn chó sói.

Nhỏ xíu nhất là đàn kiến vàng. Đàn này là đàn thuộc chế-độ giai-cấp, giai-cấp vô-số, lớn nhỏ không đều, có chúa-tể, có huynh-trưởng có quần-dân. Song tuy có giai-cấp đó nhưng là cái giai-cấp thiên-nhiên định sẵn, không phải tranh-đoạt mới được, cũng chẳng phải tôn-phò mới lên. Ai nấy đều làm hết bổn-phận của mình theo trí-lực của cái giai-cấp mà trời đã định : Quần-dân là bọn thân-phận bé nhỏ nhất và đông-đúc nhất thì phải làm việc lao-động là đi kiếm đi tha lấy mồi. Huynh-trưởng là bọn trung-lưu thân-tài to hơn, ý-giả trí-lực cũng mạnh hơn, cho nên phải làm việc đi đốc-suất. Nữ-chủ là vị chủ-tể, thân-tài to nhất, tưởng là được an-hưởng phú-quí, thế mà lại thành vất-vả hơn, là vừa giữ việc chủ-trương lại vừa phải giữ việc sản-dục của giống nòi. Cố-nhiên thân-phận lớn nhỏ có khác nhau, thì ăn hưởng có hơn kém nhau, nhưng xem ra những bọn thuộc về giai-cấp trên đó chừng họ cũng không ăn-hưởng quá cái phần công-lao ưng được của mình. Lại cũng không hề thấy trong đàn ấy có xảy ra những sự nội-tranh rắc-rối bao giờ, thì ta chắc cái bọn trung-lưu đó họ cũng không hề có chút tư-tâm với quần-dân hoặc

đồng-bối. Thế cho nên trong đàn họ vẫn giữ được một nhịp hòa-vui, nhất là gặp khi tai-nạn phải thiên-dời khứ-quốc, ta thấy họ kéo nhau đi một lũ nhung-nhúc mấy nghìn muôn phần-tử bé mọn, dài hàng non cây số, thế mà trật-tự chỉnh-tề rầm-rập, theo một hiệu-lệnh. Trừ khi có vật gì ở ngoài can-phạm vào, thì họ không hề có ai lầm-lỗi, sai-lạc, lộn-xộn, hoặc phân-chia, trốn-tránh nhau lúc nào. Lần-lượt cho toàn-thể cùng đi tới cả vào một chỗ ở mới thì mới thôi. Coi đó ta biết ý-chí của đàn kiến là có thống-nhất mà ai nấy đều giữ được cái thiên-chức hợp-quần.

Khỏe-mạnh và hung-bạo nhất là đàn chó sói. Đàn này là đàn thuộc về chế-độ binh-đẳng. Binh-đẳng đến nỗi mà người ta không có thể phân-biệt cho biết ở trong đàn ấy ai là có trí-lực, hoặc có tướng-mạo thiên-nhiên khác thường, hoặc ai là chủ-trương đặc-biệt. Đàn lại không có chỗ định-cư, nay rừng này mai rừng khác. Trong cái phần-tử ai nấy đều nanh sắc như nhau, vuốt nhọn như nhau, chạy nhanh cần tợn như nhau. Như thế mà nếu họ quay lại mà tương-địch nhau thì ai còn chịu ai nữa. Ấy thế mà không biết vì đâu họ lại bảo được nhau, chịu phục-lòng nhau, kết-hợp với nhau làm một đàn được. Họ đem vô-số cái uy-mãnh lẻ-tẻ hợp lại làm một cái uy-mãnh chung. Đi đến đâu mạnh như giông-tố, nhanh như sấm sét, khua lùng khắp nơi sẵn vào bắt lấy cho được những loài hươu nai cầy cáo mà ăn với nhau. Xưa nay chưa ai hề thấy trong đàn này họ có những sự tương-tàn tương-thực nhau bao giờ, vậy ta gọi họ là hung-bạo là ta lấy cái tính-cách đối-ngoại của họ mà nói, chứ thực thì gọi thế không đáng. Coi đó thì ta biết ý-chí của đàn chó sói là có thống-nhất, mà ai nấy đều giữ được cái thiên-chức hợp-quần.

Đó là lược dẫn ra hai cái chế-độ hợp-quần của vật-loại để làm chứng cho biết sự thống-nhất ý-chí của một đàn là như thế. Cái thiên-chức hợp-quần phải nên như thế. Ôi, vật còn như thế, phương-chi người ta là cái giống sở-đắc về phần thiên-phú đã ưu-hậu lại hoàn-toàn hơn cả các vật-loại kia. Ta quyết rằng lúc kỳ-thủy đối với cái thiên-chức hợp-quần kia, người ta cũng không kém gì loài vật, cho nên mới thắng-đoạt được trời, được vật, mở-mang bờ-cõi mà có được như ngày nay. Chỉ vì về sau trí-tuệ càng tiến-hóa, sự-nghiệp của dân-quần càng thịnh-vượng. Mỗi khu-vũ một giang-sơn, an-cư lạc-nghiệp. Đại-nạn ở ngoài đã thư, sinh-nhai ở trong thêm khó, bấy giờ bèn quay trí-lực lại mà cùng nhau tranh quần. Ý-chí đã không cần thống-nhất để làm gì, nên cái thiên-chức hợp-quần cũng dần dần quên nhãng. Ôi, có như vậy thì cũng là bởi thời-thế cảnh-ngộ xui nên. Vậy hễ thời-thế cảnh-ngộ đã đổi thay, lương-tri cũng tự tỉnh-ngộ, ta quyết cái phần thiên-phú đã ưu-hậu lại hoàn-toàn nọ, bấy giờ đem ra làm lợi-ích cho dân, chẳng những ý-chí giữ được thống-nhất, mà cái thiên-chức hợp-quần người ta còn làm đầy đủ gấp bao nhiêu là những đàn của loài vật.

Song le, loài người tuy là giống tiến-hóa vô-cùng, tư-tưởng cùng sinh-hoạt cách tuyệt với loài vật rất xa, nhưng cái chỗ mục-đích của đạo hợp-quần cũng chẳng qua ở cái nghĩa hợp nhau lại để cùng sinh nuôi, để cùng sống còn và cùng thịnh-vượng. Vậy công việc thống-nhất về ý-chí của một dân-quần không ra ngoài hai cái điều-kiện là : 1° Thống-nhất ý-chí về tinh-thần quốc-gia. 2° Thống-nhất ý-chí về chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế.

Quốc-gia là cái chỗ cơ-quan chủ-trị, kinh-tế là vấn-đề sinh nuôi, phàm một dân-quần có làm-lam gì cũng không ngoài hai công việc ấy. Có sự-nghiệp gì cũng không ra ngoài hai sự-nghiệp ấy. Ấy thế mà các phần-tử trong một dân-quần nào đã thống-nhất được ý-chí về hai chỗ đó, tức là cái thiên-chức hợp-quần của dân-quần ấy được hoàn-bị vậy.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Truyện ngắn

TUYẾT-NGA

TÙNG-TOÀN

— Anh ơi! Tôi đã từng nói với anh rằng tôi yêu Nga là thế nào rồi. Tôi mới biết Nga được vài tháng nay, thế mà bao nhiêu tâm-hồn tôi, Nga thu hết cả. Tôi cũng biết thế là tôi si, nhưng đối với Nga là con người đã có sắc lại có tài, thiết tưởng cũng nên si lắm. Ôi! Con người mới đẹp sao! Tôi không biết lấy câu văn nào mà tả cái đẹp ấy cho được. Tôi chỉ biết là cái đẹp thiên-nhiên, cái đẹp lộng-lẫy nồng-nàn, cái đẹp của một đóa hoa hồng ban sớm. Tôi xin thú thực cùng anh rằng trước kia tôi chưa hề động-tâm trước một người con gái nào, thế mà gặp Nga, quả tim tôi phải đập mạnh, mặt nóng lên, trong dạ thấy hồi-hộp bồn-chồn. Tôi biết nàng lần đầu ở bãi-biển Đồ-sơn và tôi đem lòng yêu nàng từ đấy. Nhưng khổ thay cho tôi, tôi tan-nát ruột gan vì nàng, mà đối với tôi, nàng coi như người khách qua đường hờ-hững. Nàng nghiêm-trang đoan-chính quá. Tuy trên đôi gò má lúc nào cũng phơn-phớt ửng hồng mà tôi vẫn thấy vẻ mặt nàng lạnh-lẽo như một nhà tu-hành, nó phảng-phất như ngậm có một vẻ buồn kín-đáo cao-xa. Một đôi khi gặp nhau, nàng nhìn vào con mắt chan-chứa tình yêu của tôi, thế mà con mắt đen láy của nàng, tôi không thấy nó lóng-lánh lên như phần nhiều cô gái khác. Tôi biết nàng gan vàng dạ đá nên yêu nàng một cách kính-trọng, nhưng chỉ đành yêu vụng giấu thầm. Tôi cũng muốn quên nàng đi, nhưng hình-ảnh nàng lúc nào cũng mơ-màng ở trước mắt. Ôi! Nàng đã có cái sắc mê-hồn lại có cái dáng đẹp lả-lùng. Đáng yêu nhất là cái cười tươi-tắn để lộ ra hai lúm đồng tiền đôi bên má, và hàm răng đều-đặn nhỏ-nhắn trắng nõn-nà, rất ăn mầu với cặp môi đỏ chót, tuy rằng nàng chẳng có bao giờ thoa son. Nhưng anh ạ, nàng ít khi cười lắm. Nàng hay vấn tóc trần, vận đồ trắng, thường đi chân không trên bãi cát. Anh ơi! Anh hãy tưởng-tượng lúc trăng mờ đêm vắng, một mình nàng tha-thướt trên bờ bể bằng dáng-điệu mềm-mại dịu-dàng, tà áo trắng nhẹ-nhàng phơ-phất, anh sẽ thấy cái cảnh nên thơ biết chừng nào. Những lúc ấy tôi ngồi ở một hòn đá đằng xa mà nhìn nàng, tôi lại tưởng-tượng như ngắm bức tranh thần-nữ của một nhà danh-họa. Tôi rất lấy làm tiếc rằng tôi không phải là thi-nhân để lúc bấy giờ làm một bài thơ ca-tụng cái diễm-lệ của Nga.

Nói đến đấy, Thanh-Hà nhìn bạn mà bật cười:

— Kia! Anh Trọng-Lang, thuốc lá cháy gần đến tay rồi. Đấy, đạo-đức như anh mà nghe tôi nói cũng phải ngây cả người huống-hồ tôi, con người giàu tình-cảm.

Trọng-Lang giật mình nhìn vào tay, mỉm cười buông điếu thuốc lá xuống đất:

— Thế rồi sao? Anh nói nữa đi.

— Vâng, anh hãy xơi nước đã kẻo nguội, rồi tôi xin kể nốt anh nghe.

Trọng-Lang cầm tách nước lên uống rồi tủm-tỉm nhìn Thanh-Hà:

— Anh si rồi!

Thanh-Hà cũng cười đáp:

— Thì tôi đã thú với anh rồi mà. Anh tính con người đẹp-đẽ nhu-mì như thế không cảm làm sao cho được. Anh Trọng-Lang ơi, đến bấy giờ tôi mới biết ái-tình là gì, mới biết cái mãnh-lực của nó ghê-gớm là thế nào. Nó hăng-hái như đội quân cảm-tử, nó bồng-bột như lớp sóng trào dâng. Giá tôi phải hi-sinh mà được lòng yêu của nàng, tôi cũng vui lòng hết thảy. Này anh! Một đóa hoa mơn-mởn trên cành có sắc lại có hương, anh có thể

chỉ đứng nhìn mà không hái được không? Tôi thì tôi chưa phải là bậc thái-thượng vong-tình, thế nào tôi cũng phải hái mới được. Bởi thế nên tôi quyết chiếm cho được lòng yêu của Nga, nhưng anh ạ, Nga không phải là người lấy phong-tình cám dỗ được.

— Nếu thế thì tầm-thường quá, những con người ấy ai cầu làm chi.

— Vâng, bởi thế nên tôi lại càng kính-trọng Nga, kính-trọng Nga bao nhiêu lại càng muốn lấy cho được Nga bấy nhiêu. Tôi hết sức hỏi dò mới biết nàng là con út ông tham C ở phố Z, mà chính nàng đã viết những bài kỳ là Tuyết-Nga ở « Bút nữ-lưu ».

— À! Tuyết-Nga!

— Vâng, Tuyết-Nga: anh đã đọc qua văn nàng rồi chứ? Ôi! văn nàng mới phong-phú làm sao! Đã đẹp đẽ như hoa gấm lại giòn-giã tựa chuông vàng, tư-tưởng mới-mẻ sâu-xa, thanh-cao mà lãng-mạn. Trước kia tôi chưa biết nàng tôi đã yêu văn nàng rồi, thứ nhất là về thơ. Thơ nàng hay lắm! Bài thì hùng-hồn như tiếng kèn ra trận, bài thì réo-rắt như tiếng đàn canh vắng, bài thì não-nuột như tiếng dế đêm thu. Ôi! Tuyết-Nga! Thật là tuyệt-thế giai-nhân!

Trọng-Lang bật cười:

— Sao hôm nay hứng-tứ anh triền-miên thế? Có lẽ anh thiên-vị rồi vì anh đã quá yêu nàng, mà những lời anh tán-dương đó chắc sao chẳng có điều quá-đáng.

Thanh-Hà quả-quyết đáp:

— Không! Rồi anh sẽ biết Nga là người thế nào. Tôi đã xét kỹ-càng hơn một tháng nay, không những xét ở bản-thân nàng, lại xét cả về gia-thế nàng nữa. Phải, con người thế ấy tất nhiên là đông-đối trâm-anh. Tuy nàng sinh-trưởng ở nơi quyền-qui lại có Tây-học, nên bề ngoài, nàng thật hoàn-toàn là gái mới, nhưng cốt-cách vẫn Đông-phương. Không một cử-chỉ nào là không có vẻ khuê các. Anh cứ xem một cách phục-sức của nàng cũng đã khả-ái bao nhiêu rồi. Không một vật nữ-trang nào, từ chiếc nhẫn đến đôi hoa. Mà y-phục thì phần nhiều chỉ thay đổi có hai mầu: đen và trắng, khi nào đen đen cả, mà trắng trắng tuyền. Giản-hoặc có mặc hàng mầu, nhưng đều là những mầu nhân-nhạt. Mà anh ạ, trong một tháng trời ở Đồ-sơn, tôi không bao giờ thấy nàng mặc maillot ra bể tắm. Hình như nàng ra đấy chỉ là vì phong-cảnh và khí trời mà thôi.

Trọng-Lang gật đầu:

— Thế thì đáng khen thật, anh cố đi.

— Cố lắm chứ! Tôi đã phải phí bao nhiêu tâm-tư tiền của để lung-lạc nàng, thế mà nàng cũng không chuyển. Nhưng những tiền nước mắt mồ-hôi của tôi ấy cũng không đến nỗi vô-ích, vì nhờ thế-lực nó mà tôi đã mua chuộc được cảm-tình cả nhà Nga. Hiện nay đối với gia-đình nàng, tôi được lòng hết thảy, từ ông bà cha chú cho đến các chị em...

Trọng-Lang vừa tủm-tỉm vừa lắc đầu:

— Nhưng theo ý tôi thì lợi dụng kim-tiền như thế không được quân-tử cho lắm.

Thanh-Hà gật đầu:

— Tôi cũng biết thế, nhưng cũng còn hơn là tôi bỏ tay ngồi nhìn nàng đi lấy người khác, rồi ôm cái ốm tương-tư, thiết-tưởng anh cũng lượng biết cho tôi cái khổ-tâm ấy.

— Thế thì anh còn do-dự gì nữa mà không đạm?

— Đã, mẹ tôi đã đi đạm hôm đầu tháng.

— Được chứ?

— Được.

Trọng-Lang vỗ tay cười ngất:

— Thế mà cứ nói dài dòng mãi, sao không nói ngay đi để tôi mừng.

— Nhưng mà...

Thanh-Hà có vẻ buồn, cho tay vào túi rút ra một bức thư đưa cho Trọng-Lang.

— Anh xem đây thì biết.

Trọng-Lang đem con mắt tò-mò nhìn bức thư, từ từ mở ra một cách ngạc-nhiên, thì thấy:

« Kính gửi ông Thanh Hà.

« Thưa ông,

« Rất cảm cái thịnh-tình ông có lòng yêu đến, nhưng xin thưa để ông biết cho rằng trái tim tôi đã hiến cho Băng-Hồ, người bạn chí-thân của ông. Vậy có lẽ nào ông nỡ đang tâm đem thế-lực kim-tiền mà phá và cướp cái lương-duyên của bạn ông, và cưỡng lấy một người không có lòng yêu ông. Xin ông nghĩ lại.

« Kính thư

« Người vô-duyên với ông :

TUYẾT-NGA »

Trọng-Lang gấp bức thư lại nhìn Thanh-Hà :

— Băng-Hồ? Anh Băng-Hồ của chúng ta? Vậy anh nghĩ sao?

Thanh-Hà không ngần-ngừ chút nào đáp :

— Anh bảo còn nghĩ gì nữa, chỉ còn đi xin cưới nữa là xong. Gia-pháp nhà ấy nghiêm lắm. Nga không bằng lòng mà được.

— Thế còn anh Băng-Hồ?

Thanh-Hà bĩu môi nhún vai không nói gì cả. Trọng-Lang sầm mặt xuống :

— Nếu thế thì anh lầm rồi! Sao mọi ngày anh quân-tử thế, mà nhất-đán đổi tâm tính chóng như vậy. Anh đã bị mãnh-lực của ái-tình hay nói cho đúng hơn là bị cái sắc của Nga làm mờ lối rồi. Ôi! Quả là « sắc bất ba-đào dĩ nịch nhân! » Anh! Anh tỉnh-ngộ lại mà hồi tưởng đến cái phẩm-cách của Thanh-Hà mọi ngày, đừng bị cái lầm-lỡ nhất-thời mà chôn vùi danh-giá xuống bùn đen.

Thanh-Hà cau mày :

— Anh nói lôi-thôi gì thế. Tôi đã chẳng nói với anh rằng tôi không lấy được Nga thì tôi sẽ khổ bao nhiêu ư?

Trọng-Lang rền-rĩ :

— Biết, tôi đã biết. Nhưng anh cũng phải biết đến cái khổ của Nga chứ! Nàng dẫu bị cha mẹ cưỡng-bách phải nghe theo, nhưng tôi dám chắc rằng không khi nào nàng chịu cùng anh ân-ái. Anh hãy tưởng-tượng đến cái kết-quả ghê-gớm của người đàn-bà tuyệt-vọng về ái-tình, thứ nhất người đàn-bà ấy lại là Nga. Thế là anh đã phá hại hai cái hạnh-phúc tốt đẹp của hai gia-đình, gia-đình Băng Hồ Tuyết-nga và gia-đình anh.

Thanh-Hà nín lặng không nói gì, rút điếu thuốc lá ra thủng-thẳng rồ xuống bàn rồi đánh diêm hút. Trọng-Lang lại nói tiếp :

— Còn anh Băng-Hồ. Thảo nào mà mấy hôm nay tôi thấy anh ta buồn lắm. Hẳn anh cũng biết đấy chứ? Thế mà anh không động lòng, lạ thật! Này anh, mấy hôm nay lần nào tôi đến cũng thấy anh Băng-Hồ buồn rầu thở-thẫn, thế mà anh ấy không hề ngỏ nỗi lòng cùng tôi một mảy-may, và cũng không hề cầu-khẩn với anh một lời, cái thái-độ ấy, đáng kính biết bao! Tuy không nói ra chứ trái tim anh ấy tưởng có đến trăm nghìn mũi tên xuyên thủng, thế mà đành chịu đau-đớn âm-thầm, âm-thầm để hi-sinh hạnh-phúc cho anh. Anh đã biết chưa? Anh đã thấy chỗ quân-tử của Băng-Hồ chưa? Vậy anh phải nghĩ đáp lại thế nào chứ?

Thanh-Hà buồn-rầu nói :

— Nghĩa là anh bảo tôi nhường Băng-Hồ?

— Chứ gì nữa. Thế chính là anh đi vào con đường thẳng đó. Anh còn do-dự nỗi gì?

— Nhưng.....

— Lại còn nhưng gì nữa?

— Nhưng... tôi đã mất bao nhiêu tiền..

Trọng-Lang tái mặt đi cười nhạt :

— Anh Thanh-Hà! Xin lỗi anh, hôm nay anh là một thằng rất đê-tiện. Tôi không ngờ...! Tôi rất hối-hận! Hối-hận rằng không có con mắt xanh để đến nỗi nhầm anh là quân-tử. Nhưng này anh! Còn một vật có cái thế-lực bắt anh phải đi vào con đường tôi vạch ra đó, anh có biết không? Sở-dĩ từ nãy đến giờ tôi không viện đến là vì tôi cho rằng tất-nhiên anh phải nhớ, không ngờ anh lại không nhớ, hay là anh nhớ mà anh muốn quên

đi. Nếu vậy thật đáng buồn. Nhưng không, tôi chắc rằng không có khi nào, chỉ lại con ma tình nó ám-ảnh làm cho anh quên đi đấy thôi. Vậy tôi xin nhắc lại cho anh. Đây này, anh hãy ngẩng đầu lên, quay mặt ra vườn mà nhìn cây thông xanh đứng đó. Kia, nó đang reo vo-vo ; anh có biết nó nói gì đấy không ? Ấy là nó nhắc lại cho anh biết rằng đêm hôm rằm tháng tám năm 19. . . , tôi, anh, Bằng-Hồ, ba chúng ta cùng kết-nghĩa ở bên gốc nó, mà chính anh lấy tay chỉ vào thân nó, xong chỉ lên vầng trăng, rồi lại chỉ vào cái « cúp » ở bàn mà nói rằng : « Tình-nghĩa của chúng ta tôi mong rằng được như cây thông này lúc nào cũng xanh tốt, như vầng trăng kia còn mãi với thế-gian, chứ đừng như bọt sâm-banh ở cái cúp này ! » Nó nói thế đấy, anh ạ ! Có phải không anh ? Có phải anh đã nói thế không ? Phải đấy ! Những lời ấy hãy còn văng-vẳng bên tai tôi, có lẽ nào anh đã quên rồi cho được. Anh ơi ! Vườn đào ở đời Tam-quốc đã mai-một những bao giờ, mà cân mĩ-dâm kết-nghĩa của Lưu Quan Trương còn chói-lọi đến ngày nay. Còn chúng ta ? Chúng ta còn đây, cây thông còn đó, thế mà. . . !

Nói đến đấy chàng thở dài. Thanh-Hà vẫn nín lặng, buồn-bã nhìn khói thuốc cuồn-cuộn lửa lên trần rồi tan vào không-khí. Trọng-Lang lau mồ-hôi, kéo ghế lại gần sát vào vai chàng nói một cách thiết-tha cảm động :

— Cũng may mà tôi lại lò-mò hoi truyện anh, không biết thì thôi, đã biết tôi phải hết sức can-thiệp, dù anh có giận cũng vui lòng: Anh Thanh-Hà ơi ! Nga nói phải đấy, anh nên nghĩ lại. Có lẽ nào anh lại mê muội đến thế. Anh hãy nghĩ đến cái đại-nghĩa sử-sở ở trước mặt anh. Chúng ta đối với nhau có khác gì ruột thịt, giả phải hi-sinh cho nhau cũng vui lòng nữa là. . . Mà Nga có yêu anh đâu, vả lại Bằng-Hồ yêu Nga trước anh kia mà ! Anh nên coi Nga như vị hôn-thê của Bằng-Hồ và là một người chị của anh mới phải. Anh quên Nga đi, rồi tác thành cho đôi lứa ấy. Bằng không tôi sẽ cùng anh cắt chiếu từ đây

Thanh-Hà nói se-sẽ :

— Anh đừng nói thế.

Rồi chàng lầm-bầm :

— Hừ ! Tôi lấy làm lạ không biết Nga cảm Bằng-Hồ về nỗi gì ?

Trọng-Lang cười :

— Anh lấy làm lạ ư ? Tôi thì tôi không cho là lạ chút nào cả. Đồng-thanh tương-ứng, đồng khí tương-cầu, đó là lẽ tất-nhiên. Tôi chắc chỉ là cái duyên văn-tự nó đã giàng-buộc hai người. Tôi rất ngợi khen hai người đều có con mắt tinh-đời đó anh !

Thanh-Hà chép miệng :

Nhưng anh Bằng-Hồ là một kẻ hàn-sĩ, với mấy chục đồng nhuận-bút một tháng tự-phụng may ra mới đủ, thì cưới thế nào được Nga là con cưng nhà quyền-quí !

Trọng-Lang cười nhạt, nhìn Thanh-Hà bằng con mắt khinh-bỉ, nói một giọng chua-chát :

— Thế thì anh càng lầm lắm, anh đừng nghĩ thế.

Thanh-Hà ngồi thừ trên ghế, hai tay chắp lại để lên đầu gối, buồn-rầu nhìn ra vườn không nói gì cả. Trọng-Lang gạt tàn thuốc lá, rồi lại để lên mồm ngậm, hai con mắt lim-dim hấp-háy vì khói thuốc đưa lên, gật-gù nhìn xuống đất có vẻ tư-lự. Trong gian phòng lúc bấy giờ im lặng. Những đóa hoa mơn-mởn trong bình ở giữa bàn như nhìn hai người mà cười nhạt. Một lúc Trọng-Lang bỏ điếu thuốc ra, ngoảnh lại Thanh-Hà :

— Thế nào anh ? Quyết đi chứ ?

Thanh-Hà không đáp. Trọng-Lang có vẻ tức-giận ngồi ngả ra ghế, hai chân bắt chéo, hai tay khoanh vào trước ngực, nhìn Thanh-Hà để đợi trả lời. Chiếc đồng-hồ treo trên tường thủng-thỉnh buông ra những tiếng tic-tắc giòn-giã như tiếng đếm của viên trọng-tài trên đài đấu võ. Bằng một giọng gay-gắt, Trọng-Lang lại hỏi rắn từng tiếng :

— Thế nào anh ?

Thanh-Hà thở dài, buồn rầu nói nhát gừng :

— Nhưng... tôi yêu nàng quá.. !

Chừa rút lời, Trọng-Lang hầm-hầm đứng dậy rút bó hoa trong bình ném thẳng vào giữa mặt Thanh-Hà mà mắng :

— Đồ khốn-nạn !

Rồi, chàng cầm mũ rảo bước đi ra...

Thanh-Hà ngồi rũ người trên ghế, không buồn lau nước lấm ở mặt, mắt đờ ra nhìn những cánh hoa tan-tác ở trên lòng. Chàng ngồi lặt ra không cựa-cậy, mặt sầm lại, rồi lại đỏ lên, có lẽ trăm nghìn điều cân nhắc đang quay lộn trong óc chàng. Rồi hình như chàng bị xúc-động quá, con mắt đỏ hoe lên, nước mắt từ-từ rơi trên gò má. Chàng nới lỏng « nơ » ra cho đỡ nghẹn-ngào, rồi gục đầu xuống bàn, thổn-thức ..

. . .

Lúc ấy, Bằng-Hồ đang ngồi cặm-cụi viết ở bàn thì Trọng-Lang cầm cặp cồm-cộp bước vào. Chàng đi thẳng đến chỗ Bằng-Hồ, kéo ghế ngồi bên cạnh :

— Tôi đem tin mừng đến cho anh !

Chàng vừa nói vừa cười, vừa bắt tay Bằng-Hồ. Bằng-Hồ hỏi :

— Mừng gì ? Quyển sách của tôi được xã-hội hoan-nghênh chăng ?

— Không phải, mừng hơn thế kia.

Trọng-Lang vừa nói vừa mở cặp lấy ra một bức thư đầy những chữ.

— Thư gì thế ?

— Anh cứ ngồi đấy để tôi đọc cho mà nghe.

— Nhưng thư của ai đã chứ ?

— Của Thanh-Hà.

— Thế thì anh đưa tôi xem lấy cũng được.

Rồi chàng thong-thả mở bức thư :

« Anh Trọng-Lang

« Anh Trọng Lang của tôi ơi ! Tôi đã biết tội tôi rồi ! Tôi đã biết tôi là một đứa hèn-mạt, đê-tiện nhất trần-gian Tôi là một đứa khốn-nạn không có nghị-lực, để đến nỗi con ma sắc nó dìm phẩm-cách tôi xuống vực sâu hang thẳm. Tôi còn mặt mũi nào mà trông thấy hai anh ! Trời ! Lương-tâm tôi nó đang cắn-dứt tôi đây này ! Anh rửa tội cho tôi đi, như đức của rửa tội cho tín-đồ bên giáo. Rồi tôi sẽ thú tội với anh Bằng-Hồ. Ôi ! Thật là một vết thương rất đau-đớn trên đời tôi. tôi rất ăn-năn hối-hận Tôi rất lấy làm xấu-hổ trông thấy các anh, trông thấy cây thông ở trước vườn. Thật là may cho tôi, nhờ có bó hoa anh ném mà tôi biết tỉnh-ngộ. Anh ơi ! Bó hoa ấy tôi xin trân-trọng giữ gìn, xin coi như chiếc chén của Đỗ-Khoái, anh nhớ bỏ vào quan-tài cho tôi khi nào tôi nhắm mắt về suối vàng. Anh Trọng Lang ! Đến bây giờ tôi mới biết rằng chân-chính ái-tình không phải có thể lấy kim-tiền mà mua chuộc được. Tôi rất kính-phục Nga đã biết dùng ái-tình và rất khen-ngợi Bằng-Hồ đã có con mắt tinh đời tìm được người chung-tình tri-kỷ

« Hiện tôi đã đến ông tham C. nói rõ nguyên-nhân để xin từ-hôn và bết sức tán-thành cho đôi lứa ấy. Việc đã xong, lễ thành-hôn của Bằng-Hồ có thể dự-bị tiến-hành. Anh Bằng-hồ tuy nghèo nhưng trách-nhiệm ở chúng ta, có phải không anh ? Thôi, để tối hôm nay chúng ta sẽ nói nhiều rồi cùng xuống anh Bằng-hồ...

« Kính thư

« Bạn thân của anh : THANH-HÀ »

Bằng-Hồ đọc xong cảm-động quá, đặt bức thư xuống bàn, đứng dậy cầm lấy tay Trọng-Lang, nhưng thổn-thức không nói được một lời. Trọng-Lang cũng cảm-động, đứng dậy bắt tay Bằng-Hồ :

— Tôi xin mừng anh !

Bằng-hồ mỉm cười nói run-run :

— Vâng, cảm ơn anh. Nhưng đáng mừng hơn nữa là cái giao-tình của chúng ta. Anh ơi ! Đối với cô-nhân, chúng ta cơ-hồ chẳng thẹn.....

Sức mạnh về tinh-thần của nước Nhật-bản (1)

Tôi đã từng diễn-thuyết về nước Tàu. Trong khi nói về vấn-đề Trung-hoa, tôi tự thấy tôi bỡ-ngỡ lắm. Tôi không tự thẹn mà thú thực như vậy. Người Trung-hoa về tinh-thần, về cảm-giác đều khác ta lắm, cho nên diễn-thuyết cho người Pháp về cái lý tại sao dân Trung-hoa đông-đúc như vậy mà không thành một nước, thì thật là khó-khăn vô-cùng. Trái lại, giảng-giải tại sao có dân Nhật thì có nước Nhật, cũng như có dân Pháp thì có nước Pháp, lại là một việc dễ-dàng quá. Là vì nước Nhật mấy đời nay tiến-hóa cũng như nước Pháp, cũng như mọi nước ở Âu-châu. Nước Nhật không như các nước khác bên Á-châu, nước Nhật một mình ở Viễn-đông, tận-cùng bên châu Á, mà tiến-hóa lần lần cũng qua các thời-kỳ như các nước Âu-châu. Không phải nhất-đán thành ngay một nước, dần-dần dà-dà, đời ấy sang đời khác rồi mới thành nước.

Điều đó tưởng nên giải cho tường. Người Nhật không phải từ xưa đến nay vẫn ở đất Nhật. Nhiều giống người khác đã ở đất Nhật trước người Nhật. Giống người cuối cùng gần ngay với người Nhật là một giống người to lớn, râm lông, nhiều râu, da trắng, có lẽ từ miền cực-bắc đi xuống. Giống đó, người ta gọi là Hà-di (*Ainos*). Hiện giờ cũng còn có một số ít ở đảo Bắc-hải-đạo (*Hokkaido*).

Người Hà-di thuở xưa, ở khắp cả đất Nhật. Sau người Nhật bây giờ đến xâm-lấn và đánh đuổi đi.

Vậy người Nhật ở đâu tới? Cái đó mỗi người nói một khác. Hiện giờ cho rằng có một phần ít người ở lục-địa Á-châu đi sang và một phần nhiều người thì ở Mã-lai đi lên. Cũng có lẽ như vậy, vì ở biên-giới xứ Mông-cổ và *Transbaikalie*, ven bờ những con sông *Keroulène*. *Argoun*, *Amour*, về đời thượng-cổ đã có một giống người ở, có tính hiếu-chiến, hay đi xâm-lấn các đất nước khác: Chính ở đó đã xuất ra những tướng anh-hùng như ATTILA, TCHINKKIZ, TIMOUR, lần-lượt xưng-bá xưng-hùng khắp bốn phương. Cũng có lẽ một vài di-đảng những rợ đó đã lặn-lội tới bể Nhật-bản hay bể Cao-ly. Nếu vậy thì cũng khả cho là lạ-lùng mạo-hiểm, vì xưa nay không có từng vượt biển xa khơi bao giờ. Hoặc nhờ những thủy-thủ người Tàu hay người Nga có chở qua được vài ba chục hay vài ba trăm đội quân sang được tới nơi, thế là cùng, mà các sử-gia bấy giờ chép đã cho là nhiều lắm. Nhưng cái làn sóng nó tràn ngập mất dân Hà-di, lập nên nước Nhật-bản văn-minh rực-rỡ trong hai-mươi-nhăm thế-kỷ nay lại không phải là làn sóng đó, mà là một làn sóng ở phía nam đưa lên, ở Mã lai, Phi-luật-tân, ở *Carolines*, hay xa hơn nữa, ở *Samoa*, *Marquises*, *Takiti*, không biết chừng.

Có lẽ tất cả các dân trong cõi Đại-dương-châu đã cùng nhau vượt bể đến tìm nơi phúc-địa đó; nhưng có thể nói chắc rằng lúc người Nhật đến đất Nhật thì chưa có lịch, chưa có

(1) Lược-dịch một bài diễn-thuyết của ông CLAUDE FARRÈRE ở *Paris*, ngày 8 tháng năm 1933.

chữ viết. Mà người Á thì biết viết trước người Âu. Trái lại, những dân trong Đại-dương-châu, trong bao nhiêu lâu vẫn không biết ghi chép lấy tư-tưởng để truyền về sau. Còn như lịch để xem ngày tháng thì chỉ dân nào có cần đến thì mới chế ra. Ở những miền trong khoảng hai đường *Cancer* (Hạ-chí tuyến) và *Capricorne* (Đông-chí-tuyến) thì thời-tiết không có phân-biệt. Vậy cho nên có thể quả-quyết rằng người Nhật xưa kia không phải là người da vàng, có gò má cao, hay có tính thiên-trọng về bề hình-thức và biện-bác những điều phiền-toái, mà trái lại, lại là người da đỏ hay sám, nhanh-nhẹn, quả-quyết, bạo-dạn và mềm-mỏng. Phải là những người như vậy thì mới có thể vượt bể xa khơi bằng những chiếc thuyền độc-mộc chông-chành không vững, buồm làm bằng rơm, dãi gió dầm mưa, mà cũng có khi đến chết đói chết khát được. Phải có cái can-đảm mạnh bạo của các tướng La-mã đời xưa thì mới có thể kéo đoàn kéo lũ, cùng vợ chồng con cái, già trẻ ngổn-ngang chồng-chất trên thuyền, vượt khơi ra đi đến một đất lạ mà mình sẽ phải liều thân huyết-chiến!

Người Nhật quả đã làm được những việc mạo-hiểm như vậy, đã quyết chiến và đã đắc-thắng vậy. Thật là những tay thủy-thủ đích đáng, thật là những tay võ-sĩ vô-song, nói tóm một câu, thật là giống người cương-quyết vậy, có cái gan sắt đá ở trong lòng.

* *

Người Nhật cố-nhiên không phải là một dân không can-đảm, lại rõ-ràng là một dân-tộc khôn-ngoan. Người Nhật lại cũng có tính biến-báo, có não chế tạo. Cũng dễ chứng rõ được điều đó. Hãy xét một điều rằng những người da đỏ hay da sám ở miền Đại-dương-châu mà đi ngược tới lên đất Nhật đó, tất-nhiên phải trải qua nhiều đường đất, vậy cho nên chỉ có thể đến từng toán nho-nhỏ một mà thôi. Tới nơi gặp những người thổ-dân đông-đúc vốn đã thành cơ-ngũ sẵn-sàng, phải cần lập-tức chỉnh-đốn những quân ô-hợp lại cho có liên-hiệp với nhau, có thống-nhất, có kỷ-luật. Nói tóm lại, là phải lập thành một xã-hội. Ở Nhật dương đông qua sang hạ một cách bất-ngờ, nên cần phải có lịch số. Lại phải nghĩ ra một lối chữ viết, vì đốc-suất một đội quân cần phải truyền mệnh-lệnh đi xa, nói miệng không được. Chế ra một thứ chữ, việc đó không phải là khó lắm, nhưng phải mất nhiều thì giờ mới làm được. Người Can-đê (*Chaldéens*), hàng mấy thế-kỷ phải ngắm các tinh-tú luân-chuyển mới làm được ra lịch. Người Ai-cập (*Egyptiens*) chế ra chữ viết, nhưng trung-gian rồi cũng bỏ, tất có cớ gì mà người ta không biết. Rồi người Phê-ni-xi (*Phéniciens*) nghĩ ra chữ câm (*consonnes*), người Hi-lạp (*Grecs*) đặt ra chữ âm (*voyelles*). Người Nhật cũng có thể làm được như người Can-đê, Ai-cập, Phê-ni-xi, Hi-lạp, nhưng đương lúc bấy giờ cần-kíp lắm, không thể chờ đợi lâu được, vậy phải cố tìm chung quanh mình xem có ai đã chế-tạo được cái gì sẵn để mình bắt-chước khỏi phải tự nghĩ lấy. Thì may, gần đó có nước Tàu. Nước Tàu hồi đó to lớn lạ thường, dân-cư rất là đông-đúc, biết viết kể đã có ngoài 25 thế-kỷ; còn như phân-biệt từ thời thì người Tàu biết cũng đã ngoài 4000 năm. Người Nhật chỉ việc bắt-chước theo lịch Tàu, học chữ Tàu là đủ. Thấy vậy nhiều người cho là dân Nhật hay có tính bắt-chước, hay cóp nhặt của người mà cho làm của mình. Xét đoán như vậy là sai; vì sao mà tôi cho là sai, tôi xin nói sau đây, tưởng cũng để chứng-giải ra được.

.˙.

Hãy nói về vấn-đề lịch. Lịch Nhật phỏng theo lịch Tàu. Có lẽ vì làm như thế thì giản-tiện và mau-chóng hơn. Vả người Nhật chưa từng có lịch bao giờ, nên lấy lịch của một nước khác làm lịch của mình là một việc dễ-dàng, không có phiền-phức chi cả, không phải bỏ cũ đi để theo mới. Vấn-đề chữ viết có lẽ khó-khăn hơn. Ở Úc-châu tới, tuy không có biết chữ viết, nhưng cũng đã có một thứ ngôn-ngữ riêng rồi, thứ ngôn-ngữ đó cũng sáng-sủa, dễ nghe.

Tiếng Nhật ngày nay là do tiếng Nhật hồi đó mà ra, vẫn có mẹo-mực khó học lắm, xem đó cũng đủ biết. Tiếng Nhật đó là thứ tiếng « dính » (*agglutinative*). Mỗi tiếng có nhiều vần dính lại với nhau, muốn viết ra mẫu-tự Âu-châu cũng dễ, vì cũng có chữ « âm », chữ « cảm » như tiếng Âu-châu.

Có đến sáu chục tiếng Nhật âm và nghĩa cũng giống như tiếng *basque* ở phía nam nước Pháp. Vậy thời muốn viết chữ Nhật ra như chữ *basque* cũng dễ-dàng lắm. Nay chữ viết Tàu không có mẫu-tự, chữ viết Tàu không có thanh-âm, chữ viết Tàu viết ra để mà trông, chứ không phải viết ra để mà đọc nghe. Mục-đích của chữ Tàu là vẽ tư tưởng ra. Còn như cái chữ đó đọc lên thế nào, việc đó không quan-hệ lắm. Chữ Tàu có ngoại tám vạn những hình vẽ nho-nhỏ mà ta gọi là « chữ ». Nay nếu đem những hình vẽ đó mà viết ra một thứ tiếng giống như các tiếng Âu-châu, một thứ tiếng mà âm-vận có liên-lạc với nhau, mỗi chữ có vần đầu vần cuối, thì khó-khăn biết dường nào. Vậy mà người Nhật thắng nổi được cái khó-khăn đó. Họ theo chữ viết Tàu mà vẫn giữ được cái bản ngữ Úc-châu của họ, vẫn giữ được những âm-vận phiền-phức, đem lối viết Tàu mà thích-dụng vào tiếng nói của họ. Có lẽ cũng thêm thất ít-nhiều chữ Cao-ly vào nữa. Về chỗ đó, tôi cũng cứ tin ở lời nói của các nhà bác-ngữ-học. Tôi dám chắc rằng tuy tôi biết có ít chữ Hán, nhưng sang Nhật tôi vẫn có cách làm được cho họ hiểu tôi.

Nay hãy để khoa ngôn-ngữ-học đó, ta nói đến khoa sử-học có lẽ vui hơn. Sử nước Nhật cũng có lẽ giống như sử nước Tàu. Hồi đầu người Nhật đến đất Nhật đi bằng những chiếc thuyền cũng chẳng to-tát gì, mỗi lần chở được mấy chục nhà : ba bốn chục quân-lính cùng với gia-quyến, đã là nhiều lắm rồi. Xã-hội là cái xã-hội từng họ một, cách tổ-chức giống hệt như Tàu, cách đó rất lợi cho sự tiến-hóa của cá-nhân. Nhưng người Nhật cần phải đối-thủ và cần phải thắng người Hà-di, nên hiểu ngay sự ích-lợi phải hợp-nhất các họ thành đoàn, các đoàn thành nước, nước đó sẽ ở dưới quyền cai-trị của một người, người đó là chủ-tể thiên-hạ. Mà lạ thay tự cổ chí kim, vẫn chỉ có một họ nối dõi nhau mà trị-vì nước Nhật, tức là dòng dõi *Mikados* (Thiên-hoàng), con chính của bà thần Mặt trời tên là *Amaterasu no Ohomi Kami*, mà đời đời lấy hoa cúc làm biểu-hiệu cho họ mình.

Mới thành-lập, nước Nhật đã là một nước phong-kiến (*féodal*). Cũng như các nước phong-kiến khác, nước Nhật khởi đầu cũng theo cái chính-thể thần-quyền. Vua là giáo-chủ, giáo chủ là Vua. Oai-quyền Vua là oai-quyền tuyệt-đối, tự Trời mà ra. Vậy thời vua Nhật, lúc đầu là vua chuyên-chế, các hàng tăng-lữ, các hàng võ-sĩ đều ở dưới quyền thống-nhiếp cả. Dần-dần những hạng chư-hầu đó ngày một mạnh, thế-lực ngày càng to, quyền vua bị xâm-lấn. Nhiều lần họ ắt cả vua. Thật chẳng khác gì ở nước Pháp, nước Anh, nước Ý, nước Đức vậy. Dân cũng bị bọn đó áp-chế. Chế-độ phong-kiến, dù có ích cho những dân-tộc mộc-mạc để giúp cho mau

tiến-bộ, nhưng rất là nặng-nề cho những dân-tộc đã khai-thông rồi. Đông-phương cũng như Tây-phương, đều phản-kháng cái chế-độ đó. Mà phản-kháng thì đều dùng một cái mưu tuyệt-diệu như sau này: kẻ cầm quyền phải chăng đã quá lạm-quyền của mình? Vậy thời phải khiến cho họ hiểu rằng cách lạm-dụng đó là không hay, không lịch-sự, khiến cho họ hiểu rằng ở trên đời này không nên thấy mình thắng người ta mà ra tay đè-nén người ta, làm cho kẻ thù mình không cất đầu lên nổi, làm thế là bất lịch-sự. Lại khiến cho họ tin rằng những hạng người hèn-hạ vô-dụng, người già kẻ yếu, trẻ con, đàn bà, ấy là phận-sự người lớn kẻ cả phải giữ-gìn bênh-vực cho người ta. Những tư-tưởng nghĩa-hiệp đo dường như là những tư-tưởng ngông-cuồng, thế mà đã gây nên cái đạo võ-sĩ vậy. Đạo đó vẫn đã lan khắp hoàn-cầu. Người Nhật cũng tin những tư-tưởng ngông đó, như người Pháp, như người Anh, người Đức, người Tây-ban-nha, người Ý-đại-lợi vậy. Ở Nhật chẳng khác gì ở Pháp, cũng sản-xuất ra một thứ luật danh-dự. Cái luật danh-dự đó ở võ-sĩ-đạo mà ra, mà võ-sĩ-đạo thì lại chính ở chế-độ phong-kiến mà xuất-hiện ra. Chế-độ phong-kiến tiêu đi, mà luật danh-dự còn sống năm sáu trăm năm nữa. Hiện nay luật đó còn thịnh-hành cho đến nỗi thí-dụ như trong các Ngài đây, ai là người bị kẻ khác xử nhục với mình, hay lấn-lấp đến mình, mà không hăng-hái nhảy-sổ ra đánh cho người đó một trận, dù người đó là tay giật-giải quán-quân nghề võ, hay là một tay kiếm-thuật sở-trường mặc lòng. Thế có ngông hay không? Vẫn là ngông thật, nhưng có cái ngông đó thì các dân-tộc mới luyện nên gan sắt dạ lim vậy.

Nhân có cái tính ngông cao-thượng đó mà người Nhật vừa là một giống người mềm-mỏng nhã-nhặn, lại cũng vừa là một giống người gan-góc cứng-cỏi vô-cùng.

. . .

Ta vừa nói về võ-sĩ-đạo, về luật danh-dự. Luật danh-dự là lúc cần phải bênh-vực danh giá mình, cần phải rửa hờn rửa nhục, cần phải làm cho ra lẽ phải, cần phải báo một cái thù, thì không ai do-dự mà không ra tay quyết-đấu. Được lắm, nhưng thế đã đủ chưa? Trong khi quyết-đấu, nếu mình thua, nếu mình bị thương, nằm bẹp ở trận tiền, hết cách đối-thủ, vậy thì bổn-phận danh-dự của mình bó-buộc mình phải làm thế nào? Theo luật danh-dự của Âu-châu thì thế là mình đã giữ được tròn danh-dự của mình rồi. Mình có quyền thú-nhận lẽ thua của mình, hay đầu-hàng kẻ thắng mình. Có khi nghĩa-vụ bắt-buộc phải như vậy. Như vua *Francois 1er*, khi đã lần lượt dùng hết ba thanh kiếm của mình ở *Tolède* thì về *Pavie* đầu-hàng; nhà nghĩa-hiệp *Bayard* sau khi vào sinh ra tử ở trận-tiền, đùi bị chém, xương chân gẫy, cũng quay về *Brescia* chịu hàng. Cái vinh-dự của những người đó, ngàn năm không vì thế mà phai-lạt. Nhưng ở Nhật thì không thể thế được, dù sao cũng không được hàng-phục. Kẻ nào bị nhục, phải giết người nhục mình, hay tự giết mình, chỉ có hai cách đó mà thôi. Như vậy thì quả người Nhật dẫu mềm-mỏng, nhã-nhặn vô-cùng, mà cũng gan-góc cứng-cỏi hết sức, lời tôi nói không ngoa vậy.

Xin chớ cho là những lời phụ-họa quá-đáng, bằng ở những chứng-cớ xa-xôi, từ đời cổ-xưa nào. Những nhà đại-anh-hùng như *Yoshitsoumé* về thế-kỷ thứ 12, như *Massassigné* về thế-kỷ thứ 14, đều có thể là những bằng-cớ rất chắc-chắn, nhưng nó xưa quá, tôi không nói đến. Nói ngay một người ở thế-kỷ 20 này, một người mà cả thế-

giới đều biết tên, đều kính-phục. Người ấy là đại-tướng Nãi-mộc (*Nogi*).

Đại-tướng là người đã đánh lấy được cửa Lữ-thuận (*Port Arthur*), trong trận Nhật Nga, là người đã có công to về nghề binh, vì đã xướng ra cái thuyết, gọi là thuyết «khắc đồng-hồ cuối cùng» (*le dernier quart d'heure*) hay là «khắc đồng-hồ của người Nhật-bản», «khắc đồng-hồ của tướng Nãi-mộc» Theo thuyết đó thì phàm trong một trận quyết-chiến, thắng-phụ là ở cái khắc đồng-hồ sau cùng, bên nào có sức kiên-gan đứng vững được khắc đồng-hồ đó là bên ấy thắng. Đó thật là một bài học can-đảm, nghị-lực, nghĩa-khí, đáng quí là nhường nào! Tướng Nãi-mộc lúc trở về già, thật đã được hưởng những ngày tháng vui sướng. Trên được chính-phủ trọng-đãi, dưới được dân-gian kính-phục. Vua *Mutsu-Hito* (Minh-trị) trị-vì từ năm 1867, đã làm nên công-cuộc cải-cách lớn năm 1868, là một vị anh-quân lỗi-lạc nhất trong dòng Thiên-hoàng. Năm 1912 chợt có tin Ngài thăng-hà, tướng *Nogi* liền quyết-chí tự-sát, bà vợ cũng theo chồng mà tự quyên-sinh. Các báo thuật chuyện vua Minh-trị thăng-hà và tướng Nãi-mộc tự-sát, nói rằng đạo vua tôi như vậy, vua băng-hà thì những bầy-tôi trung-thành phải tuẫn-tử mới phải đạo. Câu chuyện nói như vậy vẫn là đẹp-đẽ lắm. Nhưng chuyện không đích-thực như vậy, chuyện cốt nói ra để cho người Âu-châu nghe. Chuyện thật lại còn tốt đẹp hơn nữa. Nhưng người Nhật công-nhiên không muốn nói ra, mà người Âu có lẽ cũng khó lòng hiểu được.

Nếu những kẻ thuật chuyện lại cho tôi nghe mà đã nói thật cùng tôi, thì câu chuyện xảy ra như sau này: Năm-mươi năm về trước, hồi tướng Nãi-mộc còn là một học-sinh thường ở một trường võ-bị nào đó, ông có kết bạn với một ông Hoàng về giòng nhà vua. Ông Hoàng này rồi sau tức là vua Minh-trị. Tướng Nãi-mộc lúc tòng học ở nhà trường đó, bị ông thầy học làm nhục, lấy làm xấu-hổ lắm và quyết-ý quyên-sinh. Ông không thể giết chết kẻ thù là thầy học mình, kỷ luật ngăn-cấm ông, mà đạo võ-sĩ vẫn trọng kỷ-luật lắm. Lúc sắp tự-sát, bèn khẩn-khoản mời ông Hoàng là bạn chí-thân đến để chứng-kiến cho cái chết của mình.

Cái tục mổ bụng quyên-sinh (*hara-kiri*) ở nước Nhật thế nào, có lẽ nhiều người đã biết. Người tự-sát phải cầm một con dao thật sắc vào bụng, dưới hoành-cách-mô một chút, rồi rạch thành một miếng vuông. Bụng mở rộng, ruột cũng theo mà tuôn ra, lúc đó người đứng coi, — người này phải là một người bạn tâm-huyết, không những thế, lại phải là người giòng-giõi quí-phái nữa,— cầm một thanh kiếm mà chém dứt đôi cổ ra.

Vậy ông Hoàng nhận lời khẩn-khoản của Nãi-mộc; tuy vậy hồi đó Ngài đã có trí cao, không câu-nệ những tục cũ, dù là thói hay mặc lòng. Ngài nói với Nãi-mộc rằng:

— Anh không thể chết được. Nước nhà cần đến những người như anh lắm. Anh bị nhục, anh phải chết, nhưng tôi, tôi là giòng-giống Thiên-hoàng, tôi nhận cái nhục ấy cho anh Tôi truyền cho anh phải sống.

Nãi-mộc tuân theo lời dạy, cam chịu sống vậy; rồi sau trở nên một vị danh-tướng, đánh được nhiều trận, quốc-dân mến-phục. Nhưng ngày nay vua thăng-hà, không ai còn ở đó mà đỡ lấy cái nhục cũ cho mình nữa, thời cái cựu-thù đã bốn-mươi năm kia lại trút cả vào Nãi-mộc, Nãi-mộc phải chết, chết cho được toàn danh-dự.

Cái danh-dự đó tưởng còn lâu đời nữa chưa tiêu-mòn vậy.

Chuyện này khiến cho ta phải kết-luận một câu như sau này: là khi nào

gặp một người Nhật, bất-cứ người nào, nên nhớ rằng người đó là thuộc về một giống thông-minh, lại là một giống biết trọng danh-dự lắm. Nói thế không phải là biết phục cái hay của người ta mà thôi. Chính cũng là một cách tự phòng-bị cho mình trong khi giao-thiệp với họ, kẻo sơ-suất có hại đến mình.

Tôi có biết nhiều dân từ xưa đến nay vẫn có tiếng là mềm mỏng nhã-nhặn lắm. Ở phía đông Địa-trung-hải, nơi gọi là miền *Levant* đó, thì có thiếu gì, nhưng những dân đó họ mềm-mỏng quá, thành ra có vẻ khúm-núm, nô-lệ. Họ gò lưng cúi rạp, họ quì họ lạy, nhưng thế có phải là lễ phép đâu. Người Nhật cũng cúi, nhưng họ cúi vì phép lịch-sự, rồi đứng thẳng phắt dậy ngay. Trong xương sống người Nhật quả có một thứ «lò-so» bằng thép thật tốt, dẹp xuống mà bồng lên đó ngay được. Cái đó ai cũng nên rõ mà chớ bao giờ có quên.

Ở thế-giới lại cũng không thiếu gì những dân-tộc có tiếng là can-đảm, mạnh bạo. Lịch-sử cho ta hay biết bao nhiêu dân như vậy, đại-khái như dân Ti-ba-đạt (*Sparte*). Người Ti-ba-đạt có thể chết vì một tiếng « không » hay « có ». Cả một đội quân Ti-ba-đạt hơn ba trăm người đã chết ở đèo *Thermopyles* không còn lại một người. Nhưng *Thermopyles* đã là một cái đèo, thì có thể đi quanh mà tránh được, cho nên người Ba-tư (*Perses*) vẫn tránh được, mà ba trăm quân Ti-ba-đạt của vua LÉONIDAS chết, thật là chết uổng vậy. Cách hi-sinh đó là cách hi-sinh vô-ích. Cứ lý-luận ra mà xét thì dân Ti-ba-đạt quả là một dân lỗ-mãng. Ông RENAN vẫn đã biết như vậy, nên ông có câu rằng: « Cái dân Ti-ba-đạt là một dân làm nhiều điều vô-lý nhất, phải nên sỉ-mạ nó, vì nó không còn nữa ».

Dân đó không còn nữa, thật phải vậy: đã tiêu-diệt đi không còn để lại được một cái di-tích gì, đến một điều nghĩa-lệ tầm-thường nữa cũng không có. Thật là đã mất thì hết trọi hết trơn. RENAN nói cũng phải, giống Ti-ba-đạt chết là chết tiệt. Người Nhật thì khác, họ còn sống lâu nhiều, mà cho dẫu chết đi rồi cũng còn sống lại, vì cái bản-chất họ tinh-khôn, như chất hồ-phách, mà cái tính-cách họ mẫu-nhiệm như người Ai-rập, đã có câu phong-dao Ai-cập nói rằng: « Người Ai-cập chui qua lỗ kim cũng được ».

Người Nhật sinh sau đẻ muộn, nhiều lắm là độ 25 thế-kỷ là cùng, bị thiệt-thòi vì nỗi phải buộc lòng mà theo chữ Tàu là một thứ chữ trái hẳn với bản-năng tri-giác họ, dùng một thứ chữ « nhân-tạo » để mà tả những mối cảm-giác sâu-xa, những điều nguyện-vọng thâm-trầm, phải chịu nhiều nỗi thiệt-thòi như vậy mà cũng sản được một thứ thi-văn riêng. Thi-văn cao-thượng, đài-các, và rất du-dương, hoạt-bát. Thơ-văn Nhật, tuy bị nhiều điều khó-khăn ngăn-trở, mà vẫn có vẻ đẹp-đẽ, đủ tỏ cho thế-giới biết là sản-vật của một đất phong-cảnh hữu-tình, núi khe mát-mẻ, sản-vật của ngọn cao-phong Phú-sĩ-sơn (*Fousi-Yama*) kia, bốn mùa tuyết hồng bao-phủ, rực-rỡ dưới trời xanh; mà cũng thiệt là sản-nhi của cái nước Nhật trang-nghiêm trang-lệ kia, mà người dân trong 25 thế-kỷ đã trau giồi cho càng ngày càng tốt đẹp thêm lên, khiến cho khách thế-giới phải mến-phục, mà tôi đây mới được trông thấy một lần đã ba-mươi-lư năm nay, suốt đời chắc không bao giờ quên được nữa

. . .

Mà sao chỉ nói đến thi-văn mà thôi? Nước Nhật cũng có mỹ-thuật tinh xảo nữa. Mỹ-thuật Nhật có một phần phỏng theo mỹ-thuật Tàu, cái đó đã hẳn, lại

cũng có một phần phảng-phất mĩ-thuật Hi-lạp, vì văn-minh Hi-lạp đời *Phidias* và đời *Eschyle* đã từng theo vua *Alexandre* và các nhà triết-học đạo Phật mà lan sang Á-châu. Nhưng người Nhật họ để hết cả tinh thần vào đó, điều-hòa cho thành một thứ mĩ-thuật riêng, không Hi-lạp, không Tàu mà cũng không Ấn-độ. Các cung điện ở *Nikkô* (Nhật-quang) dựng lên về đời vua *Henri IV* hay *Louis XIII* nước Pháp, thật là một bằng-cớ hiển-nhiên. Nhà văn-sĩ *Pierre Loti* đã từng tán-thưởng. Cung-điện đó dựng lên hồi khôi-phục lần thứ nhất ngay sau thời-kỳ nội-loạn, công khôi-phục ấy là tự các chúa *Nabounaga*, *Hidéyoshi* và *Yeyasu* khởi-xướng lên. *Nabuonaga* là một ông chúa có văn-học, vì thương tổ-quốc nên phải ra tay giúp nước, mà muốn giúp cho được việc thì phải ra tay chuyên-chế. *Nabo naga* bị ám-sát. *Hidéyoshi*, một anh nhà quê trở nên đầu cướp, rồi nghiễm-nhiên làm một tay tướng giỏi, chinh đông phục tây, oai-quyền hách-dịch, lập chí báo-thù cho *Nabounaga*, rồi kế-nghiệp luôn. Còn *Yeyasu*, tuy giòng-giõi hoàng-phái, nhưng hiến thân giúp *Hidéyoshi*, rồi sau cũng thay *Hidéyoshi* mà cầm quyền. Những nơi cung-điện nguy-nga đó tỏ cho ta hay nước Nhật đã khéo biết dùng cái bản-năng mĩ-xảo là dương nào!

Vậy thời nước Nhật xưa nay vẫn là một nước hùng-cường. Nước Nhật có nhiều anh-tài lắm. *Nabounaga* có thể vì với *Richelieu*, *Hidéyoshi* với *Bonaparte*, *Yeyasu* với *Louis XIV*. Nước Nhật có nhiều nhân-tài như vậy, ai cũng lấy làm lạ không hiểu vì cớ gì mà không sớm thành một nước hiển-hách như ngày nay.

Thiệt quả như vậy, là vì nước Nhật đã trải qua một bước khó khăn, nó ngăn-ngừa sự tiến-bộ lại. Cái sự khó-khăn đó, lịch-sử ít để ý đến lắm, mà chính-lý ra thì nó rất quan-hệ.

Hồi xưa nước Nhật là một nước mở rộng cho dân ngoại-quốc. Nghĩa là ai đến nước Nhật đều được cả, và ai ai cũng nghe nói tới nước Nhật. Các nhà hàng-hải đất *Byzance* đều có tới, người Á-rập cũng vậy. Sau có nhiều giống người như *Vénitiens*, *Portugais*, *Hollandais* cũng tới nữa. Những phiêu-lưu võ-sĩ đi tìm vàng của văn-sĩ *Hérédia*, lúc mênh-mông trên bể Đại-tây, thường văng-vẳng nghe thấy nói có thần *Cipango* giữ của ở những mỏ vàng xa tít mù tăm...

Đất *Cipango*, chẳng phải đâu xa-lạ, chính là nước Nhật đó. Vẫn biết rằng hồi đó không phải ai cũng có thể tới đất Nhật được cả. Đọc lại tập du-ký của *Marco Polo* thì rõ. Tự phương tây tới, vừa đi vừa về ít ra cũng phải sáu hay tám năm trời. Mưa gió bất kỳ, sóng to bão lớn, thường đắm-đuối bao nhiêu thuyền bè. Đi lại khó-khăn như vậy, mà vẫn có người đi lại. Nhờ đó mà trong thế-giới văn-minh hồi bấy giờ không hề xảy ra một việc gì quan-trọng mà không có ảnh-hưởng tới nước Nhật.

Tuy vậy, ngoài những tay thủy-thủ lành-nghề, cũng ít người dám cả gan phiêu-lưu như vậy. Cho nên vào năm 1549, người Nhật lấy làm lạ thấy một người không phải là nhà buôn mà cũng không phải là thủy-thủ đến đất mình. Người đó tên là *François de Chabrier*, tức là *François-Xavier*, là đồ-đệ của giáo-chủ *Inigo Lopez de Recalde*, ta thường gọi là Thánh *Ignace de Loyola*. *François-Xavier* vâng lệnh thầy, qua chinh-phục người Ấn-độ và người Nhật-bản cho qui về đạo Thiên-chúa. Chinh-phục không phải bằng lưỡi gươm, chinh-phục bằng chữ « thập ». Năm 1542, bắt đầu qua Ấn-độ. Ở Ấn-độ mà có người

theo đạo Thiên-chúa, là công tự ông. Năm 1549 qua Nhật, ở không được hai năm thì trở về Tàu, rồi mất ở *Macao* (Áo môn) vào năm 1552. Ở Nhật ông dụ được rất nhiều tín-đồ, nhiều đến nỗi lúc từ-giã Nhật, ông có cảm-tưởng rằng nước Nhật sẽ thành một nước hoàn-toàn theo đạo *Thiên-chúa*.

Sự cảm-tưởng đó là sai-lầm, ta sẽ giải vì cớ sao ?

∴

Nói đến đây mới sực nhớ rằng chưa nói về những đạo-giáo ở nước Nhật về hồi năm 1549. Kể cũng không có mấy và cũng chẳng lấy gì làm hệ-trọng. Có Thần-đạo (*Shinto*) là một nền quốc-giáo. Đạo này có đã lâu. Người theo Thần-đạo tin rằng Vua là con Thần. Lại có đạo Phật ở Ấn-độ qua Tàu, tràn sang về thế-kỷ thứ 6. Thần-đạo cốt là giữ những cổ-tục có giá-trị, là kính-thờ ông bà ông vải, là trung-thành với vua chúa, nói tóm lại, là một đạo gồm các tinh-túy trong dân nước. Cái đạo qui-báu ấy, bảo là một đạo tín-ngưỡng thì có lẽ cũng chưa được đúng theo như ý-nghĩa Tây-phương, cho là một đạo trung-quân ái-quốc thì đúng hơn.

Còn như đạo Phật ở Nhật thì chia ra làm 19 phái, trong 19 phái đó, có nhiều phái bất-phục thuyết hữu-thần và thuyết linh-hồn bất-diệt. Đạo Phật là một đạo huyền-diệu, hay ưa những lối lý-luận tế-toái, là một khoa-học huyền-bí hơn là một tôn-giáo tín-ngưỡng. Người Nhật nào cũng theo Thần-đạo, chính vì có là người Nhật. Cả nước Nhật lại cùng theo đạo Phật, hai đạo trong một nước mà không hề xung-đột nhau bao giờ, không hề bao giờ xảy ra chuyện đạo nọ lấn áp đạo kia. Muốn cho khi quá-cố được ma chay tử-tế thì theo đạo Phật, vì cái độc-quyền làm đám là ở các thầy chùa.

Ngoài hai đạo ấy, nước Nhật vẫn có thể dung nạp được một cái đạo thứ ba nữa. Cũng vì lẽ ấy và một lẽ nữa, mà cái công truyền đạo của *François-Xavier* đã được kết-quả tốt đẹp như trên vừa nói. Lẽ nữa là lẽ này : Dân Nhật cũng như dân La mã, là một dân có nghị-lực quả-quyết, có sức mạnh như gang như thép, là một dân có cái bản-năng xâm-lấn kẻ khác. Một thế-kỷ sau Gia-tô giáng-sinh, dân La-mã rất cần-dùng đến đạo Thiên-Chúa. Vậy thì ngàn rưởi năm sau lẽ nào dân Nhật-bản không cần-dùng đến một cái đạo khoan-dung êm-ái như đạo Thiên-chúa. Người ta cặm-cụi làm ăn suốt ngày, tất cũng mong có lúc nghỉ-ngơi, mà muốn nghỉ-ngơi thì không có cái gối nào êm-ái bằng cái gối của đạo Thiên-chúa. Nước Nhật tất-nhiên phải cần-dùng tới đạo Thiên-chúa. Vậy mà nước Nhật không theo đạo Thiên-chúa.

Là tại làm sao ? Là vì nước Nhật xa kinh-thành La-mã quá ! Một bức thơ đi, lại, cũng mất bảy tám năm trời ! *François-Xavier* mất đi, những người kế chân đều là những kẻ bất-tài, mà công việc nào có phải dễ-dàng đâu, cần phải hằng ngày chống lại với đạo Thần, đạo Phật. Những người kế-nghiệp cho *François-Xavier* là người tầm-thường quá không hiểu rằng Thần-đạo chỉ là một đạo trung-quân ái-quốc và Phật-giáo chỉ là một thứ triết-học huyền-bí mà thôi. Không hiểu tình-trạng ấy mà bày tỏ cho La-mã hay : *Nabounaga*, *Hidéyoshi*, *Yeyasu*, cũng như *François Xavier*, đều là những bậc anh-tài xuất-chúng cả. Nên các bậc ấy không nghĩ tới chuyện ngăn-cấm đạo Thiên-chúa. Nhưng những kẻ kế-nghiệp các bậc ấy cũng như những người tiếp sau *François-Xavier* là người trí-não tầm-thường hẹp hòi cả.

Vẫn ai cũng có bụng tốt, muốn làm việc hay cả. Nhưng chỉ có bụng tốt mà không có tài-năng thì không đủ. Kết-

quả đến năm 1637, có lệnh của « tướng-quân » (*shogun*, là cũng như chức phó-vương) cấm tuyệt bất-cứ người nước nào cũng không được phép bén-mảng tới đất Nhật. Người Nhật cho mình là tự-mãn tự-túc rồi, không muốn cho những dân « mọi » phương xa mang đến nước mình là một đất thần-tiên, những sự mới lạ quái-gở. Thế là nước Nhật đứng một mình, đóng cửa không cho ai vào nữa. Trải qua mấy thế-kỷ, lần này là lần đầu, nước Nhật quyết đứng một mình trơ-trọi trên mặt địa-cầu, không trực-tiếp với ai hết. Người Nhật có quyền đóng cửa, không cho ai vào nước mình : giang-sơn nào anh-hùng ấy, ai dám trách điều đó. Nếu tôi ưng đóng hết cả cửa ngõ nhà tôi lại, thì tôi cứ đóng, những kẻ đi qua người đi lại chẳng việc chi mà phải bàn-tán vô-ích. Nhưng cái chính-sách đóng cửa đó cũng có điều hại. Vì nếu cứ khu-khu ở trong xó nhà như vậy thì những người ngoài họ hành-động ra sao mình đều không rõ. Thiên-hạ chế tạo ra thuốc súng, nước Nhật vẫn biết, nhưng vẫn khinh ; bởi ấy còn do-khả, vì thuốc súng bấy giờ đánh trận chưa ăn-thua gì. Nhưng đến đời *Gustave Adolphe*, Âu-châu nghĩ ra súng đạn kim-thời, thì nước Nhật tuyệt-nhiên không biết. Rồi sau, trong hai trăm năm, nước Nhật đều không biết chuyện gì hết.

. .

Lúc đầu kể cũng chẳng có sự gì phiền, trong nước vẫn thái-bình thịnh-trị, người dân vẫn lạc-nghiệp an-cư. Mãi đến năm 1853, có một chiếc thuyền buồm Mĩ giạt vào bờ, không rõ ở quần-đảo *Kouriles* hay ở chỗ nào đó, thủy-thủ lên bờ cả. Ông chúa cai-trị nơi cù-lao đó, lấy phép lịch-sự mà mời các thủy-thủ đi, lịch-sự nhưng cũng cương-quyết. Bọn này cho thế là nhục quốc-thể, về phàn-nàn với quan Tổng-thống ở *Washington* về sự người Nhật dã-man, thô-bỉ, không biết phép lịch-sự phải tiếp-đãi tử-tế những thủy-thủ gặp nạn vào phần biển mình. Quan Tổng-thống liền phái một đội chiến-thuyền do thủy-quân đô-đốc PEARRY chỉ huy, đến đóng ở đảo *Kiou-shiou*. Đô-đốc đến tìm ông Chúa cai-trị cù-lao đó, phàn-nàn về nỗi người Mĩ bị nhục ở phía bắc nước Nhật.

Cuộc đối-đáp đôi bên chắc là lạ-lùng lắm, tôi tưởng giá tôi phải sống bớt đi mấy năm mà được nghe những câu nói đó cũng cam-tâm.

Đô đốc Mĩ thì lấy phong-tục Mĩ mà viện lẽ. Chủ-quận Nhật tất-nhiên không hiểu chi chi cả.

— Ông phàn-nàn vì thuyền ông mất, nào tôi có biết ở đâu. Ở xa đây lắm à, ở phía bắc à ? Tôi cũng phiền thay cho ông. Vậy ông muốn tôi làm thế nào bây giờ ? Nếu các ông không lành nghề, thì tốt hơn là nên ở trong nước các ông, chứ đi vượt biển xa khơi mà làm gì ? Tôi tưởng ông không có ý đổ lỗi đó cho tôi chứ ? Vậy thời ông muốn gì ? Có phải người nước tôi không ưng cho thủy-thủ chiếc tầu đắm của nước ông vào đất chúng tôi chăng ? Vậy thì họ có lý lắm, vì có chỉ vua ban ra cấm không cho người ngoại-quốc đến đất Nhật. Làm dân phải theo phép-luật nhà Vua. Về phần tôi, tôi xin cam-đoan với ông rằng không bao giờ tôi đến đất nước ông. Đã vậy thời tôi không có hề làm thiệt-hại ông bao giờ. Ông muốn tôi đền-bồi ông về cái chi bây giờ ? Ông phàn-nàn rằng bị nhục quốc-thể. Cái đó thì quan-hệ thật, chúng tôi cũng đồng-ý với ông. Nếu ông cho rằng chúng tôi đã làm nhục các ông, thì ông cần phải giết tôi đi, nhưng nếu ông không giết được tôi, thì ông phải tự giết ông. Luật danh-dự phải nghiêm-buộc như thế. Trong hai cách tùy ông chọn lấy cách nào mặc ý. Nhưng bây giờ, xin ông hãy làm ơn đi cho, tôi nói đã nhiều lắm rồi...

Câu chuyện như vậy, Đô-đốc Mĩ cố-nhiên phải lui về, nhưng về đến tầu liền cho phóng đại-bác vào thành *Kago-shima*.

Ở đời không có gì khó khăn bằng cái lẽ với cái súng đại-bác, nhất là khi mình không có súng để đáp lại. Ông chủ quận *Kago-shima* lúc đó mới tỉnh-ngộ, yên-cầu đình-chiến và nhận lời xin lỗi quan thủy-quân PEARRY; xong rồi tức-khắc tự-sát để tuyết-sỉ. Về phần chủ-quận thì thế là tròn phận-sự. Nhưng về phần dân Nhật thì cho việc đó là một việc nhục-nhã cho mình.

Kể thì đau-đớn thật: dân Nhật, một dân hết sức trọng danh-dự, một dân cực-kỳ cứng-cỏi, lúc danh-giá mình bị người phạm đến, nay bị nhục như vậy mà nuốt hờn uổng giận đi được không? Thôi, bấy giờ không còn do-dự nữa, liền ra tay đả-đảo cái chính-phủ hèn-nhát của nước mình, cho rằng một chính-phủ mà không biết dự-phòng việc bất-kỳ thì cũng không đủ tư-cách trị nước được. Bèn gây nên một cuộc cách-mệnh kịch-liệt, phế-bỏ cái chế-độ phong-kiến cũ rích đi mà dựng nên một chính-thể tân-thời theo Âu-tây.

∴

Việc cải-cách rất mau-chóng. Năm 1854 quân Mĩ bắn thành *Kago-shima*, mà cuộc « Đại cải-cách » thì vào năm 1868. Phải biết rằng việc cách-mệnh duy-tân năm 1868 đó không phải là sự thay đổi của một dân bán-khai, muốn lập-tức trở nên một nước văn-minh đâu. Nước Nhật trước năm 1854 đã văn-minh lắm rồi, có lẽ văn-minh hơn Âu-châu nữa. Người Nhật hồi ấy đã khôn-ngoan chẳng kém gì người Âu, mà có phần sung-sướng hơn người Âu. Song về phần võ-lực thì kém người Âu, vì trong gần hai thế kỷ cứ đóng cửa kín-mít trong nước, không biết gì đến những sự tiến-bộ của các nước về đường kỹ-nghệ, đã khiến cho Âu-châu biết dùng sức mạnh của hơi nước, của điện-khí, biết chế ra các thứ thuốc nổ kinh-thiên động-địa, xướng ra những chủ-nghĩa cực-đoan, như chủ-nghĩa xã-hội. Người Nhật hiểu tình-trạng mình như thế là nguy-ngập lắm, tức thì quyết bỏ con đường cũ của ông cha mà bắt chước theo Âu, Mĩ. Họ biết rằng một nước muốn được tự-do ở trên mặt địa-cầu, thì cần phải có võ-lực. Mà nước Nhật khao-khát được tự-do lắm. Lúc quả-quyết theo con đường mới, chắc trong bụng cũng phân-vân khó nghĩ lắm. Vì đột nhiên mà bỏ con đường của ông cha mình, hủy-hoại công-nghiệp đáng qui đáng trọng của tổ-tiên mình, để mà liều chân bước sang con đường khác, vị-tất đã hay-ho gì hơn. Suy đi tính lại, nước Nhật bèn quả-quyết bước lên. Diễn-giả đã từng viết một bộ tiểu-thuyết để tả cái lòng phân-vân do-dự của người Nhật vào hồi đó.

Trước trận *Tsou shima*, một sĩ-quan hỏi một người bạn rằng:

— Chúng ta dùng đồ binh-khí Âu-châu, chúng ta thi-hành mưu-mẹo Âu-châu, chúng ta lại cũng theo cả phong-tục Âu-châu nữa. Vậy mà mai đây, chúng ta ra trận-tiền, rủi mà bị thua, thì thế-giới sẽ cho ta là hạng người thế nào?

Người bạn trả lời ngay: — « Nếu ta thua, họ sẽ cho ta là « lũ khỉ » chỉ biết bắt-chước người. Ta phải làm thế nào cho đừng thua! »

Quả-nhiên họ thắng. Tự năm 1868 đến nay, người Nhật đánh trận nào là thắng trận ấy cả.

∴

Chẳng cần phải nhắc lại ai cũng nhớ trận Trung Nhật năm 1894 và cuộc đại-thắng của Nhật trên sông Áp-lục (*Yalou*). Lại trận Nhật-Nga năm 1904, nước

Nga tưởng chừng như có thể đè bẹp nước Nhật tý-hon dám cả gan đưa chân vào bờ cõi Cao-ly và Mãn-châu là phạm-vi thế-lực của mình, té ra nước Nga bị đại-bại ở Liêu-dương (*Liao-yang*), ở Lữ-thuận (*Port-Arthur*), ở Phụng thiên (*Moukden*) ở *Tsou-shima*, cũng như Tàu bị đại-bại mấy năm trước. Nhưng cũng nên chú-ý một điều như sau này: năm 1894, lúc quân Nhật chiếm-cứ cửa Uy-hải-vệ (*Wei a-Wei*) của Tàu, nước Đức hồi đó cũng có ý dòm-nom nước Trung hoa, lấy thế làm tức lắm, gửi tối-hậu-thư cho Nhật, lời-lẽ cứng-cỏi rằng: « Xin cho quân dời Uy-hải-vệ trong hai mươi-bốn giờ, nếu chậm-trễ, chúng tôi sẽ phải can-thiệp ». Nước Đức hồi đó đã là một cường-quốc lớn, mà nước Nhật thì lúc này mới thử dùng « nanh vuốt » của mình là lần đầu. Nước Nhật thấy thế lấy làm nghĩ-ngợi lắm, cười mà xin lùi. Hai-mươi năm sau, hồi 1914, nước Đức muốn xưng hùng khai-chiến với khắp vạn-quốc, thì có một nước bước ra đương đầu, nước đó chính là nước Nhật vậy. Giữa lúc ấy, quân Đức chiếm giữ cửa bể Thanh-đảo (*Tsing Tao*) gần ngay Uy-hải-vệ. Nhật tìm lại tờ tối-hậu-thư của Đức hai-mươi năm về trước, đặt chữ *Tsing-Tao* vào chữ *Wei-a-Wei*, rồi lại gửi lại cho nước Đức, không thay đổi một lời nào. Thư đó bắt-buộc nước Đức phải dời *Tsing-Tao* « trong hai-mươi bốn giờ, nếu chậm-trễ thì nước Nhật sẽ phải can-thiệp ». Nguyên-soái Đức *Ludendorff*, hồi-tưởng lại chuyện xưa, thuật về việc ấy trong tập « ký-ức lục », có viết một câu rằng. « Người Nhật cũng biết trả-thù thật ».

Năm 1914, tướng *Ludendorff* chưa biết người Nhật có cái tài đó, hồi ấy hoặc còn có lẽ, chứ nay là năm 1933 mà thiên-hạ còn chưa biết, thì lầm to và có tội với cuộc hòa-bình thế-giới vậy.

∴

Thôi nói đến đây là đủ rồi, vì nói nữa là lời bàn phiếm cả. Nhưng phiếm mà cũng nên nói, cũng như muốn đóng một cái đinh vào cột thì cần phải đập nhiều nhát búa mới được.

Chẳng cần phải nhắc lại một điều hiển-nhiên rằng nước Nhật quả là một nước mạnh trong thế-giới, vì chỉ có nước Nhật là được nhờ ảnh-hưởng tốt của cuộc chiến-tranh 1914, về phương diện tinh-thần cũng như về phương-diện vật-chất.

Các nước khác tham-dự vào cuộc chiến đó, kẻ thì tốn bao-nhiêu tính-mạng, kẻ thì hao bao nhiêu tiền của, kẻ thì bại bao nhiêu trí-khôn, duy chỉ có nước Nhật là thu-thập được nhiều tài-liệu về mình, khiến cho dương là một nước chuyên nông-nghiệp trở nên một nước đại-công-nghệ. Nước Nhật sở-dĩ mạnh, lại là nhờ ở dân-số nhiều, sinh-sản lắm, nuôi con khéo. Dân càng ngày càng nhiều, và càng ngày càng mạnh. Ngày nay dân-số có tới 100 triệu, tuy các biểu thống-kê không kể tới số ấy. Hoặc-giả nói: Kể người nhiều, thì người Mĩ còn nhiều hơn. Nhưng dân Mĩ phải nhiều sự khủng-hoảng mà dân Nhật không từng biết. Điều đó, ta cũng nên chú ý.

∴

Dân Mĩ ở một cõi đất rộng mênh-mang, một cõi đất giàu-có một cách phi-thường. Trái lại, dân Nhật ở một miếng đất rất nhỏ hẹp, luôn luôn bị thiên-tai lung-chuyển.

Vậy mà nước Mĩ bị nạn dân thất-nghiệp. Sở-dĩ như vậy là cũng vì nhiều cớ, phần nhiều tự mình gây nên. Một chính-phủ giỏi thì phải có thể bổ-cứu được cái tình-trạng đó. Nước Nhật bề ngoài tưởng như không bị khủng-hoảng, mà kỳ-thực cũng đương xử vào

một cảnh rất khốn-nạn : là không biết tìm đâu ra đất để mà dung nuôi một cái số dân ngày càng bành-trướng. Đó tất cả vấn-đề Thái-bình dương là ở đó, nó quan-hệ, nó trọng-đại quá, tôi không dám bàn đến mà cũng không dám đả-động tới. Hồi trước thiên-hạ phàn-nàn về việc dân Nhật xâm-lấn Cao-ly và Mãn-châu, bây giờ lại phàn-nàn người Nhật chiếm-cứ miền Nhiệt-hà (*Jéhol*). Nhưng đó là những chuyện tầm thường, không hệ-trọng chi Việc quan-trọng và việc nguy-hiểm là việc này : Trước sau thế nào Nhật cũng cần phải có đất mà ở. Không phải là cướp lấy đất mà ở, vấn đề đó có thể giải quyết một cách ôn-hòa, không tất-nhiên phải bạo động. Nhưng muốn như vậy thì cần phải nghĩ đến ngay. Ở ven biển Thái-bình-dương còn có rất nhiều đất, khí-hậu tốt mà người ở ít. Tỉ như đất *Californie*, *Orégon Washington*, mà nhất là đất Úc-châu (*Australie*), từ xưa đến nay vẫn bỏ hoang. Vậy mà ở Nhật mỗi cây-số vuông phải dung đến ngoài 200 dân. Cái thế không thể được, phẩm đầy qua, tất nó phải tràn ra chỗ khác, luật thiên-nhiên như vậy.

Vẫn biết rằng, ngoài nước Nhật còn có nước khác nữa, cũng phàn-nàn rằng nước mình nhỏ, không đủ chỗ cho dân ở, như nước Ý, nước Đức vậy. Nhưng có ai cấm dân Ý, có ai ngăn dân Đức di-dân đi nơi khác đâu. Vả lại đối với dân Ý, dân Đức, sự đó không khẩn-cấp gì cho lắm, muốn ăn-ở rộng-rãi thì mới cần phải di-dân ra ngoài, chứ chưa phải là một vấn-đề sinh-tử ở đó. Đối với người Nhật thì khác hẳn, cái tình-trạng họ khốn-nạn lắm. Luật Úc-châu, Mĩ châu, ngăn-cấm không cho người da vàng được tới Úc tới Mĩ. Người Nhật bây giờ chỉ có thể sống ở trong nước họ, hay chết ở trong nước họ mà thôi, chứ không có thể dời quê hương mà đi ra đất khác được. Cái luật đó thật cũng ác-nghiệt thay, một ngày kia cần phải sửa đổi lại mới được. Nước Nhật cũng đã nghĩ đến vấn-đề này nhiều lắm rồi. Họ sở-dĩ đánh Tàu năm nay, chẳng phải vì ý muốn có thuộc-địa ; nước Nhật cũng đã chán biết rằng can-thiệp với nước Tàu là vô-bổ. Nước Nhật thành-tâm muốn cho nước Tàu thoát-nạn nội-loạn, vì sự nội-loạn đó có hại chứ không có lợi cho Nhật. Nếu một ngày kia Nhật phải giải-quyết vấn-đề di-dân ở Úc-châu và ở Mĩ châu — giải-quyết bằng cách thế nào, chưa đoán biết được, — thì ngày ấy sự nội-loạn của Tàu thật là một sự phiền to cho Nhật. Bởi thế nên trước khi nghĩ đến yêu-cầu Úc-châu, Mĩ-châu sửa lại luật di-dân cho khoan-dung hơn, Nhật vẫn muốn hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp giúp cho Tàu được khỏi cái nạn nội-loạn.

Mà cái vấn-đề khốc-liệt là cái vấn-đề di-dân đó, sớm trưa thế nào nước Nhật cũng phải giải-quyết cho được. Tôi chỉ ước-ao rằng không vì đó mà xảy ra một cuộc chiến-tranh ngông-cuồng vĩ-đại nữa, làm cho máu các dân-tộc chảy thành sông, tràn khắp mặt địa-cầu. Nước Pháp vẫn không dính-dáng gì đến những chuyện đó, nhưng rồi cũng sẽ bị vạ lây. Vì muốn cho không can-thiệp đến một cuộc thế-giới đại-chiến sau này, thì phải hoặc rất mạnh, hoặc rất hèn. Mà nước Pháp thì hai cái đó đều không phải cả.

(*Nguyên Pháp-văn*)

Mĩ-Ngọc *dịch*

CA-VŨ VÀ ÂM-NHẠC NƯỚC NHÀ

Ca-vũ âm-nhạc mỗi nước một khác, xem về hai phương-diện đó, đủ biết cái trình-độ mĩ-thuật cao thấp thế nào. Nước ta từ xưa, học theo văn-hóa Tàu, nên muốn biết ca-vũ âm-nhạc của ta, trước nhất phải xét cái cỗi-gốc đó, rồi mới rõ cái trình độ tiến-hóa của một dân-tộc ta từ xưa vậy.

Ở về nước Tàu từ đời Đường đời Tống trở xuống, ca vũ âm-nhạc, chỉ có hai lối: Một lối gọi là *Văn-ca* 挽歌 một lối gọi là *Ban-hí* 扮戲.

Văn-ca là khi đưa đám tang, những kẻ hộ-tống đẩy cái xe tang vừa đi vừa hát, hát ra những giọng thương xót buồn rầu, tức là những câu ca *Giới-lộ* 薤露 (1) *Cao-lý* 高里 (2) khi xưa vậy. *Ban-hí* là bọn con hát diễn ra những tích liệt quốc hay là tam-quốc xưa, để làm trò mời rượu cho vui khách, tức là những bọn *Ưu-Mạnh* 優孟 (3) và *Thù-nho* 侏儒 (4) xưa vậy. Đến đời Nguyên đời Minh, chỉ có cái tục Ban-hí là thịnh-hành hơn, bọn văn-nhân tài-tử thường thường lấy những tích cổ gia thêm văn-hoa, ngụ-ý trào-phúng, để phát-tiết cái khí lao-tao bất-bình, như truyện *Tây-xương* truyện *Tỳ-bà*, truyện *Mẫu-đơn-đình* và những lối diễn tích tỳ sử tiểu-thuyết kia, danh-hiệu rất nhiều, không thể kể ra cho hết được.

Nước ta ở về đời Lý có một vị đạo-sĩ nhà Tống tên là Lý-Tôn Đạo 李尊道, đến dạy cho người nước ta biết cái cách hát múa diễu-cợt, đấy cũng là cái tục Ban-hí xưa truyền lại mà đạo-sĩ bày ra cho ta.

Lại lúc đời Trần đánh phá được tướng giặc nhà Nguyên là Thoan-Đô (唆都) có bắt được một người con hát tên là Lý Nguyên-Cát (李元吉). Nguyên-Cát là một người con hát giỏi, giọng hát thanh-cao, các thiếu-niên và tôi-tớ của các nhà thế-gia, theo học lối hát của Nguyên-Cát.

Nguyên-Cát có diễn ra những lối tuồng xưa (như những truyện Tây-vương-mẫu hiến bàn-đào vân vân), khi diễn có những vai quan-nhân 官人 thủ-tử 侏子 đàn-nương 旦娘 sửu-nô 丑奴 (5), cả thảy mười người, mỗi người đều bận áo gấm áo thêu, lần-lượt ra sân-khấu diễn các vai tuồng, lại có âm-nhạc diễn tấu, để giúp cái âm-điệu của các vai đương hát, nên khi diễn tuồng rất dễ làm cho kẻ xem tuồng cảm-động, hễ diễn ra sự vui thì ai xem cũng vui, mà diễn ra cảnh buồn thì ai thấy cũng phải buồn, ấy ca-vũ âm-nhạc của ta bắt đầu có từ các thời-đại ấy.

Lúc đời Trần người Tàu là Trần Cương-Trung 陳剛中 sang sứ ta, làm ra « *Sứ giao-châu tập* » (使交州集) có chép rằng: « Khi yến đến Tập-hiền thì có vài mươi người vừa đào vừa kép, đều ngồi ở dưới đất mà hát, có đàn tỳ-bà đàu tranh, để cùng họa với nhau; hát thì trước ngân ra giọng rồi

---

(1) *Tên một khúc ca, ví đời người như giọt móc ở trên ngọn lá kiệu qua buổi sáng thì tan ngay.*

(2) *Tên một khúc ca, nói về chỗ chôn người ở bên núi rậm.*

(3) *Tên một anh phường chèo có tiếng ở nước Sở đời Xuân-thu.*

(4) *Anh người lùn ra làm trò bông-lơn.*

(5) *Tên các vai kép vai đào hát.*

sau mới tiếp đến lời hát. Ở dưới đền thì có vũ-nữ khiêu-vũ, một bọn đàn ông dan tay đi xung quanh bọn vũ-nữ mà hát, khi hát giương tay lên hoặc thả tay xuống, đều rập như nhau. Các khúc hát có những khúc : *Trang-chu mộng điệp* 莊周夢蝶 *Bạch Lạc-Thiên mẫn biệt tử* 白樂天憫別子 *Vi-sinh Ngọc tiêu đạp thanh ca* 韋生玉簫踏青歌 đều là giọng than-vãn thời-thế, rất là êm-đềm thương xót, nhưng nghe vậy mà không thể hiểu được. Khi đại-yến ở trên đền, thì có nhạc-đội ngồi ở các hiên phía dưới đền, đồ nhạc-khí và nhạc-công không cho trông thấy ; mỗi đến khi mời rượu, thì hô to lên rằng : « Tấu nhạc-khúc », thì nhạc-công liền tấu khúc ngay. Các nhạc-khúc có những khúc : *Giáng chân long* 降真龍, *Nhập hoàng đô* 入皇都, *Yến giao-trì* 宴瑤池, *Nhất thanh-phong* 一清風, âm-điệu giống hệt với điệu xưa, chỉ có hơi vắn-tắt hơn ».

Đấy những ca-vũ âm-nhạc đó đều là theo lối xưa của Tàu, nhưng vì ngôn-ngữ của ta cùng với Tàu khác nhau, mà nước ta về đời Lý đời Trần, thì tập-tục chất phác, triều-đình mỗi khi tấu quốc-nhạc cũng có bắt-chước theo nhạc Tàu, nhưng hai bên đều không thể hiểu nhau được, tuy là theo lối nhạc Tàu nhưng đã biến ra thành của ta hẳn rồi. Lúc đời Trần lại có một lối hát vãn (vãn-ca 挽歌) riêng nữa. Nguyên hồi đó gặp có quốc-tang đưa tử-cung (1) về Sơn-lăng, gặp đám tang long-trọng ấy, dân-gian ra xem đầy đường, tử cung ở trong cung-điện không thể đưa ra được, những người đương-cục mới bắt-chước theo lối hát vãn đời xưa, đặt ra khúc *Long-ngâm* 龍吟曲, thuật về sự đám ma đưa đi nghi-tiết rộn-ràng, đường sá quanh-co để hợp vào nhạc-ca, khiến mọi người đều nghe biết ; lại sai quan hồ-tống hát cái khúc đó, kèn những kẻ đi xem đưa đám, đều tụ lại một chỗ để nghe hát, tử-cung mới đưa xuống thuyền được. Đời sau bắt-chước theo đó, mới làm bài hát vãn, mỗi năm đến ngày tết trung-nguyên, các nhà có tang tụ con hát lại hát những bài hát vãn, giọng hát buồn-bã sầu-thảm, ai nghe cũng phải cảm động, tục gọi bọn hát ấy là phường chèo bội.

Đời Hồng-đức nhà Lê, trên thì có vua Thánh-tôn là một ông vua minh thánh, dưới có các quan đại-thần như bọn ông : Thân Nhân-Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế-Vinh, đều là bậc học-vấn rộng-rãi, ra giúp triều-chính, mới giảng-cầu về bên thanh-luật của ta, diễn ra quốc-âm, bộ Lễ nhân định ra quốc-nhạc và tục nhạc và các lễ thông hành ở nơi triều-miếu và nơi hương-xã. Quốc-nhạc thì đặt ra hai thứ là thứ Đồng-văn 同文署 và thứ Nhã-nhạc 雅樂署. Thứ Đồng-văn thì chú-trọng về âm-luật, còn thứ Nhã-nhạc thì chú trọng về tiếng hát, đều thuộc vào viện Thái-thường 太常寺, còn tục-nhạc tức là nhạc ở dân-gian, thì đặt ra ty giáo-phường 教坊司 để trông nom về việc đó, hai bên nhã tục chia ra rõ-ràng, không thể nào xen lộn với nhau được.

Đại-lược âm-luật đời Hồng-đức có những : *Hoàng-chung-cung* 黃鍾宮, *Nam-cung* 南宮, *Bắc cung* 北宮, *Đại-thực-cung* 大食宮, *Dương-kiều-luật* 陽嶠律, và *Hà-nam* 河南 *Hà-bắc* 河北, *Bát-cầm-đoạn* 八錦段 các khúc. Đồ nhạc-khí của giáo-phường, thì có cái trường-trúc 長筑 dài đến vài ba thước, mỗi khi đến lúc bọn nhạc-công tụ lại đánh nhạc, thì có một mụ già đánh cái trúc ấy để tiết-chế các thứ âm-nhạc khác, còn như trúc-địch 竹笛, yêu-cổ 腰鼓, đái-cầm 帶琴, địch-cổ 笛鼓 đều do các

(1) *Quan tài của vua làm bằng gỗ tứ.*

quản-giáp và các người sửu-vị 丑未 (1) chủ-trương coi lấy. Trúc-địch tục gọi là cái sáo, thường cùng các thứ nhạc khác xen lẫn mà không thể dùng một mình nó được, là vì ít có người thạo về nghề thổi sáo. Yêu-cổ tục gọi là trống cơm, là cái bồng như cái thùng tròn mà dài, hai mặt cùng đối nhau, hễ khi dùng nó, thì phải lấy cơm nếp xoa trên mặt trống, rồi mới vỗ thành tiếng bùng-bùng được. Đái-cầm tục gọi là đàn-đáy, cũng giống như tam huyền-cầm 三 絃 琴 ở Tàu, nhưng so với tam-huyền-cầm thì hơi khác hơn. Mỗi khi viên quản-giáp đến nhạc-đường, thì lấy cái khăn đỏ thắt lưng và gẩy cái đàn đó, để cùng ả-đào xướng họa, theo cái điệu ca lên xuống mà cái điệu đàn ứng theo. Ả-đào thì tay cầm cái tiết phách, tục gọi là cái sênh. Lại có một cái phách xâu tiền năm ba đồng, tục gọi là cái sênh-tiền, tay gõ mấy cái sênh đó, để đỡ giọng hát. Lại có cái trống một mặt, tục gọi là trống mảnh, hình bé mà mỏng, sơn vẽ đẹp đẽ, đánh ra thành tiếng bình, bồng, bốp, bịch, mỗi khi ả đào mới đến hay là có đi đứng gì thì đánh cái trống đó.

Đại-lược các thứ nhạc cũng không khác gì Tàu, mà cái điệu cao hạ, thanh trọc, xuất nhập, chuyển hạp, đều đủ năm cung bảy tiếng, không khác gì Tàu, đến như chỗ triển-chuyển biến-hóa, thì cũng không kém gì Tàu, nếu không phải là người sở-trường về âm-nhạc thì cũng chưa thể hiểu được.

Còn cái nhạc ở trong cung tục danh là hát «cửa-quyền», cùng với giáo-phường cũng có hơi giống, có cái trúc-sinh 竹 笙 tục-danh là đàn gỗ, có đàn Thiết-huyền-cầm 鐵 絃 琴; có đàn Cửu-huyền-cầm 九 絃 琴 tục danh đàn Cửu-huyền, có đàn Thất-huyền-cầm 七 絃 琴 tục danh là đàn Thất-huyền, có cái tranh 箏 có mười lăm dây. Các đồ nhạc-khí đó cùng với các nhạc khác xen làm bát âm, nhưng thật không phải bát-âm đời xưa. Tiếng hát ở trong cung, nghe ra nhỏ-nhẻ, lịch-sự, uyển-chuyển, êm-ái, so với tiếng hát ở giáo-phường lại hơi nhã hơn, nhưng về bên âm-luật thì nghe cũng không khác gì mấy.

Đầu đời Hậu-Lê trung-hưng, nơi Nội-điện chỉ còn cái hư-danh mà không có oai-quyền gì cả, thự Đồng-văn và thự Nhã-nhạc chỉ có đến khi tế Nam-giao và triều-hạ đại-lễ mới dùng đến, nên con cháu các nhạc-quan, phần nhiều thất-nghiệp, mỗi khi triều-đình tôn-miếu có tấu đến nhạc, thì không còn biết đến soang-luật gì cả, mà giáo-phường tục-nhạc, thì lại thịnh-hành, giao-miếu triều-hạ và trong dân-gian tế lễ gì, đều là loạn dụng các thứ tục-nhạc, bọn nhạc-công tập những giọng dâm-đãng, soang-điệu mỗi ngày mỗi biến đổi, so với đời Hồng-đức Lễ-bộ định nhạc từ trước, nhiều chỗ sai lầm mà không ai đính-chính lại cho, *Hoàng-chung cung* 黃 鍾 宮 thì đọc lầm thành *Huỳnh-cung* 璜 宮, *Đại-thực-cung* 大 食 宮 thì đọc lầm thành *đại thạch* 大 石, *Dương-kiều* 楊 橋 thì đọc lầm thành *Kiều-dương* 橋 楊, *Xà-nam* 司 南 thì đọc lầm thành *Xà-nam* 蛇 南. Đến như đàn *lảy*, hát *từng*, *thét-nhạc*, đều là những điệu mới thêm, mà toàn không có thứ-tự gì cả.

Lược xét về lối nữ-nhạc của ta

Nữ-nhạc của ta, bộ khúc xưa nay vẫn như nhau, chỉ thanh-điệu thì có hơi khác; vì lối nhạc-phủ đời xưa, từ-khúc thật-thà không văn-hoa, thanh-âm thì hồn-hậu chất-phác, truyền cho đến ngày nay, ca-khúc tuy theo xưa,

(1 Tên những kẻ nhạc-công.

mà truyền khẩu sai dần, câu hát phần nhiều không thể hiểu được, người đời sau tuy có chế ra từ-khúc như lối hát miếu, hát nói, hát thổng, hát dồn, chưa được bao nhiêu lối, nhưng lối thanh-điệu có hơi xa-mĩ, khác hẳn với xưa, đấy là do theo tập-tục như vậy. Tựu-trung âm-điệu và đờn phách của con hát ở Thanh-Nghệ, thì cũng với các nơi ở Bắc-kỳ khác hẳn, ấy lại là một điều phải xét. Sau này sẽ dẫn các điệu hát để xét cho tường.

∴

I — HÁT TRAI = HÁT HÀ-LIỄU

Lối hát trai này, là đương lúc ra hát, ả-đào chưa hát mà kép hát trước, gọi là hát trai, đến sau ả-đào cũng hát điệu hát ấy, mà gọi là hát hà-liễu. Lối hát này âm-điệu hoãn-cấp xen nhau, lời cổ mà quê, trước hát một câu thượng lục hạ bát, sau hát một câu song-thất, ấy là một nhịp.

Thí-dụ như câu sau này :

1) Ví dù Gia-Cát sinh lai,
Vạc Lưu chưa dễ về tay ai cầm ;
Trai anh-hùng hữu tâm địch-khái,
Phù trung hưng đem lại nhà vương.

2) Tung hô ba tiếng quát rân,
Áo xiêm Nghiêu Thuấn, dai cân Cao Qui ;
Chốn đan-trì Thiều-ca nhạc vũ,
Tưới mưa xuân khắp đủ đôi nơi.

∴

II — HÁT BẮC-PHẦN = HÁT MỞ

Lối hát này nhịp theo phách đóc, câu nào cũng trên sáu dưới tám, điệu cổ điệu mới đều có, trong khi hát tùy ý trích một đôi câu ra mà hát, âm-điệu lúc đầu hơi đê-hoãn, sau thì ra giọng thanh-cao.

Thí-dụ :

1) Thuyền ai qua Xích-bích thành,
Khen ai tạc miếu tô tranh phụng-thờ ;
Lênh-đênh một lá đôi thu,
Đầu năm nhâm-tí, gió đưa lọt mành

2) Lênh-đênh một lá hai thu,
Đầu năm nhâm-tí, gió đưa lọt mành.
Gió bay lời thế lạ-lùng,
Nếu thì gan với anh-hùng thời thua.

∴

III — HÁT NÓI = HÁT HÀ-NAM

Điệu hát này thường hát nhanh, như hành-vân lưu-thủy, điệu cổ điệu mới đều đủ cả, mỗi bài dùng mười một câu cho đến mười ba mười lăm câu trở lên, số câu bao giờ cũng dùng số lẻ, trong bài có một câu thơ thất-ngôn chữ Hán, kép hát thì gọi là hát Hà-nam, ả-đào hát thì gọi là hát nói, nhưng bài hát vẫn là một.

Thí dụ :

1) Sông Xích-bích vầng trăng vừa ló,
Thầy Tô tìm thú cũ qua chơi ;
Cảnh quang-âm nào đã mấy mươi,
Mà non nước sẽ chạnh lòng cảm-khích.
Ngâm thành nhất cú thiên sơn bích,
吟成一句千山碧
Cỏ hạc hoành giang lược tiểu chu ;
孤鶴橫江掠小舟
Suốt đêm thu trong gối mơ-hồ,
Người viễn-khách vẩn-vơ trong giấc điệp.
Trong cười nói hỏi tên chi chẳng biết,
Chợt trông ra nào thấy đâu nào !
Ấy người hay hạc xinh sao !

(Bài này mười một câu)

2) Tài-tử giai-nhân là nợ sẵn.
Giải-cấu nan là chữ làm sao !
Trải xưa nay từng đã bao nhiêu,
Kia tan hợp nọ khứ lưu đâu dám chắc.
Giai-nhân khứ-khứ hành-hành sắc,
佳人去去行行色
Tài-tử chiêu-chiêu mộ mộ tình ;
才子朝朝暮暮情
Uầy kia ai như mây tuôn, như nước chảy, như gió mát, như trăng thanh,

Lơ-láo khéo trêu ngươi chi mãi mãi.
Trời đất có san đi mà sẻ lại,
Hội tương-phùng còn lắm lúc về sau;
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Nàm chầy cũng chẳng đi đâu mà
Chén đưa nhớ bữa hôm nay. [chầy.

(Bài này mười ba câu)

3) *Ngẫm cho chi-bất-nhân là tạo-vật,*
Đã sinh người lại hạn lấy năm;
Chẳng kể chi mười bảy mười lăm,
Dầu sống đủ ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc.
Nào những mặt vinh vinh nhục-nhục,
Cuộc trăm năm còn lắm lúc bi-hoan;
Ngán-ngẩm khi nguyệt xế hoa tàn,
Xuân một khắc nghìn vàng khôn chác.
Tế suy vật-lý tu hành lạc,
細推物理須行樂
Hà dụng phù danh bạn thử thân;
何用浮名絆此身
Song bất-nhân mà lại chi-nhân,
Hạn lấy tuổi để giục người chơi lấy.
Cuộc hành-lạc được bao nhiêu là lãi
Chẳng chơi thì thiệt ấy ai bù; [đấy,
Bách niên thân-thế du du.
百年身世悠悠

(Bài này mười lăm câu

4) *Nhân sinh như kỳ nhĩ,*
人生如寄耳
Đắc-ý tu tận hoan;
得意須盡歡
Hữu mã hữu thuyền hữu thủy hữu san,
有馬有船有水有山
Tức bình chúc dạ du lương hữu dĩ.
卽秉燭夜遊良有以
Đành vũ-trụ ấy ngô nhân phận-sự,
Hãy tiêu-dao cho tuế-nguyệt thêm càng;
Vân thương thương hề thủy ương ương,
雲蒼蒼兮水泱泱
Phong-quang ấy người sao nên phụ;
Nhược đãi công thành danh toại hậu.
若待功成名遂後
Nhất đôi bạch cốt đì lăng-tăng;
一堆白骨已崚嶒
Thử thời sơn chi nam, sơn chi bắc, chi thung-thăng,
Chắc đâu chuyện phù-bình tán-tụ.
Lưng bầu rượu dốc cồ kim kim cồ,
Một túi thơ đầy hoa-nguyệt nguyệt-hoa;
Khi cờ vây, khi bài lá, khi tiêu-ngạo, khi cầm-ca,
Kén phong-nhã hào-hoa làm lạc-thú.
Chỉ Lô, Tần thề cùng thảo-thụ,
Cuộc say say tỉnh-tỉnh mấy ai hay?
Thử xem con tạo sau này.

(Bài này mười chín câu)

IV — HÁT MIẾU

Điệu hát miếu du-dương không mau không chậm, câu nào cũng trên sáu dưới tám, như lối văn các truyện quốc-âm. Đời xưa chế ra khúc này, khiến ả-đào hát để tế tôn-miếu, cho nên gọi là hát miếu. Cách hát miếu chỉ hát một câu gọi là miếu đơn, hát hai câu gọi là miếu kép, cách hát lảy đi lảy lại.

Thí-dụ:

1) *Xuân đến đông về,*
Đưa thoi đưa, xuân đến đông về,
Giong, sớm giong đường liễu, tối kề bến tiên;
Gặp nguyền, vì đầu sinh chẳng gặp nguyền.
Túi thơ đủng-đỉnh dạo miền thủ quê,

2) *Luống những mơ-màng,*
Tiên, giấc tiên luống những mơ-màng,
Bồng, non Bồng bóng nguyệt, thường thường vãng lai;
Chữ bài, mừng thầm chốn ấy chữ bài.
Ba-sinh âu hẳn, duyên trời chi đây,

3) *Ngọn trúc hiu-tà,*
Đưa gió đưa ngọn trúc hiu-tà,
Chuông, tiếng chuông Trấn-vũ, canh gà Thọ-xương;
Ngàn sương, mịt-mù khói tỏa ngàn sương,

Tiếng chầy Yên-thái, bóng gương Tây-hồ.

4) *Mà thẹn với đời,*
Đời, nghĩ đời mà thẹn với đời,
Là, cũng là tai mắt, chịu trời thông-minh;
Nhục vinh, kiếp đời hai chữ nhục vinh,
Kiền khôn một chén, tình tình mấy cung.

V — HÁT CHỬA-KHI

Chửa-khi nghĩa là hòa-vui, cái điệu hát này nhịp ba cung bắc, nhưng cung bắc hay dùng điền, mà chửa-khi thì toàn dụng cái lời của ta, đấy là chỗ khác nhau. Cũng là khúc cổ, câu nào cũng trên sáu dưới tám, nhưng có nhiều câu không thể hiểu nghĩa.

Thí-dụ:

Mực in vách phấn đề thơ,
Năm ba câu chữ gửi đưa cho chàng.
Thoi vàng biếng dệt cửi vàng,
Mối sầu khôn gỡ, bởi chàng lang-quân.
Chửa khi (từ đây trở xuống vào phách) *nước chầy giang tân,*
Chén trôi khúc-thủy, ba tuần mời khuyên.
Chửa khi nhà ngọc mở diên,
Đào tiên một đệp dâng lên khuyên mời;
Chửa khi đêm vắng ca chơi,
Lênh-đênh ngư-phủ, khoan bơi chiếc thuyền.
Chửa khi bát-ngát giang-biên,
Tắm chơi ao giá, nước nguyền thủy trầm.
Chửa khi bóng quyền cờ châm,
Đã thề lại hẹn dấu cầm lấy tay.
Chửa khi gối ngọc đặt bày,
Sầu nặng vi tằy, nhẫn-nhục phân chia.
Bằng nay đôi chốn về đi,
Thuở nao lại thấy người kia chăng là.
Thanh-đồng sứ mới truyền qua,
Văn thơ bút đã chép ra gửi rày.
Hỏi thăm đến đất Hà-tây,
Đem bức thư này, cho tới Ngưu-lang.

VI — NHỊP BA CUNG BẮC

Điệu hát này trước chậm sau mau, trong một khúc ba lần đổi điệu, giống như điệu chửa-khi, câu nào cũng trên sáu dưới tám, đều là điệu cổ, nhưng không thể hiểu được.

Thí dụ:

Dập-dìu gió lọt mành thưa,
Cơn buồn sẽ chạnh ngâm-nga giải sầu.
Tiếng chi dìu-dắt trên lầu,
Bởi đâu đón rước, vội chào tin oanh.
Từ khi nước lá về trong,
Lênh-đênh bến nguyệt, chạnh lòng buồn thay.
Nước thu trăng rõ về mây,
Nguồn cơn soi hết, chua cay sự nhà.
Bấy lâu ta lại thấy ta,
Khác nào như ả Hằng-nga sau này.
Đông-hoàng nhờ ảng mây bay,
Ve kêu tiếng trúc canh chầy điểm canh.
Chiều thu Bạch-đế tin lành,
Chưng thuở lênh-đênh, cầu bắc Ngân-giang.
Bỗ công lòng khách tư-lương,
Giải cơn sùi-sụt chửa chan mối sầu.
Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu,
Cách một nhịp cầu dạ nọ kém vui.
Đêm thanh mượn rượu làm vui.
Say mà chẳng biết rằng say bao giờ.
Lạ thay tình ở vần-vơ,
Lòng còn khăn-khẳn đợi chờ chưa quên.
Bóng trăng soi tỏ kề hiên,
Hé mành đợi khách cung tiên rước vào.
Thấy nhau ta hãy tạm chào,
Còn e lòng khách Động-đào quên chăng?

VII — GỬI THƠ

Cách hát gửi thơ, các giọng cao thấp mau chậm xen nhau, hát những câu đầu câu đuôi thì hơi dãi-dệ, câu thứ nhì hơi cao hơn dẫn câu dưới

nữa thì hơi thanh-thoát, gồm cả các điệu cung bắc cung nam, tục gọi là «ba bậc», nếu cứ theo giọng đọc soài-soài đi, thì rất là vô-vị.

Cách gửi thơ điệu xưa điệu nay đều có cả, câu văn thì hoặc dụng lối văn đối nhau, hoặc dụng theo lối lưu-thủy hay là tản-văn cũng được.

Thí-dụ :

Bút hoa thảo tình thơ một bức,
Tâm-sự này vắng-vặc bóng trăng soi ;
Chữ nhân-duyên đem lại bởi trời,
Duyên kỳ-ngộ chỉ thề non với nước.
Lời vàng đá đinh-ninh sau trước,
Nỗi-niềm này bao-quản cách giang-san ;
Một châu-thoa với một ngân-hoàn,
Lấy chút đấy phượng-loan làm bạn.
Khách tri-âm người viễn-hoạn,
Chữ chung-tình hai chớ quên ai,
Gửi nhân nhắn cá chớ đơn-sai,
Lòng mây nước chẳng như ai mà chênh-mảng.
Tới tiết thu trăng đương vẻ sáng,
Bắc cầu Ô thẳng giữa sông Ngân ;
Cho bỡ công then khóa phòng xuân,
Rủ nệm trướng mấy lần chờ đợi.

VIII — HÁT HÃM

Hát hãm là khúc hát cửa-đình đời xưa, nếu hát vào tiệc vui chơi, thì giọng hát khi mau khi chậm xen nhau ; tục gọi là hãm ba bậc, khúc hát nầy có đủ lối xưa lối nay, có hơi dễ nghe.

Thí-dụ như bài sau này :

Tiếc xuân ngảnh lại trông xuân,
Thương ôi bóng đã vân vân xế chiều.
Lênh-đênh duyên nổi phận bèo,
Trốn làm sao khỏi nước triều đầy vơi.
Lộ-đồ cách trở xa xôi,
Thuyền tình chở một mình tôi nặng gì.
Tuyết sương nặng lá đài-bi,
Hằng-nga lận-đận chân đi ngại-ngùng.
Lâm-dâm ngẫm-ngụi trên không,
Ngỡ rằng tương-ngộ tương-phùng đôi ta.
Ngẩn-ngơ đứng gốc mai già,
Hỏi thăm ông nguyệt có nhà hay chăng.
Ngọn đèn thấp-thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung-thăng chốn này.

IX — HÁT DỒN ĐẠI-THẠCH

Lối hát này lời chất mà cổ, điệu thanh mà cấp ả-đào vừa hát vừa múa.

Thí-dụ như bài sau này :

Chúa từ nghe biết vân vi,
Thoát thôi lại nói bàn mê sự lòng.
Ngọn cờ đỉnh núi xa trông,
Nọ sao vùng quế, hẹn cùng trúc mai.
Trách thay ô-thước nỡ hoài,
Cớ chi sao bỗng lạc-loài cung tiên.
Chốn này là chốn cung tiên,
Ước gì cho được, phỉ-nguyền niềm trông.
Boong boong chuông gióng đêm đông,
Cảm lòng này những luống công đợi chờ.
Hỏi thăm ai kẻ thân sơ,
Bóng trăng dãi tỏ, qua ưa hay là.
Đêm đêm tưởng dạng Ngân-hà,
Trông sao Bắc-đẩu đã ba năm tròn.
Non mòn nhưng nghĩa chẳng mòn,
Dòng Tào-khê quyết lòng còn như in.
Tình thư phong mượn cá chim,
Chim tìm núi thẳm cá tìm vực sâu
Chẳng ai nặng tiếng bên lầu,
Boong boong chuông gióng gửi sầu đêm thanh.
Hội này từng-lẫy dưới trên,
Vui này gặp hội thanh yên đầu lòng.

X — ĐIỆU NGÂM-VỌNG

Điệu ngâm-vọng hoãn mà dài, lời cổ mà quê, câu nào cũng trên sâu dưới tâm, cũng là một lối hát xưa, khi hát chỉ hát vài ba câu thì tiếp xuống điệu dồn cung-nam.

Thí-dụ như bài :

Từ gặp Châu-nương,
Lưu-lang từ gặp Châu-nương,
Gẫm càng quân-tử dạ càng đinh-ninh,

Luống những mơ-màng,
Bâng - khuâng luống những mơ-màng,
Mối sầu khôn gỡ, vì chàng lang-quân.
Dạo gót đường mây,
Nhởn-nhơ dạo gót đường mây,
Dập-dìu ca-vũ gian tay chúc mừng.

XI — DỒN CUNG NAM = DỒN NHẤT

Điệu hát dồn cung nam, cũng giống như ngâm-vọng, nhưng hơi thanh-cao hơn, cũng là một khúc xưa, có nhiều câu không thể hiểu được.

Thí-dụ như bài sau này :

Lưu lang từ gặp Châu-nương,
Gắm cùng quân-tử, dạ càng đinh-ninh.
Vật tay giở chuyện riêng chung,
Những bề hợp-tán tâm trung cồ hồi.
Trai Nam-Việt bốn bề lộng-lộng,
Gương nước An chính-thống sửa-sang.
Nghìn hồng muôn tía rỡ-ràng,
Lam-kiều than-thán hơi hương ngát-lừng,
Hải hoa luống dùng-dằng chân bước,
Đóa lan đều lác-đác châu rơi.
Mặt hoa Lãng-uyển khoe tươi,
Mây ngang chữ triện châu rơi đầm-đề.
Cành sen bày mầm lan chồi huệ,
Hạc phơi màu mai-nhị kề hiên

XII — NÓI ĐẠI-THẠCH = MIỀU ĐẠI-THẠCH

Khúc điệu lối hát này, cũng như miều nói, chỉ giọng hát có hơi thanh và kíp hơn.

Thí-dụ như những bài sau này :

1) *Kia đâu sao Đẩu-tinh huy,*
Thuấn Nghiêu ấy chúa Cao Qui ấy tôi.
Thong-dong rủ áo lên ngôi,
Muôn năm cùng hưởng lộc trời hiển-vinh.

2) *Biếng nằm trằn-trọc anh khuya,*
Nước trong cỏ biếc hồn mê mơ-màng.
Bởi ai mà lại phân-nàn,
Gánh vàng đem bỏ lại toan đi tìm.

XIII — THIẾT NHẠC = DẠNG HƯƠNG

Điệu hát này khi mau khi chậm, khúc ca có nhiều câu quê-kệch hoặc không thành cú-điệu hoặc có chỗ mạch-lạc không tiếp nhau, hoặc-giả người xưa góp những phương-ngôn tục-ngữ hay là lời ca-dao ở nhà quê mà thành khúc này, nay cũng ghi chép lại, để cho đủ các giọng hát.

Thí-dụ như khúc sau này :

Tiếng dương-tranh,
Đàn ai một tiếng dương-tranh,
Chưng thuở ngọc-ô, đã não-nùng chiều ai-oán.
Dương, hơi dương đầm-ấm,
Nhớ từ thuở hơi dương đầm-ấm, năm thức mây che,
Thức mây che rờ rỡ ngất trời
Nguyệt dọi thềm lan,
Thanh, bóng trăng thanh nguyệt dọi thềm lan,
Tiếc thay mặt ngọc hay ai vậy,
Là đêm, là đêm đông trăng.
Mây, mây rồng,
Thiên, nam thiên, dọi về mây rồng, rờ-rỡ nghìn thu,
Nghìn thu, ngào-ngạt tiếng xa bay,
Luống thâu đêm, nghe phảng-phất mối sầu tuôn;
Tuôn khôn nhịn, ngẩn-ngơ lo buồn!
Lo buồn!
Thu, lá đồng, đồng rụng một lá thu
Ấy, sương chói lọt mây, bay,
Chói lọt mây, vậy ngồi nghe tiếng chầy.
Sông, hồ nước biếc, chín khúc quận-quanh,
Đáy nước lung-linh, dạo ngồi chơi thủy, thủy-đình.
Nguyệt tà-tà xế-xế, bóng dọi chênh chênh,
Trên không, hoa cỏ nhẹ canh chầy;
Đình thần-hôn, đình thần-hôn, mặt ngọc mày ngài,
Thấy khách hồn mai.
Dãi tường lầu,

Nguyệt đãi tường lầu, đồng-vọng trăng thâu.
Nặng tiếng, tiếng đinh-đang.
Tiếng đinh-đang, kẻo lòng người thiếu-nữ nhớ thương.
Ai, gửi bức đường trường.
Bức đường trường, chầy ai đã nện tiếng tương-tư.
Tương, tương-tư sầu,
Chầy ai đã nện tiếng tương-tư sầu,
Vò-võ phòng hương,
Luống chực phòng hương,
Gửi cố-nhân tình thư một bức, gợi nỗi ái-ân,
Tư tương-tư sầu.

.·.

XIV — LỐI HÁT HÀ-VỊ

Lối hát này cũng là lối hát cổ, câu hát hoặc trên sáu dưới tám, hoặc trên bảy dưới bảy.

Thí-dụ như bài hát sau này :

Tiết thu đến gió vàng hiu-hắt,
Lụt sương đầm cảnh-vật thêm tươi ;
Chim oanh thấm-thoắt đưa thoi,
Bâng-khuâng chiếc yến, lơi-thơi trận nhàn.
Tiếng oanh đàn nghe càng rầu-rĩ,
Nỗi riêng này năn-nỉ cùng ai ;
Thầm nghiêm thay chốn Thiên-thai,
Vì đâu lòng khách, trăng-đài phất-phơ;
Ngoài thềm lách-tách hạt mưa,
Đào tư-tưởng liễu, trúc chờ đợi thông.
Hé nghệ song bóng trăng thấp-thoáng,
Trách lòng người chênh-mảng cho nên ;
Gió Đằng vương-các đưa duyên,
Non ghi lời nói nước in câu thề.
Chung-tình trót đã phủ-phê,
Xăn-xiu dễ biết lấy gì mà chơi.
Ai lên tôi gửi lạy trời,
Nguyền xâu chỉ thắm xe người xuân xanh.
Nguyệt-ông khéo nhẽ vô-tình,
Hoa thơm cả khóm nên vin ngành nào?
Sông Ngân ai nỡ cầm sào,
Những trông chờ nước doành Đào nổi thơ.
Luống chờ đợi trên không tin tức,
Cung Quảng-hàn then chặt khăng-khăng ;
Bước lên đôi chốn dùng-dằng,
Người nào hay khách chị Hằng đưa tin.

.·.

Xét về lối nữ-nhạc của nước ta, xưa nay đã có nhiều lối đặt ra không biết bao nhiêu ca-khúc, không thể thuật ra hết được, và cũng không thể khảo ra cho rõ-ràng hết được, vì sự khảo-cứu là một sự rất khó, mà ở nước ta sách vở lại tan mất đi nhiều, không thể lấy đâu mà tìm ra được, nay lược-thuật ra những ca-khúc thường dùng để các nhà chuyên-môn thạo nghề đính-chính vào thêm cho, may ra sau này mới có thể biết được cỗi-gốc một đôi chút, cũng là một việc cần trong sự học vậy.

Sở-cuồng

Mẹ con tôi không mặc được sông nâu

Chuông đồng-hồ vừa điểm năm giờ, cô Ký-Hạnh đương ngủ, giật mình tung chăn trở dậy, mắt gấp-ga gấp-gáy nhìn lên chiếc đồng-hồ quả lắc treo trên tường, rồi vội đi vào hiên trong giục thằng bếp làm mau cơm và sai vú già lấy nước rửa mặt. Đoạn cô lấy gương lược để lên bàn rồi ngồi xuống tràng-kỷ trải dầu đội khăn để chờ chồng về ăn cơm rồi đi xem hát kẻo muộn.

Cô Ký-Hạnh năm nay chừng 35 tuổi, con cái cũng đã lớn, mà coi cái dung-nhan cô chẳng khác khi ngày đào-tơ. Bởi vậy những chị em bạn đồng-tuế với cô thường ghen với cô mà nói rằng cô không phải làm ăn vất-vả gì và không phải tư-lự gì lẽ nào cô chẳng trẻ dai. Người cô đã đẹp lại ngày ngày phấn điểm son tô, và ăn mặc theo lối tân-thời, nên coi người cô lại càng thêm xuân-sắc.

Cô vừa đội xong cái khăn thì con Lan là con gái lớn cô đi học đã về. Con Lan vừa đẩy cửa bước vào, chưa kịp để cặp sách xuống bàn đã nhăn-nhó gọi cô bảo:

— Mợ ơi, hôm nay gánh hát mới diễn tích Lã-Bố hí Điêu-Thuyền, mợ cho con đi xem với nhé!

— Ừ, đi cởi áo, rửa mặt rồi ra đây chải dầu đi đã.

— Mợ đưa tiền để con đi mua vé trước kẻo hết chỗ.

— Chờ cậu mày chốc nữa đem lương về rồi mới có tiền chứ.

Con Lan cởi áo rửa mặt rồi ra ngồi bên cô vừa soi gương chải dầu vừa nói:

— Mợ ạ, hàng rét đã về rồi đấy! Ban nãy con đi qua Hàng Ngang thấy bày nhiều thứ nhung mùi đẹp lắm. Con thấy các bà, các cô đương mặc-cả mua, mà ai cũng thích mua thứ nhung mùi tím-lam.

— Phải, cái nhung mùi tím-lam bây giờ nhiều người mặc, con có hỏi bao nhiêu tiền một áo không?

— Con hỏi thì họ bảo hạng tốt nhất thì hai-mươi-nhăm đồng một áo, cả lót cả công may, nhưng năm nay không đến chỉ độ hai chục thôi. Mợ cố may một chiếc và may cho con một chiếc.

— Tao cũng muốn may một chiếc vì năm nay mà hãy còn đánh cái áo nhung mùi nâu thẫm thì quê quá, nhưng sợ lương tháng này không đủ may hai chiếc, hay con đợi đến tháng sau hãy may vậy.

— Lương những tám-chục kia mà. Mợ may cho con tiện thể.

— Tám-chục, nhưng còn phải để trả nợ góp còn gì.

Nói đoạn, cô lầm-nhầm tính tiền một lúc rồi lại nói:

— Thôi được, để mợ khất lại để trả lãi vậy, còn thiếu tiền ăn thì sẽ liệu, mai mẹ con ta lên may mỗi người một chiếc.

Hai mẹ con cô Ký-Hạnh mải ngồi nói chuyện sắm mặc với nhau, hết nói đến nhung lại nói lót, mãi đến lúc đồng-hồ đánh 6 giờ bấy giờ cô mới giật mình đứng dậy, vừa đi ra cửa nhìn vừa lầm-bầm nói: « Không biết hôm nay làm sao mà lại về muộn thế! Hay lĩnh lương xong lại rủ nhau lên sòng rồi! »

Cô đứng cửa nhìn ra phố một lúc rồi quay vào, cau mặt nói: « Đến bây giờ mà chưa buồn về ăn cơm cho xong bữa! Người đi chẳng bực bằng người chực nồi cơm! »

Cô vừa nói rứt lời thì thấy đẩy cửa bước vào, nét mặt hầm-hầm như có ý tức giận. Cô tưởng thầy nghe thấy tiếng cô kì-kèo mà giận, nên cô dịu ngay nét mặt mà tủm-tỉm cười rồi nói:

— Tưởng cậu hôm nay lĩnh lương rồi đi hát. Tiền lương đâu?

Thầy chẳng rằng chẳng nói, vất cái ô xuống sập, móc túi lấy mấy tập giấy bạc

ném xuống bàn rồi đi thẳng lên gác, đến bàn giấy, đánh diêm thắp đèn lên rồi ngồi phịch xuống ghế lấy giấy bút viết.

Cô Ký cầm lấy mấy tập giấy bạc đếm đủ số rồi, bỏ vào túi, mở tủ lấy chai rượu *Dubonnet* rót ra hai cốc rồi ngẩng đầu lên gác gọi :

Cậu xuống ăn cơm.

Không thấy thầy thưa, cô lại bảo con Lan lên gọi.

Con Lan lên thấy thầy đương ngồi viết, sẽ đến bên gọi nhưng thầy cứ ngồi yên viết, mãi mới bảo nó rằng :

— Cứ ăn trước đi.

Con Lan lẳng-lặng đi xuống, ngồi lên sập so đũa, ba đứa con bé, trong khi chờ thầy xuống, cứ lấy đũa gõ vào mâm chơi.

Cô Ký chưa thấy thầy xuống bèn hỏi con Lan :

— Cậu mày còn làm gì ở trên ấy mà chưa xuống ?

— Thưa mợ, cậu con còn đương viết gì ấy ạ !

Cô Ký như có ý không bằng lòng, lại ngẩng đầu lên gọi :

— Cậu viết gì hãy để đấy, xuống ăn cơm cho trẻ nó ăn đi đã ! Khéo khỉ lắm, đến bữa ăn lại còn đi viết !

Nói rồi cô nâng cốc rượu lên uống.

Thằng bé con hai tay cầm hai cái đũa vừa gõ vào mâm vừa ngẩng đầu lên gọi :

— Cậu xuống cơm... cậu xuống ăn cơm !

Cô Ký uống hớp rượu rồi để cốc xuống mà chưa thấy thầy trả lời thì lại gọi to :

— Cậu xuống ăn cơm, kềnh mãi !

Thầy Ký viết xong cái giấy ném bút xuống bàn, bỏ khăn ra, rồi chẳng kịp cởi áo dài nằm vật xuống giường, vắt tay lên trán mà thở dài, chẳng để ý đến những tiếng con thầy gọi cùng tiếng vợ thầy gắt.

Cô Ký gọi mãi mà không thấy thầy xuống, lại sai con Lan lên gọi lần nữa.

Con Lan lên gác, thấy thầy nằm ruỗi sóng-sượt ở trên giường, tưởng thầy bị cảm hay làm sao, liền sẽ rón-rén đi đến bên gọi :

— Cậu ơi, cậu, cậu xuống xơi cơm.

Thầy giở mình thở dài một cái rồi sẽ thong-thả bảo con Lan :

— Con xuống bảo mợ con thu gói quần áo lại, còn đồ-đạc thì gọi bán đi rồi về cả nhà quê cày cấy mà ăn, đã có mấy mẫu ruộng của ông bà để lại cho cậu đấy.

Thầy thầy nói một cách buồn rầu, con Lan đứng ngẩn người ra một phút, rồi liếc mắt nhìn tờ giấy thầy vừa viết xong để ở trên bàn mà nét mực chưa khô. Nó đương lẩm-nhẩm đọc thì ở nhà dưới cô Ký lại giục :

— Bảo cậu mày xuống ăn cơm, kềnh mãi !

Thằng bé con cũng bắt chước nói :

— Bảo cậu xuống ăn cơm, kềnh mãi !

Con Lan, vì chưa đọc xong tờ giấy, nên nó cũng chẳng thưa.

Cô Ký lại gọi :

— Gớm sao mà kềnh mãi thế ! Không xuống ăn cơm cho trẻ nó ăn cho xong đi ! Còn giam hãm người ta đến bao giờ nữa.

Thấy mợ nó gắt lắm, con Lan đọc xong tờ giấy rồi vội chạy xuống. Nó còn đương đi ở cầu thang thì cô đã vội hỏi :

— Cậu mày làm gì mà mãi không xuống thế ?

Con Lan vì không muốn nói to, vội bước từng hai bậc thang đi xuống rồi chạy đến bên cô và sẽ nói :

— Không biết làm sao mà cậu viết giấy xin thôi không đi làm nữa. Cậu bảo con xuống bảo mợ thu-xếp đồ-đạc vào rồi về cả nhà quê cày cấy mà ăn.

Trong khi con Lan nói thì cô cứ trừng-trừng nhìn nó. Khi nó vừa nói rất lời thì cô sửng-sốt hỏi :

— Thế giấy đâu ?

— Giấy cậu để ở trên bàn ấy.

Cô vội vất đũa xuống mâm đánh keng một cái, đứng phắt ngay dậy, chẳng kịp sỏ chân vào dép, sồng-sộc chạy lên gác đến bên giường thầy nằm và sửng-sốt hỏi :

— Làm sao mà cậu xin thôi việc ?

Thầy dương nằm, ngồi nhổm dậy, bó hai tay lên gối và buồn rầu nói :

— Vì bực lắm !

— Nhưng bực làm sao ?

— Công việc của mình làm phải mà bị ức, lại bị tát, tôi nghĩ nhục lắm, không làm nữa.

— Tưởng thế nào chứ mới có thế mà đã phải xin thôi.

Rồi cô chỉ tay vào mặt thầy mà nói :

— Thôi đừng ngáp dỡ nữa đi ! mẹ con tôi không mặc được sống nâu mà ra đồng làm cỏ, tát nước được như những con mẹ nhà quê đâu.

Đoạn cô cầm lấy tờ giấy ở trên bàn mà xé nhỏ ra và nguýt thầy một cái rồi đi thẳng xuống nhà dưới. Cô sai thằng bếp sẻ cái ăn và sới cơm để phần thầy, rồi cùng các con ăn cơm trước.

Vừa cơm nước xong thì mấy người chị em bạn cô đến rủ đi xem hát. Cô và con Lan soi gương đánh phấn rồi dắt mấy đứa con đi xem hát với bạn.

Sáng sớm hôm sau thầy Ký Hạnh trở dậy nét mặt thờ-thẫn, hai vành mắt thâm quầng như người vừa qua một trận ốm nặng mới khỏi, vì suốt đêm hôm qua thầy không sao ngủ được. Thầy mở cửa sổ ra cho thoáng khí, rồi ngồi phịch xuống ghế mà thở dài một cái thật mạnh như muốn tống những nỗi uất-ức ra cho hết. Thầy ngồi chống tay lên má suy nghĩ một lúc rồi bỗng vừa đứng dậy vừa lầm-bầm nói : « Đồ ấy mà về nhà-quê thì cũng chẳng làm ăn gì được, rồi cũng lại đến khổ mình thôi ».

Đoạn thầy đi rửa mặt, đội khăn mặc áo rồi lại cắp ô đi làm.

LÊ-ĐỨC-NHƯỢNG

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

XIII

IV. — Các nhà học-giả đời Tiền-Hán

Đời Tiền-Hán ngoài Hoài-Nam-tử, Đổng Trọng-Thư, Dương-Hùng ra, cũng còn nhiều người là nhà học-giả, như là Thúc-Tôn Thông, Lục Giả, Giả Nghị, Hàn Anh, Triều Thố, Tư-Mã Thiên, Công-Tôn Khanh, Lưu Hướng, Lưu Hâm, Hoàn Khoan, đều là những người trứ-danh cả. Tuy những ông ấy không có tổ chức ra một thuyết luân-lý gì khác, nhưng cũng hay cống-hiến một cách xứng-đáng cho cõi tư-tưởng đời Trung-thế và cũng chiếm một địa-vị ở trên lịch sử, nay xin lược kể như sau này :

Thúc-Tôn Thông 叔孫通. — Người đất Tiết (phía cực nam tỉnh Sơn-đông). Có làm quan bác-sĩ đời nhà Tần, cuối năm đời vua Nhị-thế, ông bỏ nhà Tần đi theo Hạng-Lương, lại làm quan đời Hoài-vương nước Sở. Sau khi Hoài-vương mất rồi lại làm bầy tôi vua Cao-tổ nhà Hán. Sau khi Cao-tổ bình định thiên-hạ, ông có cùng với các học-sinh nước Lỗ sáng-chế ra triều-nghi được vua tin dùng cho làm quan to. Đến đời vua Hiếu-Cảnh ông cũng sáng-chế ra lễ-nghi. Nhưng người đời thấy ông đổi thờ vua nọ đến vua kia thì chê là kẻ tiểu-nhân dua-nịnh. Nhưng ông là

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phố-đẳng-tác ; Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem N.-P. từ số 168.

người bảo-phụ kinh-luân, muốn cầu cho thực-thiện thì tất phải chọn lấy vua hiền-minh mà thờ, khi gặp Cao-tổ tức là lúc hay làm đạt được mục-đích. Nên cũng có người bênh ông mà không trách chi cái sự đổi thờ các đời vua. Ông san-định lễ-nghi ở triều-đình nhà Hán, hay chính được trật-tự quân-thần, cũng nhiều điều hay. Tư-Mã Thiên có khen là bậc nho-tôn đời Hán. Nhưng về thuyết luân-lý thì không có điều gì khá truyền.

Lục Giả 陸賈. — Người nước Sở, có tiếng là một tay biện-thuyết. Làm quan đời vua Cao-tổ nhà Hán, bảo vua Cao-tổ thi-hành cái chính-sự nhân-nghĩa, thường đem biện-thuyết để ủng-hộ cho nhà Hán. Có làm ra sách *Tân ngữ*, cứ theo như sách *Hán-thư nghệ-văn-chí* thì sách *Tân-ngữ* có 23 thiên, nay chỉ còn có 12 thiên. Trong sách ấy thuật những ý-kiến từ khi vũ-trụ mới mở-mang cho đến khi xã-hội loài người thành-lập, và những điều đạo-đức chính-trị; lại cho trời là nguồn-gốc của đạo, mà đạo là cái tiêu-chuẩn của đạo-đức chính-trị; cho những điều chính-trị của tiên-vương là bắt-chước tự trời, nếu hay khích-khuyến điều nhân nghĩa, tôn-trọng việc lễ-nhạc, thì là hay làm được chính-trị thực-hiện. Những ý-kiến ấy dẫu hơi giống như phái Đạo-gia, nhưng vẫn rõ ràng là về giòng Nho-học.

Giả Nghị 賈誼. — Người đất Lạc-dương Đời vua Văn-đế năm thứ hai với cho làm quan bác-sĩ. Khi ấy ông mới 23 tuổi. Vua thường hỏi-han mọi việc, ông chẳng nề gì bọn tiền-bối, cứ việc biện bác thao-thao, được cử làm quan Thái trung đại-phu. Năm thứ sáu đời vua Văn-đế, ông 27 tuổi, có khởi-nghị cải-cách chế-độ, nhưng vua Văn-đế không dùng, duy có điều định lại luật-lệnh để phong cho các nước chư-hầu thì là bởi lời của Giả Nghị bàn ra. Bọn Chu Bột, Quán Anh thấy thế ghen ghét cho làm kẻ thiếu-niên sơ-học mà dám chuyên-quyền làm đổi việc, gièm với vua Văn-đế. Vua cũng sơ dần, biếm xuống cho làm quan Thái-phó giúp vua Trường-sa. Sau lại làm quan đại-phó giúp vua Hoài-vương nước Lương. Vua Hoài-vương ngã ngựa chết, Giả Nghị tự thương mình không hay giúp được vua, hơn một năm cũng mất, mới có 33 tuổi. Có làm ra sách 53 thiên là những bài nói về thời-vụ, luận về chính-trị kinh-tế và đạo-đức. Văn-bút rất là lưu-hoạt đẹp đẽ lắm. Bài *Trị-an-sách* của ông cùng với bài *Thiên-nhân-sách* của Đổng Trọng-Thư đều có tiếng ở đời.

Giả Nghị là một bậc đại tài ít đời có, tiếc rằng không có cái ý-tứ tinh-mật, thuần đem khách-khí dụng-sự, tỏ ra cái ý-kiến cấp-tiến, thông-minh như vua Văn-đế cũng không thể dụng được, nên mới uất-ức mà đến chết. Những cái ý-kiến của ông ấy tỏ bày về việc cải-cách, dẫu không được thi-hành ra, nhưng cái tư-tưởng cũng có chỗ đặc-sắc, như là những việc: 1°) đổi chính-sóc, 2°) chuộng sắc vàng, 3°) dùng số ngũ, 4°) đổi phục-sắc, 5°) định quan-danh, 6°) hưng lễ-nhạc. Trong sáu việc ấy, từ việc thứ nhất đến thứ năm là việc cải-cách chế-độ, thứ sáu thì là chấn-hưng việc lễ-nhạc. Đó là Giả Nghị cho rằng cần phải có lễ-nhạc, mà lễ-nhạc là một điều trực-tiếp để thống-trị nhân-tâm. Lễ-nhạc là để phòng khi chưa phát ra, pháp-luật là để phòng khi đã phát rồi. Vậy nên Lễ-nhạc ngang bằng với pháp-luật, chấn-hưng lễ-nhạc, tức là để dẫn-dụ nhân-tâm về điều hay.

Ý-kiến của Giả Nghị bàn về đạo-thuật cũng có điều hay, như bảo rằng: « Đạo là để tiếp-dẫn sự-vật, bản nó vốn là hư mà mạt thì là thuật. Hư là nó tinh-vi, không có thi-thiết ra điều gì. Thuật là để chế-ngự sự-vật như những lúc động tĩnh, đó đều là đạo cả », (Thiên Đạo-thuật).

Giả Nghị cho tính người có ba bậc, tức là bởi cái thuyết của Khổng-tử bảo rằng: « Tính người ta gần giống nhau cả, duy bởi tập-nhiễm mới xa khác nhau; chỉ có những người thượng-trí với bậc hạ-ngu mới không thể đổi đời được ».

Hàn Anh 韓嬰. — Người nước Yên, đời vua Cảnh-đế làm quan Thái-phó, giúp vua Thường-sơn. Ông là người hăng tợn, xử sự có cơ-mưu nhanh-nhảu. Ông thường cùng với Đổng Trọng-Thư tranh cãi ở trước mặt vua Võ-đế, Trọng-Thư cũng không thể biện-nạn được. Ông thâm-hiểu kinh *Thi*, tự suy ý mình ra, làm ra thiên *Nội-ngoại-truyện* đến vài vạn lời nói. Theo như trong *Hán-chí* thì ông có làm ra sách *Hàn-thi-cố* 16 quyển, *Hàn-thi nội-truyện* 4 quyển. *Hàn-thi ngoại-truyện* 6 quyển, *Hàn-thi-thuyết* 41 quyển. Nay chỉ còn có bộ *Hàn-thi ngoại-truyện*. Ý-kiến ông về luân-lý, phần nhiều cũng bởi kinh Thi mà diễn dịch ra, nhưng luận-thuật ra không có tổ-chức phân-minh.

Triều Thố 晁錯. — Là một nhà học-giả pháp-luật về đời Tiền-Hán. Ông ở đời Cảnh-đế có hiến sách xin tước bớt thế-lực các nước chư-hầu để làm cho mạnh thêm nhà Hán, nên mới gây ra cái loạn Ngô Sở bảy nước. Ngô Sở bảy nước mới nổi lên, lấy tiếng là trừ bỏ Triều-Thố mà làm phản nhà Hán. Thố mới bị giết. Thố không những là nhà học-giả về pháp-luật mà lại là một nhà pháp-luật thực-hành; thường phản-đối phái nhà nho, muốn lấy pháp-luật kinh-doanh thiên-hạ. Nhưng kế-hoạch ông ấy không thích-hợp với thời-thế đời bấy giờ, nên không thể thi-hành về đời ông ấy được.

Tư-Mã Thiên 司馬遷. — Tư-Mã Thiên tên tự là Tử-Trường 子長, sinh ở đất Long-môn, du-lịch khắp thiên-hạ, học ở nước Tề nước Lỗ, làm quan Thái-sử nhà Hán. Ông thường lấy sự nối học-thống Khổng-tử làm trách-nhiệm mình, có làm ra sách *Sử-ký*, đến nay vẫn xưng-tụng. Sách *Sử-ký* không những là chép những sự thực từ đời vua Hoàng-đế họ Hiên-viên, cho đến đời Võ-đế nhà Hán, trong 3000 năm, và lại tiếp với kinh *Thư*, sử-bút rất hay, rất chú-trọng về đường luân-lý.

Tư-Mã Thiên chửa từng thuật ra cái thuyết luân-lý, nhưng trong sách *Sử-ký* thường nói đến cái ý-kiến đạo-đức, như những truyện Bá-Di Thúc-Tề tức là tỏ ra những điều trọng-yếu về đường luân-lý để bảo kẻ hậu-học, như nói rằng: « Xem như Bá-Di Thúc-Tề lại không phải là bậc thiện-nhân đấy chăng, có đức nhân nết-na thanh-khiết như thế kia mà phải chết đói. Lại còn bảy mươi gã học-trò đức Khổng, đức Khổng chỉ khen thầy Nhan là hiếu-học mà phải chết non. Thế thì trời báo-thí cho bậc thiện-nhân như thế ư? Kẻ trộm là Chích hằng ngày giết người vô-tội, ăn thịt người không tanh, hung-bạo càn-rỡ mà lại được sống lâu. Nếu bảo là đạo trời như thế thì phải hay là trái »? Đó là Tư-Mã Thiên thở dài mà nói ra vậy. Cái câu hỏi về đạo trời phải hay là trái, đời sau giải-thích ra nhiều nghĩa, có kẻ cho là ông ngờ đạo trời mà khinh đạo-đức. Nhưng Tư-Mã Thiên vốn không có cái tư-tưởng hoài-nghi và chán đời, ông là người thuần là phụng thờ cái luân-lý về nho-giáo; lời nói kia chẳng qua là lời than-thở chứ không có hàm ý-nghĩa gì khác.

Công-Tôn Khanh 公孫卿. — Là một kẻ học-giả bày ra cái thuyết thần-tiên ở đời Võ-đế. Võ-đế thâm-tín cái thuật thần-tiên, Công-Tôn Khanh mới thừa-cơ bảo Võ-đế rằng: « Nếu hay lấy được đồng ở núi Thủ-sơn, đem đúc đỉnh ở dưới núi Kinh-sơn, thì tất có rồng xuống đón vua lên trời ». Vua tin lời nói ấy mới đúc cái đỉnh ở núi

Kinh-sơn, rồi đi tuần-hạnh các nơi, kiến-trúc lâu-đài. Sau mãi mới hối-ngộ, bèn đuổi Công-Tôn Khanh và các bọn phương-sĩ khác.

Lưu Hướng 劉向. — Trước tên là Cánh-Sinh sau đổi là Hướng, tên tự là Tử-Chính, sinh năm Nguyên-phượng nguyên-niên (trước thiên-chúa 80 năm) đời vua Chiêu-đế. Thời vua Tuyên-đế mới tuyển làm bậc đạt-nho làm quan ở nhà Hán. Khi bấy giờ gặp lũ Thạch-Hiền Hoằng-Cung chuyên-quyền giông-rỡ, bèn giam Lưu-Hướng vào ngục. Đời vua Thành-đế, Lưu-Hướng thấy bọn họ Vương chuyên-hoạnh, mới làm ra sách *Hồng-phạm ngũ-hành truyện* 11 quyển, căn-cứ ở thiên Hồng-phạm kinh *Thư*, chép những điều tường-thụy tai-dị tự đời cổ cho đến đời Tần đời Hán, để tỏ ra rằng những điều hành-vi của thiên-tử là có cảm-ứng đến trời. Lưu-Hướng được vua Thành-đế tin-nhiệm, nghe theo lời mà truất bỏ bọn họ Vương. Làm quan nhà Hán hơn 30 năm, năm Nguyên-diên thứ tư (trước Thiên-chúa 9 năm) đời vua Thành-đế, ông thọ 72 tuổi mới mất. Lưu-Hướng là người thiên-tính chăm học, ban ngày thì xem xét sách vở của thánh-hiền, đêm lại xem xét thiên-văn. Ngoài sách *Hồng-phạm ngũ-hành* ra, ông lại có làm ra sách *Lưu-Hướng thuyết-uyển*, *Lưu-Hướng tân-tự*.

Trong sách của Lưu-Hướng có một điều trác-kiến là cái ý-kiến bàn về tính, như nói rằng : « Tính người không phải là có thiện-ác, vì cảm về ngoại-vật rồi sau mới động ». Đó là vì ngoại-vật nó tự ngoài kích-thích, rồi sau mới động mà sinh ra thiện hoặc ác. Chứ tính vốn không có thiện ác, chỉ vì ngoại-giới nó kích-thích rồi mới sinh ra thiện hoặc ác. Những phần ở ngoại-giới kích-thích mà có ảnh-hưởng rất lớn thì Lưu-Hướng cho là hệ ở âm-nhạc, như nói rằng : « Bởi cái tính với cái tính nó cảm-ứng nhau ». Đã bảo rằng tính với tính cảm-ứng nhau, nên không thể cho là thiện hoặc là ác được. Đời Hậu-Hán Tuân-Duyệt có phê-bình cái thuyết tính của họ Mạnh họ Tuân, cho rằng cái thuyết của Lưu-Hướng là rất phải. Vương Sung thì bài-xích cái thuyết ấy, cho rằng chỉ mới nói đến cái lẽ trong ngoài âm-dương của tính-tình chứ chưa nói rõ đến thiện ác của tính.

Lưu-Hướng rất là trọng lễ-nhạc, cho rằng lễ-nhạc để nuôi người, hình-pháp để phạt người, thậm-chí đến giết người nữa. Nếu lễ-nhạc không chế-tác ra mà chỉ sửa-định pháp-luật, thế là chỉ cố súc làm sự giết người mà không cố súc về sự nuôi người. Bởi vậy ông mới khuyên Thành đế dựng nhà học-hiệu, chỉnh-đốn lại lễ-nhạc. Cái ý kiến của ông về âm-nhạc lại càng có cái giá-trị lắm. Cứ theo ý ấy thì âm-nhạc là phản-xạ đến nhân-tâm. Những điều nghĩ điều kính, và những điều thương vui mừng giận ở trong tâm người ta nó cảm-xúc mà tỏ ra thanh-âm ở bề ngoài, thì tức là âm-nhạc. Cái tiếng âm-nhạc cùng với cái trạng-thái trong tâm giống nhau như in. Vả cái thuyết âm-nhạc hợp với cái thuyết nhân-tính, thì ông cho rằng tính người vốn không thiện-ác, bởi bề ngoài nó kích-thích mà thành ra thiện ra ác. Những cái bề ngoài nó kích-thích thì phần âm-nhạc có ảnh-hưởng lớn hơn cả ; nên mới đoán-định rằng nếu hay được nghe cái âm-nhạc thiện thì tâm tự sinh ra thiện, nếu nghe cái âm-nhạc ác, thì tâm tự sinh ra ác.

Lưu-Hướng tin rằng có tai-dị cũng như các nhà học-giả đời Hán, nhưng không tin có quỉ-thần ; cho rằng dẫu cầu-đảo ở quỉ-thần cũng không làm thế nào được.

Lưu-Hâm 劉歆. — Là con út Lưu Hướng, tên tự là Tử-Tuấn, học thông

Thi Thư nổi tiếng văn-danh. Làm quan đời nhà Hán, giảng về kinh-học, thảo-định luật-lịch, muốn cho học vấn phổ-cập, công truyền-bá cũng bằng như cha. Đến khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Hâm làm quốc-sư, kẻ học-giả đời sau rất lấy làm chê. Hâm tuy rằng tài học phi-phàm, nhưng nhân-cách thì lại kém Lưu Hướng. Lưu Hướng là người quân-tử chí-trung chí-thành mà tài-đức kiêm bị. Hâm thì về đạo trung-hiếu cũng không khỏi có khiếm-khuyết, nên cái tư-tưởng luân-lý cũng không có điều gì đáng chép cả.

Hoàn Khoan 桓寬. — Tên tự là Thứ-công, người đất Nhữ-nam. Đời vua Tuyên-đế có làm chức Lang quan. Ông thuần là nhà học-giả về phái nho-gia, đem cái văn-tự lưu-loát, xướng ra cái thuyết chính-trị, theo về đức-trị chủ nghĩa. Trong thuyết chính-trị phát ra lắm về lạ-lùng. Có làm ra sách *Diêm-thiết-luận* 60 thiên. Năm Thủy-nguyên thứ 6 đời vua Chiêu-đế, có xuống chiếu cử những kẻ hiền-lương văn học, và hỏi sự tật-khổ chốn nhân-gian. Hoàn Khoan có dâng sớ xin bãi bỏ thuế diêm-thiết, thuế rượu, và chức quan quân-thâu, cùng hợp-nghị với các quan đương-cục. Đến sau có bãi bỏ thuế rượu, còn chức quan thu thuế diêm-thiết vẫn còn để. Sách *Diêm-thiết luận* tức là một bài nghị luận của kẻ sĩ hiền-lương văn-học biện-bác với các nhà đương-cục, luận-biện về cái chủ-nghĩa đức-trị với cái chủ-nghĩa pháp-trị, giải bày cái đạo của tiên-nho ra rất kỹ càng.

TIẾT THỨ III. — *Tư-tưởng luân lý đời Hậu-Hán*

Đời Hậu-Hán tức là cái thời-kỳ từ vua Quang-Vũ cho đến khi nhà Hán mất. Cái tư-tưởng đời Hậu-Hán cũng giống như đời Tiền-Hán, sẽ lược-thuật như sau.

Nói về học-phái thịnh suy. — Đời vua Võ-đế nhà Tiền-Hán muốn mưu cho sự Nho-học phổ-cập, nên lấy Nho-học làm giáo-chính, mà đảo-áp cả các học-phái khác, cái thế-lực đến đời Hậu-Hán vẫn còn thịnh. Cuối đời Tiền-Hán, trong cõi học hủ bại, nhiều kẻ chỉ xiểm-nịnh Vương Mãng để giữ mình. Quang-Vũ muốn trừ cái tệ-phong ấy, mới hậu-đãi các nhà nho có khí tiết, nên các bậc lão-nho trốn tránh ở bốn phương mới dần-dà hiện ra ở xã-hội. Cái học huấn-hỗ khi ấy vẫn còn thịnh-hành giống như đời Tiền Hán, duy cái học chuyên kinh thì mất tích hẳn. Có khi một người mà kiêm học cả các kinh.

Cái tư-tưởng Lão Trang khi ấy vẫn còn thấm-thía ở nhân tâm. Vua Quang-Vũ với con là Minh-đế vẫn còn sùng-thượng. Xem như Quang Vũ lấy cách nhu-đạo mà trị thiên-hạ, Minh-đế khi còn làm thái-tử có can vua cha rằng: « Bệ-hạ là bậc thông-minh như Thang Vũ, mà ở sai mất cái đạo dưỡng-tính của họ Hoàng họ Lão ». Xem đó thì biết rõ là còn chịu cái ảnh-hưởng về tư-tưởng Lão Trang.

Thuyết âm-dương ngũ-hành về đời Hậu-Hán vẫn còn thịnh, trong bọn danh-nho cũng còn nhiều người sùng-phụng.

Ảnh-hưởng về khi Phật-giáo truyền lại. — Trong cõi tư-tưởng đời Hậu-Hán chịu cái ảnh-hưởng về Phật-giáo truyền lại cũng nhiều. Cứ theo như chính-sử thì Phật-giáo truyền đến Trung-quốc ở về đời Minh-đế nhà Hậu-Hán. Nhưng trước kia người rồi Tầu đã có cái tri-thức về phái Phật-học, xem như trong sách *Liệt tử* và *Trang-tử* thì biết rõ. Vả lại cái tư-tưởng Phật-giáo nó cảm-hóa, vẫn thường ẩn-nấp ở trong cái ảnh-hưởng xã-hội, từ đời Tiền-Hán đã thấm-thía vào một phần nhân-tâm, đã truyền-bá ra cái tư-tưởng chán đời. Cái sự-tình xã-hội về cuối đời Hán với cái tư tưởng yếm-thế sẽ kể như sau:

1. — *Vương Sung* 王充

Kẻ học-giả đời Hậu-Hán đầu là Vương Sung. Sung cùng với Vương Phù, Trọng Trường-Thống là ba kẻ nhân-tài cuối đời Hán, mà Sung là hơn cả. Sung là người đất Thượng-ngu quận Cối-kê, tên tự là Trọng-Nhâm, học ở nhà Thái-học, thờ Ban Bưu làm thầy. Nhà nghèo không có tiền mua sách, ông thường ra hàng sách, mượn xem qua là nhớ ngay. Thông suốt cả các sách Chư-tử bách-gia, hay nghị-luận, ý-kiến lại vượt ra ngoài ý người ta. Cảm-khái về những kẻ tục-nho cứ cố-thủ thói cũ mà thất-chân, ông mới đóng cửa lại tiềm-tâm suy-nghĩ, làm ra sách *Luận-hành* 85 thiên, luận về vật-loại dị-đồng, chính những sự hiềm-nghi của thế-tục. Vua Minh-đế cho triệu, ông từ cáo là có bệnh. Năm niên-hiệu Vĩnh-nguyên ông thọ hơn 70 tuổi mới mất, ông có làm ra sách *Dưỡng-tính* 16 thiên.

Thuyết triết-học.— Khi ấy những nhà học-giả trứ-danh như là Hoàn Khoan, Trọng Trường-Thống, Tử Cán đều chủ luận về chính-trị ; Vương Sung thì muốn giải những điều nghi-hoặc của thế-tục, chuyên bàn về nhân-sinh như những việc cát-hung, họa-phúc, thọ-yểu, bần-phú, yêu-quái, tường-thụy, sinh-tử, cốt-tướng, khí-thọ, lộc-mệnh, táng-tế, để thuyết-minh cho thông-tục rõ, trong sách *luận-hành* có giải-thuyết về bản-thể và nhân-tính, tức là tỏ ra một mối về thuyết triết-học.

Luận về bản-thể. — Vương Sung cho khí nhất-nguyên là bản-thể của vũ-trụ, phàm vạn-vật trong khoảng trời đất, đều do khí nhất-nguyên mà hoạt-động sinh ra. Khí nhất-nguyên phân ra âm-dương hai khí, cùng giao-cảm nhau mà sinh ra muôn vật. Đó là gốc ở tư-tưởng kinh *Dịch*. Muôn vật sinh-thành ra vì như người ta sinh-sản, đó đều bởi cái khí nhất-nguyên mà sinh ra muôn vật, cũng giống như trai gái mà sinh ra con. Trai gái vốn không phải lấy sinh con làm mục-đích, duy cái khí nó hợp mới tự-nhiên sinh ra con; cái khí nhất-nguyên lúc trước vốn cũng không có cái ý sinh ra muôn vật, Muôn vật là tự-nhiên mà sinh ra vậy. Đó là không nhận định cái ý-chí của vũ-trụ vậy. Người ta đã do cái khí nhất-nguyên mà sinh ra cũng giống như muôn vật, thế thì người ta với muôn vật cũng không phải là tuyệt-đối, khác hẳn tính-chất, nên ông bảo rằng : « Người cũng là muôn vật. » Người với muôn vật sở-dĩ khác nhau là bởi cái trí-tuệ có hay không, thế thì cái chỗ người với muôn vật khác nhau đấy là bởi tự hiền với ngu khác nhau. Thế thời cái chỗ hiền với ngu khác nhau đó là bởi tại sao ? Thì Sung cho rằng người ta chịu cái khí của trời có kẻ nhiều người ít, hậu hay bạc, chính hay thiên, mới thành ra khác nhau, đó là mới khởi-điểm ra cái thuyết khí-chất về phái Tống-nho vậy.

Luận về tính người. — Vương Sung phê-bình những lời luận về tính từ xưa đến nay mà tự sáng ra độc-kiến, bảo rằng thầy Mạnh xướng thuyết tính thiện, cái tính đó là trỏ về cái tính từ bậc trung-nhân trở lên. Tuân-tử xướng ra cái thuyết tính ác, cái tính đó là trỏ về cái tính từ bậc trung-nhân trở xuống. Dương Hùng bảo rằng tính người ta hỗn-hợp cả thiện ác, đó là trỏ về cái tính bậc trung-nhân. Tính mà có thiện có ác cũng như mệnh người ta có sang và hèn giàu và nghèo vậy. Lại bảo rằng : « Tính người ta có thiện có ác, cũng như tài người ta có hơn có kém. Bậc cao hơn thì không thể kém xuống được, bậc kém quá thì không thể cao lên được. Mệnh có sang với hèn, tính có thiện với ác. » Còn như cái lý-do tính bởi làm sao mà sinh ra thiện ác, thì Vương-Sung cho là bởi tại khí nhiều hay ít, hậu hay bạc, chính hay thiên, vì người ta bẩm-

thụ cái khí nhất-nguyên mà sinh ra, khí có hậu bạc, nên sinh ra có thiện với ác hiền với ngu khác nhau. Lại bảo rằng: « Kẻ tiểu-nhân với người quân-tử vì bẩm-tính có khác nhau, ví như loài ngũ-cốc dựng ra không khác gì nhau, mà kỳ thực công-hiệu khác nhau, là bởi bẩm-khí có hậu bạc; bởi vậy tính cũng có thiện ác ». Đã cho là tính có thiện có ác, thì nhờ về cách giáo-hóa, kẻ tính ác cũng có thể cảm-hóa làm người thiện được, ví như cái tơ trắng kia, nhuộm vào màu lam thì xanh, nhuộm vào màu đan thì đỏ. Đó là bảo rằng cái công giáo-dục có thể cảm-hóa được, luận về tính như thế rất là giống cái thuyết của các Tống-nho.

Luận về túc-mệnh. — Vương-Sung quyết rằng người ta đều bởi số-mệnh đã định sẵn, người ta may hay không may, gặp hay không gặp, tử sinh, thọ yểu, bần phú, qui tiện, đều là bởi túc-mệnh cả. Lời luận về túc-mệnh đó thực là căn-cứ có lẽ; bảo rằng trời đất muôn vật đều bởi khí nhất-nguyên sinh ra, phàm các hiện-tượng trên đời đều được một cái khí nhất-định. Đã được một cái khí nhất-định, thời tất phải có cái hình để duy-trì cái khí ấy. Mệnh của các vật đều định ở trước khi thành hình. Khí với hình với mệnh đều có quan-hệ mà đều nhất-trí cả. Mệnh là bởi hình sinh ra, hình là do khí thành ra. Có hình thì phải có khí với mệnh, ví như có cái hình người, thì tất là có cái khí với mệnh của người; có cái hình trâu ngựa, tất là có cái khí với mệnh của loài trâu ngựa. Nói trái lại đã có cái khí nhất-định thì tất có cái hình ứng theo nhau; có cái hình nhất-định, thì tất có cái mệnh ứng theo nhau. Mệnh sở-dĩ khác nhau là bởi tại cái khí của hình nó có hậu bạc đó vậy. Sung lại xướng lên cái thuyết cốt-tướng, đều cũng cho là có túc-mệnh; bảo rằng đã có cái khí nhất-định thì tất có cái hình tương-đương, hình tức là cốt-tướng. Gọi là cốt-tướng không những chỉ xem ở trên nét mặt, mà hàm cả toàn-bộ thân-thể. Cốt-tướng với mệnh vốn có cái quan-hệ mật-thiết phi-thường, mệnh thế nào thì tất bày ra cốt-tướng, xem cốt-tướng thì hay biết được mệnh của người. Ông có nói rằng: « Mệnh người ta bẩm-thụ ở trời nó vốn biểu-lộ ra ở toàn-thể, xét cả toàn thân-thể thì khá biết được mệnh, cũng như là xét xem cái đấu cái hộc, thì khá biết được cái lượng dung-tích của nó. Những cái biểu-lộ ra thân-thể tức là cốt-tướng đó ». Sung lại kể đủ cả những cái số mệnh giàu sang nghèo hèn đều có minh-chứng là tỏ ra ở cốt-tướng cả.

Thuyết luân-lý. — Thuyết luân-lý của Vương-Sung đều là phát-nguyên ra tự lời bàn về tính, đã bảo rằng tính người có thiện có ác, chỉ bởi cái kết-quả về đường tu-vi lại hay biến cái tính của người ác mà làm thành người thiện. Vương Sung rất chú-trọng về học-vấn, cho rằng đó tức là cái công-phu tu-vi; người ta khá nhờ về học-vấn mà chữa cái tính lại cho thành đức được. Loài thóc gạo làm thành cơm, tức là một thức ăn để vinh-dưỡng không thể thiếu được, nhưng cái thứ thóc gạo không làm thành cơm được, thì lại có hại cho đường mạnh khỏe của thân-thể. Cái người mà không có học-vấn, cũng giống như thứ thóc xấu không thể làm thành cơm được, đó là chú-trọng về đường giáo-hóa để làm cái công-phu tu-dưỡng, lời bàn ấy cũng là trác-kiến lắm. Thuyết luân-lý của Vương Sung cũng giống như thuyết đạo-đức của phái nhà Nho, thế thì ông thực là kẻ học-giả về phái nho-gia. Duy ông chịu phải cái ảnh-hưởng về thời-thế, lại có cái tư-tưởng về phái đạo-gia, nên hay tôn-kính Hoàng-đế và Lão-tử, thường xướng lên cái thuyết tự-nhiên vô-vi.

Lời bàn thêm.— Những điều mê-tín khi bấy giờ, Vương Sung đều công-kích cả, như những thiên *Thư-hư*, *Biến-hư*, *Dị-hư*, *Cảm-hư*, *Phúc hư*, *Họa-hư*, *Long-hư*, *Lôi-hư*, *Đạo-hư*, đều là lời ông bài-bác về sự mê-tín. Thiên *Thư-hư* là biện-bác những lời vọng-truyền ở trong sách; thiên *Biến-hư* là biện-bác những điều ngụy-vọng cho thiên-biến có ứng về việc người; thiên *Dị-hư* là biện-bác những điều ngụy-vọng dị-hường; thiên *Cảm-hư* là biện-bác những điều ngụy-vọng trời người cảm ứng, thiên *Họa-phúc-hư* là biện-bác những lời nói về nhân-quả báo-ứng; thiên *Đạo-hư* là biện-bác những điều ngụy-vọng về tiên-thuật thăng thiên.

Vương Sung bác cái thuyết nói là trời người quan-hệ, lại bài-xích cả quỉ-thần, nhiều bài nghị-luận rất hay. Dân-tộc nước Tàu từ xưa đến nay đều cho rằng cái khoảng trời với người có cái quan-hệ mật-thiết, bảo rằng trời là chi-phối cả muôn dân, có cái quyền thưởng-phạt, người thiện thì thưởng cho phúc, người ác thì phạt cho họa. Đấng quân-chủ tức là vâng theo mệnh trời mà thống-trị muôn dân, làm được thiện-chính thì trời bày ra tường-thụy để thưởng, làm nên ác-chính thì trời sinh ra tai-dị để răn, răn mà không đổi lỗi thì trời phạt. Vương Sung bài-bác cái lời luận về mệnh trời ấy, cho rằng cái khoảng tự-nhiên với nhân-sinh không có quan-hệ với nhau, như lời xưa đã truyền, thiên-tai địa-biến là những sự biến tự-nhiên nó khởi ra, cũng như người ta phải mắc bệnh, chứ không có ý trời nào cả. Còn như nói rằng đời thánh-vương có con kỳ-lân hiện, con phượng-hoàng ra, song những loài cầm-thú nó không biết nói, thì có lẽ nào nó lại biết được những điều chính-trị hay hay dở mà trời sai nó xuất-hiện ra.

Vương Sung lại rất công-kích những điều mê-tín, như là khi ấy cho loài quỉ là nhân-quang, là bệnh-khí, là tinh của loài vật, là linh-hồn của loài người. Vương Sung cho rằng những tư-tưởng ấy thực là ấu-trĩ; người ta lại còn mê-tín rằng khi người ta chết linh-hồn là thần hay báo-ân báo-oán, những điều mê-hoặc ấy rất không nên tin. Nguyên người ta cùng với muôn vật đều bởi cái khí nhất-nguyên mà sinh ra, chưa từng nghe thấy muôn vật chết mà hóa ra quỉ, thế thì loài người đã cùng một tính-chất như muôn vật thì quyết không lẽ nào khi chết lại thành quỉ được. Chết đi cũng như là lửa tắt đi, không còn tri-thức gì cả, không còn ở trong khoảng trời đất mà là quỉ nữa. Quỉ-thần không phải là linh-hồn của người ta, chỉ bởi tư-niệm mà thành ra. Những khi đương tư-niệm thì thường trông thấy cái vật vốn không có; quỉ-thần không phải thực là có, chẳng qua nghĩ-ngợi mà tưởng-tượng thấy hiện ra đó thôi. Đó là Vương Sung cho quỉ-thần là cái ảo-ảnh bởi cái tác-dụng của thần-kinh nó tưởng-tượng mà sinh ra.

II. — Các nhà học-giả đời Hậu-Hán

Các nhà học-giả đời Hậu-Hán ngoại Vương Sung ra lại còn có Ban Bưu, Ban Cố, Vương Phù, Mã Dung, Trịnh Huyền, Tuân Duyệt, Trọng Trường-Thống, Từ Cán, nay tóm thuật lược-truyện và học-thuyết của các nhà ấy như sau:

Ban-Bưu 班彪.— Là một kẻ học-giả về đời Vương Mãng tiếm loạn. Khi hai mươi tuổi có làm bài *Vương-mệnh-luận* để răn bảo Ngỗi Ngao; bài luận ấy đại-ý cho rằng nhà Hán nối về giòng vua Nghiêu là giòng-giõi vương-giả, mà không hay đem kế-sách ra để định yên thiên-hạ. Đó là cũng theo cái thuyết định-mệnh xưa nay vẫn có ở nước

Tàu mà đem ra suy tính về cuộc thịnh-suy của quốc-gia vậy. Sau Bưu lại từ Ngỗi Ngao đi làm quan với Đậu Dung. Đến khi Dung thần-phục về vua Quang-Vũ nhà Hán, Bưu cũng được Quang Vũ tin dùng. Sau cáo bệnh từ chức, chuyên công về việc nghiên-cứu lịch-sử, bắt-chước Tư-Mã Thiên làm ra *Sử-ký*, có biên-tập sách *Tiền-Hán-thư*. Năm Kiến-võ thứ 30 (kỷ nguyên 54) ông thọ 52 tuổi mới mất, tư-tưởng luân-lý của ông không có điều gì đáng truyền.

Ban-Cố 班固. — Là con Ban Bưu. Vua Chương-đế nghe là người có tài học, mới dùng cho làm chức Hiệu-thư-lang. Ông có tài giỏi về nghề thơ phú, có làm ra bài phú *Lưỡng-đô* thực là bài kiệt-tác. Lại ròng-rã trong hơn hai mươi năm mới biên-tập thành sách *Hán-thư*. Những sách của ông làm ra mà đời lấy làm khen nhất là sách *Bạch-hổ-thông*. Sách *Bạch-hổ-thông* là tự vua Chương-đế hội chư-nho ở quán Bạch-hổ, bàn-bạc về ngũ-hành, mà Ban Cố đứng làm giám-đốc, mới ghi chép những lời nghị-luận của chư-nho làm ra sách *Bạch-hổ-thông*. Nên sách ấy cũng không hẳn là cái tư-tưởng của Ban Cố, chẳng qua là một cái tư-tưởng chung cả ở đời Hậu-Hán mà thôi. Sau Ban Cố mắc việc phải giam, đến năm Vĩnh-nguyên thứ 2 (kỷ-nguyên 90), ông 61 tuổi mới mất.

Đời nhà Châu thì người ta cho ngũ-hành là một cái hiện-tượng đứng về mặt khách-quan, đến đời Hán thì người ta lại cho ngũ-hành đã gần hợp với đạo-đức loài người. Đến đời Ban-Cố người ta gọi ngũ-hành là năm khí, mà cho năm khí ấy đều là một cái cơ-quan đặc-biệt ở trong thân-thể người ta, và lại lấy sáu ống luật cho làm sáu khí. Ban Cố chịu cái ảnh-hưởng tư-tưởng về đời ấy, mới chia tách tính với tình người ta, cho tính là sinh tự khí dương, mà tình là sinh tự khí âm. Cái tính mà sinh tự khí dương là nhân, lại hàm cả những tính nhân, nghĩa, lễ, trí, tín ; cái tình mà sinh tự khí âm là tham, lại hàm cả những tình mừng, giận, yêu, ghét, thương, vui. Lại cho rằng năm đức của tính là thành tự khí của năm hành ; sáu mối của tình là bởi tự khí của sáu luật. Nói tiến lên bậc nữa thì những ngũ-tạng lục-phủ của tính với tình hoạt-động, đều sinh thành tự cái khí ngũ-hành với lục-luật cả.

Vương-Phủ 王符. —Tên tự là Tiết-Tín, người đất Lâm-hình quận An-định. Là người bạn thiết của bọn Mã Dung, Trương Hành, tính người hiếu-học lại trọng tiết-nghĩa, không ưa với tục, suốt đời không làm quan, làm ra bài *Tiềm-phu-luận* hơn 30 thiên để thuật chí mình. Sách ấy cốt là bài-bác những tệ-chính cuối đời Hán, nhưng cũng thường phát ra cái ý-kiến về đạo-đức. Cái tư-tưởng ông rất là bác-tạp, không có tổ-chức ra thống-hệ nào cả, đại-khái chỉ thừa-nhận rằng trong vũ-trụ nhất-nguyên-khí này, trời đất người, đều bởi khí nhất-nguyên liên-thông với nhau cả, sức người có thể cảm-động được cả thiên-hạ. Lại theo cái tư-tưởng lạy trời của Nho-giáo, cho rằng trời rất yêu nhân-dân ; khéo trị dân, thì lòng trời yêu mà ngũ-cốc được mùa ; nếu để cho dân oán-giận thì trời cũng giận mà giáng cho mất mùa. Bởi vậy nên đấng thiên-tử là thay trời hành-chính và các quan-lại cai-trị, nếu không lựa theo cái lòng mừng giận của dân để thi-hành thiện-chính thì không được.

Mã Dung 馬融 — Người đất Phù-phong, sinh về năm Kiến-sơ thứ ba (kỷ-nguyên 78) đời vua Chương-đế. Học ở ông Chí-Tuân, năm Vĩnh-sơ thứ tư (110), ông làm chức Hiệu-thư lang-trung. Khi ấy bà Đặng Thái-hậu chuyên

quyền, việc binh-bị bỏ trễ-nải cả, giặc-giã tung-hoành các nơi. Mã Dung có dâng thư lên can-ngăn, bị tội phải giam cấm ở làng cũ. Đến khi vua An-đế đi đông-tuần, ông có dâng bài *Đông-tuần-phú*, lại được tri-ngộ làm quan Lang-trung, về sau lúc ra làm quan, lúc lại cáo về. Ông Dung không những là người bác-học đa-văn, tinh thông cả các học, lại kiêm thông cả đàn-sáo về nghề âm-nhạc. Có mở trường dạy học, học-trò đến hàng nghìn người. Những lũ Lư Thực, Trịnh Huyền đều là học-trò cả. Năm Diên-hỉ thứ chín (166) đời vua Hoàn-đế ông thọ 89 tuổi mới mất. Ông có làm ra sách chú thích, phú, ký cũng nhiều, sách về luân-lý ông có làm ra quyển *Trung-kinh*. Duy tên sách ấy không thấy ở bản truyện Mã Dung, mà những sách *Tùy-thư kinh-tịch chí*, *Đường-thư nghệ-văn-chí* cũng không chép tên sách ấy. Duy ở *Sùng-văn tổng-mục* đời Tống mới thấy chép tên sách ấy. Vậy nên người ta cho là người đời sau làm ra. Sách *Trung-kinh* phỏng theo sách *Hiếu-kinh*, nói về cái đạo bày tôi thờ vua 18 chương, nói kỹ về nghĩa chữ trung, không sách nào bàn tường hơn sách ấy. Sách *Trung-kinh* lại định cái ý-nghĩa chữ « trung 忠 », cho rằng về phần ông vua hay nhất được cái tâm minh là trung. Lại bảo rằng chữ trung tùy theo cảnh-ngộ có khác nhau : quan Tể-tướng có cái trung quan Tể-tướng trăm quan có cái trung trăm quan, mà cái tinh-thần nhất-tâm với vua đều giống nhau cả. Sách *Trung-kinh* rất trọng chữ trung, cho là cái căn-bản để trị yên thiên-hạ ; và lại thuật rõ rằng trung hiếu vốn là nhất-bản, không những là trung với hiếu căn-bản nhất-chí, mà đã là người trung thì không khi nào mà chẳng hiếu.

Trịnh Huyền 郑玄.—Tự là Khang-Thành, người đất Cao-mật quận Bắc-hải. Sinh năm Vĩnh kiến thứ 2 (127) đời vua Thuận-đế. Là học-trò Mã Dung, khi học-nghiệp đã thành cáo-từ về làng, Mã Dung đoái bảo học-trò ngồi vậy nói rằng : « Trịnh-sinh nay cáo về, đạo học ta lại truyền đến bên đông vậy ». Khi Trịnh-Huyền về đến làng, thiết-trường giảng học, theo học đến và trăm người. Năm Kiến-an thứ 5 (200) đời vua Hiến-đế, ông thọ 74 tuổi mới mất. Ông có làm ra sách chú thích rất nhiều đến hơn vài trăm vạn lời nói, cách học huấn-hỗ có phần hơn Mã Dung. Tuy rằng ông chưa có độc-sáng ra một tân-thuyết gì, nhưng chuyên công chú-thích sách thánh-hiền, và phu-diễn những thuyết luân-lý của phái nhà Nho, thì công ông rất lớn.

Tuân Duyệt 荀悅.—Tên tự là Trọng-Dự, người đất Đĩnh-xuyên. Sinh năm Kiến-hòa thứ 2 (148) đời vua Hoàn-đế. Ông thiên-tính hiếu-học, làm quan đời vua Hiến-đế, thường vào hầu trong cấm-điện giảng sách, có dâng thư luận về chính-trị. Năm Kiến-an thứ 14 (209), ông thọ 62 tuổi mới mất. Có làm ra những sách : *Thân-giám*, *Hán-kỷ*, *Sùng-đức chính-luận*, bàn về chính-trị lúc ấy rất nhiều. Đời sau gọi là *Tiểu Tuân tử*.

Tuân-Duyệt có phê-bình những lời luận về nhân-tính của các bậc tiên-nho, cho rằng cái thuyết của Lưu Hướng rất phải, và nói rằng : « Tính có ba bậc, bậc thượng với bậc hạ tuy không di-dịch, còn bậc trung thì bởi ở việc người. Nếu mệnh phú cho gần giống nhau, mà việc tập khác xa nhau, thì lành dữ mới sinh ra khác nhau. Vậy nên bảo rằng phải cùng-lý mà khuếch-sung cho hết bản-tính thì mới hợp với mệnh trời. »

Trọng Trường-Thống 仲长统.—Tên tự là Công-Lý, người đất Cao-bình huyện Sơn-dương. Cuối năm vua Hiến-đế, ông 41 tuổi thì mất, cùng với Vương Sung, Vương Phù đều khen là ba kẻ tài cuối đời Hán.

Ông mang cái tư-tưởng chán đời về cuộc nhân-sinh, mộ những bậc cao-sĩ tiêu-dao trần-ngoại, bảo rằng những người đi theo các bậc vua chúa, dẫu muốn để lập-thân dương-danh, nhưng danh không còn mãi được, mà cái người dễ diệt, thì thà rằng ưu-du nghiêng-ngửa để tự vui. Mỗi khi bàn đến việc cổ-kim và thời-tục, thường phát-phẫn thở-than. Có làm ra sách *Lạc-chí-luận* và *Sương-ngôn*, cũng có nhiều lời nghị-luận thiết-thời.

Từ Cán 徐 幹. — Tên tự là Vĩ-Trường, người đất Kịch quận Bắc-hải. Sinh năm Kiến-ninh thứ tư (171) đời vua Linh-đế. Ông khinh cả danh-dự, rẻ cả quan-lộc. Năm Kiến-an thứ 23 (218) đời vua Hiến-đế, ông thọ 48 tuổi thì mất. Có làm ra sách *Trung-luận*, đời sau vẫn lấy làm khen.

Từ Cán trọng trí-thức hơn chứ không trọng đức-hạnh, có nói rằng : « Nết người ta không gì lớn hơn nết hiếu, mà cũng không gì hiển hơn nết thanh. Nết hiếu của thầy Tăng Sâm, dẫu ông Đại-Thuấn cũng không đổi được ; nết thanh của Nguyên Hiến, dẫu ông Bá-Di cũng không hơn được. Thế mà hai ông ấy không được cùng với Tử-Du Tử-Hạ cùng đứng trong hàng tứ-khoa, là vì tài không bằng các người kia vậy ». Từ Cán lại xướng lên cái thuyết pháp-tượng, nói rằng người quân-tử cần phải có uy-nghi dung-mạo mà rằng: « Pháp-tượng đứng-đắn thì mới ra người quân-tử. Pháp-tượng là phải chỉnh dung-mạo, nghiêm uy-nghi. Bởi vậy tiên-vương chế lễ ra, đặt ra áo mũ vẻ vang để tiêu-biểu, bày ra bội-ngọc hoa-nhã để khoan-thư, là muốn cho dáng-bộ người được tôn-nghiêm, chớ không nên trễ-nải ».

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *biên-dịch*

89

PHIÊU-LƯU-KÝ

■

BÈO RẠT HOA TRÔI

Đề-từ

Bảy nổi ba chìm với nước non,
Thương thay mà phận ngậm bồ-hòn :
Phũ-phàng chi mấy trời xanh hỡi !
Để đóa hoa xuân phải héo-hon.

TÙNG-TOÀN

Lúc ấy, trên mặt bể mới mờ-mờ sáng. Những đợt sóng cuồn-cuộn từ ngoài xa xô vào bờ, vỗ lên thành tiếng lạnh-lùng buồn-bã. Phút chốc mặt trời từ phương đông như tắm ở dưới bể nhô lên, rồi thì một góc trời đỏ ối. Màu xanh của mặt bể với màu đỏ của da trời ánh với nhau, vẽ thành một bức tranh thiên-nhiên rực-rỡ. Vài ba con chim bể rỉa lông trên bãi cát, thỉnh-thoảng lại kêu lên một hồi như mừng rỡ đón chào cái quang-cảnh khả-ái lúc rạng đông.

Chợt đàng xa có tiếng giầy đi lại, mỗi lúc một gần, làm cho đàn chim kinh sợ bay tan-tác. Một người con gái tha-thướt đi lên, sắc mặt tuy có vẻ buồn, nhưng cũng không che được cái đẹp của đóa hoa giải-ngữ mới có 18 cái thanh-xuân. Nàng vừa đi vừa vẫy đàn chim mà nói rằng : « Lũ chim kia ơi ! chúng mày đừng sợ, ta không làm hại mày đâu. Rồi đây ta sẽ là bạn với chúng mày ở nơi bãi bể quạnh-hiu này ! » Nói xong, nàng ngậm-ngùi thổn-thức, nghẹn-ngào chẳng nói nên lời, như xúc-động đến tấm lòng chan-chứa trăm nghìn sự đắng cay đau-đớn. Tuy vậy, đàn chim vô-tri kia dường như không nghe thấy, lại còn sợ rằng tránh chửa được xa, lại càng vỗ cánh bay xa hơn nữa.

Ngoài khơi, chiếc thuyền đánh cá đang bơi trên mặt sóng. Nàng trông thấy vội-vàng giơ tay lên gọi :

— Cứu tôi với ! Thuyền ai đó cứu tôi với !

Nhưng thuyền xa, tiếng gọi lại bị sóng đánh lấp đi, thành ra chiếc thuyền kia không nghe thấy. Nàng lại giơ khăn tay lên vẫy, cố hết sức gọi mãi, chiếc thuyền mới thấy từ-từ tiến vào bờ.

— Ông ơi ! Ông có thể chở tôi đến Ôn-châu được không ? Ông làm ơn cho tôi, tôi xin hậu-tạ ông một số tiền lớn.

Người lái thuyền lắc đầu :

— Không được, thuyền tôi là thuyền đánh cá chứ không phải thuyền chở khách.

Nàng khóc :

— Tôi bị người ta bỏ đến đây, may được gặp ông, xin ông rủ lòng thương cứu vớt, cái ơn tái-sinh ấy không bao giờ dám quên, nếu không, đành chết ở chốn này.

Người đàn bà ngồi trong mui nghe thấy, nhô đầu ra nói rằng :

— Thương thay cho cô em, cô em làm sao lại một mình bơ-vơ ở chỗ vắng-vẻ này ? Cô em có thể nói cho tôi biết được không ?

Nàng đáp :

— Nếu bà chở tôi được đến Ôn-châu, tôi đâu dám giấu bà mà chẳng nói.

— Ôn-châu cách đây xa lắm, thuyền của tôi không đi đến đấy, nhưng nếu vì có em thì cũng có thể đi được.

— Nếu vậy tôi rất cảm ơn bà.

Người đàn ông bèn một tay cầm sào đẩy thuyền ghé vào bờ, một tay kéo nàng lên. Người đàn bà ở trong khoang chạy ra đón, theo sau một người con gái, tuổi độ trăng tròn. Người đàn bà vỗ-về yên-ủi nàng, lời nói rất là ân-cần êm-ái, rồi lại chỉ người con gái đứng ở sau lưng giới-thiệu :

Con này là con gái tôi, tên nó là Ât-Hồng. Vì má nó lúc nào cũng đỏ hồng-hồng như ráng buổi sớm mai, nên tôi đặt cho nó cái tên ấy.

Nàng gượng cười :

— Nếu vậy tên tôi là Tiểu-Thúy, Thúy với Hồng chẳng là đối với nhau ư?

Người đàn bà nói :

— Cô dạy quá lời, con nhà thuyền chài có đâu được bằng cô là bậc tiểu-thư khuê các. Nhưng làm sao cô lại đến chỗ hoang-lương tịch mịch này? Vừa rồi cô nói bị người ta bỏ đến đây, vậy người ấy là ai? duyên cớ tại sao? cô nói cho tôi biết.

Thúy bị khêu gợi đến nỗi lòng, buồn rầu đáp :

— Thương thay cho tôi mệnh bạc, mới ba tuổi đầu đã bị mẹ bỏ mà về chốn âm-cung, rồi chẳng may gặp phải mẹ ghẻ là người cay-nghiệt đủ điều. Ấy ngày nay tôi sở-dĩ phải bơ-vơ ở đây, cũng là vì mẹ ghẻ tôi vậy.

— Thế cô là người ở đâu? Ông thân-sinh cô làm nghề gì?

— Tôi họ Phương, quê ở Ôn-châu, nhưng cha tôi buôn bán ở Phúc-châu, nên làm nhà ở đấy. Từ khi mẹ tôi mất, việc buôn bán kém dần, cha tôi lại đắm đuối về rượu nên chẳng săn-sóc gì đến việc nhà. Được hai năm thì cha tôi lấy kế-thất. Người mẹ ghẻ tôi đây vốn là con nhà hèn-hạ, trước vì thấy cha tôi có tiền nên nịnh-nọt để được lòng yêu, kịp khi cưới về biết rằng nhà tôi nửa vời sa-sút, bèn sinh ra kiêu-đãng, huy-hoắc tiền-tài vô-độ, nhà tôi vì thế lại càng nghèo. Cha tôi có mấy cái nhà phải bán cả, rồi về Ôn-châu sửa-sang lại nếp nhà cũ để ở. Trước kia, lúc nhà tôi còn thịnh, cha tôi cho tôi vào học ở trường nghệ-thuật con gái, học vẽ, học thêu, lại học cả chữ Anh nữa, được ba năm thì tốt-nghiệp. Lúc cha tôi về Ôn-châu là lúc tôi đang làm giáo-viên một trường nữ-học kia. Một hôm ở trường về, người mẹ ghẻ tôi đưa cho một bức điện-tín, tôi cầm lấy xem thì là của cha tôi gửi đến, bảo rằng cha tôi yếu phải về ngay...

Thúy nói đến đấy vừa ngửng lên nhìn người đàn bà, vừa lấy tay vuốt mái tóc, rồi hỏi rằng :

— Nhận được bức điện-tín ấy, bà bảo tôi nên xử-trí thế nào?

— Phải về chứ!

— Vâng, lẽ tất-nhiên là phải thế. Mẹ ghẻ tôi tức thì giục tôi đi sắm sửa hành-trang để về Ôn-châu ngay lập-tức. Thế rồi chúng tôi thuê một chiếc thuyền, từ-biệt Phúc-châu ngay đêm hôm ấy. Sáng hôm sau vừa mới cắm thuyền để làm cơm sáng, chợt có người láng diềng của tôi chạy đến đưa cho tôi một phong thư, nói là ở Ôn-châu đưa đến. Không ngờ mẹ ghẻ tôi giật ngay lấy có ý không vui, lẳng-lặng chẳng nói một lời. Tôi đòi xem nhất-định không đưa, chỉ bảo thư không nói gì đâu, chỉ giục về đấy thôi. Bà tính thế có tức không? Tôi nghĩ bụng mẹ ghẻ tôi không biết chữ mà lại giữ thư không cho tôi xem thật là đáng ngờ lắm, nhưng tôi cũng không dám cưỡng.

Tiểu-Thúy nói đến đấy cầm chén nước nhấp giọng, rồi lại nói tiếp :

— Thế rồi thuyền đi, bà ạ, đi mãi. Một buổi chiều kia đậu ở một chỗ bờ bể quạnh-hiu. Tối đến tôi ngủ say, đến lúc tỉnh dậy thì ra tôi nằm ở trên bãi cát. Lúc ấy đang nửa đêm, trăng mờ sao nhạt, thuyền không biết ở chốn nào, mà mẹ ghẻ tôi cũng không biết đi đâu? Tôi biết là tôi mắc lừa! Trời ơi! Thương thay! Đến sáng tôi cứ theo bãi cát mà đi đến bảy tám dặm chẳng hề thấy vết chân người, nếu chẳng gặp được bà, thì còn gì là thân này nữa, mà làn sóng bạc kia sẽ bồi đợt cát vàng vùi nông cho nắm xương tàn của khách hồng-nhan!

Nói đến đấy, nàng bưng mặt khóc nức-nở. Người đàn bà từ nẫy đến giờ vẫn chăm-chú ngồi nghe, vừa giận vừa buồn, lúc bấy giờ cũng phải sa hàng lệ, rồi vỗ vào vai nàng mà yên-ủi:

— Tình-cảnh cô thực đáng thương, nhưng sắp đến Ôn-châu rồi, cái thời-kỳ được gặp ông thân-sinh của cô cũng không còn xa mấy, cô đừng buồn.

Nàng gạt nước mắt:

— Xin cảm ơn bà, tôi mà được thấy cha tôi là ơn của bà vậy.

Át-Hồng ngồi bên cạnh cũng lấy lời dịu-dàng mà yên-ủi. Thúy rất lấy làm yêu, nghĩ bụng sao con nhà thuyền-chài mà lại có cái phong-tư nhàn-nhã như thế, không có một chút gì là tục-khí cả, thế mà sinh-trưởng ở nơi chài lưới, thực đáng tiếc thay! Rồi nàng lại nghĩ: Át-Hồng sinh ra ở chốn hèn hạ, vô-tri vô-thức, chẳng biết trên đời có những sự đau lòng, ví với ta sinh-trưởng chốn danh-môn, lại phải vùi thân ở trong vực sâu bể thẳm, hai cái khổ sướng khác nhau xa.

Thuyền rất nhỏ, người đàn bà và Thúy ngồi ở trong khoang, Hồng vẫn không rời. Thúy một bước. Người đàn ông ngồi ở cuối thuyền, một tay cầm bánh lái, một tay cầm mái chèo, từ từ rẽ nước. Chiều đi đến một nơi có cây cối, loáng-thoáng mươi nóc nhà của cư-dân miền duyên-hải, bèn cắm thuyền ở đấy. Người đàn bà mổ cá làm cơm, cơm hầm cá tanh, Thúy không ăn được mấy. Cơm xong thì vừa tối. Trên thuyền không đèn không đóm, mấy người ngồi quây-quần ở trong khoang, rồi chẳng mấy lúc ba người kia đều ngủ kỹ. Thúy một mình không ngủ, ngồi nghe tiếng sóng bì-bõm vỗ vào mạn thuyền, thứ tiếng buồn-bã, như vì ai than-thở nỗi điêu-linh. Chị Hằng dần dà ló mặt ở khoảng không, trời xanh thăm-thẳm, mặt bể bao-la, đối cái cảnh ấy, nàng như tỉnh như mê, bất-giác mơ-màng thấy thân mình đi đến một nơi cổ-miếu. Trong bóng tối, nàng thấy có bóng người nằm bên cửa miếu, kinh-ngạc lùi lại, nghĩ bụng sao ở chỗ hoang-lương đêm vắng lại có người ngủ ở đây. Dưới bóng trăng mờ, nàng trông rõ-ràng là người bạn đồng-học thủo nhỏ, người ý-trung-nhân của nàng: Cam-Thu, Cam-Thu! Sao lại ở đây? Nàng nửa tin nửa ngờ, cúi xuống nhìn thì rõ-ràng là khuôn mặt trắng-trẻo mà gầy, cặp mắt sâu mà đẹp, quả-nhiên là Cam-Thu. Nàng sẽ gọi:

— Cam-sinh! Cam-sinh! Có phải Cam-sinh đấy không?

Người kia giật mình ngồi dậy, chăm-chú nhìn nàng:

— Kìa! Tiểu-Thúy! Sao nàng lại phụ-bạc ta mà trốn đi như thế?

Lời nói đượm vẻ oán hờn, sắc mặt có chiều tức giận. Thúy vội-vàng ngắt lời:

— Trời ơi! Chàng cũng cho là tôi trốn chàng mà đi ư?

Mới nói đến đấy, đôi hàng lệ đã tuôn xuống như mưa, nghẹn-ngào không nói được nữa. Trong lòng nàng chứa-chất muôn nghìn tâm-sự, chỉ muốn nói ra cho hả, mà cứ đến cổ

họng đã bị tiếng khóc ức đi, một lời cũng không đạt được ra đến đầu lưỡi, trong lòng uất-ức, dường như đến nỗ vỡ tim gan.

Thu nói :

— Nàng nếu không phụ tôi sao lại cùng mẹ ghẻ trốn đi ?

Thúy khóc :

— Trời ơi ! Chàng có biết cho tôi không ?

Rồi nàng nhất-nhất đem nông-nỗi thuật cho Thu nghe, Thu rất ái-ngại cho cảnh-ngộ nàng, và rất cảm-động về tấm lòng nàng

Rồi chàng nói :

— Từ khi nàng đi, tôi mất ăn mất ngủ, tuy cũng biết rằng nàng không khi nào phụ tôi, nhưng nàng vụt đi đi mãi, không để lại cho một lời, khiến tôi nghĩ mãi mà không hiểu tại làm sao. Song le, tùng-nhiên nàng có phụ tôi chăng nữa, tôi cũng quyết chẳng phụ nàng. Tôi thề rằng đi khắp thế-gian để tìm nàng, một là để hỏi xem nàng có phụ tôi không, hai là để tỏ cho nàng biết rằng tôi không khi nào phụ nàng. Không ngờ ngày nay quả nhiên hai ta được gặp nhau, há chẳng phải là trời giúp ta ư ?

Thúy nghe nói lại càng xúc-động, khóc ròng.

— Thôi, chúng ta đi thôi !

Thu vừa nói vừa lấy tay vỗ vào vai nàng kéo đi, khiến nàng giật mình thức dậy, thì ra thân vẫn ngồi ở trong thuyền, cuộc bi hoan vừa rồi đều là ảo-cảnh, mà ngoài thuyền vẫn lạnh-lùng trăng dãi nước trôi, nghe tiếng sóng vỗ bì-bõm, nàng còn tưởng chừng như tiếng nói của Cam-Thu. Nàng buồn quá.

Một lúc trời hửng sáng. Vợ chồng người thuyền chài đã dậy, ân-cần hỏi nàng đêm qua ngủ có yên không, sao dậy sớm thế ? Nàng cám ơn, nói rằng cũng ngủ được đôi chút. Hồng lúc bấy giờ cũng đã dậy, đem con mắt mông-lung ngái ngủ nhìn nàng một cách âu-yếm mà mỉm cười. Thúy chợt nghĩ đến giấc mộng đêm qua, bất-giác trên khóe thu-ba, đôi hàng châu lóng-lánh, muốn cầm cho không rơi xuống cũng không được. Người đàn bà lại hết lời khuyên-giải, Thúy tuy miễn-cưỡng nuốt nước mắt mà trong lòng vẫn không sao vui.

.·.

Đi như thế đến vài ngày. Một buổi tối kia cầm thuyền lại nghỉ, rồi cũng như mọi khi, cơm chiều xong, hai vợ chồng người thuyền chài đều nằm xuống ván thuyền mà ngủ. Thúy cũng dựa vào chiếc mái chèo thiu-thiu, chợt nghe đằng cuối thuyền tiếng Hồng khóc tỉ-tê rất là não-nùng ai-oán. Nàng lấy làm lạ, toan lên tiếng để hỏi thì có tiếng người đàn ông ho khúc-khắc, tiếng khóc liền im. Nàng lại càng ngờ, bèn rón-rén đi xuống cuối thuyền. Hồng trông thấy vội-vàng giơ tay lên xua như có ý bảo rằng đừng nói, rồi ghé vào tai mà nói thầm :

— Hai người kia có phải là cha mẹ tôi đâu, giặc bể đấy !

Thúy nghe nói hồn-phách rụng-rời. Hồng trỏ một tảng đá đàng sau thuyền, kéo áo Thúy bảo nhảy sang đấy để trốn. Thúy đành liều nhảy sang, không ngờ đá trơn, trượt chân ngã xuống nước, may Hồng hết sức lôi được lên.

Thúy hỏi :

— Bây giờ làm thế nào ?

Hồng đáp ;

— Họ định đem bán chị cho hồng-lâu, nay có cơ-hội nếu chẳng trốn đi thì còn gì là thân-thế. Tôi với chị cùng là bạn bên trời lẳng-đẳng, cùng một cảnh bèo rạt hoa trôi, nên giúp đỡ lẫn nhau để thoát khỏi nơi hang hùm nọc rắn.

Lúc bấy giờ đang mùa thu, gió bể như dao cắt, hai người đều hàm răng lập-cập, rét buốt tận xương.

Hồng cố nhịn rét nói run-run:

— Bây giờ ta nên nấp vào đám lau sậy cho thuyền giặc đi xa đã, rồi hãy đi.

Thúy nói:

— Thế thì bị nó bắt mất, chẳng bằng chạy đi là hơn.

Nói rồi dắt tay nhau chạy qua một bãi cát, thấy đàng trước mặt độ hơn một dặm có cánh rừng rậm-rạp um-tùm, bèn hết sức chạy đến đấy. Thì ra đó là một cánh rừng thông đến hàng nghìn vạn gốc mọc liền nhau, một người đi qua cũng không lọt. Những dây mây gai-góc rườm-rà như móc vào áo người ta mà kéo lại. Hai người đến đấy, sức đã mỏi không sao đi được nữa, bèn ngồi cả xuống dưới gốc thông, lấy những dây leo cây sậy phủ lên mình. Gió thổi, lá rung sột-sạt, hai người tưởng chừng như tiếng giầy của giặc bể, mật những muốn tan. Trên đầu lại có tiếng xào-xạc, ngẩng lên thì ra tiếng chim rừng. Hồi lâu mỏi quá, hai người đều tựa vào cây mà ngủ. Tỉnh dậy thì trời đã sáng bạch. Những lá cây đượm sương chịu khí nóng của mặt trời bốc lên thành khói như sa-mù, cảnh-trí rất là u-sảng. Hai người nhìn nhau, sương bám vào áo lấm-tấm như bụi, lấy tay phủi đi, lại thành ra một vệt máu tươi, thì ra tay hai người đều bị gai mây đâm. Vẫn ở dưới đám lau sậy, hai người đều không dám thò đầu ra ngoài.

Hồng nói:

— Nếu giặc không lại, chúng ta may ra mừng được tái-sinh.

Thúy gật đầu, nhân hỏi Hồng cái nguyên-nhân trụy-lạc vào tay giặc và sao lại gọi giặc là mẹ với cha. Hồng đáp:

— Tôi người Phúc-châu theo cha đi Hồng-sơn, không ngờ bị giặc bể cướp hết tiền của, rồi bắt tôi hiến cho thằng đầu đảng tức là gã thuyền chài đó. Tôi vào tay nó rồi, nghĩ rằng không thể lấy sức mà đối lại được, mới giả nhận nó là cha mà chịu làm con nuôi để đợi cơ-hội rồi trốn, nhẫn-nhục đã mấy năm nay. Đêm vừa rồi tôi nghe hai vợ chồng bàn với nhau đến một tỉnh kia sẽ đem bán chị cho lầu hồng, tôi nỡ nào biết mà trông chị sa vào nơi lửa đỏ. Vả lại chị bị bán đi còn một mình tôi cũng khó lòng trốn được...

Nói đến đấy Thúy chợt nghe tiếng lá động như có người đi vào, vội-vàng bấm Hồng nói thầm:

— Chị thử nghe mà xem, có lẽ giặc đến!

Rồi chợt thấy bóng người thoáng qua ngoài rặng trúc, tiếng chân giẫm lên lá khô có vẻ vội-vàng mạnh-mẽ, mỗi lúc một gần, thôi đích là giặc rồi. Thúy toát mồ-hôi, ghì chặt lấy Hồng không cho cựa-cậy, lấy những tầu lá to che lên mặt, chân vùi vào trong đám cỏ. Nhìn đến Hồng sắc mặt đã tái mét và chết điếng đi không còn biết gì nữa. Nàng nhòm qua khe lá thấy một đầu người sừng-sộ đi qua, hai con mắt lồi ra có vẻ giận-dữ như biết rằng có người nấp đâu đó, chực sấn đến mà lôi ra. Thúy sợ quá, cũng rú lên một tiếng rồi ngất đi. . . . .

Hồi lâu nàng hơi tỉnh, trong tâm đinh-ninh rằng thôi đành lại sa vào lưới của giặc bể rồi, ruột đau như cắt. Nàng mở mắt ra thấy mình vẫn nằm ở giữa rừng, bên cạnh lại có một người ngồi, không phải là giặc bể mà lại là một người con trai. Nhìn kỹ thì ra đứa ở người láng diềng nàng ở Phúc-châu. Nàng mừng lắm. Ất-Hồng lúc bấy giờ cũng đã tỉnh.

—Thọ-Ân! Vì cớ gì mà anh lại ở chỗ này?

Thúy hỏi người con trai ấy rồi kể cho nghe sự gặp nạn của mình. Thọ-Ân nghe nói có vẻ tức-giận, thống-mạ người mẹ ghẻ độc-ác kia một hồi, rồi nói:

— Cô ơi! Cái thư ngày nọ tôi đem đưa cô có phải là ở Ôn-châu đâu, của cậu Cam-Thu đấy. Sở-dĩ nói thác ra ở Ôn-châu là muốn tránh sự hiềm-nghi của bà mẹ ghẻ cô.

Thúy nghe nói khóc òa lên :

— Vậy ư? Nào ta có được xem đâu! Trời ơi, độc-ác thay là mẹ ghẻ của ta!

Ân nói tiếp :

— Chủ tôi mất tiền nghi cho tôi lấy cắp bèn đuổi tôi đi. Từ đấy tôi nay đây mai đó, lưu-lạc đến đây làm đứa chăn lợn cho người lấy bát cơm để hồ-khẩu. Hôm nay vì chó sói bắt mất lợn nên tôi đi đuổi mà vào trong rừng sâu này, không ngờ nay được gặp cô.

Thúy nói :

— Thọ-Ân ơi! Hôm nay được gặp anh thật là nhờ trời, hai chúng ta may được khỏi chết. Nhưng này, cậu Cam-Thu bây giờ thế nào?

Ân đáp :

— Tôi mang thư đưa cho cô về thì cậu đã đi Toàn-châu. Sau tôi bị đuổi nên không biết cận trạng cậu ra thế nào.

Thúy ngậm-ngùi, Thọ-Ân lại nói tiếp :

— Nhưng các cô ở lâu chỗ này thế nào được. Nhà chủ tôi cách đây không xa, xin mời hai cô về ở tạm đấy vài ngày rồi tính đường về sau.

Hai người tỏ ý hân-hạnh, bèn theo Thọ-Ân vạch cây rẽ cỏ mà đi. Độ nửa dặm đến một con đường nhỏ ruột dê khuất-khúc. Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Hai người đói lắm bảo với Thọ-Ân, Ân nói :

— Ở giữa rừng này thì lấy gì mà ăn được? À! Có một thứ quả rừng bây giờ đang chín, vị hơi chua-chua ngòn-ngọt có thể ăn được, để tôi đi hái.

Nói rồi chạy đi. Một lúc dùm về một vạt áo đầy, tay cầm một quả ăn dở, vừa nhai vừa nói :

— Ngon lắm, hai cô ạ.

Thúy và Hồng đói quá, mỗi người ăn đến mươi quả, rồi lại theo con đường nhỏ mà đi. Đường ngoắt-ngoéo quanh-co, hai bên đều là cây cao cỏ rậm. Thỉnh-thoảng qua cái cầu nhỏ bắc bằng cây, giẫm lên rung-rinh như muốn gẫy. Một lúc đến một khoảng đất rộng, bốn bên vườn đều trồng dương-liễu cỏ ngắn như nệm xanh. Ân lấy tay trỏ :

— Đây là bãi chăn súc-vật của chủ tôi.

Đi qua bãi, vén những cành liễu rủ đi ra, liền thấy phên trúc nhà tranh, chậu hoa cây cảnh. Thọ-Ân đứng lại bảo hai người :

— Hai cô hãy đứng đây, để tôi vào nói trước với chủ tôi đã.

Một lúc ông cụ già độ sáu bảy-mươi, đầu tóc bạc phơ chạy ra đón, theo sau một bà già vào khoảng ngoại năm-mươi, đầu hoa dâm, áo nâu sồng. Trông thấy hai người, ông bà đều cười nói vui vẻ :

— Ồ! Hai cô tiên ở đâu giáng-trần thế này?

Thúy và Hồng đều nói :

— Chúng tôi là kẻ lỡ đường đến xin ông bà cứu giúp, chúng tôi được cảm-tạ vô-cùng

— Lão rất vui lòng, mời hai cô vào.

Ông già vừa nói vừa giơ hai tay đón hai người một cách ân-cần vui-vẻ. Ông tuy là điền-gia nhưng cũng hơi phong-phú. Nhà tuy cô-lậu mà sạch-sẽ phong-quang. Hồng và Thúy lần-lượt kể cái cảnh-ngộ điêu-linh của mình, hai ông bà đều chau mày nghiến răng, rồi cũng lấy lời yên-ủi :

— Nhà chúng tôi đây quê mùa, được hai cô quang-cố thực lấy làm hân-hạnh. Xin mời hai cô yên-nghỉ ở đây ít lâu, rồi lão sẽ sai Thọ-Ân đưa hai cô về.

Lúc bấy giờ Thọ-Ân bưng nước lên, bà già sai đi sửa-sang sẵn một căn phòng sạch-sẽ để hai nàng đi nghỉ. Ngồi nói chuyện ít lâu, người nhà lên bảo

cơm chiều đã xong, bà già mời hai nàng sang ăn cơm ở gian bên cạnh. Mâm cơm sơ-sài, phần nhiều là rau dưa lấy ở vườn cả.

Bà già nói:

— Hai cô đều là bậc khuê-các, lưng cơm bạc-bẽo này thực chẳng xứng chút nào, đáng lẽ già phải làm con gà mới phải, nhưng vì đã quá chiều, hai cô đã có lòng yêu cũng lượng-thứ cho.

Hai nàng khiêm-tốn cảm-tạ, ngồi vào ăn thực-thà rất là ngon miệng, vì lúc bấy giờ đã đói lắm. Tối đến hai nàng ngủ ở phòng bên cạnh, chăn gối chỉnh-tề, trên ghế có ngọn đèn dầu le-lói. Hai nàng mệt lắm, vùi người vào đống chăn là ngủ liền. Tuy chăn vải giường tre, lúc bấy giờ hai nàng coi như giường vàng chăn gấm.

Ở đấy mấy hôm, hằng ngày bà già dắt hai nàng đi xem nơi trồng-trọt chỗ chăn nuôi, nói chuyện việc nông-tang, hai người vì thế cũng khuây khỏa được nỗi buồn.

Một hôm Thúy bảo nhỏ với Hồng:

— Chúng ta ăn nhờ ở đậu ở đây, tuy được yên thân, nhưng không phải là cái kế lâu dài, vậy chúng ta nên tính đường về, chị nghĩ sao?

— Vâng, tôi cũng định thế. Nay chị em ta cùng về cả Phúc-châu để xem tin-tức tôn-ông thế nào?

Thúy cho làm phải, vả lại về Phúc-châu may ra nàng lại được gặp Cam-Thu, nên bằng lòng ngay. Hai người bèn ra ngỏ ý ấy với ông bà già. Hai ông bà đều có ý lưu-luyến, nói rằng:

— Hai cô đã muốn thế già cũng không dám cưỡng, nhưng mà lương-thực lộ-phí đều thiếu-thốn, đi ngay thế nào được, để già trù cho một ít tiền và sai Thọ-Ân đi hộ-tống.

Hai người đều cảm-phục lòng nghĩa-hiệp của hai ông bà, cúi đầu xuống vái để tạ-ân.

Sáng hôm sau cơm nước xong, hai ông bà sắm-sửa lương-thực hành-trang cho Thúy và Hồng

Thọ-Ân nói:

—Đi đường bộ rất nghiêu-khê, hàng trăm dặm không có một ngọn khói bếp, đêm phải ngủ ở nơi gò đống hoang-lương, chi cho bằng đi đường bể tiện hơn.

Thúy và Hồng vội-vàng gạt đi:

— Chớ! chớ! Anh không sợ giặc bể ư? Nguy-hiểm lắm, chúng tôi đã trải rồi.

— Không sợ, tôi chỉ chở một thuyền con giả làm thuyền đánh cá thì giặc bể không ngờ gì nữa. Tôi tuy chèo không giỏi, nhưng cứ từ-từ theo ven bể mà đi, mãi cũng phải đến, nếu gió êm sóng lặng thì chẳng lo gì.

Hai ông bà đều khen phải, Hồng và Thúy cũng bằng lòng. Ân bèn đi thuê một chiếc thuyền con, hai nàng cải-trang làm thuyền chài, rồi bái-biệt ông bà già ra đi.

Thuyền nhổ sào, rẽ nước bơi đi; gió thuận dòng xuôi, chiếc thuyền bình bồng như cánh lá tre trôi mặt sóng. Thọ-Ân ngồi chèo ở đàng lái nghêu-ngao hát khúc đò-đưa. Chiều đến lại vo gạo thổi cơm rất là chăm-chỉ, hai người đều cảm-khích tấm lòng trung-thành của hắn.

Một hôm đang giữa trưa, trời trong không có mây, Hồng nằm ngủ ở trên ván, Thúy ngồi ở đầu thuyền ngắm phong-cảnh trên bờ, Ân vừa chèo vừa hát như mọi ngày, chợt một trận cuồng-phong thổi mạnh, mây đen kéo đùn-đùn che kín cả một góc trời, rồi tối sầm lại. Sóng bỗng-bột nổi lên cao ngất, tiếng réo ầm-ầm như thiên-binh vạn mã hò reo tiến đến, làm cho chiếc thuyền đảo-điên nghiêng-ngửa, những toan lật úp. Thúy và Hồng ôm đầu nằm rạp xuống ván thuyền, mặt mày choáng-váng không sao ngẩng lên

được, liên thanh gọi Thọ-Ân mà không thấy Ân đáp. Rồi mưa như trút nước xuống. Chiếc mui nan không đủ chống với giọt nước phũ-phàng, hai người đều ướt như chuột lụt, khí rét thấm đến xương, tưởng chừng ngã xuống bể nằm ở dưới đáy rồi. Thúy kêu lên:

— Trời ơi! Ta lại chết ở bể ư?!...

Vừa nói đến đấy nước đã ộc vào đầy mồm, mê-man không biết gì nữa...

. . .

Được ít lâu sóng dẹp dần, gió mưa đều ngớt, thuyền cũng không chông-chành mấy nữa. Thúy mở mắt ra nhìn lên trời, mây tối đã tan, mưa còn loáng-thoáng, trên mui bồng nước rỏ giọt như hạt lệ đứa cô-nhi. Nàng vực Hồng dậy, quần áo đều ướt lướt-thướt như tắm. Quay lại đàng lái không thấy Thọ-Ân đâu nữa! Hồng rú lên:

— Ôi thôi! Ân chết rồi, trời ơi!

Hai người chỉ nhìn nhau mà khóc, sực nhớ đến nước ngập lưng thuyền, vội-vàng lấy gầu tát ra. Lúc bấy giờ mưa đã thật tạnh, mặt trời lại chiếu nắng chiều lên mặt bể đỏ loe. Hai người đều không biết chở thuyền, đành phó mặc cho trôi theo luồng gió thổi.

Thúy nói:

— Vì khiến thuyền cứ thế này trôi đến Phúc-châu thật là trời giúp chúng ta, mà nếu không thì có chết trong bụng cá cũng còn hơn chết trong tay giặc.

— Đã đành rằng thế, nhưng chỉ thương thay cho Thọ-Ân.

Vừa đứng phơi nắng cho xe quần áo vừa nói chuyện, nhắc đến Thọ-Ân, hai người đều ngậm-ngùi giỏ nước mắt. Thuyền vẫn thuận dòng trôi đi mãi, chẳng biết chỗ nào là chỗ nào, chỉ thấy cách thuyền độ một quãng có một bãi cát mà thôi.

Thúy nói:

— Lênh-đênh trên mặt bể thế này, sao bằng lên cạn tìm một nơi mà ở, bằng không lương cạn thuyền tan, biết làm thế nào?

Hồng cho làm phải, bèn cố hết sức chèo cho thuyền vào bờ, nhưng không biết lái, thành thử sóng lại càng đánh xa ra, đành thất-vọng ngửa mặt lên trời mà than:

— Ôi! Nếu Thọ-Ân chẳng chết thì lúc này có lo gì!

May sao bấy giờ lại có cơn gió nhẹ nổi lên, thổi rạt chiếc thuyền vào ven bờ, hai người đều cho rằng có lẽ âm-hồn Thọ-Ân thiêng-liêng âm-trợ chăng?

Vừa nhảy lên bờ chưa đứng yên thì gió đã đổi chiều, đánh bạt chiếc thuyền ra ngoài khơi. Hai người đều lấy làm may, lại ngửa mặt lên trời tạ-ân Thượng-đế. Thúy đứng nhìn theo chiếc thuyền mỗi lúc một xa, càng xa càng nhỏ, chẳng mấy lúc chỉ còn là cái chấm đen, rồi biến vào khoảng nước trời, chỉ còn thấy có mây trắng với bể xanh. Nàng chợt biến-sắc, sực nghĩ đến đồ dùng lương-thực còn để cả dưới thuyền chưa kịp mang lên, rồi ra lúc đói lấy gì mà ăn, chẳng chết đắm ở dưới thuyền cũng đến chết đói ở trên cạn mà thôi.

(Còn nữa)

Tùng-Toàn

(Thuật theo Hán-văn của Hồ Kỳ-Trần)

HÁT TUỒNG

LẦN PHƯỢNG KÝ-DUYÊN (1)

V

HỒI THỨ TƯ

Vi vương-chiếu Lý Lương nhập ngục
Thục phụ-hình Kiều Phượng xuất quan

Trương Hùng nói :

Tam-đa phù đế chúc ; ngũ phúc hiệp hoàng-trù 三多符帝祝，五福叶皇壽。 Tái ngoại vô-qua giáp chi ngu ; hoàn trung hữu quản huyền chi lạc 塞外無戈甲之虞，寰中有管絃之樂。 Chủng-tề lạm đeo ấn nước ; Trương Hùng chỉn thiệt tên già. Lăm dạ ầm tiếng bùa Triệu-gia ; mài lòng sắc lưỡi dao Lý-thị.

Lại nói :

Như ta : Thừa chiếu hạ mật sai biền-đệ ; nghĩ lại trong lời chiếu, kì ông mật chỉ cho lắm, nhưng mà ở nhà khéo tính nó cũng ngớt đi cho, ở nhà cũng nhão có lời chiếu mắn rứa mới khiến hắn : tựu đồ gian ám sát Lý-Lương. Chứ ai ngờ cái thằng em nhà hắn nó ương lắm, chẳng biết đến nửa đường hắn mắn răng cho đến đổi : Tảo tri cơ bèn mới thoát chàng ; nhưng mà lại đi mô cho khỏi ở nhà tê chứ, nói thiệt : tốc tựu kế rầy toan bại gã. Thôi muốn chết tao cho chết. Quân : Quản-nhân thừa lệnh hạ ; hay đòi : Trương Hồ hậu trưởng-tiền đây.

Trương-Hồ nói :

Kim thừa huynh-trưởng lệnh truyền; xin tùy đáo dinh giai ứng-hậu.

Trương Hùng nói ;

Quân Cẩm-đôn. Em ngồi, số là lúa trước anh phụng chiếu vâng thuyết Lý Lương, anh tưởng : Gián-nghị xưa đà suy-lão ; nên anh mới khiến thằng Bưu hắn đòi lão đến nửa đường mà tính phát đi cho rồi, ai ngờ là : Lý Lương rày cũng quật-cường lắm em.

Trương Hồ nói :

Cha-chả lại hắc-tằng quật cường lắm rứa ?

Trương Hùng nói :

Ừa lắm lắm, không phải chơi mô, em à : Kháng vi khen gã thiệt cả gan ; đã mắn rứa lại : cự sát ngẫm chàng không nể mặt mới hung cho chứ, ấy bởi rứa anh tính mắn răng, mắn răng có em mới xong cho. Phen nầy tua gắng sức ; việc ấy cậy em ra tay mới xong cho, ấy nghe anh dặn ô, em liệu làm sao : Khả tróc tha tư-đệ tương lai ; vật sử bỉ viễn-phương thoát khứ.

Trương Hồ nói :

Đại-huynh hưu quá lự ; tiểu-đệ nguyện thừa hành. Mà phen rầy nói thiệt: Đã có em ra sức phục kinh ; lo chi gã quần phương phục thử. *(Cùng hạ).*

Trương Hồ về dinh truyền lệnh :

Gia-tướng ơi : Hạ lệnh truyền quân-sĩ ; tức nhật chỉnh qua mâu. Thủ-lộ đáo Mai-châu ; duyên đồ truy Lý-lão.

Quan ban :

Hiệu-lệnh nghiêm phong-thảo, phong-tỉ ảo,
號令嚴風草
Tinh kỳ tế nhật tinh, nhật tinh ;
旌旗蔽日星

(1) *Xem Nam-Phong từ số 186.*

Vọng Lý-gia tiến phát, tiến phát,
望李家迸發
Chỉ Mai quận bôn hành, bôn hành.
指梅郡奔行

Trương Hồ bắc-xướng :

Độc kế tuân thừa ngã đại huynh,
毒計遵承我大兄
Tróc tha Lý-thị tuyệt nha manh.
捉他李氏絕芽萌

A Lý Lương, ta nói thiệt phen này:

Ngư du phũ lý chung nan thoát,
魚遊釜裡終難脫
Chớ như ta chứ :
Hổ phụ sơn ngung mạc cảm anh.
虎負山隅莫敢撄

Lý Lương nói :

A : Họa-nhẫn hà sinh hà sinh 禍忍何生 ; phúc ta bất hậu bất hậu 福薄不厚. Nơi đài-các lão lánh minh su-tầu ; thú điền-viên cho khỏe bước qui-lai. Ai ngờ : Rủi vận già còn mắc ba tai ; thương thân trẻ đem minh nghìn dặm. Chứ lão thao-thở mà làm chi chi đây ả, thôi : Chi sá hình-hài một nấm; miễn là trung hiếu nặng gồng. Trương Hùng này, lão cũng biết ngươi, tính mần ri là đầu-sách lắm đây, nhưng mà lão dự chi : Mặc Trương-gia cưu thói gian-hùng; về Kinh-quốc thân bề khúc-trực.

Nam-xướng :

Khúc trực xin cho thân lý,
Gương cửu-trùng chận ngụy thường soi.

Hết buồn bỗng hóa nực cười,
Nợ đời theo lỡ một đời chưa xong.
Chi bách tùng lăm trồng tiết cả,
Dễ sờn khi nắng hạ sương đông.
(*Quân Trương Hồ tiến đến*)

Trương Hồ nói :

Đoái bên đường chỉn thiệt Lý-công; (*thúc ngựa tiến lên trước nói*): nhìn trên ngựa phải là Trương Hồ không ai ?

(*Lý Lương đứng ra bên đường vờ như không biết*).

Lý-Lương nói :

Chớ ai mà lại biết lão mần ri : Mắt nhơ-nhác xem qua chưa tỏ ; ủa quan Tổng-nhung đây mà : mặt rõ-ràng nhìn lại mới tường. Lão xin thất-lễ, cha chả là đông, thưa Tổng-nhung chẳng hay việc chi : Đề đại-binh lộ thượng bôn mang ;

Trương Hồ nói :

Ta đố ngươi biết ?

Lý-Lương nói :

Ừ ừ nhằm rồi, có khi đã lại : phụng minh chiếu quan tiền binh-tiễu.

Trương Hồ nói :

Ừ cũng nhằm đó : Vốn thiệt min phụng chiếu ; không sai mỗ binh-man.

Lý-Lương nói :

Ừ ra tổng-nhung cũng phải đi binh-nhung?

Trương Hồ nói :

Không.

Lý-Lương nói :

Vậy chứ quân tương đại-độ nhà-mã, đi mô mà hay ?

Trương Hồ nói :

Ừ hỏi ta đem binh mã đi mô rứa, ừ như ta là : Quyết tới đây tiệt-lộ bắt chàng ; đem về đó đề-đường trị tội. (*Lý Lương nghe nói đứng ngây ra một lúc*).

Lý Lương nói :

Xét mình lão vốn không lầm-lỗi ; nghe lời chàng dường có ngầy-ngà. (*Nghĩ một hồi rồi nói*) : Ừ lão biết rồi, như sinh ra cớ sự này là cũng vì : Trước Trương Bưu gây việc bất-hòa ; rầy Lý-lão đến điều thụ-chế. Vậy mà lão thấy Tổng-nhung đem binh mã hầm-hầm hốt-hối, lão tưởng là chính đông phạt bắc, phá lũy đồ thành nơi mô mà thôi chứ, phải chi lão hay đem binh mã đi bắt lão mần ri, lão đã trở về rồi. lão trở về dặng cho thế thượng người ta biết cái tài ông tướng mần rứa đó, mà bắt dặng cái lão già mần ri. Thưa Tổng-nhung, nào phải bắt lão mần chi, không bắt lão cũng đi mà, lão ưng đi lắm, lão : Giận lưỡi sóng nhiều lần khi-tế ; nên lão mới lật-đật lão đi mần ri lão cũng tính : Nhờ bóng gương chín lớp biện-

minh. Há nghiên suy còn lại độn hình; dù hung cát cũng đà cam phận.

Nam xướng :

Hung cát cũng đà cam phận,
Tưởng sự mình hết giận rồi vui.

Tán : Hèn chi cổ-nhân có câu rằng :

Hoạn hải ba đào thậm,
宦海波濤甚
Nhân tình băng thán ; lai.
人情冰炭哉
Tùng tri bảo danh thoái.
縱知保名退
Vị tất miễn thân tai.
未必免身災

Lại nam-xướng :

Phủi tay vừa sạch trần-ai,
Ngoài tai xào-xạc đã lời thị phi.
Mảng noi dấu thỏ bôn-trì,
Phút đâu lấy thỏ kinh-sư gần miền.

Trương Hồ nói :

Chư-tướng ơi : Chư tướng khả thừa truyền; tư-nha mau kính nhập.(*Nói rồi giơ tay vẫy một cái, Chư-tướng hiếp dẫn Lý Lương tới phủ Trương Hùng. Trương Hùng ra thấy Trương Hồ, mừng lắm*).

Trương Hùng nói :

Ủa em đã về đây mà, mời em ngồi, chứ việc em đi ra sao ?

Trương Hồ nói :

Thưa anh, Từ ngu-đệ vâng lời truy-tập ; may đến nửa đường em : gặp Lý Lương trải bước bôn-hành. Đã quyết lòng phó-khuyết đầu-minh ; bèn hiếp gã đề nha hậu-cứu.

Trương Hùng nói :

Gia-thần mau chước tửu ; hiền-đệ chút tẩy-trần. Hạ-lệnh giữ quân-nhân ; cấp dẫn lai Lý-lão. (*Lý Lương ngông-nghênh vào không vái chào*).

Trương Hùng nói :

Ủa anh Gián-nghị ! Cả tiếng chào người cố-hữu ; lâu ngày quên chữ tương-tri. Từ Liễu - đình khứ bậu thường tì; rày Lý hữu biệt lai vô rạng ?

Lý Lương nghiêm sắc nói :

Lọ phải kiếm lời khích bảng ; vốn đà tỏ nỗi thị-phi. Vì tưởng câu vương-mệnh bất-vi ; chớ lấy việc tư tình để khởi !

Trương Hùng nói :

Ừ ngươi nói rằng, nay ngươi phụng vương-mệnh, nên mới đến đây rửa ; ừ biết đó mà, ta hỏi ; Đã biết điều tuân-chỉ ; sao đem thói lộng-hành ?

Lý-Lương nói :

Nào lão có điều chi vu-vỡng quân-thượng, bài biểm trung-lương, mà Chủng-tể quở ép rằng lộng-hành, cho nặng lão mắn rửa nào ?

Trương-Hùng nói :

Đã lại xoi-xỉa hoài, như ngươi lộng-hành là có chứng mà : Đánh Trương Bưu tích nọ phân-minh, nơi tê mà kêu rằng không; ấy nhưng mà cũng không thêm chấp mắn chi, những cái chuyện quái nữa, hãy thử nói việc triều-đình sở cấp đây mà nghe chứ : hiến Kiều-phượng lòng kia lạc-nguyện chăng hử ?

Lý Lương nói :

Thưa quan Chủng-tể, lão ngỡ là việc chi tệ chứ, như việc ấy là : Việc trẻ khó bề tư-luận ; sự nhà chờ lượng chi-tôn. Nhưng mà lão cũng đã tính rồi : Mai vào triều ắt phải trần-ngôn ; rồi thượng biểu ngõ chờ minh-đoán.

Trương Hùng nói :

Ừ Gián-nghị muốn đạt khi nào lại ci ẳng dặng nào, phải kiếm khất với ai làm chi hử ? A-ha ra mắn rửa là : Bỉ thành vi ngốc-hán ; ngã bất thị đại-thần. Chứ ngươi lại không biết e triều-chính bất luận cự tế, nhất thiết quyết vu Chủng-tể hay mắn rằng ? Rất cỏi là : Việc quân-cơ tiên tất bẩm thân; chuyện phụ-nữ việt-hành tấu-thỉnh. A Lý Gián-nghị này, ngươi có muốn đạt ở mô nữa là cũng không khỏi ở ta mà : Trước mỗ đà phụng-lệnh ; rày mình lại thừa-hành. Tiếc con nhà tình chẳng

thuận tình ; giữ phép nước mặt không kiêng mặt. (*Lý Lương biết là sự thế chẳng hay, ngơ-ngác hồi lâu*).

Lý Lương nói :

Túng bước lão tới lui rất ngặt ; dò bụng người sâu cạn cũng hay. Thưa Chủng-tể, vậy mà lão tưởng là việc tại quốc-quân mà thôi, ai ngờ chủng-tể cũng còn tính-tưởng tới cha con lão đó chứ, lão cũng khen cho: Túc-tàng khen mưu đã rất dầy; nhưng mà cha con lão, lão có tiếc chi a chủng-tể, lão tiếc cho thạc-phụ chi tài an trong phục ngoại, mà lạ : Xử-trí tiếc lượng còn quá hẹp.

Trương Hùng nói :

Cha chả chứ ngươi lại rộng chừng mô lắm bấy ?

Lý Lương nói :

Thưa Chủng-tể, xưa nay việc chinh-chiến chẳng là binh đáo tướng đương, thủy lai thổ yểm mà thôi, ai đi ; Thấy giặc bé bỏ tay một pháp ; làm quan to ra mặt bất tài.

Trương Hùng nói :

Chứ tài-cán ngươi lại chừng mô mà nói lý lắm mần rứa.

Lý Lương nói :

Lão cũng không có tài đề-đạo khóa-mã, nhưng mà lão nghe thiện ư điệu bát giả tại trí bất tại dũng, vậy chứ Hán Trương Lương vận trù duy ác chi trung, quyết thắng thiên-lý chi ngoại là mần răng có phải a : Thiện vi mưu điều-khiển phải người ; ấy là việc đánh giặc, ai có đánh giặc mần răng : tư hạ-sách phản cầu cho đặng gái, há chẳng hèn cái danh Chủng-tể lắm chứ... .

Trương Hùng nói :

Chà chà cái lão hay nói lý lắm hay, Giám-nghị phân như ngươi mần rứa : Vậy chẳng ngôn từ thượng khái ; chứ như ta : nghĩ rằng sự-thế bất-đồng. Ừ ngươi đã dẫn tích, ta cũng dẫn tích cho ngươi nghe : Trương Lương đời Hán xưa đâng trước có Hàn Tín quyết-chiến, đàng sau có Tiêu Hà vận lương, lại còn những Phàn Khoái, Quán Anh đều là tay địch nổi muôn người, tướng tá người ta đông làm vậy, mà chẳng vận trù quyết thắng mần ri, chứ như Sở-triều bây giờ có ai ở mô. Mạnh chi một ta nội tu quốc-chính ngoại tương quân-vụ, dẫu có tài điều-binh khiển-tướng, nhưng không người ngự-vũ chiết-xung, mà khiến ở ta tài mần răng đặng. Bởi rứa mà ta cũng đã lo lắm ; Kiệt ngô tài không chước bình nhung ; nên bất-đắc-dĩ mà dụng quyền là cũng : học tiền-đại tiện phương thoái tặc.

Lý Lương nói :

Chẳng hay đời mô dĩ nữ thoái tặc, mà Chủng-tể bắt chước rứa ?

Trương Hùng nói :

Ngươi hay nói sách, chứ ngươi lại không nhớ đời Hán Thành-đế bao lâu bị khốn với Hung-nô, thậm-chí phải cho vàng cắt đất cũng chưa vừa lòng, cuối cùng phải đem Chiêu-quân sang cống, mới nghỉ binh-qua, có phải a, là cũng : Nhờ một gái làm mồi hiếu-sắc ; cứu muôn dân khỏi đám quyên-khu. Huống chi bây giờ dũng trí vô nhân rồi, lại cho ở ta : Trong trướng dù hết sức vận-trù ; ra trận cũng không tay dấu-lực.

Lý Lương nói :

Giá thoại thành vi quá-sức ; tư ngôn vị tất chi công 亟話誠爲過飾。斯言未必至公。 Trong thế nhận việc lắm, nên Chủng-tể quên đi đó chứ, lão nghĩ lại : Tôi Sở-triều bấy nhiều kẻ anh-hùng ; mà nói ở mô cho xa làm chi, ấy đó quan Chủng-tể đó, quan Tổng-nhung đó, lại còn đôi ai nữa, thôi thôi : dòng Trương-thị hiếm mấy người dũng trí. Hay là Chủng-tể có ý gì đây chăng chứ ? Ừ phải rồi, hay là : Có lộc-vị tính điều thi-vị ; bảo gia thân quên chữ trí-thân. Cũng ý mình triều nội đại-thần ; không hổ mặt khuê trung thiếu-nữ.

Trương Hồ ở bên thấy nói bất-tốn, cả giận nói :

Nan nhẫn sỉ nhẫn sỉ ; cảm gia khi gia khi. Một thước gươm đã đến phân thi ; ba tấc lưỡi chớ quên múa mỏ. (*Nói rồi tuốt gươm muốn chém Lý Lương. Trương Hùng vội giật lấy gươm can thôi*).

Trương Hùng nói :

Khoan đã khoan đã ! Vô cấp nộ, cấp nộ, vật vọng hành, vọng hành. Ô hay chứ, anh đây há chẳng biết hay sao, như : Luận Lý-công đã đến gia hình ; nhưng mà sớm muộn cũng có đó vội chi, anh không uốn cái lưỡi anh mà thôi. chứ anh đã uốn cong cái lưỡi anh, lại có trạnh đi đàng mô, nói thiệt anh : đạt quốc-trưởng ắt là lâm hại. Quân ơi ; Khá dẫn chàng giam lại ; xin đặng mỗ đạt qua. (*chợt nghe có tiếng sưu không ..*) Em chứ đã tối rồi : Rày tua về chốn tư nha, mai sẽ vào nơi công-sở (*Hạ*).

Lý Kiều-Phượng nói :

Dòng Lý-thị hưu-quan xử nữ ; quận Mai-thôn Kiều-Phượng hủy danh. Như tốt là : Phận khuê trung giữ vẹn nết lành ; niềm tất-bạ lo tròn đạo thảo. Từ thân-phụ vâng lời ngọc chiếu ; cùng Trương Bưu về chốn thần-kinh. Giã nhà từ nhẹ gót bôn-hành ; nương cửa luống đem lòng ưu-ái. Trước Chủng-tể mưu đồ tốc-hại ; rày Trương-gia thế bất can hưu. Đã hết lời gián trở cô lưu ; nhưng thân-phụ cũng : đành một lý bôn-su thính hậu. Ngàn dặm tấc lòng soi dễ thấu, ba thu một bữa ước còn dài. Lúc nắng mưa khôn bẹn chắc giữa vời, cơn sóng gió đã nghe tìm trước mặt. (*Nói rồi khóc nức nở. Ái-Tuyết khuyên giải*)...

Ái-Tuyết nói :

Hưu thân-tức, thân-tức ; thả tư-lương, tư-lương. Thưa cô, có chữ « nhân-tâm nan trắc », đã hay ; Tuy tấc gang đáy biển khôn lường ; huống-chi gia-lão ta cùng Trương-thị chẳng là tố hữu bất-hòa, nay gia-lão ta lại phụng chiếu lai Kinh, cũng vì chẳng khác như đầu thân hổ huyệt, con : e muôn một miệng hùm khó thoát !

Kiều-Phượng nói :

Cô cũng sợ mấu rứa đó, nhưng mà vô kế khả-thi, vì chi nại hà ; chứ con ?

Ái-Tuyết nói :

Thưa cô chứ phải mần-ri mới đặng : Lẽ cát-hung muốn biết ; đường dao-viễn chớ nài. Giả nam-trang tức nhật dẫn lai ; thăm gia-lão, liệu phương cứu xử.

Lý Kiều Phượng nói :

Sảo văn thử ngữ, thậm úy vu hoài. Phen này cô lại kinh mần răng, mần răng cô cũng thượng-biểu trần-tình, may mà cứu đặng phụ-thân nữa ; Hiếu cùng trung đã vẹn chia hai ; sau nữa thừa tiện ta thám-thính Vũ tình-nhân tiêu-tức, như rứa là : Tình mà nghĩa cũng tròn với một. Giã thềm hoa nhẹ gót ; xông nội cỏ dời chân. Con ơi : Khá cùng ta đổi dạng y cân ; mau tới đó thỏa tình phu-phát.

Nam-xướng :

Phu-phát cho đành lòng nọ,
Bận những lời bảo-bồ nào khuây.

Ái-Tuyết nam-xướng :

Trải qua dặm cỏ đường mây,
Sá tôi mưa gió thương thầy tuyết-sương.

Kiều-Phượng nam-xướng :

Xụt-xùi giọt lệ liền tuôn
Dẫu thân mà biến vô thường đã theo.

Ái-Tuyết nam xướng :

Xót-xa ruột đứt trăm chiều,
Thương người đầu bạc vận ngoèo vẫn mang.

Kiều-Phượng nam-xướng :

Sự mình riêng những thở-than.
Non tây sực thấy ác vàng bầu chen.
(*Đi tới kinh-sư*)

Ái-Tuyết nói :

Thưa cô : Vốn đây là Kinh-quốc-thành-biên rồi đây.

Kiều-Phượng nói :

Vậy nữa ; Vào đó bẩm ngô-gia trú xứ. (*Tới gần nha-môn coi không thấy ai cả*) *nói* : Này : Xem thiệt nơi công-thự ; nghe vắng tiếng nhân-cư. Sử ngã-môn đáo thử trù-trừ ; khiếu nha dịch tiền lai vấn tấn.

Ái-Tuyết tính mệnh gọi nha-dịch ra nói:

A các chú bếp ra hỏi thăm đây.

Nha-dịch nói:

Chứ ai kêu chi?

Ái-Tuyết nói:

Khuyên các gã lời tna tường-tận; kẻo hai ta luống dạ ưu-nghi.

Nha-dịch nói:

Chứ hai người ở đâu, mà hỏi thăm việc chi?

Ái-Tuyết nói:

Như anh em chúng tôi đây là: Dặm trải tu Mai-quận khu-trì; rày trông gặp Lý-công tỉnh thị.

Kiều-Phượng nói:

Có biết ông Lý-công ở mô? mách miệng cho ta với.

Nha-dịch nói;

Ừ hai người hỏi thăm ông Lý-công rứa, chao ôi thôi thôi đi chứ!

Ái-Tuyết nói:

Ủ hay có biết ở mô, trỏ cho ta can chi mà ngại,

Nha-dịch nói;

Tưởng là hỏi thăm chuyện chi tê chứ, như chuyện đó chao ôi hung lắm hung lắm; Tưởng việc nên quá nguy, quá nguy; nghe nói bỗng thất-kinh thất-kinh. Số là: Từ Lý-công tới chốn dịch-đình; ý mình tưởng như mọi lần hễ các quan có về Kinh mãn-rằng cũng ở đây, ai ngờ khi rứa ông ấy: Bị Trương-thị giam nơi ngục-thất.

Kiều-Phượng nói;

Chao ôi ra mãn-rứa: Ngô sở liệu quả nhiên bất xuất; mà thân-phụ tôi là cẩn-thận lắm, ấy mãn-rằng: Sự chi phòng nhược thị hữu sơ. Cho đến đỗi mãn-rứa. Chao ôi! Nào chứ tôi mới tính mãn-rằng đây: Rối tắc vuông chẳng khác vò tơ; ôi qui thần có hay chăng: trách cao rộng dường như đạy nắp! (*Nói rồi gieo mình ngã lăn khóc*).

Ái-Tuyết nâng dậy nói;

Hối chi hà-cập, hà cập; sự này: Biến xuất vô-thường, vô-thường. Thưa cô, sự đã xảy rồi, khóc cũng chẳng ích gì đâu: Lửa cháy mày cô ngồi vậy chẳng toan; con e: chớp lòe mất biết chạy đâu cho khỏi!

Kiều-Phượng nói:

Này oan-ức đã không phương đôi chối; rủi ro vì bởi vận khiến xui.

Ái-Tuyết nói;

Thưa thầy thầy phải tính mãn-rằng?

Kiều-Phượng nói:

Con rứa: Từ đi chi-đình dạ lý tiềm-lai; đầu ngục-thất môn-tiền tỉnh thám. (*Nói rồi cùng tới cửa ngục*).

Tề-hiền nói;

Đương triều Thái-giám; biểu tự Tề-Hiền. Như tôi: Quyền trong ngoài giữ việc thừa tuyên; phận hèn sớm lo bề xuất-trạp. Nghĩ lại như tôi tuy cư yêm-hoạn chi chức mà thôi chứ, tôi thấy quốc-thế suy-nhược. quyền-thần đắc-chí mãn-rứa, tôi cũng lo lắm. Thấy chính Sở cán về tề-chấp, dòm họ Trương lòng muốn tá-vương. chứ chẳng không. Mà tôi nhắm đi nhắm lại Sở-triều bây giờ chính-nhân quân-tử bị hắn bài-xích đãi tận rồi. Trước Vũ-gia thất-lạc chốn cương-trường; mà nay Lý-lão lại hãm cầm nơi linh-ngữ là cũng tại va đó. Nghĩ như tôi cùng anh Lý Giám-nghị thân-phi cốt-nhục mà thôi chứ, tôi thấy anh nữa cũng người trung-nghĩa, mà vô cố bị chấp mãn rứa, tôi thương lắm, tôi cũng đã kiệt-lực tá-hựu cho đã lắm, nhưng mà không biết mãn-rằng dặng cho gã: Tưởng bạn ngọc khôn người tình-tự; chênh lòng son chi xiết ai-hoài. Ủa mà bữa nay cũng đã lâu đây mà, phải phải âu là; Chỉ ngục-môn khả cấp dẫu lai. thăm Lý-hữu dường nào động tỉnh a.

Lý Lương than nói:

A: Sầu mạc-mạc lệ quyên-quyên; thuyết đáo ngô sinh tối khả liên; dĩ

mịch điền-viên ngu vãn tuế. do tương cốc chất ngộ tàn niên 愁漠漠淚涓涓，說到吾生最可憐。已覓田園娛晚歲。猶將梏桎誤殘年。

Lại nói :

Kham ta phùng vận đảo điên, khả tiếu thử thân vinh nhục. Nghĩ lại từ lão trí-sĩ đến nay : Vòng cương tỏa lão ước đã thong-thả gót mà thôi nữa ; nào lão có biết nhân-tâm chi hiểm cho đến đổi : đây tiết luy còn lại trói trăng mình ! Như sinh ra cái sự này là cũng tại thằng Trương Hùng hắn hiệp hiểm mưu hại đó mà thôi, chứ lão đây dám : Trách cao xa không lượng thầm minh, hay mần-răng, nhưng bất-hạnh trung chi hạnh, may có anh Tề Thái-giám cũng người trung-hậu lắm, ấy bởi rứa cho nên : Nhờ hôm mai có lòng chiếu-cố. Lão nghĩ lại cổ-thi có câu rằng « nhân-sinh thất-thập cổ lai hi », chứ như lão bây giờ niên mại bát tuần rồi, lại cho có lẽ chi nữa mà lão cũng đành mà : Thân suy hủ dễ tiếc điều lạm thọ, hay mần răng, nhưng mà khốn lão đã phúc bạc vô nam, gốc ngọn có một gái mà thôi, đến nay lại trung đồ tao biến mần ri, thế nào cũng tất chi lưu-li chứ chẳng không, bởi rứa lão thương lắm, phận yêu-kiều còn cảm nỗi sơ sinh. Tưởng lại già tình đã ưng tình ; nhắc tới trẻ dạ khôn nguôi dạ.

(Còn nữa

Bản-chí khái-sự

1. — Báo Nam-Phong số 193 này để gồm hai tháng **Février-Mars**, vì sự in báo ra chậm mà làm thế chứ không thiệt gì đến người mua. Ngài nào mua năm thì cứ mỗi năm tính lấy đủ 12 số báo, chứ không tính tháng.

2. — Bắt đầu từ số 193 này trở đi, bớt phần Hán-văn đi, mà thêm bài quốc-văn Pháp-văn thế vào.

3. — Bắt đầu từ tháng **Avril** 1934 này trở đi, mỗi tháng xuất-bản hai số, mỗi số độ 60 trang.

Giá báo vẫn như cũ Mua cả năm 24 số giá 6$00, nửa năm 12 số giá 3$00, mua lẻ mỗi số 0$25.

VĂN-UYỂN

Lời hai chị em gái quê

Xong cối lúa đêm khuya ngồi hóng,
Hai chị em dưới bóng trăng thanh ;
Bóng trăng khéo vẽ nên tranh,
Song-song hai mặt chút tình riêng tây.
Em nói : « Hỡi chị hay chăng tá,
Ở nhà quê vất-vả quanh năm ;
Má hồng sạm nắng cũng thâm,
Bát mồ-hôi đổi bát cơm, nhọc lòng.
Mặc toàn những nâu sồng xấu-xí,
Ăn có đâu mĩ-vị cao-lương ;
Đôi khuyên là đủ nữ-trang
Quần thường một ống, dép thường ba
Chị chẳng thấy ở nơi kẻ-chợ, [quai.
Gái tân-thời « mốt » nọ « mốt » kia;
Son tô phấn điểm ai bì.
Áo quần phất-phới khác gì Hằng-Nga.
Trên mái tóc nước hoa thơm ngát,
Quanh mình đeo xan-xát những vàng;
Rõ-ràng ra vẻ công-nương,
Ca-lâu hí-viện ngày thường tới lui.
Em nghĩ đến nước đời mà ngán,
Chẳng ra gì cũng bạn hồng nhan ;
Người thì vui thú thanh-nhàn,
Kẻ thì hì hục canh tàn chưa im ».
Chị đáp lại : « Thế em không rõ,
Mặc người ta đừng có khất khao ;
Ở nơi thành-thị xôn-xao,
Bề ngoài thiên-hạ trông vào cũng hay.
Song phải biết thời này thay đổi.
Tiếng « tân-thời » lắm nỗi đáng chê ;
Lấy trong tứ-đức mà suy,
Nữ-công, nữ-hạnh còn gì nữa đâu !
Mặt trắng xóa khác nào vôi trát,
Môi đỏ loe chừng nạt trẻ con ;
Tuy rằng điểm phấn tô son,
Người đeo mặt nạ ai còn muốn trông !
Khăn quấn cổ, tay lồng dây xích,
Giầy gót đầm vẹo lệch khó đi ;
Áo xanh quần trắng mà chi.
Hằng-Nga đâu thế, có thì yêu-tinh.
Nước hoa lắm, mùi mình thêm dức,
Lắm đồ vàng nhưng thực khó coi ;
Cao-lâu rạp hát ăn chơi,
Vườn hồng chỉ tổ làm mồi chim xanh.
Em chớ có tủi mình vất-vả,
Người hay làm, nhân-nhã có phen ;
Nâu sồng, dưa muối đã quen,
Nhà quê ta cứ vui miền nhà quê.
Quần một ống ai chê mặc kệ,
Dép ba quai cứ thế cũng xong ;
Nữ-trang dù có hay không,
Phải là mối để đắt chồng hay sao !
Ta chớ có sớm đào tối mận,
Lo làm ăn hàn-gắn là hơn ;
Tốt gỗ hơn tô nước sơn,
Đẹp người xấu nết ai vờn làm chi ».

Cái nạn kinh-tế chỗ nhà quê

Nhân khi nhàn hạ về chơi nhà,
Dở vui cuộc rượu còn chưa ra ;
Rượu xong vui miệng đang trò chuyện,
Láng diềng dâu đến một ông già.
Khách nghe thấy ta nói chuyện tình :
Nào hiệu cao-lâu tạp chớp ảnh ;
Đêm đêm nô nức người ăn chơi,
Phồn hoa khác hẳn mầu quê-kệch.
Vẩn-vơ một lúc lẳng-lặng ngồi,
Mắt khách nhìn ta, miệng thở dài ;
Rằng : « Nay sinh lý thật là quẩn,
Sao vẫn lắm nơi tiền vứt hoài !
Thế ra ở tỉnh họ thong-thả,
Chẳng có mùi gì là vất-vả ;
Giai-nhân tài-tử mặc sức chơi,
Nào biết nông-nổi chỗ thôn-dã.
Khổ thay cái cảnh người nhà quê,
Tiện đây xin nói để ông nghe ;
Họa may biết được một đôi chút,
Kể ra khổ-trạng trăm nghìn bề.
Cái nghề nhà nông thật khó nhọc,
Quanh năm chỉ trông về hột thóc ;
Xưa kia gánh thóc bốn năm đồng,
Giờ bán một đồng không kể chuốc.
Nhà quê tiêu-pha tiếng cũng nhiều,
Thóc không bán được không tiền tiêu ;

Bao nhiêu công của được nâm thóc,
Lúc cần phải bán, rẻ như bèo.

Vì thóc rẻ quá tiêu không đủ,
Ăn mặc tần-tiện thế mà khổ ;
Gì cũng rẻ rúng, hiếm không tiền,
Ngồi đâu chỉ thấy nói công nợ.

Nhà giàu còn khá nghèo thương thay !
Nợ không trả được ai cho vay ?
Mất nhà mất đất đành phải chịu,
Bó tay ngồi xó hết cách xoay.

Nhà nông đành quẩn, thương cũng thế,
Ít kẻ bán mua, hàng họ ế ;
Người không thước rộng trông nghề
Thôi cũng hết cả đường sinh-kế. [buôn,

Lao-động thương thay kẻ bách-công !
Đồng tiền khó kiếm, ít người dùng ;
Làm không đủ nhà, bán lỗ vốn,
May ra chỉ được miếng cơm không

Trường làng đến nỗi ít trẻ học,
Cũng vì đồng tiền kiếm khó nhọc ;
Quần áo, sách vở sắm-sửa luôn,
Đông tiêu mấy hào mất nồi thóc.

Cái ăn rẻ-rúng thế mà lo,
Gạo tuy không mấy tiền ai cho ?
Sĩ, nông, công, thương, đành khốn cả !
Không tiền rồi đến cùng nâm co.

Lo ăn đã vậy, còn sưu thuế,
Đóng góp quanh năm không xiết kể ;
Đói nên ăn vụng, túng làm càn,
Thiếu đến đồng tiền sinh lắm tệ.

Nhiều nơi trộm cướp nổi xôn-xao,
Lắm quãng ngang đường bóc lột nhau ;
Trẻ thơ vô tội cũng cầm bán,
Than ôi ! cái nạn kinh-tế đau ! »

Khách nói ta nghe rất tường-tất,
Nói đoạn hình như rớm nước mắt ;
Ngồi chơi một lúc khách ra về,
Tiễn khách lòng ta còn phẳng-phất.

Mừng ngày lễ sách-phong Hoàng-hậu

Đời Bảo-đại đầu năm thứ chín,
Chốn Kinh-đô hỉ-tin vang lừng ;
Lễ phong Hoàng-hậu vui mừng,
Mừng chung cả nước dâm đăng mấy lời.
Đức Thánh-thượng thay trời trị nước,
Những là mong theo bước phú cường ;
Văn-minh muốn chóng lên đường,
Vậy nên thánh-giá xuất dương học-
Kể từ lúc thành danh về nước, [hành.
Thỏa lòng dân ao-ước biết bao ;
Một ngày muôn việc lo-âu,
Nền nay Hoàng-hậu ngôi cao mới bàn.
Bậc khuê-các nhân-gian nan tái,
Trời để dành sánh với quân-vương ;
Cũng đã du-học Tây-phương,
Chữ tài chữ sắc hai đường ven hai.
Trên chín bệ duyên hài cầm-sắt,
Dưới muôn dân khắp mặt âu-ca ;
Rồng mây cá nước duyên ưa,
Nghìn năm một hội từ xưa chưa từng.
Dân một nước cả vùng Trung, Bắc,
Vẫn một lòng qui hoắc hướng-dương ;
Chúc mừng Thánh-thọ vô-cương,
Đời đời núi Ngự sông Hương vững bền.

Tặng bốn một ông đồ cổ

Thời thế nhìn chơi cuộc chuyển xoay,
Nghiễm-nhiên cứ chiếm một ông thầy ;
Ngâm câu thơ phú âu đành thạo,
Ngó chữ A B chẳng chịu rày ;
Mở miệng nói ra trò cửa Khổng,
Ù tai nghe những truyện phương Tây ;
Giá ai cũng cứ như ông nhỉ,
Mới mẻ làm chi có lúc này.

Bốn một cô phấn-chi đi tu

(Ở làng Phù-xá tỉnh Phúc-yên, năm nọ có một cô con gái nhà quan đến xin xuất-gia, bỏ đồ trang-sức, ăn mặc nâu sồng. Được mươi hôm, người nhà tìm đến đón về).

Lạc lối Đào-nguyên mới tới đây,
Đem thân bồ liễu gửi am mây ;
Nâu sồng quyết đổi màu son phấn,
Trai-giới nào hay nỗi đắng cay ;
Khuê-các để hờn duyên phận hẩn,
Thiền-môn sao mến nước non này ?
Con người nhan-sắc tu sao đặng ?
Thành nước còn nghiêng, bụt cũng rầy !

Cười ông sư đi ăn cướp bị bắt

(Ngày trong năm, ở chùa Yên-bay có ông sư đêm đi ăn cướp, linh khố-xanh đến vây bắt được).

I

Ngày bạc lân-la chốn cửa chùa,
Tu sao cho vẹn mới là tu ;
Nâu sồng đã bén màu thanh-tĩnh,
Cướp bóc mần chi việc nhỏ to ;
Phật dễ chỉ hay ưa nói dối,
Quan đà bắt được hẳn đi tù ;
Mới hay miệng chỉ nam-vô hão,
Bụng chứa dao gươm biết mấy bồ.

II

Bụng chứa dao gươm biết mấy bồ !
Thế mà lên mặt bậc sư-mô ;
Giết người âu cũng tử-bi nhỉ ?
Lấy của hay là tế-độ cho ?
Trước vẫn tưởng rằng môn Phật-giáo,
Rày xem mới thực lũ hung-đồ ;
Nhà pha ra khỏi đành ăn mặn,
Trai-giới làm chi khéo vẽ trò !

Kén vợ

Lấy vợ không nên kén chỗ giàu,
Giàu là của vợ, của mình đâu ?
Một đời phú-quí nhờ ơn vợ,
Hồ cả râu mày tiếng để sau.

Lấy vợ không nên kén chỗ sang,
Hai bên môn-hộ cốt tương-đang ;
Càng nhà sang lắm càng lên trịch,
Nào mấy người hay nghĩa xấu chàng.

Không nên kén lấy vợ đa-tình,
Tình lắm nhiều khi mất chữ trinh ;
Cầm đã bén dây khôn nỡ dứt,
Một duyên hai nợ lỗ người khinh.

Không nên kén lấy vợ tân-thời,
Tân lắm theo đòi đủ ngón chơi ;
Hai chữ tự do đầu ngọn lưỡi,
Giang sơn gánh vác để bằng ai.

THƠ NGỤ-NGÔN

Hai bà lão đi xe lửa

Chuyến xe lửa mùa đông lắm khách,
Trong toa xe chật ních những người ;
Xe đông nhưng khách lặng ngồi,
Chỉ hai bà lão lắm lời cãi nhau.
Một bà bảo : « Cửa đâu đóng hết,
Kẻo trời này rét chết người ta. »
— Bà kia rằng : « Mở hết ra,
Đông người chết ngạt ai mà chẳng ghê. »
Hai bà cứ hầm-hè nhau mãi,
Lời nọ kia tranh cãi hồi lâu ;
Trong xe ai cũng dức đầu,
Chẳng ai buồn nói một câu đỡ lời.
Sau bỗng có một người diễn thuyết,
« Đóng cửa cho ngạt chết một bà ;
Rồi thì ta lại mở ra,
Bà kia rét chết thế là được im ;
Ta muốn tĩnh phải tìm kế đó,
Kẻo nhao-nhao biết thuở nào thôi. »
Hai bà từ đấy nín hơi,
Xe đi vùn vụt, khách ngồi thảnh-thơi.

Này những lúc ở nơi công-chúng,
Ta không nên cử-động tự-do ;
Ồn ào rức lác nói to,
Những điều bất-tiện phải lo giữ-gìn.

Cái lọ cổ

Có một bác thích chơi lọ cổ,
Hễ đi đâu thấy có là mua ;
Tìm-tòi chẳng quản công-phu,
Tiền trăm cũng chuốc qui hồ được thôi.
Bác một bữa đến chơi nhà nọ,
Thấy bày ra đôi lọ độc long ;
Đồ này thật cổ chẳng không,
Men mờ da đá ai trông cũng rành.
Khách hỏi chủ phân-minh giá bán,
Chủ nói ra chán vạn đồng tiền ;
Rằng : « Đôi lọ giá nửa nghìn,
Bằng không đủ số dám xin chớ nài ».
Của hiếm có nào ai chẳng quí,
Giá năm trăm vừa ý muốn dùng ;
Tiếc thay chiếc lọ độc-long,
Vết đâu ở cạnh con rồng đáng chê.
Cổ đã vết thôi thì mất giá,
Khách sành chơi thôi chả mặn-mà ;
Bấy giờ nói chuyện lẳng ra,
Lọ thì mặc lọ chàng ta chẳng màng.

Thân gái đẹp người đang ao-ước,
Lọ cổ kia có khác đâu nào ;
Tiếng tăm chót đã mắc vào,
Người mà có vết ai cầu làm chi.

Con chó và con dê

Chú Dê nọ một hôm thong-thả,
Vào trong sân bả-lả với Xồm ;
Xồm kia tính vốn lầm mồm,
Thoắt trông thấy đã vội chồm ngay ra.
Rằng : « Bác muốn lân-la chi đấy ?
Đã đến đây, xin hãy tạm nghe ;
Những trông thấy bác mà ghê.
Đôi ta khác giống bạn-bè được chăng ?
Bác phải biết bác thường ăn cỏ,
Như tôi đây ăn rõ cơm ngon ;
Ăn no nằm sạch béo tròn,
Chẳng hơn như bác ngoài vườn lê-la ?
Mùi hôi-hám ngửi mà rức mũi,
Trông bộ râu lầm nỗi tức cười ;
Be-be điếc cả tai người,
Tiếng đâu khó chịu nào ai được lòng. »
Dê nghe nói đùng-đùng nổi giận :
« Đồ khốn kia ! lần-thần hỡi mày !
Nói thì ra dáng lầm thay,
Than ôi ! cái sướng của mày vứt đi !
Ta thử hỏi cái gì ở cỏ ?
Vòng kia là ông chủ ban khen ?
Cơm thừa canh cặn chỉ quen,
Cái xương rơi vãi thấy liền nhặt ngay.
Câu gấu-gấu tiếng mày hay nhỉ !
Cũng hôi tanh, cũng thể loài m ông ;
Đôi ta thô cũng một phường »
Xồm nghe câu ấy tìm đường thoái-lui.
Đời lầm kẻ chân mình mê-mết,
Cứ bởi lông tìm vết mọi người ;
Truyện này thử lấy mà coi,
Mình còn méo miệng chê ai lệch mồm.

Tương-giang-thị NGUYỄN TIẾN

.˙.

Mừng gia-thúc Kiêm-Thiện-ông thất-thập thọ

Trải bao xuống bãi lại lên đồi,
Tuổi hạc ngày nay mới bảy mươi ;
Tranh-cạnh mặc dầu năm cõi đất,
Tiêu-pha sẵn đó một kho trời ;
Dầu không giàu đấy không sang đấy,
Song chẳng phiền ai chẳng lụy ai ;
Ngất-ngưởng đầu non ba chén tuýt,
Bồng-lai âu cũng thế này thôi.

Câu đối

Cán chi danh-lợi, bon chen đồ nước mất bõ-hôi, vui thú sơn-trang, thân-thế được nhàn càng hưởng thọ.

Trải mấy phong-trần, lần-lữa đến da mồi-tóc bạc, dáng bầu tiên-tửu, tuổi trời mừng chú cũng như cha.

Hát ả đào

(Bắc phần)

Giang san vẫn đất nước nhà,
Một ông đầu bạc một tòa non xanh.
Cuộc đời đang buổi lợi-danh
Sao ông núp bóng ẩn hình chi đây ?
Lợi-danh là miếng chua cay,
Giếng đào ông uống ruộng cày ông ăn.

Nói

Thiên-hạ đại-tôn nhất niết sĩ,
Chẳng công-danh phú-quí cũng hơn người ;
Huống trời cho được đến bảy mươi,
Tuổi-tác ấy trong đời âu cũng hiếm.
Riêng một cõi thái bình biệt-chiếm,
Bước tiêu dao khi cụ địa, lúc thầy lang.
Mặc ai giàu, ai có, ai trọng, ai sang,
Nên thọ-khảo sẵn bậc thang ông cử bước.
Nào biết đâu non Bồng nước Nhược,
Chữ thanh-nhàn ai chiếm được ấy là
Nghiêng bầu bái chúc thọ diên. [tiên;

THIỆU-TIÊN

.˙.

Hựu thề

Mưỡu

Nhà hương cao cuốn bức là,
Ngày xuân lại mở tiệc hoa vui vầy.
Một nhà xum-họp trúc-mai.
Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng?

Nói

Gia-đình lạc sự,
Vui gì hơn thú-vị đoàn-viên ;

Tuổi trời cho thọ khảo lại song-tuyền,
Cảnh vui ấy tiệc xuân-diên này phải có.
Thất dật ngô huynh kim thượng thọ,
七 裘 吾 兄 今 上 壽
Lục tuần chư đệ diệc thành ông ;
六 旬 諸 弟 亦 成 翁
Cảnh phương-viên đào lý ngắm mà trông,
Này những lúc chén chú chén anh vui
Vùng Lô Tần đi về lối cũ, [lâm chứ !
Tuổi ông nay còn thọ với non sông ;
Ngày xuân còn lâm rượu nồng.

TUẤN-ĐĂNG

* * *

Mừng xuân

Xuân đi xuân lại lại,
Khách chơi xuân những khắc-khoải vì xuân ;
Sương che tuyết điểm biết bao lần,
Nay lại gặp đông-quân là bạn cũ ;
Ngọn gió giục hoa trời rực-rỡ,
Giọt mưa nhuần cỏ đất thơm tho ;
Xinh-xinh thay con tạo khéo bày trò,
Cảnh-trí ấy đủ no người khoáng-đạt ;
Xách bầu rượu nghe con oanh hát,
Giục lòng người những khao-khát vì xuân ;
Kìa-kìa ngọn đuốc cổ-nhân.

GI. TH.

* * *

Mừng Thiếu-bảo Hoàng tướng-công thăng Võ-hiển

Mượn

Thanh-phiên hoàng các gồm hai,
Triều-ban cực phẩm tuổi trời cũng cao;
Bể đông đang buổi phong-trào,
Quốc-gia trụ-hạch trông vào đấy thôi.

Nói

Quan Hà Đốc nay thăng Võ-hiển,
Chức tể-thần mà tinh-tiết địa-phương ;
Đã bao lâu sư-biểu chốn quan-trường,
Tài ứng-thế kim-cương bách luyện.
Nào quốc-thể, nào bang-giao, nào thời-gian dân-nguyện,
Trong một tay văn-chuyển dễ như chơi;
Trời sinh ra để gánh việc đời,
Dành phong-hội thử xem tài tuấn-kiệt.
Kể gia-thế tướng-môn phiệt-duyệt,
Nếp thanh-danh sự-nghiệp vẫn từ xưa:
Còn nhiều ơn thánh móc mưa.

Mừng Vi-khanh Nguyễn tướng-công

Mượn

Bấy lâu vui thú điền-viên,
Mà ơn vũ-lộ tới miền non xanh ;
Xưa nay những bậc đại-danh,
Tuổi già chưa dễ làm thinh với đời.

Nói

Vọng trọng thân nan thoái,
Tuổi qui-nhân mà ưu-ái vẫn như xưa ;
Này Long-chương, này Hiệp-tá, này Cố-vấn Thượng-thư,
Thân quan-hệ muốn mãn ngơ sao được.
Vị vong thế sự sơn trung tướng,
未 忘 世 事 山 中 相
Huống hữu hồng danh hải ngoại văn ;
況 有 鴻 名 海 外 聞
Giang-hồ lang-miếu tấm thân,
Dù tóc bạc da nhăn lòng vẫn đỏ.
Cũng có lúc Đông-sơn tìm nhã thú,
Mà thương-sinh nào dã phụ chi ai ;
Giang-sơn duyên-ngộ còn dài.

Đánh Tổ-tôm

Mượn

Ngồi buồn nói chuyện tổ-tôm,
Nhân vui miệng nói mà ôm bụng cười.
Chẳng qua một cuộc trò chơi,
Chi-chi nhưng cũng duyên trời chi đây.

Nói

Mới lên bài trông ra trắng toát,
Chỉ trừ ra đôi bát-vạn trơ ;
Quyết phá đi tính nước ăn chờ,
Tử-văn gá bài vừa gặp nước.
Lẻ tam lục hàng văn tính ngược,
Ngũ vân lên sẽ được xuyên ba ;
Loay-hoay bốc phải ông già,

Chờ không đổi thành ra đánh xén.
Xem các điểm bài mình chờ sớm,
Quân ù lên chảo-chớp phỗng tay trên;
Xưởng rằng kinh cụ mà xuyên.

Đề ảnh cô đào Đàm Mộng-Hoàn

Nghi-ngợi chi mà tựa án đây,
Chẳng cười chẳng nói điệu như ngây;
Ngẫm cơ thế-sự vòng xoay mãi,
Vì chữ tình-chung mộng vẫn say;
Thân phận liễu-bồ tờ giấy mỏng,
Nếp nhà băng tuyết kiếp tu đầy;
Này trăng đáy nước hoa trong kính,
Thưởng đến tinh-thần dễ mấy tay.

Mười

Giá đành Quần-ngọc Dao-đài
Bỗng đâu mà lại lạc-loài tới đây;
Phân-minh cúc quanh mai gầy,
Thoát trông thấy bóng đã say lòng người.

Nói

Bóng ai đây nhỉ?
Trông dường như ngẫm nghĩ nỗi xa-
Con chi mà chẳng nói chẳng cười, [*xôi;*
Những quan-mác với sự đời trong giấc
Thân phận liễu-bồ tờ giấy mỏng, [*mộng.*
Nếp nhà băng tuyết kiếp tu đầy;
Trầm-mặc thay mà cũng lẳng-lơ thay,
Khách thanh-nhã muốn đừng say sao được;
Này hoa nở trong gương trăng in đáy nước,
Thưởng tinh-thần dễ được mấy ai;
Đề hồng phẩm lục mà chơi.

Tặng cô đào Ngân

Mười

Chẳng vàng nhưng cũng chẳng thau,
Tiếng ai trong trẻo ra màu thanh-tân;
Cảm người vì một tiếng ngân,
Say người vì bóng thanh-xuân đang tròn.

Nói

Ước gì ta trẻ lại,
Cứ mười-lăm mười-tám mãi mà chơi;
Ánh trăng hoa chi kể tuổi trời,
Gặp tri-kỷ vẫn vui cười như độ trẻ.
Từng-trải phong sương mình vẫn khỏe,
Còn nhiều duyên phận đấy đang tươi:
Đời thiếu-niên ta cũng trẻ với đời,
Vòng ân-ái ai ai chừng cũng rứa.
Thử tính rộng độ ba-mươi năm nữa,
Ngót năm-mươi ngoài bảy chục lứa đôi ta;
Đấy hoa-đàm mà đây hạt-sương pha,
Hỏi mái tóc bạn già sơ-sần cả.
Trong khoảng ấy tháng ngày thong-thả,
Ngẫm cơ-duyên ai đã vội già đâu;
Gặp đây ta hãy yêu nhau.
Năm-mươi chưa hẳn ai già,
Mười-lăm chưa hẳn ai là thơ-ngây.
Thử đem đôi tuổi đổi thay,
Ngược lên lộn xuống tuổi này hợp nhau.

Nông-sơn NGUYỄN CAN-NÔNG

Tặng thầy Nguyễn Thành-Giáo

Xuân khắp đất Hiền Kỳ, đào quế hóa hồng hoa quả đẹp;
Văn đầy trời Pháp Việt, phủ thơ kinh sử bút nghiên xinh.

Đưa thầy Nguyễn Văn-Kiêm

Sâm-sửa bác về tết-nhất chơi,
Tình trong bè-bạn một đôi lời:
Bường êm, gió đầy lằng xe chóng,
Cảnh cũ, người nhìn nét mặt tươi;
Mai trúc Gò-công còn gặp gỡ,
Thung-huyên Tân-trụ sẽ vui cười;
Tới nhà, hãy nhớ thay tôi nhé!
Mừng tuổi ông bà đặng thảnh-thơi.

Gửi các bạn văn-chương

Xuân năm Giáp-tuất mới về,
Năm châu đầm-ấm, ba kỳ tốt-tươi;
Bút hoa đem tả lấy lời,
Làm quà chơi tết, tặng người bạn văn.

Tường vân thụy khí,
Cửa kiền-khôn vừa hé thấy màn xanh;
Ên oanh gáo hót ở chung quanh.

Thợ Tạo khéo vẽ tranh vui mắt khách.
Đông-hoàng vũ lộ tân phu trạch,
[illegible]
Nam-quốc văn chương cựu hữu thinh;
[illegible]
Rập trời câu ca-tụng buổi quang-minh.
Tiếng nước chữ nhà mình thêm rực rỡ.
Vườn Tri-Đức cỏ cây chen sắc nở,
Đất Việt-Nam mầu mỡ biết là bao!
Xuân ban phúc-lộc dồi-dào!

NGUYỄN HUỲNH-MAI

. . .

Mừng xuân

Trong đạo âm-dương khéo chuyển-vần,
Mùa đông tan giá, bước sang xuân;
Gió quang mây tạnh trời không ám,
Hoa mùa chim reo đất có tuần;
Mưa tưới vui lòng dân quyến-mẫu,
Sấm vang phỉ chí khách long vân;
Khí hòa tâm cõi hiu-hiu mát,
Tùng cúc vườn tu cũng dượm nhuần.

Muốn đi chơi theo dấu người xưa

Cánh nhạn nhờ cơn gió tốt vời,
Buồm lan vượt bể lúc ra khơi;
Con thuyền ngang dọc xoay vòng đất,
Tay lái cầm buồng lựa mây trời;
Son-sắt hẹn hò người nước cũ,
Giang-hồ nối dõi khách làng chơi;
Hòa-bình vạn quốc câu thiên địa,
Bể lặng sông trong ngắm cuộc đời.

Tự trào

I

Học-thức như mình cũng đỏ-đương,
Bắc nam lúng-túng ngả đôi đường;
Văn-chương ai chuộng ông nghè xác,
Thơ-thần đời cười bác tú xương;
Nuôi miệng có thừa lương tri-sĩ,
Chung lưng không đủ luật thông-thương;
Ước gì bỗ bán châu lang nhỉ,
Tớ sẽ thầy khôn lũ mán mường.

II

Ơn trời cho lớ khỏi văn-chương,
Gặp bước hơn anh lỡ độ đường;
Sắt đá chẻm chè xe một lối,
Tây nam vọc-vạch chữ đôi phương;
Lịch xem nghìn-chín-trăm niên-hiệu,
Truyền góp ba mươi-sáu nõn-nường;
Họ đến nhờ xem cơ bĩ-thái,
Tôi còn đương học tính âm-dương.

III

Trong cõi trăm năm quá nửa đời,
Cảnh già đủng-đỉnh bước lên chơi;
Tuân lời thánh dạy không sai phép,
Được tiếng trời cho có vẻ người;
Ngoài nghĩa chi lan thơ xướng nhất,
Trong tình chân gối chén quỳnh đôi;
Ngẫm mình không nhục là vinh đó,
Gốc quế vườn xuân sắp nảy chồi.

IV

Ơn vua lộc nước buổi hưu-nhàn,
Thơ-thần ngâm-nga đá giọng gàn;
Quán-thánh có đào đưa đoản thể,
Khâm-thiên cậu ấm đón che tàn;
Nghe tin tử-trận lui nhiều khách,
Được tiếng sinh-từ nầy lắm quan;
Làng nước xuân thu kỳ tế-tự,
Theo hàng các cụ chiếu bài-ban.

TR. V. Q.

THỜI-ĐÀM

Tin nước Pháp

VỤ STAVISKY

Công-cuộc điều-tra

Stavisky chết đem theo bao nhiêu điều bí-mật về vụ gian-lậu *Bayonne*, khiến cho cuộc điều-tra phải trải bao nhiêu sự khó-khăn rắc-rối.

Hiện ban ủy-viên điều-tra của nghị-viện đã cử xong, và sở mật-thám đã tìm thấy những cuống ngân-phiếu của Stavisky có đến hơn nghìn cái. Mỗi cuống ngân-phiếu này đều ghi rõ tên họ những người đã lĩnh tiền. Đó là một cái tài-liệu rất tốt cho quan bồi-thẩm biết rõ được những ai là người đã nhận tiền của Stavisky. Quan dự-thẩm Ordonneau đã xem xét những cuống ngân-phiếu ấy. Ngài có đòi ông Depardon đến hỏi về những ngân-phiếu đề tên ông ta, số tiền ở những ngân-phiếu ấy tổng-cộng đến ngót 20 triệu.

Tại ủy-ban điều-tra của nghị-viện đã đem tuyên đọc bản danh-sách 400 người trong số 814 người có tên trong tập ngân-phiếu do Stavisky ký. Trong bản danh-sách này có tên các ông Edmond Boyer nguyên nghị-viên hạt *Maine et Loire* 800.000 quan; Bonnaure nghị-viên *Paris* 400.000 quan; Guibous Ribaud luật-sư, 700.000 quan; Guérin 400.000 quan và một cái ngân-phiếu 1 triệu đề tên hãng bảo-hiểm *La Confiance*; Romagino 7 triệu để phân-phát đi; Tribout chủ nhà đua ngựa nhận tiền hàng tháng, tổng-cộng vài triệu; Desbrosses chủ ngân-hàng thành-phố *Orléans* 4 triệu; Paul Levy 300.000 quan; Albert Dubarry chủ-nhiệm báo *La Volonté* 200.000 quan; Voix từ 25.000 đến 50.000 quan; nhà băng *Amar* 8 triệu; Camille Aymard 50.000 quan; bác-sĩ Vachet người đã cho chứng-chỉ rằng Stavisky bệnh-tình nặng quá không ra tòa được, nhận của bắn 25.000 quan; Paul Léon 25.000 quan; Joseph Kessel nhà báo 70.000 quan; Sartori 10.000 quan, Suzanne Blum luật-sư 10.000 quan; Anquetil 4.000 quan; Hayotte mấy triệu; Depardon thư-ký của Stavisky 20 triệu; Pierre Cural 50.000 quan; Delgado nhiều lắm, nhưng chưa rõ là bao nhiêu; Jean Luchaire 1500 quan; riêng Stavisky cũng tới 40 triệu để phân-phát cho mọi nơi. Lại còn vô-số những người lạ không có tên tuổi danh-vọng gì trong xã-hội.

Vợ Stavisky bị khép vào tội đồng-dảng lừa-dảo đã phải tống-giam. Trước ủy-ban người này đã khai ra nhiều điều quan-trọng. Mà cũng nhờ lời khai ấy ủy-ban lại biết thêm nhiều nhân-vật lớn bấy lâu chẳng ai nghi-hoặc gì mà té ra cũng có dính-dáng đến việc này.

Quan bồi-thẩm Ordonneau đã hỏi cung Romagino là người thân-tín của Stavisky. Ông Demon đã hỏi cung Vigeon biệt-hiệu là Chattercour. Tại nhà người này sở mật-thám tìm ra được 50 chiếc cuống ngân-phiếu. Hai bị cáo-nhân là ông Cohen hỏ-giả viên, và Tissier quản-lý ngân-hàng *Bayonne* đã phải giải đến tòa. Quan bồi-thẩm *Bayonne* lại đòi ông Guerin chủ hãng *Confiance foncière* ra hỏi sao lại đem hết tiền của hãng ấy ra mua trái-phiếu *Bayonne*. Quan dự-thẩm d'Hualt đã truy-tố ông Digoin nguyên kiểm-sát viên nhà ngân-hàng *Bayonne* về tội tùng-dảng lừa-dảo, và ông Fermend Desgrosse, đệ-nhất hỏ-giả-viên nhà ngân-hàng *Bayonne* sau khi hỏi ông về cách tổ-chức của nhà ngân-hàng ấy. Lại theo trát quan

dự-thẩm, sở mật-thám đã bắt hai ông FARAULT và MAIGROUD hỗ-giá-viên và quản-đốc nhà ngân-hàng thành-phố *Orléans*, Võ-sĩ NIEMEN, một người thân-tín của STAVISKY, THIBOUT, chủ một sòng bạc ở phố *Gramont*. Các người này đều bị truy-tố về tội đồng-đảng lừa-đảo và oa-trữ.

Ông cựu nghị-viên BOYER cũng bị khép vào tội oa-trữ vì chính ông đã lĩnh của STAVISKY bằng ngân-phiếu. Ông DURAND nguyên Tổng-trưởng bộ Thương-mại và ông BONNET nguyên Tổng-trưởng bộ Tài-chính bị truy-tố vì vợ STAVISKY khai là hai ông này có ngồi bàn chung và ăn uống với STAVISKY. Ông CHAUTEMPS nguyên Thủ-tướng cũng bị truy-tố vì ông DUBARRY là chủ tờ báo *la Volonté* đã bị giam có khai với ban ủy-viên điều-tra rằng ông ta được biết STAVISKY là nhờ có ông CHAUTEMPS giới-thiệu.

Viên Giám-đốc sở cảnh-nông hạt *Seine et Oise* xét ra có can-dự vào việc lừa-đảo này nên đã bị huyền-chức.

Ông PRESSARD biện-lý ở *Paris* cũng bị huyền-chức về tội không sốt-sắng với phận-sự mà làm trở-ngại pháp-luật đối với vụ STAVISKY.

Trạng-sư bảo-chữa cho TISSIER có gửi một bức thơ cho quan Thượng-thư bộ Hình xin cáo ông DALIMIER về việc trong khi ông làm thượng-thư bộ Lao-động có khuyên các hãng bảo-hiểm mua cổ-phần của sở cầm-đồ *Bayonne*.

Theo như tin của báo *Figaro* thì tòa án lại truy-tố bảy ông Hạ-nghị-viên nữa. Tờ báo *Populaire* của đảng xã-hội quả-quyết rằng chính ông TARDIEU đã từng nhận tiền của STAVISKY giúp. Hữu-đảng rất lấy làm khó nghĩ về lời tố-cáo của tờ báo này.

Quan dự-thẩm D'HUALT đã ủy-quyền khám xét nhiều nơi, nhất là khám tủ sắt một nhà băng ở vùng *Marseille* để tìm nhiều giấy má quan-trọng. Sở mật-thám có đến khám xét nhà *Crédit du Nord* là nơi STAVISKY có gửi tiền, nhưng va đội tên là BOUTEL.

Theo ủy-quyền của quan dự-thẩm *Paris*, sở cảnh-sát ở *Genève* đã đến tịch-biên nhà ngân-hàng tỉnh ấy số tiền gửi về công việc giao-thiệp với nhà băng *Bela Hoffmann* ở *Budapest* và giao-thiệp với STAVIKY. Công việc giao-dịch ấy toàn về thứ trái-phiếu Hung-gia-lị cả và trị-giá tới 30 triệu quan tiền Pháp.

Tòa án *Bayonne* từ nay không phải xét việc lừa-đảo này nữa mà đã giao cả về tòa-án hạt *Seine*.

Stavisky có tự-sát thật không ?

Trong tờ biên-bản về cái chết của STAVISKY nói rằng STAVISKY tự-sát, nhưng phần lớn các báo không tin mà ngờ rằng STAVISKY bị giết, nên ủy-ban lại khai-quật tử-thi STAVISKY lên mổ khám-nghiệm lần nữa. Chưa biết kết-quả của cuộc khám-nghiệm này thế nào.

Một quan phó Chưởng-lý chực tự-sát

Ngày 5 mars, quan Giám-quốc đã chuẩn theo lời quan Tổng-trưởng bộ Tư-pháp ký sắc-lệnh cách chức quan phó Chưởng-lý tòa thượng-thẩm *Paris* là ông HURLAUX, vì ông là người rất thân của STAVISKY, đã từng nhiều lần vận-động che-chở cho hắn

Khi nghe tin bị cách-chức này và nghe tin đã tìm ra những cuống trái phiếu thì ông uống thuốc độc tự-sát, nhưng người ta đã cứu được.

Trong tờ phúc-bẩm của quan chánh-án LESGOUVÉ về việc STAVISKY thì ông HURLAUX là người đứng đầu trong bản danh-sách những người can-thiệp đến việc này.

Một ông luật sư nữa cũng chực tự-sát

Luật-sư RAYMOND HUBERT là người cãi cho ROMAGINO khi ở sở mật-thám ra cũng nhảy qua lan-can cầu *Solferino*

xuống sông *Seine* để tự-sát. Nhưng có mấy người thuyền-chài cứu ngay lên được.

Người ta đoán rằng có lẽ sở mật-thám đã nắm được những giấy má chứng rõ luật-sư HUBERT có dính-dáng đến việc STAVISKY nên luật-sư quá sợ mà liều mình như thế.

Lại thêm ông Blanchard tự-sát

Trên kia đã nói ông BLANCHARD là chánh sở Canh-nông bạt *Seine et Oise* bị huyền-chức và bị quan dự-thẩm đòi hỏi truy-tố về tội lừa-đảo, nên mới đây ông có viết một bức thư về cho vợ báo tin rằng ông định tự-sát để tránh cái nhục này. Quả-nhiên một bọn lính thấy ông nằm trong rừng *Fontainebleau* mà cổ có vết dao rạch. Ông lại uống cả thuốc độc nữa, nên ông đã tử-trần.

Quan tòa Prince bị giết

Cũng vì việc STAVISKY mà ông PRINCE, tham-nghị tòa thượng-thẩm *Paris* bị giết. Người ta thấy thi-thể ông cụt mất đầu và toạc cả mặt ở trên đường xe lửa gần *Dijon*.

Xét ra ông PRINCE không phải là bị nạn xe lửa mà chính là bị ám-sát rồi để lên đường sắt cho xe lửa nghiền sau.

Người ta ngờ rằng có lẽ tại ông PRINCE biết nhiều điều bí-mật, có nhiều giấy má quan-hệ, và ông lại có cái trách-nhiệm thảo một tờ trình về việc STAVISKY để đem trình ủy-ban điều-tra của viện, nên bị đồng-dăng của STAVISKY giết chăng?

Chính-phủ đã treo giải thưởng 10.000 quan cho người nào tìm ra được manh-mối vụ ám-sát này, nhưng vẫn chẳng tìm ra được điều gì mới cả

Người ta đã khai-quật tử-thi ông PRINCE để đưa về *Paris* mổ xét. Cứ như cuộc mổ xét này thì ông PRINCE bị thuốc mê trước rồi mới bị đặt lên đường xe lửa.

Hiện vẫn chưa biết hung-thủ là ai và vẫn chưa biết rõ cái nguyên-nhân vụ ám-sát này. Công-cuộc điều-tra đang tiến-hành, mà cái màn bí-mật ấy vẫn chưa ló lấy được một tia sáng.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Tình-hình chính-phủ trung-ương

Bản dự-án lập hiến. — Viện Hành-chính đã bố-cáo bản dự-án lập-hiến vừa thảo xong, để trưng-cầu thêm ý-kiến của quốc-dân. Bản dự-án này có 10 chương và 160 khoản, đầu tiên nói nước Tàu có 30 tỉnh kể cả Mãn-châu, Nhiệt-hà và Tây-tạng. Theo bản lập-hiến ấy thì dân Tàu được bình-đẳng trước pháp-luật, còn đất cát cùng là những sản-vật dưới đất thì là của chung tất cả quốc-dân. Dân-chúng được học-hành một cách rất dễ-dàng, tiền phí-tổn về việc học sẽ trích 15% ngân-sách toàn-quốc và 30% ngân-sách các tỉnh. Quốc-gia hội nghị sẽ có chủ-quyền bầu và bãi chức các viên chủ-tịch, viên phó-chủ-tịch và các viên viện-trưởng 5 viện. Còn quyền-thế thì phân ra các tỉnh, nhưng quyền-thế của chính-phủ trung-ương vẫn coi hơn. Các tỉnh sẽ do các quan Tổng-trấn cai-trị, các quan này phải chịu mệnh-lệnh của Nam-kinh. Muốn ra ứng-cử chủ-tịch chính-phủ chỉ phải đủ 45 tuổi. Người ta nói rằng Tưởng Giới-Thạch sẽ được bầu lên chức này.

Tôn Khoa và Khổng Tường-Hi đi Nam-kinh để thương-thuyết với Tưởng Giới-Thạch về các vấn đề hiến-pháp và tài-chính.

Tôn Khoa có tuyên-bố rằng đã cùng Tưởng Giới-Thạch và Khổng Tường-Hi thương-thuyết về các vấn-đề hiến-pháp, các vấn-đề tài-chính nhất là về Hội-nghị Kinh-tế và vấn-đề rút số vay của Mĩ từ 50 triệu xuống 20 triệu. Tôn Khoa lại nói Hồ Hán-Dân nếu trở về Nam-kinh thì sẽ được rất hoan-nghênh, nhưng điều đó phải tự Hồ định lấy.

Khổng Tường-Hi tài-chính tổng-trưởng đã vay được của nhà ngân-hàng Tàu số tiền 40 triệu đô-la. Tiền

này là khoản tiền trợ-cấp về giặc quyền-phỉ của phần Ý mà Tổng Tử-Văn điều-định được Ý bỏ lại cho trong khi đi du-lịch Âu-châu vừa rồi.

Các báo Tàu đăng tin ở Nam-kinh nói rằng Trần Tế-Đường và các tướng tỉnh Quảng-đông đã nhận quyền-thế của chính-phủ trung-ương. Mà có lẽ rồi cả các tỉnh Quảng-tây cũng nhận quyền-thế ấy. Có tin Trần Tế-Đường ngỏ ý nên lập một tòa Tổng tham-mưu quân-đội miền Nam-hoa đặt dưới quyền Tướng Giới-Thạch để tiễu-trừ giặc-giã mà đội không quân miền Nam-hoa cũng đặt dưới quyền bộ Hải-quân ở Nam-kinh.

Nam-kinh sẽ trả lại ba chiếc tuần-dương-hạm của thủy-quân Thanh-đảo chạy trốn đến Quảng-châu năm ngoái hồi xảy ra việc nội-biến. Đường xe lửa Quảng-châu — Cửu-long và Quảng-châu—Sa-kwan sẽ đặt dưới quyền bộ thiết-lộ ở Nam-kinh.

Tình-hình miền Hoa-bắc

Bắt đầu từ ngày 10 Février vừa rồi, nước Nhật đã giao trả Sơn-hải-quan. Ngày hôm ấy các đại-biểu Trung-hoa do Đào Thượng-Minh đứng đầu đã làm lễ tiếp-nhận. Quân Quan-đông Nhật đã dời đến Đông-la-thành. Các cửa ải Cổ bắc và Hỉ-phong, nước Nhật cũng thứ-đệ trả lại. Nhưng xét ra cũng chỉ hữu-danh như việc trả lại Sơn-hải-quan thôi, vì rằng quân Nhật chỉ trả lại tỉnh-thành còn vẫn đóng ở phần lớn địa-hạt này.

Quân Nhật lại tập-trận ở phía nam Thiên-tân bằng một cuộc duyệt-binh rất long-trọng trong tô-giới Nhật. Các báo vùng này công-kích kịch-liệt về cái thái-độ điềm-nhiên của các quan-chức Tàu và trách người Nhật đã phạm cái chủ-quyền của Tàu, không chịu tuân theo hiệp ước năm 1901.

Gần đây Trương Học-Lương được cử làm phó Tổng-tư-lệnh các đạo quân tiễu-cộng thì tình-hình miền bắc được yên, vì Trương đã hạ lệnh cho những toán quân cũ còn đóng ở miền bắc kéo về. Quân của Trương kéo đi khỏi như vậy tránh được sự hiềm-khích với quân Nam-kinh đóng tại miền bắc nước Tàu từ ngày Trương bỏ Bắc-bình đi đến giờ.

Tình-thế nước Mãn-châu

Nhật-bản từ khi đem Phổ-Nghi ra lập thành nước Mãn-châu là ý muốn tôn Phổ-Nghi lên ngôi Hoàng-đế Mãn-châu-quốc để mượn lấy cái danh-nghĩa khôi-phục giang-sơn nhà Thanh mà xâm-chiếm lấy đất Mông-cổ và miền Hoa-bắc.

Trước định ngày 15 Mars mới làm lễ đăng-quang, nhưng người Nhật muốn làm cho sớm hơn, nên chỉ sáng sớm ngày 1er Mars, Phổ-Nghi đã lên ngôi ở Tân-kinh, gọi là « Mãn-châu-quốc đệ-nhất-đại Khang-đức hoàng-đế » (tức là Henri *1er Empereur de Man-chou-kuo*, vì hồi lâu Phổ-Nghi vẫn có cái tên là Henri Puc-Yi, nay lấy chữ Henri đó mà xưng hiệu vua là Khang-đức) Theo như những tin thuật trong báo Tàu thì cuộc điển-lễ này rất là long-trọng, tiền phí-tổn xắp đặt có đến bạc triệu. Tại Tân-kinh có xây cái đài bảy tầng cực-kỳ tráng-lệ, Phổ-Nghi lên đó tế-cáo trời đất rồi lên ngôi. Lễ này có dùng máy truyền-thanh bằng vô-tuyến-điện loan-báo khắp trong nước và sang Nhật. Nhật-hoàng có điện mừng Phổ-Nghi.

Chính-phủ Nam-kinh có thông-sức cho các viên đại-biểu ở ngoại-quốc thỉnh-cầu liệt-quốc chớ nên thừa-nhận chính-phủ Mãn-châu là một chính-phủ do Nhật bày đặt ra. Uông-Tinh-Vệ trưởng viện Hành-chính có tuyên-cáo rằng nhiều cường-quốc như Pháp, Anh, Hoa-kỳ, và Nga đều chuẩn

y lời thỉnh-cầu của Trung-hoa xin chớ thừa-nhận Mãn-châu-quốc về dịp Phổ-Nghi lên ngôi Hoàng-đế này.

Chính-phủ Nam-kinh đã phát tờ tuyên-cáo tỏ cái thái-độ đối với việc Phổ-Nghi xưng đế, đại-ý nói Chính-phủ Trung-ương trước sau vẫn coi cái bọn bồ-dìn ấy không có cái tư-cách độc-lập, vậy không thể coi là một đối-tượng thảo-phạt, chỉ coi là một bọn bạn-nghịch đã làm nguy hại cho Dân-quốc, sẽ chiếu luật trừng-trị mà thôi. Chủ-ý của chính-phủ Nam-kinh là chỉ có nhận Nhật-bản là đối-tượng chứ không kể đến bọn Phổ-Nghi và có tuyên-bố rằng những người phò Phổ-Nghi sẽ bị truy-tố coi như quân thù-nghịch của chính-phủ.

Tin Thượng-hải rằng có 15 vạn quân Nghĩa-dũng Đông-bắc hôm vừa rồi có thông điện tuyên-thệ như sau này:

1° Đối với những cơ-quan xâm-chiếm Đông-bắc của Nhật, nhất-quyết phá-hoại, chỉ dẫn dân-chúng cùng nhau kháng Nhật;

2° Đối với bọn Phổ-Nghi Trịnh-Hiếu-Tư hơn 490 người nhất định giết chết;

3° Thực-hành việc liên-hợp các nước bạn để kháng Nhật.

Tin Bắc-bình nói quân Nghĩa-dũng bộ-hạ Đặng Thiết-Mai ở một dải Đông-biên gần đây rất hoạt-động, hai quân Nhật Mãn ứng-phó không xuể. Một dải La-tử-câu thuộc huyện Uông-thanh gần trấn Diên-cát, quân Nghĩa-dũng bỗng đến đánh và đã chiếm được.

Các báo Triều-tiên có đăng rằng quân Nghĩa-dũng ở một giải Đông-biên, hoạt-động lạ thường, thường cùng hai quân Nhật Mãn đánh nhau, trong một tháng Décembre vừa rồi, quân Nghĩa-dũng đánh úp quân Nhật Mãn ở một dải Đông-biên, trước sau 636 lần, số người dự vào chiến-sự có tới 47.103 người, đủ tư-cách làm thủ-lĩnh 159 người. So với tháng Novembre đánh nhau nhiều hơn 114 lần, số người bị hại cũng nhiều.

Nhật và Nga ở Mãn-châu

Nhật và Nga thường xung-đột ở biên-cảnh Mãn-châu. Mới rồi các quan binh Nhật bác lời của chính-phủ Sô-viết không chịu trả những phi-công vì tình-thế bắt buộc mà phải hạ xuống Mãn-châu, bị bắt hôm 13 Mars. Nhật vẫn giữ giam không chịu trả. Về bên Mãn-châu thì ngoại-giao tổng-trưởng cũng có thư phản-kháng Nga về việc máy bay Nga thường bay trên Mãn-châu.

Người ta đương lo về những sự rắc-rối lôi-thôi ấy mà có khi ngòi lửa Nga Nhật chiến-tranh lại bùng lên chăng?

.˙.

Tình-thế Nhật-bản

Nước Nhật gần đây nội-tình ngoại-thế và cái kế-hoạch xâm-lược bành-trướng như thế nào, tưởng nên lục đăng một bài nói về Nhật-bản sau này để chư-tôn duyệt-giả xét xem cái tình-thế Á-châu cho rõ:

Giáo-sư O' Conroy, người Anh, ở Nhật 15 năm, vừa mới xuất-bản một quyển sách tả nội-tình ngoại-thế của Nhật-bản rất là rõ-ràng. (Sách này bị cấm ở Nhật-bản, và như chính-phủ Nhật cũng đã có ý vận-động cho được cấm ở Anh nữa).

Về chương «Nhân-dân với hiến-pháp», tác-giả kể ra nhiều bài báo nói về nỗi khốn-khổ của nông-dân Nhật, mà nói:

«Từ khi những bài báo ấy ra rồi nông-dân lại càng khốn-khổ hơn nữa. Phái quân-nhân cho rằng đã đến lúc cần phải có quần-chúng trong tay mà dự-phòng chiến-tranh. Bọn làm trung-gian mua bán ở các thị-thành được một dịp hiếm có để làm lợi: năm 1930, tính có đến 80 triệu *yens* tiêu về việc bán phá-giá lúa gạo ở Trung-hoa, mà ở trong nước Nhật hàng triệu người đói gần chết và phải trao đổi hàng-hóa với nhau (*troc*-

Nhưng thế nào nông-dân cũng cần phải có tiền, nên việc bán con gái rất là thịnh-hành.

« Ở *Izigo*, giá con gái rất đắt. Hiện nông-dân không cầu-nguyện cho đẻ con trai nữa, mà lại cầu-nguyện cho đẻ con gái để bán. Đứa con gái ấy có khi bán trước đẻ nữa ».

Trong một chương khác, O' Conroy nói về việc giáo-dục ở Nhật và trình-độ tri-thức của người Nhật :

« Ở trường Đại-học, các sinh-viên chỉ chú-trọng về việc tuyên-truyền chính-trị nên trở thành những cái não nguy-hiểm.... Từ 1926 đến 1931 bộ Tham-mưu, đảng quốc-gia và sở cảnh-sát đã tìm thấy những cái vết nguy-hiểm ấy và ra sức cào-xóa đi. Đảng quốc gia muốn nước và đồng-bào mình bị vùi dưới biển hơn là dung-nạp cuộc tuyên-truyền những tư-tưởng kia, nên lạm-dụng quyền lực mà bắt người rồi khép vào tội « tư-tưởng nguy-hiểm ». Họ nhất-định tạo cái não thanh-niên Nhật thành cái não quốc-gia đặc-biệt. Tuy chương-trình họ thi-hành có hơi cầu-thả, mà mục-đích của họ cũng có thể gọi là đạt được rồi. Thật, trong lịch-sử nước Nhật chưa có hồi nào chủ-nghĩa quốc-gia lên cao đến thế ?»

Xét tình-hình chính-trị và quân-bị Nhật, O' Conroy kết-luận : « Thế nào rồi Nhật cũng thực-hành được như bản thuyết-minh thư của Điền-trung ».

Cách một đổi, tác-giả nói về cuộc xâm-lược Mãn-châu và những nỗi khó-khăn của Nhật-bản. Ông nói rõ về cuộc vận-động phản Nhật ở Mãn-châu và Trung-hoa, về nạn tài-chính khủng-hoảng ở Nhật và địa-vị cô-quạnh của nước ấy trên trường quốc-tế.

Đến nội-tình nước Nhật thì O' Conroy nói :

« Chính-trị Nhật hoàn-toàn ở trong tay bộ Tham-mưu (trong tác-giả kể luôn những đảng bảo-thủ), hội-đồng Cơ-mật và hội-đồng Thượng-thư.

« Trong lịch-sử Nhật-bản, không khi nào hai bên văn, võ đồng-ý với nhau. Hiện nay thì bộ Tham-mưu cầm quyền tối-cao. Ấy là một điều nguy-hiểm mà toàn thế-giới phải chú-ý.

« Nguyên-soái Araki là một tay chủ-mưu trong việc xâm-chiếm Mãn-châu. Ông ta có xướng ra một cái tôn-giáo mới gọi là « Tiếng của Hoàng-đế » (*Kodo*). Tôn-chỉ của tôn-giáo ấy có thể tóm-tắt trong một câu như thế này : « Nhật-bản, vì giống của mình là giống cao-thượng hơn hết, nên phải cai-trị cả toàn-cầu và dùng võ-lực mà lên cái địa-vị đó. »

« Araki có toàn-quốc để làm hậu-thuẫn... Trong một thời-gian không lâu, nếu các nước Tây-phương khoanh tay ngồi đó, thì Nhật sẽ chiếm Trung-hoa. Và nếu muốn chiếm toàn Á-châu, nhân-dân họ cũng nghe theo, mà « Tiếng Hoàng-đế » sẽ thành tiếng gọi lính, gọi giặc... Với Mãn-châu, Nhật không phải lo gì việc sắm binh-khí. Nhật dương thèm Xiêm, Thượng-hải, Tinh-châu, Mã-lai, Diến-điện, Ấn-độ, Hương-cảng, Ha-vay (*Hawaï*), Úc-đại-lợi, và sau cùng . . . . toàn Á-châu ».

O' Conroy lại chỉ rõ chương-trình hành-động của bộ Tham-mưu Nhật để chiếm Nam-dương quần-đảo và Úc-đại-lợi.

« Đầu tiên Mãn-châu, thứ đến Úc-đại-lợi, kể cả Tân-tây-lang (*Nouvelle Zélande*), rồi đến Nga... Nhật không bao giờ tuyên-chiến, nhưng vẫn xâm lược không thôi... »

Xem đại-đoạn quyển sách của ông O' Conroy như trên, thì rõ. . . . .

. . . . . .

Các nước Âu Mĩ có quyền-lợi ở Viễn-đông này đã lo phương gì phòng-ngự chưa ?

Nam-sơn

(*trích báo Tiếng-Dân*)

Việc trong nước

Quan Thống-sứ đi khánh-thành cầu Lâm-hà. — Ngày mồng 1 tháng hai 1934, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã từ Hà-nội xuống chủ lễ khánh-thành cầu Lâm-hà, thuộc tỉnh Kiến-an, là cái cầu bắc qua sông Lạch-tray, dài 192 thước. Ở Hải-phòng sang Kiến-an có cầu này thì không phải đi đò qua sông nữa.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý miền Thái-bình. — Ngày mồng 3 quan Thống-sứ Bắc-kỳ xuống tỉnh Thái-bình để xem việc khơi cống Nhâm-lang gần sông Tiên-hưng, và các cống ở Bến-hiệp gần sông Đan-hội.

Sửa lại luật Hình xứ Trung-kỳ về tội tuyên-truyền phạm đến chính-quyền. — Mới rồi chỉ-dụ của đức Bảo-đại sửa đổi điều-lệ 133 trong luật Hình nói về sự trừng-phạt những cuộc tuyên-truyền có phạm đến chính-quyền, đại-lược như sau này :

Điều-lệ 133 trong luật Hình do các Chỉ-dụ của Triều-đình ra ngày 3 tháng 7 năm 1933 thì từ nay bỏ đi mà lấy điều dưới đây thay vào.

Điều-lệ 133. — Người nào đem vào trong xứ, hoặc ấn-hành, hoặc chứa-trữ, hoặc trưng bày hay đem rải trong địa-phận xứ Trung-kỳ, những sách-vở báo-chí, cùng các giấy má truyền-đơn gì, những đĩa hát-nói, bất-luận bằng tiếng gì, những hình vẽ, những đồ chạm, những đồ hội-họa, những hình-ảnh, phim chớp bóng, những đồ chiếu sáng được mà đem truyền-bá hay ấn-hành trong địa-phận hay ngoài biên-giới Trung-kỳ mà bị nhà cầm quyền cấm, thì sẽ bị phạt tù từ 2 tháng đến 10 tháng, hay là bị phạt bạc từ 20 đồng đến một trăm đồng.

Những kẻ đồng-khỏa cũng bị phạt nhưng nhẹ hơn chính-phạm.

Những khí-cụ về cuộc tuyên-truyền đó sẽ bị thu.

Khi nào những khí-cụ đó lại thuộc về những điều-lệ 104, 125, 126, 128 và 130 trong luật Hình, thì quan Thượng bộ Lại có thể ra nghị-định cấm được.

Tù ở Trung-kỳ được ân-xá và ân-giảm về dịp tết. — Theo lời yêu-cầu của viện Dân-biểu Trung-kỳ, bộ Tư-pháp đã thương-đồng với tòa Khâm-sứ và tâu xin Hoàng-thượng đã ân-xá và ân-giảm cho các hạng tù về dịp tết năm nay như sau này :

Tù chính-trị :
Được ân-xá 435 người.
Được ân-giảm 491 người.
Cộng 926 người.
Tù thường-phạm :
Được ân-xá 378 người.
Được ân-giảm 421 người.
Cho chuộc tội 49 người.
Cộng 848 người.
Tổng-cộng 1.774 người.

Đặt tên phố và dựng bia để kỷ-niệm quan Tổng-đốc Nguyễn Bách. — Ngày 22 tháng 2 1934, quan Đốc-lý Hà-nội VIRGITTI cùng các ông hội-viên thành-phố đã làm lễ khánh-thành một con đường mới (ở trước chùa vua Đế-thích) và dựng một tấm bia, đặt tên đường ấy là phố Tổng-đốc Nguyễn Bách.

Ông René Robin được bổ làm Toàn-quyền Đông-dương. — Ngày 26 tháng 2, trong khi Hội-đồng tòa Nội-các Pháp, quan Thuộc-địa Tổng-trưởng PIERRE LAVAL đã đệ-trình quan Giám-quốc LEBRUN đạo Sắc-lệnh bổ ông RENÉ ROBIN làm Toàn-quyền Đông-dương điền-khuyết ông PIERRE PASQUIER đã tạ-thế.

Ông ROBIN sinh ngày 6 tháng 8 năm 1872 tại xứ *La Trémouille (Vienne)*, đỗ Luật-khoa Tiến-sĩ tại trường Đại-học *Paris*, bổ vào ngạch cai-trị Đông-dương

ngày 10 tháng 3 năm 1900. Thoạt-tiên ngài làm việc ở Cao-miên rồi đến Bắc-kỳ làm Chánh tòa Nam-chính phủ Thống-sứ Hà-nội.

Sau ngài lĩnh-chức Chánh-Văn-phòng quan Toàn-quyền KLOBUKOWSKI, rồi lĩnh chức Tham-biện tỉnh Tân-an Nam-kỳ.

Năm 1918 ngài lĩnh chức Giám-đốc các việc hành-chính tại phủ Toàn-quyền.

Ngày 1 tháng 3 năm 1921, thăng chức Thống-sứ. Ngài lĩnh chức phó Toàn-quyền Đông-dương từ năm 1921 đến năm 1925, rồi thực-thụ Thống-sứ Bắc-kỳ. Lại kiêm-lĩnh chức quyền Toàn-quyền Đông-dương từ năm 1928 đến năm 1930. Năm 1931 ngài về Pháp. Ngài được thưởng-thụ đệ-tam-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh.

Sau khi Ngài được thực-thụ chức Toàn-quyền, Ngài đã gửi điện-tín sang chào tất cả quan dân ở xứ Đông-dương này một cách rất ân-cần thân-mến.

Lễ thiết-triều thinh-chánh tại điện Cần-chánh Huế. — Sáng ngày 28 tháng 2, tại điện Cần-chánh có thiết-triều thinh-chánh, các Hoàng-thân, các quan Thượng-thư và văn võ đường-quan đều đến dự.

Hội-đồng Chính-phủ. Sáng ngày 28, ban Thường-trực hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL chủ-tọa.

Đặt tên các trường học ở Hà-nội. — Quan Đốc-lý cùng Hội-đồng thành-phố Hà-nội đã quyết-định lấy tên mấy ông có công về học-giới đã quá-cố rồi đem đặt tên cho mấy trường học sau này:

Trường Bờ-sông gọi là trường « Jean Dupuis ».

Trường Yên-phụ gọi là trường « Nordemaun ».

Trường phố Đỗ Hữu-Vị vẫn gọi là trường « Đỗ Hữu-Vị ».

Trường phố Jambert gọi là trường « Russier ».

Trường phố Sinh-từ gọi là trường « Pierre Pasquier ».

Trường Bạch-mai gọi là trường « Trần Văn-Khánh ».

Trường Đường-thành gọi là trường « Bùi Xuân-Phái ».

Đổi tên mấy phố ở Hải-dương. — Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã cho phép đổi mấy tên phố ở Hải-dương như sau này:

Phố Kho-bạc trước, nay đổi làm phố « Paul Doumer ».

Phố Commerce, nay đổi làm phố « Pierre Pasquier ».

Phố Khách, nay đổi làm « Boulevard Gia-long ».

Phố Đông-kiều (nhà máy rượu), nay đổi làm phố « Khải-định ».

Phố Đông-mĩ (nhà máy nút chai) nay đổi làm phố « Nguyễn Hữu-Độ ».

Phố nhà Thương chính, nay đổi làm phố « Hoàng Cao-Khải ».

Đức Bảo đại làm lễ Đại-hôn và tấn-phong Hoàng-hậu. — Ngày 6 *Mars* 1934, đức Bảo-đại phụng mệnh ba Tôn-cung và hợp-nghị cùng Lục-bộ, phủ Tôn-nhân, cùng Hoàng-tộc rồi xuống Dụ định làm lễ Đại hôn và lập Hoàng hậu như sau này:

Dụ số 4 ngày 21 tháng giêng năm Bảo-đại thứ 9

Trẫm theo Ý-chỉ của ba Tôn-cung, Trẫm định lập nội-cung để có người nội-trợ.

Nhưng muốn lập một người cho có học-thức hoàn-toàn, sách-lập liền làm Hoàng-hậu, để chánh-vị trong cung, thời ba Tôn-cung đã chuẩn-doãn rồi.

Đối với văn-minh bây giờ, thì phong-tục đã mở-mang, thế mà còn nạp vào nội cung cho nhiều người, chia giai-cấp cho

nhiều bậc, tất không thích-hợp với trình-độ tiến-hóa ngày nay. Ấy cho nên Trẫm định bỏ lục xưa ấy đi.

Vả chăng Trẫm chọn người làm cỗ-quáng, đã không câu-nệ người Nam với Bắc, thời nay lựa người nội-trợ, chỉ cần lấy hiền-đức, chớ cũng không nệ là người ở xứ nào

Vậy nên Trẫm lựa một người thiếu-nữ quán ở Nam-kỳ, tên là NGUYỄN-HỮU THỊ-LAN *tức là* MARIETTE JEANNE NGUYỄN HỮU-HÀO, *con một nhà có danh-giá trong Lục-tỉnh.*

Nguyên xứ Nam-kỳ trước đây đã có một vị quốc-mẫu đáng tôn-kính, làm tiêu-biểu ở chốn cung-vi, đến bây giờ nhắc đến đức Từ-Dụ là đức Nghi-thiên Chương-Hoàng-hậu, người trong Hoàng-tộc hãy còn ghi nhớ luôn.

Đến Trẫm bây giờ mà nối được lề xưa, để tỏ lòng hoài-niệm với nhân-dân trong Lục-tỉnh thời Trẫm lấy làm vui lòng.

Người mà Trẫm sẽ sách-lập làm Hoàng-hậu đây, đã từng du-học bên qui Pháp-quốc lâu năm cũng như Trẫm vậy, cho nên đã dung-hòa được văn-hóa tốt-đẹp của Tây-Âu và tinh-thần vẻ-vang của Đông-Á, mà trở nên một người nhân-cách hoàn-toàn. Trẫm đã từng biết rồi. Đức-hạnh người ấy đáng làm hiền-phối cho Trẫm, và cũng đáng làm khuôn-mẫu ở ngôi chánh-vị trong cung. Hễ người ấy vào cung, thời Trẫm cho lập liền làm Hoàng-hậu.

Bà Hoàng-hậu là người giúp đức cho vua và việc lập-hậu là việc quan-hệ, vậy Trẫm cho sở-quan sắp đặt sự nghi-thê nào cho xứng-đáng và trọng sự-thể.

Khâm-thử

Dụ tại Cung An-định ngày 21 tháng giêng năm Bảo-đại thứ 9
Ngự-tiền Văn-Phòng cung-lục.

Ordonnance Royale

Du N° 4 du 21e jour du 1er mois de la 9e année de Bao-Dai (6 Mars 1934)

Nous conformant aux Volontés exprimées par leurs Majestés les Reines Mères et Grand'-Mères. Nous avons décidé de Nous marier.

Notre désir approuvé par notre Mère et nos Aïeules est de choisir une personne d'une éducation parfaite et de l'élever immédiatement au rang de Reine

Au contact de la civilisation moderne, les mœurs ont en effet évolué. Un gynécée avec sa hiérarchie compliquée est un anachronisme à cette époque de progrès.

Nous avons donc décidé de rompre avec ces mœurs du passé.

De même que dans le choix de Nos collaborateurs. Nous ne faisons aucune distinction entre le Nord et le Sud, de même dans celui de Notre future compagne. Nous ne sommes guidé que par les convenances et le mérite.

Notre choix s'est ainsi porté sur une jeune fille originaire de Cochinchine, Mademoiselle Mariette Jeanne Nguyễn Hữu-Hào dite Nguyễn-hữu Thị-Lan, appartenant à une famille honorable unanimement estimée dans le Lục-Tỉnh

Le Nam-kỳ était déjà, dans un passé récent, représenté au Palais par une Reine vénérable dont le souvenir reste encore vivant dans la Famille Royale, feue Sa Majesté Từ-Dụ, Mère de Sa Majesté Tự-Đức.

Nous sommes heureux de pouvoir, à Notre tour, renouer une tradition qui nous permet de montrer Notre sympathie aux populations de Luc-Tinh.

La future Reine, élevée comme Nous pendant plusieurs années en France, résume en sa personne les grâces de l'Occident et les charmes de l'Orient. Nous avons eu l'occasion de la connaître et nous croyons qu'elle est digne d'être Notre compagne et Notre égale. Nous sommes certain que, par sa conduite et par son exemple, elle méritera pleinement le beau titre de «Première Femme de l'Empire ».

Nous désirons lui conférer l'investiture aussitôt après son entrée au Palais.

Nous ordonnons donc au Ministères compétents de faire les préparatifs nécessaires pour donner à notre mariage qui représente un acte important de notre vie, toute la signification et la solennité voulues.

Đức Bảo-đại gặp Hoàng-hậu lần thứ nhất

Hồi tháng giêng năm ngoái (năm Bảo-đại thứ 8) đức Bảo-đại nhân dịp ngự-giá Nam-tuần lần thứ hai, Ngài ngự lên *Dalat*, quan Công-sứ *Da'at* có thiết tiệc, nhân mời cả các thân-hào Tây Nam ở *Dalat* đến dự, tình-cờ Hoàng-hậu đi cùng ông cậu là ông Lê-Phát-An ra chơi *Dalat*, nên cũng mời đến dự tiệc, đức Bảo-đại mới bắt đầu quen biết mà duyên trời cũng bởi tự đấy mà nên.

Gia-thế Hoàng-hậu

Trong Nam-kỳ ai cũng biết tiếng ông huyện Sĩ xưa là người giàu nhất xứ ấy. Nguyên ông tên là Lê Phát-Đạt sinh ở Chợ-quán tỉnh Gò-công, là người đã giao thiệp với người Pháp khi mới bước chân đến xứ này trước nhất. Ông có công-trạng to với các nhà đồn-điền lớn ở Nam-kỳ, vả lại có đức cần-kiệm, cho nên dần dần lên một vị cự-phú-ông ở xứ ấy. Ông theo đạo Thiên-chúa mà là đạo giòng. Sinh-hạ ba người con trai là Lê Phát An, Lê Phát-Tân, Lê Phát-Thanh và một người con gái là bà Bảy. Bà Bảy lấy ông Nguyễn-Hữu-Hào sinh ra Hoàng-hậu. Vậy thì Hoàng-hậu là lệnh-ái của ông Nguyễn Hữu-Hào và bà Bảy, mà là cháu ngoại ông huyện Sĩ, lại là cháu gọi ông Lê-phát-An (là một nhà triệu-phú hiện-thời ở Nam-kỳ) bằng cậu.

Hoàng-hậu có đủ tài văn-chương, thể-thao, và âm-nhạc, năm nay 21 tuổi, có nhập-tịch dân Pháp, và là người bên giáo, đã xin phép đức Giáo-hoàng bên La-mã cho được kết-duyên với đức Bảo-đại.

Các nghi-lễ đại-lễ và tấn-phong Hoàng-hậu

Ngày mồng một tháng hai (15 mars 1934)

Đức Bảo-đại ngự khăn vàng áo thụng vàng ngự đến điện Phụng-tiên, có các quan nội-thần đi hầu, để làm lễ kỳ-cáo; rồi tâu với Lưỡng-tôn-cung và Hoàng-thái-hậu về việc làm lễ Đại-hôn.

Ngày 3 tháng 2 (17 mars).

Hoàng-thân Bửu-Liêm cùng Phủ-thiếp và Hoàng-tùng-đệ vào Lang-cô đón Hoàng-hậu rước về Kinh-đô. Khi tới cung Trú-tất ở Kinh-đô, Hoàng-hậu trú ở cung ấy suốt ngày mồng 3, 4 và 5 tháng 2 (17, 18 và 19 mars).

Ngày 6 tháng 2 (20 mars)

9 giờ sáng. — Đón Hoàng-hậu vào Đại-nội. Khi ở cung Trú-tất khởi-hành, Hoàng-hậu đội khăn thiên-thanh, mặc áo thụng thêu đỏ, có các bà Phủ-thiếp, các công-chúa, các bà mệnh-phụ đều thịnh-phục đến đón Hoàng-hậu vào Đại-nội. Có bốn lọng đỏ, mười lá cờ đứng giàn trước cung Trú-tất.

Hoàng-hậu và qui-quyến ngồi trên chiếc ô-tô đi giữa các ô-tô khác.

Quan Đề đốc hộ-thành mặc binh-phục, cưỡi ngựa, có các toán lính đi theo để hộ-vệ đám rước từ cung Trú-tất đến cửa Chương-đức.

Mé trong cửa ấy có quan Đô-thống đứng đón, đưa đám rước vào cung Dưỡng-tâm. Suốt hai bên đường từ cửa Chương-đức đến cung Dưỡng-tâm đều có cắm cờ

10 giờ rưỡi. — Đức Bảo-đại ngự khăn áo vàng ngự ra điện Cần-chánh, có các quan nội-thần đi hầu. Hoàng hậu yết-kiến tại điện Cần-thành. Đoạn đức Bảo-đại ngự vào điện Kiến-trung, rồi Hoàng-hậu lui ra cung Dưỡng-tâm.

11 giờ — Các quan đình-thần các bà mệnh-phụ đều mặc áo gấm đeo huy-chương vào mừng Hoàng-hậu. Các quan thì do quan Lại-bộ Thượng-thư giới-thiệu; các bà mệnh-phụ thì do bà Hiệp Lại giới-thiệu.

4 giờ chiều — Hoàng-hậu vào chầu Lưỡng-tôn-cung và Hoàng thái-hậu.

Ngày 8 tháng 2 (22 mars)

9 giờ sáng — Hoàng-hậu đến bái-yết miếu Phụng-tiên. Rồi vào chầu Lưỡng-tôn-cung và Hoàng-thái-hậu.

Ngày 10 tháng 2 (24 mars)

8 giờ sáng — Các quan Khâm-mệnh làm lễ bái-mệnh tại điện Cần-chánh, lĩnh cờ mao-tiết, có nhạc công rước kim-ấn và kim-thư do cửa Đại-cung-môn tới Thái-bình-lâu.

8 giờ rưỡi — Đám rước tới Thái-bình-lâu, có Hoàng-hậu đã tới đấy, sai các nội-quan ra lĩnh cờ mao-tiết, kim-ấn cùng kim-thư đặt trên bàn phủ vóc vàng để ở giữa điện ấy.

Hoàng-hậu xá ba xá bái-mệnh, các nội-quan dâng kim-ấn và kim-thư, Hoàng-hậu tiếp nhận dâng lên ngang trán xá ba xá để tạ ân.

Hoàng-hậu giữ lấy kim-ấn và kim-thư, còn cờ mao-tiết thì giao cho các quan Khâm-mệnh đem về phục-mệnh tại điện Cần-chánh.

9 giờ — Quan quyền Toàn quyền GRAFFEUIL, quan Khâm-sứ THIBAUDEAU, quan Thống-sứ THOLANCE cùng các quan chức văn-phòng các ngài vào điện Kiến-trung chúc mừng Hoàng-hậu.

3 giờ chiều — Hoàng-hậu mặc mũ áo Hoàng-hậu đến bái-yết tại miếu Phụng-tiên. Đoạn, Hoàng-hậu đến bái-yết Lưỡng-tôn-cung và Hoàng-thái-hậu. Ba Tôn-cung có ban tặng-phẩm và lời huấn-thị.

Đoạn, Hoàng-hậu đến điện Cần-thành, có các quan nội-thần đi theo, làm lễ xá ba xá tạ ân đức Bảo-đại.

Ngày làm lễ tấn-phong Hoàng-hậu này các công-sở của Nam-triều và các trường học đều được nghỉ một ngày. Khắp các công-sở đều treo cờ đốt đèn. Có bày các trò du-hí trước Phu-văn-lâu cho công-chúng xem. Ở Bắc-kỳ quan Thống-sứ cũng hạ-lệnh cho các công-sở và các trường học đều nghỉ một ngày để tỏ ý kính mừng Hoàng-thượng cùng Hoàng-hậu.

Buổi tối, đức Bảo-đại đặt đại-yến tại cung An-định, có quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL, Lưỡng-tôn-cung, Hoàng-thái-hậu, quan nguyên Phụ-chánh Thân-thần TÔN-THẤT HÂN, quan Khâm-sứ Trung-kỳ, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, các quan Đại-thần Nam-triều, các viên chức Tây Nam cả thảy chừng bảy trăm người dự tiệc.

Ngày 12 tháng 2 (26 mars)

Buổi sáng, tại điện Thái-hòa có đặt lễ Đại-triều-hạ để các quan làm lễ mừng đức Bảo-đại về dịp đại-hôn này. Đến dự có quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL, quan Khâm-sứ Trung-kỳ, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Thống-đốc Nam-kỳ cùng đông các quan chức Bảo-hộ. Quan quyền Toàn-quyền thay mặt đức Giám-quốc LEBRUN, quan Tổng-trưởng Thuộc-địa PIERRE LAVAL, quan Toàn-quyền thực-thụ ROBIN cùng tất cả các người Pháp ở Đông-dương tỏ lời chúc mừng đức Bảo-đại. Đức-Bảo-đại đứng dậy nói mấy lời cảm ơn.

Đến các quan trong Triều, các quan đại-biểu quan-lại các tỉnh Trung-kỳ cùng Bắc-kỳ dâng các biểu mừng rồi đều xá ba xá.

Về dịp lễ Đại-hôn của đức Bảo-đại này, đức Giám quốc Đại-Pháp ALBERT LEBRUN, quan Thượng-thư Thuộc-địa PIERRE LAVAL đều có gửi điện-tín sang chúc mừng đức Bảo-đại và Hoàng-hậu.

ÂN-CHIẾU VỀ DỊP LỄ ĐẠI-HÔN VÀ TẤN-PHONG HOÀNG-HẬU ĐÃ THÀNH

Đức Bảo-đại làm lễ Đại-hôn tấn-phong Hoàng-hậu đã thành lễ rồi, Ngài có ban ân-chiếu như sau này:

Chiếu ban ngày 12 tháng 2 năm Bảo-đại thứ 9 (26 Mars 1934)

Vâng mệnh Trời, dấy vận nước, Hoàng-đế xuống Chiếu rằng :

Giữa vũ-trụ xây nên trời đất, có mặt trăng đối chiếu với mặt trời; chốn Cung-vi lập đạo cương-thường, ngôi Hoàng-hậu sánh vai cùng Hoàng-đế. Lễ nên tôn-qui, là lẽ thiên-nhiên.

Trẫm tuân theo Ý-chỉ của ba Tôn-cung, định lập Nội-cung để có người nội-trợ, nhưng muốn lựa một người học-thức hoàn-toàn, hiền-đức có tiếng, sách lập liền làm Hoàng-hậu, để chính-vị trong cung.

Người ấy là NGUYỄN-HỮU THỊ-LAN, quán ở Nam-kỳ, con nhà khuê-tú, có danh-giá ở trong Lục-tỉnh.

Xứ Nam-kỳ là đất khánh-nguyên của các bà Hoàng-hậu tiên-triều, cho nên người của Trẫm chọn đây, là một người đứng-đắn, đã từng du-học bên qui Pháp-quốc lâu năm, kiến-thức rộng-rãi, học-hạnh kiêm-toàn, nên dung-hòa được văn-hóa của Âu và Á, Trẫm biết chắc người này đáng làm hiền-phối cho Trẫm ở ngôi Chánh hậu trong cung.

Trẫm đã thỉnh-mạng ba Tôn-cung du-doãn rồi. Ngày 21 tháng giêng đã xuống dụ cho biết việc Trẫm lập Hậu; ngày mồng 1 tháng này đã kỳ-cáo Liệt-miếu; ngày mồng 6 đưa vào Cung; ngày mồng 10, đã phái Mệnh-quan đệ kim-sách, kim-bửu tấn-phong làm Hoàng-hậu rồi.

Nay đại-lễ đã thành, hồng-ân ban-bố, có các khoản thi-ân và thích-giảm sẽ do các bộ-sở quan thương-thỏa công-bố thi-hành.

Đạo sinh-thành quẻ khôn đối với quẻ càn, chữ «qui qui» cũng thể theo kinh *Dịch*; nên phong-hóa việc nhà suy ra việc nước, thơ «Quan quan» là chép trước kinh *Thi*. Vậy nên bá-cáo mọi người đều hay.

Khâm tai

Chức phó Toàn-quyền Đông-dương và chức Khâm-sứ Trung-kỳ. — Mới có Sắc-lệnh đức Giám-quốc bổ quan CHÂTEL làm phó Toàn-quyền Đông-dương, và bổ quan GRAFFEUIL làm Khâm-sứ Trung-kỳ.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp :
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai). 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.
12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.

Lệ mua báo trả tiền trước

Giá bán

Một năm (12 số) **6$00** *Nửa năm* (6 số) **3$00** *Mỗi số* .... **0$50**

Đổi chỗ ở : 0$20

Lời rao cần-kíp

Các ngài mua Nam-Phong đến số nào là hết hạn, thì mỗi khi gửi báo đã đề rõ ngoài băng.

Khi gửi đến tập báo cuối cùng — đến tập ấy là hết hạn — thì ngoài băng lại có dấu « Hạn báo của ngài số này là hết » và trong tập báo có cái sẵn một tờ « Giấy mua Nam-Phong » để tiện nhắc các ngài mua tiếp hạn khác.

Nếu bản-quán không nhận được mandat hoặc thư về việc mua tiếp hạn mới thì tất là ngài không ưng mua nữa, vậy sẽ thôi gửi.

Mandat hoặc thư, xin gửi về M. Lê Văn-Phúc, 80 Rue du Chanvre, Hanoi.

AI muốn in giấy gì, muốn mua sách gì, hoặc bút, hoặc giấy, địa-đồ, lịch, sổ,.....

Xin viết thơ cho hiệu :

LÊ-VĂN-PHÚC

Imprimerie Tonkinoise

:: *80-82, Phố Hàng Gai* ::

HANOI